VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO
NGUYỄN VĂN KIỆM

SỰ DU NHẬP CỦA ĐẠO THIÊN CHÚA GIÁO VÀO VIỆT NAM

TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN THẾ KỶ XIX

HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM
TRUNG TÂM UNESCO BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN
VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM

https://tieulun.hopto.org

SỰ DU NHẬP CỦA ĐẠO THIÊN CHÚA GIÁO VÀO VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN THẾ KỶ XIX

https://tieulun.hopto.org

X37.5-3-1
S55c D

VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

NGUYỄN VĂN KIỆM

SỰ DU NHẬP CỦA ĐẠO THIÊN CHÚA GIÁO VÀO VIỆT NAM

TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN THẾ KỶ XIX

TRƯỜNG ĐHKHXH & NV
TP.HỒ CHÍ MINH
Số Vv 9445

HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM
TRUNG TÂM UNESCO BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN
VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM

https://tieulun.hopto.org

LỜI GIỚI THIỆU

Phó Giáo sư Nguyễn Văn Kiệm thuộc số ít nhà sử học chuyên tâm nghiên cứu lịch sử đạo Thiên chúa ở Việt Nam.

Đã nhiều năm nay, trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử, các tạp chí lịch sử chuyên đề thường xuất hiện loại bài này của tác giả và không ít bài được bạn đọc chú ý.

Gần đây, trong khuôn khổ hợp tác nghiên cứu với Viện Nghiên cứu Tôn giáo, tác giả đã hoàn thành chuyên luận *Sự du nhập đạo Thiên chúa giáo vào Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*. Thực ra, phải coi đây là *tập đại thành* của tác giả mươi, mười lăm năm nay...

Trong các tôn giáo lớn ở nước ngoài có mặt ở Việt Nam, đạo Thiên chúa có vị trí thực đặc biệt. Đó là một tôn giáo độc thần từ phương Tây do các giáo sĩ ngoại quốc rất nhiều quốc tịch truyền vào nước ta từ nửa cuối thế kỷ XVI, trong đó chủ yếu là các giáo sĩ của Hội truyền giáo nước ngoài của Pháp (gọi tắt là MEP).

Cái phức tạp của vấn đề là ở chỗ, quá trình truyền giáo rất nhanh chóng đã đi liền với làn sóng

https://tieulun.hopto.org

thực dân, nhiều giáo sĩ phương Tây đã thỏa hiệp với chủ nghĩa thực dân, đưa đường chỉ lối cho họ xâm chiếm các nước thuộc địa, gây ra những đụng độ giữa Thiên chúa giáo với Nhà nước, Thiên chúa giáo với dân tộc...

Với nước ta cũng như nhiều nước thuộc các xã hội Á châu, vấn nạn lịch sử ấy khiến cho vấn đề Thiên chúa giáo và Dân tộc vẫn còn là một vấn đề phải giải quyết trên con đường Giáo hội đồng hành với dân tộc.

Việc dựng lại một cách chân xác những trang sử ấy, nhưng lại luôn đặt lịch sử truyền giáo trong khung cảnh lịch sử dân tộc chắc hẳn là chủ đích của tác giả tập sách.

Với sự nỗ lực kiên trì tìm kiếm mọi nguồn tư liệu có thể tiếp cận được trong nước – trong đó *thư tịch Công giáo ở Việt Nam* vốn ngày càng phong phú - được tác giả sưu tầm, phân tích khá thấu đáo. Bạn đọc có thể tham khảo một số tư liệu gốc như thế trong phần *Phụ lục* của sách này, các tư liệu có liên quan đến A.de Rhodes, P.F.Puginier, Nguyễn Ánh – P.de Béhaine... cho đến tư liệu về các dòng tu, các *Thư chung*...

Bạn đọc có thể dễ dàng chia sẻ với chúng tôi cảm giác chung khi đọc tập sách này là thái độ khoa học, khách quan và nghiêm túc của tác giả. Phó Giáo sư Nguyễn Văn Kiệm không hề e ngại thể hiện chính

https://tieulun.hopto.org

kiến của mình trước nhiều sự kiện, nhiều nhân vật quan trọng, kể cả những vấn đề phức tạp như chính sách *Cấm đạo* (Thiên chúa giáo) của các vua Nguyễn từ Minh Mạng đến Tự Đức, vấn đề Văn thân, vấn đề di sản văn hóa Thiên chúa giáo ở nước ta... Điều quan trọng là qua ngòi bút của ông, sự phê phán luôn vươn đến sự thấu tình đạt lý, một thái độ rất cần thiết khi nghiên cứu một đề tài tế nhị và phức tạp như vấn đề truyền giáo ở nước ta đêm trước của sự thiết lập chế độ thuộc địa.

Lẽ dĩ nhiên, do tư liệu còn hạn chế, phần viết về thế kỷ XVII, XVIII còn dường như sơ sài. Một số vấn đề cần đi sâu hơn vào thực tiễn truyền giáo (quan hệ cạnh tranh giữa các giáo đoàn của các nước Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha với Pháp; vấn đề Giáo lý, kinh sách, các dòng tu, sự hình thành và phát triển của các Địa phận cho đến quan hệ của Giáo hội Việt Nam thời kỳ truyền giáo với Vatican...).

Nhưng theo chúng tôi, trong điều kiện hiện nay, một tập sách như thế này của Phó Giáo sư Nguyễn Văn Kiệm là rất cần thiết, nó đáp ứng tốt nhu cầu học tập, nghiên cứu về lịch sử Việt Nam, lịch sử các tôn giáo, lịch sử truyền giáo của một tôn giáo đã có mặt ở nước ta trên 400 năm nay.

Mảng sách lịch sử đạo Thiên chúa giáo ở Việt Nam thực ra không ít. Nhưng chủ yếu là thuộc các sử gia Thiên chúa giáo. Trong nghiên cứu, chắc hẳn cần

https://tieulun.hopto.org

có nhiều tiếng nói, từ nhiều phía.

Một người ngoại đạo hẳn cũng có thể nghiên cứu lịch sử một tôn giáo mà họ thích thú, lựa chọn làm đối tượng nghiên cứu.

Với tinh thần ấy, chúng tôi vui mừng giới thiệu tập sách với bạn đọc xa gần và cảm ơn tác giả cũng nhà xuất bản dành cho chúng tôi cái vinh hạnh được đọc trước sách này!

Hà Nội, tháng 8 năm 2001

P.GS. TS. ĐỖ QUANG HƯNG
VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO

https://tieulun.hopto.org

LỜI NÓI ĐẦU

"Sự du nhập của đạo Thiên chúa vào Việt Nam", là đề tài đã được nhiều nhà nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước đề cập tới trong nhiều cuốn sách có giá trị.

Là người quan tâm theo dõi vấn đề này trong nhiều năm, chúng tôi muốn qua cuốn sách này, đóng góp phần mình vào việc nghiên cứu đề tài nói trên.

Rất tiếc trong quá trình biên soạn cuốn sách, chúng tôi không có cơ hội tiếp xúc với các nguồn tài liệu gốc rất phong phú ở nước ngoài. Điều đó đã ảnh hưởng rất nhiều tới tầm vóc của cuốn sách.

Tuy nhiên, bằng cách khai thác triệt để nội dung các sách và tài liệu hiện đang có trong các thư viện lớn ở Hà Nội, chúng tôi cũng đã thu thập được một khối lượng tư liệu tương đối đủ để hoàn thành cuốn sách này.

Đề tài: **"Sự du nhập của đạo Thiên chúa giáo vào Việt Nam"**, chứa đựng những nội dung khá nhạy cảm, đòi hỏi người nghiên cứu phải thường trực có sự vững vàng về quan điểm, có thái độ khách quan, vô tư, khoa học, để những kiến giải của mình có sức thuyết phục đối với người đọc. Đây là một yêu cầu rất khó mà chúng tôi đã hết sức cố gắng thực

https://tieulun.hopto.org

hiện, song bản thân cũng còn cảm thấy chưa thực thỏa mãn.

Chúng tôi chọn phương pháp trình bày cuốn sách theo vấn đề, một phương pháp mà theo sự đánh giá của chúng tôi, có thể giúp người viết đi thẳng vào những nội dung cơ bản của đề tài và buộc phải trình bày rõ quan điểm cá nhân của mình đối với từng vấn đề đã nêu lên.

Những thiếu sót về mặt nội dung cũng như hình thức của cuốn sách là khó tránh khỏi, rất mong được các độc giả nhiệt tình chỉ bảo.

Cũng xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành đối với các ông Đỗ Quang Hưng - P.Giáo sư, Tiến sĩ, Viện trưởng Viện nghiên cứu Tôn giáo và ông Dương Trung Quốc - Tổng Thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, đã có những ý kiến đóng góp quan trọng và tạo điều kiện cho cuốn sách sớm được ra mắt bạn đọc.

Hà Nội, mùa Thu năm 2000.

NGUYỄN VĂN KIỆM

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG I

SỰ TRUYỀN BÁ ĐẠO THIÊN CHÚA RA VÙNG ĐẤT NGOẠI TỪ PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ ĐẾN HẾT THẾ KỶ XIX

1. PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ TẠO ĐIỀU KIỆN CHO VIỆC TRUYỀN BÁ ĐẠO THIÊN CHÚA RA VÙNG ĐẤT NGOẠI

Ở Tây Âu, từ giữa thế kỷ XV, trong lòng nền kinh tế phong kiến đang suy yếu, đã thấy manh nha nền kinh tế tư bản chủ nghĩa mà đại diện là các thương nhân giàu có và ngày càng có thế lực.

Nền kinh tế tư bản manh nha ấy đang đòi hỏi một sự "Tích lũy nguyên thủy tư bản" để định hình. Sự tước đoạt tư liệu sản xuất của nông dân tại chỗ cũng như lợi nhuận thương mãi trong vùng chỉ đáp ứng một cách chậm chễ nhu cầu trên. Thương nhân Phương Tây muốn vươn tới những vùng đất mới giàu tài nguyên, hàng hóa quí hiếm, có thể đưa lại lợi nhuận cao và nhanh, nhằm xúc tiến sự định hình của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và nâng cao địa vị chính trị của giai cấp tư sản. Nhiều tài liệu lịch sử và địa lý của các nhà thám hiểm ở các thế kỷ trước đã khẳng định có những miền đất mới như thế.

Cũng đúng vào thời điểm này, ở các nước sớm phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu, đặc biệt là Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, Công nghệ đóng tầu và kỹ

https://tieulun.hopto.org

thuật hàng hải đã có những bước tiến bộ lớn. Thay vì những galère hoặc nef, những tầu chỉ có một cột buồm, tốc độ chậm, trọng tải thấp, không chịu nổi sóng to gió lớn, là các tầu Caravelle, thành cao, có năm cánh buồm chia cho 3 cột, có thể đạt tốc độ 10 km/giờ, có khả năng chịu đựng tốt gió to, sóng cả. Nhiều loại máy móc, đồng hồ được sáng chế cho phép tính tương đối chính xác kinh tuyến, vĩ tuyến, tọa độ, hướng đi của các tàu, v.v...

Những điều kiện ấy đã cho phép các nhà thám hiểm tổ chức những chuyến đi xa nhằm đáp ứng nhu cầu đã nói ở trên của nền kinh tế mới.

Đó là các cuộc thám hiểm được Bồ Đào Nha tổ chức như cuộc thám hiểm của Vasco de Gama năm 1497[1] và 1502 của Alvares Cabral[2] năm 1500,v.v... Song song với các cuộc thám hiểm trên là các cuộc thám hiểm do Tây Ban Nha tổ chức; đó là các cuộc thám hiểm của Christophe Colomb vào các năm 1492, 1493, 1498, 1502; những công bố của Florentin Amerigo Vespucci[3] năm 1504 và 1505 khẳng định sự tồn tại của một lục địa mới,

---

1. Vasco de Gama, nhà hàng hải Bồ Đào Nha đã khám phá ra đường đi sang Ấn Độ bằng cách đi qua mũi Hảo Vọng (cực Nam châu Phi), chiếm Mozambique làm thuộc địa cho Bồ Đào Nha, được phong làm Phó Vương (Toàn quyền) ở Đông Ấn.

2. Alvares Cabral, nhà hàng hải Bồ Đào Nha (1467 – 1520) tìm ra Brasilia năm 1500.

3. Còn được gọi là Américic Vespuce (1451 – 1519) nhà hàng hải Ý, 4 lần đi thăm Tân lục địa do C.Colomb phát hiện. Vì vậy các nhà Bản đồ học đã lấy tên ông đặt cho Châu Mỹ: Amerique, América.

https://tieulun.hopto.org

được một nhà địa lý học tên là Martin Waldseemüller đặt tên là America trong phần mở đầu cuốn Cosmographie của mình năm 1507. Điều này đã được khẳng định sau cuộc thám hiểm của Balboa vào năm 1513. Bên cạnh đó còn có các cuộc thám hiểm của Anh năm 1497 do Jean Cabot chỉ huy đã đến mũi Breton và Labrador, các cuộc thám hiểm của Pháp thời Francois 1er do Verrazano chỉ huy; đoàn này cũng đã đến được phía Bắc lục địa mới và vào sâu tới một địa điểm sau này có tên là Montréal 1536".

Những cuộc thám hiểm trên đã khẳng định sự tồn tại của một tân lục địa "America" và phát hiện ra nhiều con đường khác nhau để đi tới tân lục địa đó, cũng như những con đường ngắn nhất để đến vùng Viễn Đông bằng cách đi về phía Tây của Châu Âu vượt qua Đại Tây Dương.

Cuộc phát kiến địa lý đó đã thúc đẩy các conquistadores (các nhà chinh phục) phần lớn xuất thân từ đẳng cấp quý tộc đã sa sút, nay muốn đi tìm kiếm sự nghiệp và một cuộc sống mới ở các miền đất lạ, và các thương nhân hăm hở đi tìm những thị trường mới béo bở. Cuộc chạy đua đó đã dẫn tới hiện tượng các nước Phương Tây xô nhau đi xâm chiếm thuộc địa, tranh giành nhau những vùng ảnh hưởng, để đến cuối thế kỷ XIX thì, theo sự tổng kết của Lénine, thị trường thế giới đã chia xong giữa các nước tư bản mạnh ở Phương Tây.

Một điều cần được đặc biệt chú ý là trong các cuộc thám hiểm và chạy đua xâm lược thuộc địa đó, không chỉ có mặt các conquistadores và thương nhân, mà còn

https://tieulun.hopto.org

thấy có mặt thường xuyên và đông đảo các giáo sĩ của nhiều dòng tu lớn của các nước Phương Tây được phái đi theo để thực hiện sứ mạng truyền bá đạo Thiên chúa, khiến đạo này, cùng với sự hình thành của hệ thống thuộc địa của Phương Tây, đã có mặt ở những mức độ khác nhau, ở hầu khắp hệ thống thuộc địa nói trên.

Trong các thế kỷ XV, XVI, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha là hai nước dẫn đầu trong cuộc thám hiểm đất mới, xâm chiếm thuộc địa, cũng như thương mãi ở cả Phương Đông lẫn Phương Tây. Họ sẵn sàng dùng tiền bạc, của cải chiếm được ở các thuộc địa để thành lập và tài trợ cho các giáo đoàn (missions) đi truyền đạo ở vùng đất mới chiếm, mở trường học, chủng viện, v.v... ở đây để truyền bá đạo Thiên chúa. Trên các con tàu của họ trong các cuộc thám hiểm, xâm lược, buôn bán, bao giờ cũng có mặt khá đông các giáo sĩ thừa sai (missionnaires) của các dòng khác nhau: Augustins[4], Dominicains[5], Franciscains[6], Jésuites[7],

4. Dòng tu theo học thuyết của Thánh Augustin, có xu hướng kết hợp triết thuyết Platon với giáo điều Công giáo, trí tuệ với niềm tin; thành lập vào giữa thế kỷ XIII.

5. Dòng tu do Thánh Dominique thành lập ở Toulouse năm 1206, thường viết tắt là O.P (ordre des prêcheurs).

6. Dòng tu này do Thánh FranÇois d' Assise lập năm 1209 ở Pháp, các dòng Récollet và Campucins là chi phái của dòng tu này.

7. Dòng tu do Ignace de Loyola (người Tây Ban Nha) lập năm 1534, là dòng tu chiến đấu, chống lại dị giáo, tuyệt đối trung thành với Giáo hoàng.

https://tieulun.hopto.org

để đảm nhiệm sứ mạng chinh phục các linh hồn. Sự tranh cấp giữa Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha trong lãnh vực truyền giáo đã khiến Giáo hoàng Alexandre VI năm 1493 đứng ra phân chia ranh giới truyền đạo giữa hai nước, bằng sắc chỉ Inter Coetera, qui định một đường ranh giới đi từ Bắc cực xuống Nam cực chạy qua cách một trăm dặm ở phía Tây các Đảo Açores; phía Đông đường ranh giới đó thuộc độc quyền truyền giáo của Bồ Đào Nha, phía Tây thuộc quyền truyền giáo của người Tây Ban Nha.

Các giáo sĩ thừa sai dòng Franciscains của Tây Ban Nha đã sớm có mặt trong lần thám hiểm Tân lục địa lần thứ 2 của C. Colomb năm 1493 và theo sau họ là các thừa sai của các dòng khác, đến truyền đạo ở quần đảo Antilles (1500), ở Mexico (1519), rồi Yucatan, Guatemala, Honduras, Nicaragua, Costa Rica. Theo yêu cầu của vua Tây Ban Nha, các giáo sĩ dòng Franciscains tiếp tục được gửi đi truyền đạo ở Chile, Bolivia, trong vùng các thổ dân Pampas ở Argentina, ở Grachaco và vào năm 1538 họ đã có mặt ở vùng cực Nam Brasilia. Năm 1664, khi Norváez tiến hành cuộc chinh phục Florida, có 5 giáo sĩ Francisçains đi theo và từ đó họ tỏa ra hoạt động ở New Biscaya, New Mexico , Arizona, Texas và California...

Các giáo đoàn của Bồ Đào Nha cũng hoạt động không kém phần sôi nổi. Sau khi Vasco de Gama kết thúc cuộc thám hiểm Ấn Độ năm 1499, chính phủ Bồ

https://tieulun.hopto.org

Đào Nha tổ chức ngay một cuộc viễn chinh gồm 13 tàu biển do Cabral chỉ huy với sự có mặt của 8 giáo sĩ triều và 8 giáo sĩ dòng của Giáo đoàn Franciscains; Song, cuộc truyền giáo của họ ở đây không mấy thành công. Mãi khá lâu sau đó với hoạt động của các giáo sĩ dòng Jésuiles do Bồ Đào Nha đỡ đầu mà người tiêu biểu là François Xavier, việc truyền giáo ở đây mới tiến triển tốt. Từ năm 1542, F. Xavier và các giáo sĩ thừa sai dòng Jésuites đã gây dựng được cơ sở truyền giáo ở Ấn Độ, Ceylan, Malacca, Nhật Bản, sau đó là Trung Quốc, Tây Tạng, Việt Nam v.v...

Các giáo sĩ dòng Franciscains do Pháp đỡ đầu là những người đầu tiên đến truyền giáo ở Canada vào năm 1615, và tiếp tục cuộc truyền giáo ở một số vùng ở châu Phi như Maroc, Tunisie, Tripolie, Abyssinie và Ai Cập...

Tham gia vào cuộc truyền bá Thiên chúa giáo La Mã trên thế giới còn có các giáo sĩ của các dòng tu khác nhỏ hơn ở các quốc gia Thiên chúa giáo ở Phương Tây như Capucins (1528) Barnabites (1533), Oratoire (1575), Carmélites (1565), Lazaristes (1624) và muộn hơn song không kém phần quan trọng so với các dòng tu lớn là Hội Thừa sai Paris (La Société des misions étrangères de Paris) được thành lập năm 1663. Để điều hành cuộc truyền giáo rầm rộ này, vào năm 1622, Giáo Hoàng Grégoire XV đã ra sắc chỉ thành lập Tổng hội Truyền giáo. Tuy nhiên, cuộc

https://tieulun.hopto.org

truyền bá Thiên chúa Giáo La Mã trên phạm vi thế giới trong thực tế vẫn chủ yếu nằm dưới sự đỡ đầu và điều hành của 3 quốc gia lớn là Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Pháp.

Thế kỷ XVI và XVII, Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã đã mở rộng việc truyền đạo ra khắp 3 châu lục : Á, Phi, Mỹ. Sang thế kỷ XVIII, Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã bị trào lưu tư tưởng triết học mới của giai cấp tư sản Phương Tây đả kích mạnh mẽ, rồi sau đó lại bị tấn công dữ dội trong cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Hầu hết các giáo đoàn Thiên chúa giáo bị giải thể, khiến cuộc truyền giáo trên thế giới bị chậm lại một thời gian dài.

Chỉ từ sau thỏa hiệp ký kết giữa Napoléon I với Tòa thánh La Mã năm 1801, cùng với nó là tác phẩm Génie du Christianisme (Tinh thần Cơ đốc giáo) của Chateaubriand xuất bản năm 1802, ca ngợi tính nhân văn của tôn giáo này, vị thế của Thiên chúa giáo được phục hồi, các dòng tu, giáo đoàn được hoạt động trở lại, việc truyền giáo ra ngoài châu Âu tiếp tục được đẩy mạnh.

Chỉ riêng thế kỷ XIX, số người ngoại giáo ở ngoài châu Âu theo đạo Thiên chúa lên tới con số 8.321.963, được chăm sóc bởi 12.305 giáo sĩ, trong đó có 5.369 giáo sĩ bản xứ, 4.863 thầy giảng, 17.284 nữ tu, cùng với 30.414

https://tieulun.hopto.org

cơ sở truyền giáo, 22.730 nhà thờ, 17.834 trường học với 791.878 học sinh. Nếu cộng thêm số người được cải giáo trước đó thì tổng số giáo dân Thiên chúa giáo ở ngoài Châu Âu đã lên tới con số 30.309.963 được phân bố như sau:

Thế kỷ XIX		
	Châu Á	6.299.886
	Châu Úc và Đại Dương	170.054
	Châu Phi	853.931
	Châu Mỹ	998.092
	Cộng :	**8.321.963**
Các thế kỷ trước		
	Châu Á	6.700.000
	Châu Phi	1.038.000
	Châu Mỹ	14.250.000
	Cộng :	**21.988.000**
Tổng cộng :		**30.309.963**

Số liệu của Encyclopocedia of Religions & Ethics - t. VIII. New York. 1915, các trang 714 và 727.

Thiên chúa giáo La Mã đến lúc này đã trở thành một tôn giáo lớn có số tín đồ đông nhất trên thế giới.

Việc mở rộng việc truyền bá Thiên chúa giáo La Mã ra phạm vi toàn thế giới cùng lúc với việc bành trướng của chủ nghĩa thực dân Phương Tây, và đạt những thành tựu to lớn như đã trình bày vắn tắt ở trên, khiến cần thiết đặt ra những câu hỏi lớn: Giữa sự mở

https://tieulun.hopto.org

rộng việc truyền bá đạo Thiên chúa La Mã ra phạm vi toàn thế giới với sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân Phương Tây có những mối liên hệ như thế nào ? Cụ thể hơn, có mối liên hệ gì giữa những động cơ của việc truyền giáo với những động cơ của sự bành trướng thuộc địa, và, việc truyền giáo nói trên có vai trò như thế nào trong sự bành trướng thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Phương Tây?

Đây là những vấn đề khá phức tạp, tế nhị, không dễ tìm ra những giải đáp thuyết phục. Tuy nhiên, đã xuất hiện nhiều tác phẩm trong và ngoài nước với những kiến giải khác nhau về một số khía cạnh của những vấn đề nói trên. Về phần mình, căn cứ vào những tư liệu hiện có trong tầm tay, chúng tôi thử đưa ra một kiến giải tổng quát, nhằm tự tìm cho mình một cơ sở khoa học để lý giải những vấn đề liên quan tới sự truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam trong các thế kỷ đã nói trên.

2. ĐỘNG CƠ

Nói về động cơ của việc mở rộng việc truyền bá đạo Thiên chúa ra vùng đất ngoại, phần lớn các tác giả Thiên chúa giáo đều khẳng định chỉ có một động cơ tôn giáo và coi đó như là sự tiếp nối tự nhiên của sứ mạng truyền giáo của đạo này từ khi nó mới ra đời. Còn nếu có một lúc nào đó, ở nơi nào đó nó chịu sự tác động của những động cơ ngoài tôn giáo, thì đó chỉ là những trường hợp bất thường và nhất thời.

Không ai có thể phủ nhận động cơ nói trên, vì mỗi tôn giáo, sau khi đã được định hình, đương nhiên phải

https://tieulun.hopto.org

truyền bá tôn giáo đó và tiếp tục công việc mỗi khi có cơ hội và điều kiện. Đó là lý do khiến nó có thể tồn tại và phát triển. Sự mở rộng truyền bá đạo Thiên chúa ra phạm vi toàn thế giới từ Phát kiến địa lý, cũng nằm trong thông lệ đó.

Song, sự ra đời và truyền bá của mỗi tôn giáo còn là một sự kiện lịch sử. Nói cách khác, mỗi tôn giáo được hình thành và phát triển, đều là sản phẩm của một thời đại lịch sử nào đó, và sau đó thường xuyên chịu sự tác động của những yêu cầu lịch sử trong đó nó tồn tại và phát triển. Vì thế, nói sự mở rộng truyền bá đạo Thiên chúa ra phạm vi toàn thế giới chỉ duy nhất do động cơ tôn giáo, là không thấy hết bản chất của tôn giáo nói chung và của mỗi tôn giáo nói riêng, nhất là Kitô giáo.

Sự ra đời của Kitô giáo cũng như sự phát triển của nó thể hiện khá rõ qui luật đó của lịch sử.

Về sự ra đời của đạo Kitô, các tác giả kinh điển mác xít cũng như các sử gia mác xít đã chỉ rõ rằng đó không phải là một sự khải thị huyền bí như bao lâu nay thường nói, mà trước hết và chủ yếu đó là một tôn giáo được hình thành từ sự hỗn thành nhiều tôn giáo và triết thuyết khác nhau để đáp ứng một yêu cầu lịch sử và tâm linh khá rõ trong Đế quốc La Mã thế kỷ I đầu Công nguyên. Đó là lúc chế độ chiếm hữu nô lệ ở Đế quốc La Mã đã bước vào thời kỳ khủng hoảng. Sự suy yếu về kinh tế và sự hà khắc về chính trị của đế quốc đã khiến đại đa số dân chúng, nô lệ và dân nghèo lâm vào tình trạng cùng cực, bế tắc và chán ghét chế độ. Cũng chưa thấy xuất hiện trong xã hội một tầng lớp, giai cấp nào có khả năng giải quyết sự khủng hoảng đó. Đã thấy

https://tieulun.hopto.org

xuất hiện trong quảng đại quần chúng tâm trạng trông chờ một sự cứu rỗi màu nhiệm nào đó. Kitô giáo ra đời đúng vào thời điểm này, báo hiệu sự xuất hiện của Đấng Cứu Thế Jésus, với viễn ảnh về một nước Chúa yên bình, hạnh phúc, đã đáp ứng đúng lúc, dù là một cách hư ảo tâm trạng đó, nên được quảng đại quần chúng nghèo khổ đón chào nhiệt liệt. Chí ít, tôn giáo này một mặt giải tỏa được nỗi tuyệt vọng của quần chúng bằng một hy vọng thiêng liêng, huyền bí, đầy hấp dẫn, mặt khác cung cấp cho quần chúng nghèo khổ một vũ khí tinh thần để chống lại địa vị giàu sang nhưng vô đạo của giai cấp chủ nô, mà trong các lời rao giảng tôn giáo này luôn luôn lên án bằng những lời lẽ quyết liệt[8]. Do đó, sự quảng bá tôn giáo này vào sâu trong Đế quốc La Mã do các đại tông đồ của chúa Jésus thực hiện, tức là cuộc truyền giáo sớm nhất của tôn giáo này, bản thân nó đã chứa đựng một sứ mạng lịch sử là phản ánh sự phẫn nộ và sự chống đối của quảng đại quần chúng đối với giai cấp thống trị; nói cách khác cuộc truyền giáo của tôn giáo này trong buổi ban đầu của nó, phản ánh khá rõ cuộc đấu tranh chống giai cấp thống trị của quảng đại quần chúng dưới hình thức một niềm tin tôn giáo.

Đó là một trong những lý do khiến các Hoàng đế La Mã tiến hành cuộc bách hại Kitô giáo trong hơn 3 thế kỷ nhằm khuất phục quần chúng nghèo khổ, cũng dưới một hình thức mang tính tôn giáo là buộc họ phải bỏ đạo mới và chấp nhận tôn giáo truyền thống của quí

8. "Một con lạc đà chui qua lỗ chôn kim còn dễ hơn là một kẻ giàu có lên Thiên đàng" (Math. XIX. 24).

THƯ VIỆN ĐHKHXH & NV
TP. HỒ CHÍ MINH
Số: VA.9445

https://tieulun.hopto.org

tộc La Mã. Song ý đồ đó của các Hoàng đế La Mã đã thất bại hoàn toàn. Kitô giáo, một tôn giáo được hỗn thành từ nhiều tôn giáo và trường phái triết học, đã đáp ứng được nhu cầu tinh thần của quần chúng, không những không bị triệt tiêu mà ngày càng được quần chúng đón nhận nhiệt liệt.

Cũng vào những thế kỷ này, ở Đế quốc La Mã, bao gồm một lãnh thổ bao la, với nhiều sắc tộc khác nhau đang đứng trước nguy cơ phân rã, rất cần đến một yếu tố tinh thần nhằm củng cố sự thống nhất của Đế quốc. Giai cấp thống trị La Mã đã nhiều lần thử lập ra một số tôn giáo mang tính chất quốc gia (đạo thờ Rome và Auguste, Đạo thờ thần Mặt trời, thần Mithra,v.v...) nhằm đề cao uy quyền của Hoàng đế, song cũng thất bại.

Trước tình hình đó, để trang bị cho quyền lực của Đế quốc một vũ khí tinh thần hữu hiệu, Hoàng đế Constantin I đã quyết định công nhận Kitô giáo là tôn giáo của quốc gia (religion officielle) năm 312 và năm 313 ban sắc chỉ cho phép dân chúng tự do theo đạo, còn bản thân thì chính thức cải giáo vào năm 323.

Từ đó Kitô giáo cứ ngày càng phát triển, củng cố và ngày càng có địa vị cao trong xã hội. Đó là vì giai cấp thống trị ngày càng nhận thấy tác dụng của đức tính nhẫn nhục mà đạo này dạy cho giáo dân, giúp ổn định trật tự xã hội. Tầng lớp tăng lữ cũng dần dần được hình thành, có sự tham gia của nhiều người thuộc tầng lớp trên. Tầng lớp này không chỉ có quyền lực trong giáo hội mà còn có quyền lực thế tục; nói cách khác tăng lữ được tham chính, có tài sản và trở thành một thế lực chính

https://tieulun.hopto.org

trị quan trọng trong Đế quốc La Mã; tôn giáo và chính trị nhập làm một. Và, Kitô giáo từ chỗ chống chính quyền, bị chính quyền săn đuổi, nay đã đứng về phía chính quyền để giúp nó làm dịu đi sự phản kháng của nhân dân, cùng lúc lại trở thành kẻ đi săn đuổi những tôn giáo khác nhằm chiếm địa vị độc tôn. Khi Đế quốc La Mã bị các thế lực Man tộc xâm lược, giáo hội Kitô giáo, lúc này đã có cơ cấu tổ chức do Giáo hoàng đứng đầu, đã ủng hộ kẻ xâm lược và được các lãnh chúa phong kiến hết sức o bế. Ngôi vị Hoàng đế đã bị xóa bỏ, song ngôi vị Giáo hoàng vẫn được duy trì và được tôn vinh hơn bao giờ hết, và từ đó Giáo hội Kitô giáo vừa có địa vị thần quyền vừa là một thế quyền, chi phối xã hội phong kiến Tây Âu trong hơn 10 thế kỷ.

Đó là diễn biến và kết quả của cuộc truyền bá Đạo Kitô vào Đế quốc La Mã từ thế kỷ I đến thế kỷ V, trong đó động cơ tôn giáo và động cơ chính trị luôn gắn bó với nhau, hỗ trợ lẫn nhau, tới mức không thể biện biệt đâu là động cơ tôn giáo, đâu là động cơ chính trị. Sự gắn bó đó là tất yếu vì, như đã nói ở trên, tôn giáo không chỉ là tôn giáo mà còn là sự kiện lịch sử.

Khi các quốc gia phong kiến được thành lập ở Tây Âu, một lần nữa, giáo hội Thiên chúa giáo La Mã lại tiếp tục đẩy mạnh việc truyền giáo trong các quốc gia này, nhằm hoàn chỉnh một mô hình chế độ phong kiến Tây Âu: quyền lực chính trị và kinh tế ở trong tay lãnh chúa, đẳng cấp tăng lữ với ý thức hệ là giáo lý Kitô giáo, trong đó thần quyền gồm giáo hội của mỗi quốc gia và Tòa thánh La Mã chiếm ưu thế về mặt lãnh đạo tinh thần. Trong thời gian này Thánh Augustin cải giáo cho

https://tieulun.hopto.org

người Anglo saxon thế kỷ VI, Thánh Boniface truyền giáo ở lưu vực sông Rhin... Đến thế kỷ IX, các quốc gia Ghéc-man đều được cải giáo. Cũng ở thế kỷ này, Thiên chúa giáo xâm nhập Suède, Bohême và thế kỷ X là Đan Mạch. Cùng vào thời kỳ này các quốc gia Nga, Phổ, Hung, v.v... cũng được cải giáo. Cuộc truyền giáo đó đã tạo nên một cấu trúc điển hình của chế độ phong kiến Phương Tây trong đó giáo hội Thiên chúa giáo La Mã đóng vai trò cực kỳ quan trọng như lời Giáo hoàng Innocent VIII (1484-1492) đã tuyên bố: "*Chúa đã đặt trên thinh không hai nguồn chiếu sáng lớn, một soi sáng ban ngày và một soi sáng ban đêm; Người cũng lập hai ngôi vị, một ngôi vị cao quí hơn cai quản phần hồn, ngôi vị khác ít cao quí hơn cai quản phần thể xác. Giống như mặt trăng phải tiếp nhận ánh sáng của mặt trời, Vương quyền phải tiếp nhận ánh sáng của Giáo quyền*"[9].

Cuộc truyền giáo từ phát kiến địa lý (thế kỷ XV) đến hết thế kỷ XIX, lại diễn ra trong một bối cảnh lịch sử khác trước.

Đó là thời kỳ chế độ phong kiến Phương Tây ngày càng suy yếu và được thay thế bằng chế độ tư bản. Giai cấp tư sản ngày càng lớn mạnh, đóng vai trò ngày càng quyết định trên chính trường. Quyền lực chính trị và kinh tế của Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã đã dần dần bị triệt tiêu, song quyền lực về tinh thần tuy có bị hạn chế nhưng vẫn tồn tại, bởi ngay chính quyền mới, chính quyền của giai cấp tư sản, vẫn cần có sự qui phục của

9. Dẫn lại của Garaudy trong l'Egiise, le comunisme, les chétiéns. E. S. Paris 1949.

https://tieulun.hopto.org

nhân dân ở chính quốc cũng như ở thuộc địa mà Thiên chúa giáo là một công cụ tinh thần đắc lực để duy trì sự qui phục đó. Vì vậy, giai cấp tư sản Phương Tây, mặc dù có lúc muốn thủ tiêu hoàn toàn quyền lực của giáo hội, song ngay sau đó lại thỏa hiệp không những vẫn để cho Giáo hội Thiên chúa giáo tự do hành đạo ở chính quốc, mà còn ủng hộ và tài trợ cho các tổ chức truyền giáo ra vùng đất ngoại.

Đó là vì theo ý kiến của nhiều giáo sĩ thừa sai, thì tôn giáo (ở đây muốn nói tới sự truyền bá rộng rãi đạo Thiên chúa) cùng với ngôn ngữ (ý muốn nói sự thay thế tiếng nói và chữ viết của dân bản địa bằng tiếng nói và chữ viết của chính quốc) là hai phương thức hữu hiệu nhất để đồng hóa và chinh phục dân chúng ở vùng đất ngoại và biến những vùng đất này thành thuộc địa vĩnh viễn của chính quốc.

Đó là lý do cắt nghĩa vì sao các cuộc thám hiểm, xâm lược thuộc địa, cũng như cuộc thực dân ở các vùng đất ngoại của giai cấp tư sản Phương Tây bao giờ cũng gắn bó mật thiết với việc truyền bá đạo Thiên chúa.

Thêm nữa, từ phát kiến địa lý, Giáo hội Thiên chúa giáo mà đầu não là Tòa thánh La Mã thấy hiện ra trước mắt mình những vùng đất bao la để mở rộng nước Chúa. Và, nếu những vùng đất này được Thiên chúa giáo hóa, các vua chúa ở đây được cải giáo và phục tùng Tòa thánh La Mã, thì đó sẽ là một hậu thuẫn vô cùng lớn cho địa vị của Giáo hội Thiên chúa giáo, có tác dụng như một đối trọng trước sức ép ngày càng lớn của giai cấp tư sản Phương Tây.

https://tieulun.hopto.org

Song, éo le thay, cuộc truyền giáo ra vùng đất ngoại của Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã lại chỉ có thể được thực hiện với sự hỗ trợ vật chất của các quốc gia Thiên chúa giáo có nền kinh tế tư bản sớm phát triển, cụ thể là Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha trong các thế kỷ XV, XVI, đầu thế kỷ XVII và sau đó là Pháp từ giữa thế kỷ XVII.

Các quốc gia này đã chủ động đứng ra tổ chức và tài trợ cho các đoàn truyền giáo, chuyên chở các giáo sĩ thừa sai đến các vùng đất ngoại để truyền đạo, nuôi dưỡng, bảo vệ họ, cung cấp cho họ tiền bạc, những tặng phẩm quý để họ lấy lòng các vua chúa bản địa.

Để đáp lại, các giáo sĩ thừa sai, dù muốn hay không, vẫn phải làm một số việc có lợi cho quốc gia đã cử họ đi và tài trợ cho họ, như làm môi giới cho việc buôn bán giữa thương nhân nước ấy với bản địa, cung cấp cho các nhà chức trách của các quốc gia ấy những thông tin quan trọng về mọi mặt của miền đất truyền đạo qua thư từ, báo cáo hoặc các tập du ký, hồi ký, tạo ra trong giáo dân lòng biết ơn và cảm tình tốt đối với quốc gia đã cử họ tới, và trong nhiều trường hợp, trong đó có trường hợp ở Việt Nam, tạo cớ cho một cuộc xâm lược vũ trang, nói là để bảo vệ giáo sĩ thừa sai, công dân nước họ đang bị truy bắt, bị xử tội và để bảo vệ giáo dân đang bị chính quyền bản địa gây khó dễ.

Thế là, cuộc truyền bá đạo Thiên chúa ra vùng đất ngoại, ngoài động cơ thiêng liêng là truyền giảng Phúc Âm, còn có những động cơ xuất phát từ lợi ích của Tòa thánh La Mã muốn củng cố vị thế của mình và lợi ích của các quốc gia đã tổ chức và tài trợ cho cuộc truyền

https://tieulun.hopto.org

giáo này.

Sự pha trộn giữa động cơ thiêng liêng với những động cơ phàm tục là điều không thể tránh khỏi trong bối cảnh của lịch sử Phương Tây thời cận đại.

3. VAI TRÒ

Về vai trò của cuộc truyền giáo ra vùng đất ngoại mà những người thực thi là các giáo sĩ thừa sai, nhiều tài liệu và sách sử đã có những nhận định đánh giá ngắn gọn song khá cụ thể. Đại Bách khoa toàn thư Pháp viết: "Các giáo đoàn không chỉ quan tâm đến tín đồ,... Thương nhân trông mong họ chỉ ra những thị trường mới và những phương cách giúp thương nhân bán hàng,... Họ có thể làm bành trướng thế lực của quốc gia họ, mở ra cho nước họ những con đường cho cuộc bảo hộ và sắp đặt cho nước họ những cái cớ để xâm lược". Marc Bonet, trong cuốn Papauté contemporaine[10] (chức vị giáo hoàng đương đại) viết : "Khi thì sự xâm lược tạo điều kiện cho việc truyền giáo, khi thì việc sau làm dễ dàng cho việc trước, khi thì cả hai việc được tiến hành song song". Lanessan, cựu toàn quyền Đông dương, trong cuốn Les missions et leur protectorat[11] (Giáo đoàn và cuộc bảo hộ chúng), dẫn lời một thương nhân châu Âu: "Trước hết, người ta gửi một Giáo đoàn đến một xứ nào đó và sau khi đã cải giáo được dân bản xứ, người ta gửi đến một đạo quân". Gần đây, cuốn Encyclopoedia Universalis của Pháp xuất bản năm

---

10. Paris. 1946.

11. Paris. 1907.

https://tieulun.hopto.org

1990, viết: "*Bản thân giáo đoàn Thiên chúa giáo cũng thực thi những cuộc thực dân tệ hơn nữa, nó cũng đã tiến hành các cuộc chinh phục và tiêu diệt; nó cũng đã tịch thu, cưỡng đoạt, chiếm đóng, hay,(...), nó cũng đã tham gia vào các cuộc chinh phạt để mưu cầu uy quyền, tiến hành những công cuộc tìm kiếm hư vinh và lợi nhuận. Một vài ý đồ tốt chẳng thay đổi bản chất vấn đề, và những việc làm từ thiện dù nhiều đến đâu cũng không làm thay đổi vấn đề. Cần phải nói thêm rằng, vì rút cuộc thì sự liên minh hiển nhiên, sự nhất trí giữa giáo sĩ thừa sai với người lính, nhà cầm quyền, kẻ bóc lột, thương nhân (...), có thể chỉ diễn ra trong một thời điểm và có thể giải thích được nếu không muốn nói là có thể tha thứ được, vốn dĩ là thói tục của thời điểm đó. Song cái nghiêm trọng nhất, đó là sự tước đoạt phẩm cách của người đất ngoại, bản sắc văn hóa, thậm chí ngay cả đến bản sắc xã hội - tôn giáo của họ. So với sự mất mát này của người bản địa, thì những điều đã nói ở trên chỉ là chuyện vặt*" (t.15, trang 461). Cuốn sách còn nói rõ hơn về vai trò và vị thế của các thừa sai. Nếu so với các đại tông đồ, "*sự khác biệt là rất rõ ràng, ... Các tông đồ buổi sơ khai thường bị các Hoàng đế bách hại. Còn các thừa sai thì lại được chọn lựa và gửi đi bởi các vị Hoàng đế ngoan đạo Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha*"; "*Các vị tông đồ buổi sơ khai thì bị xua đuổi, còn họ, các giáo sĩ thừa sai lại được bảo trợ bởi một thế lực đang thống trị và bóc lột dân chúng đang được truyền đạo; các vị tông đồ thì nghèo khó, còn các vị thừa sai lại là kẻ đại diện cho các thế lực giàu có và thường bày tỏ ưu thế về tài sản và văn hóa; Các vị tông đồ là những người tự do, còn họ, các thừa sai thì là sứ giả của một nền văn*

https://tieulun.hopto.org

hóa và một nền chính trị la tinh cùng lúc với cương vị là sứ giả của Chúa Kitô" (như trên trang 462 và 466).

Các nhận định trên về vai trò của sự truyền giáo và các thừa sai, về cơ bản đã khá đủ. Tuy nhiên, thấy cần thiết bổ sung thêm một số điểm mà các nhận định trên chưa đề cập tới hoặc chưa có điều kiện phân tích kỹ.

Trước hết, cần phải chỉ ra rằng, việc mở rộng truyền giáo ra phạm vi toàn thế giới từ phát kiến địa lý đã ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng thực dân của chủ nghĩa tư bản vừa mới được hình thành ở Phương Tây. Đó là tư tưởng của giai cấp tư sản ở đây, tự khoác cho mình cái sứ mạng khai hóa văn minh để biện hộ cho hành vi cướp đoạt, xâm lược, nô dịch dân chúng các nước kém phát triển trên thế giới. Cái gọi là "sứ mạng khai hóa văn minh" đó của chủ nghĩa thực dân Phương Tây đã được François de Vitoria (1480-1546), nhà thần học Tây Ban Nha, tô điểm bằng các nguyên lý thần học Kitô giáo trong các bài giảng của mình, được các học trò ghi chép lại trong Tập Relectiones theologicae. Những vấn đề có liên quan tới cuộc bành trướng thực dân Phương Tây và cuộc truyền giáo ở vùng đất ngoại trong cuốn sách này được các nhà lý luận thực dân đánh giá cao và coi đó như là những nguyên lý phổ biến của các mối quan hệ quốc tế, có tác dụng lớn trong việc biện bộ cho tính chính đáng của cuộc mở rộng truyền giáo ra phạm vi toàn thế giới cũng như sự bành trướng thực dân.

Về ý nghĩa của cuộc truyền giáo và độc quyền truyền giáo của Tây Ban Nha, De Vitoria nói:

https://tieulun.hopto.org

"Người Thiên chúa giáo có quyền giảng đạo trong xứ sở của người "man rợ" (ý nói dân chúng ở vùng đất bị xâm lược ở châu Mỹ - NVK). Những người Thiên chúa giáo không đem được Kinh Thánh đến cho người vô đạo thì những người này sẽ mãi mãi chìm đắm trong tình trạng không được cứu vớt. Sự trừng giới huynh đệ là việc tự nhiên do lòng yêu thương thúc đẩy. Vả lại, người "man rợ" không chỉ sống trong vòng tội lỗi mà còn ở trong tình trạng không có cơ được cứu vớt. Bổn phận của người theo đạo là phải đem tới họ sự trừng giới huynh đệ để giải thoát họ..."... "Dẫu rằng sự cứu vớt người đồng loại là công việc của tất cả mọi người, nhưng Đức Giáo hoàng có thể đặc biệt giao trách nhiệm săn sóc người "man rợ" cho người Tây Ban Nha. Tuy không phải là nhà vua thế tục của thế giới, nhưng Đức Giáo hoàng cũng có một quyền hạn thế tục nào đó... Do đó Người có thể chỉ giao cho người Tây Ban Nha sứ mệnh truyền giáo cho người Indiens (tên lúc ấy dùng để gọi người thổ dân Châu Mỹ. NVK) và cấm nước khác không được can dự vào việc truyền giáo, kể cả việc buôn bán nếu như mặt vật chất của việc này có một tầm quan trọng nào đó về mặt tinh thần. Nếu những người truyền giáo của tất cả các nước đều dồn đến xứ sở của những người "man rợ" thì họ sẽ vướng mắc với nhau và gây nên sự rối loạn có hại cho hòa bình và cho sự nghiệp truyền giáo. Hơn nữa người Tây Ban Nha là những người đầu tiên tìm ra Tân thế giới với những tổn phí của mình, nên rõ ràng là họ được tùy nghi hưởng thụ thành quả phát kiến của họ,... *Nếu những người "man rợ" ngăn trở người Tây Ban Nha truyền giáo,... người Tây Ban Nha sẽ chiến đấu cho đến khi nào sự tự do truyền giáo được bảo đảm.*

https://tieulun.hopto.org

Cũng như thế nếu người "man rợ" dùng bạo lực để ngăn trở sự cải giáo, vì bằng hành động đó người "man rợ" đã làm nhục người Tây Ban Nha và gây ra cái cớ cho một cuộc chiến tranh chính đáng thì, do đó, người Tây Ban Nha có quyền thi hành những quyền về chiến tranh như chiếm đóng đất đai, lập những vua mới v.v... Nếu có người "man rợ" đã cải giáo mà vua chúa họ muốn dùng quyền lực bắt họ phải quay lại đạo thần vật, người Tây Ban Nha có thể tuyên chiến với những vua chúa đó và đôi khi lật đổ họ. Danh nghĩa đó không những thuộc về tôn giáo mà còn thuộc về tình hữu ái của xã hội loài người vì một khi đã cải giáo, những người "man rợ" đều trở thành bè bạn và những người cộng tác của các tín đồ Thiên chúa giáo. *Nếu phần lớn những người "man rợ" đã theo đạo thì dù họ có yêu cầu hay không, Giáo hoàng có thể, với một động cơ chính đáng, phế bỏ những vua chúa vô đạo và thay họ bằng những vua chúa theo đạo Thiên chúa.* Không cần có sự cho phép của Giáo hoàng, người Tây Ban Nha có thể ngăn cấm người "man rợ" tiến hành những tập tục hung ác (lễ hiến sinh người, ăn thịt người)... và nếu người "man rợ" vẫn không ngừng thì người ta có thể tiến hành chiến tranh và thay đổi những người cầm đầu"[12]. Căn cứ vào những điều mà Vitoria đã lập luận trên đây sẽ không là quá đáng khi nói truyền giáo gần như đồng nghĩa với xâm lược, hoặc truyền giáo là một bộ phận của xâm lược thuộc địa.

Vitoria cũng còn vận dụng những nguyên lý thần học Kitô giáo để *tô điểm và biện hộ cho những hành*

12. Trích từ Joseph Folliet Le droit de colonisation. Lyon. 1930, các trang 68, 69, 70,...

https://tieulun.hoptoi.org

động thực dân của Tây Ban Nha ở châu Mỹ và cũng là của các nước thực dân Phương Tây ở những nơi khác.

Vitoria nói: "Trong tất cả các nước người ta coi việc từ chối tiếp đón những người khách lạ mà không có lý do chính đáng là vô nhân đạo... Lúc khởi đầu của thế giới, khi tất cả còn là của chung, ai cũng có thể đi đâu tùy ý. Việc phân chia của cải sau đó không hề loại bỏ việc đó vì các dân tộc không hề có ý cho rằng sự phân chia của cải sẽ loại trừ sự đi lại tự nhiên. Tình bằng hữu giữa mọi người cũng là một qui luật tự nhiên, nếu trốn tránh sự giao tiếp với những người vô hại là trái với luật tự nhiên... Chúa Trời lên án những ai từ chối tiếp khách... Cũng theo luật tự nhiên, sông và biển thuộc về tất cả mọi người. Các thủy thủ có quyền lên bộ ở bất cứ đâu họ muốn mà không ai được phép ngăn trở... Người bản xứ vẫn đón tiếp nhau tại nhà mình... Nếu người Tây Ban Nha không được tiếp đãi thì đó là một sự lăng nhục. Người Tây Ban Nha và người bản xứ là đồng loại. Vậy phải thương yêu đồng loại như bản thân mình, và người bản xứ không vì lý do gì lại đóng cửa trước người Tây Ban Nha".

Từ những luận điểm trên, Vitoria đưa ra lý lẽ:

"Người Tây Ban Nha được phép buôn bán với người bản xứ, với điều kiện tất nhiên là không làm gì có hại cho họ, thí dụ: có thể nhập hàng hóa mà người bản xứ thiếu và mang đi vàng bạc, v.v... hay tất cả kim loại mà châu Mỹ có rất dồi dào. Những người cầm đầu dân bản xứ không thể ngăn cản thần dân của mình buôn bán với người Tây Ban Nha và ngược lại... Luật tự nhiên định rằng người bản xứ phải thương yêu người Tây Ban Nha

https://tieulun.hopto.org

và, do đó, không nên không làm điều tốt lành nếu không có lý do đúng đắn... *Nếu ở nơi người bản xứ có những của cải chung cho mọi người công dân và cho người nước ngoài, họ không có quyền ngăn trở người Tây Ban Nha được dự phần; chẳng hạn, không nên cấm người Tây Ban Nha lấy vàng ở các sông hoặc kiếm ngọc trai ở biển miễn là điều đó không gây tổn thất gì cho họ...* Theo quyền của con người thì người ta là công dân ở nơi người ta được sinh ra. Nếu một số người Tây Ban Nha muốn sinh sống và cư trú ở một nơi nào đó của người bản xứ thì người bản xứ không được chống lại yêu cầu của họ... *Nếu "những người "man rợ" chống lại những điều mà người Tây Ban Nha coi là hợp pháp, thì trước hết người Tây Ban Nha gắng thuyết phục - rằng họ đến đây không phải như những kẻ thù mà là những người du lịch hòa bình... Sau đó, nếu những người "man rợ" dùng bạo lực thì người Tây Ban Nha có quyền tự vệ và hành động tối đa vì an ninh của mình... Để đảm bảo sự an ninh đó, họ có thể xây dựng thành lũy, v.v... Nếu sau khi đã cố thực hiện mọi biện pháp rồi mà người Tây ban Nha chỉ còn cách bảo đảm an ninh của mình bằng cách khuất phục người "man rợ" và chiếm đóng đất đai của họ, thì người Tây Ban Nha sẽ thực thi những việc ấy theo đúng luật. Bởi vì theo Thánh Augustin, hòa bình và an ninh là mục đích của chiến tranh. Nếu người Tây Ban Nha đã làm hết sức mình, và nếu người "man rợ" vẫn ngoan cố theo con đường tàn ác của mình, cố tình tiêu diệt người Tây Ban Nha thì người Tây Ban Nha sẽ đánh trả họ như đánh những kẻ thù tráo trở chứ không phải là những kẻ vô tội, và do đó có thể thi hành đối với họ mọi quyền của chiến tranh như tước đoạt, giam cầm*

https://tieulun.hopto.org

họ, truất bỏ và thay thế vua chúa của họ"[13].

Vitoria còn cho rằng người "man rợ" đang ở trong tình trạng mông muội, không có khả năng tự trị, không có pháp luật, nghệ thuật, công nghệ, nông nghiệp kém cỏi, do đó phải sống cực khổ, tối tăm. Vậy thì, vì hạnh phúc của người "man rợ", người Tây Ban Nha có thể thay thế họ trong việc cai trị, tổ chức xã hội, chọn lựa những người cầm đầu. Còn nếu như xảy ra tình trạng rạn vỡ trong mối quan hệ chính trị giữa người "man rợ" và người Tây Ban Nha, thì cũng vẫn nên duy trì sự buôn bán vì:

"Sự cắt đứt hoàn toàn sự buôn bán giữa người Indiens và người Tây Ban Nha là không nên vì kẻ thì có rất nhiều mà kẻ kia lại thiếu thốn. Còn biết bao nhiêu miền hoang vu để khai phá, bao nhiêu của cải tự nhiên vô chủ (nullius) có thể chiếm được. Nguồn lợi của nhà vua sẽ không bị cạn vì Người có thể đánh thuế vào những kim loại quí nhập từ xứ sở của người "man rợ" đã cải giáo, thì ở đó nhà vua Tây Ban Nha không nên bỏ rơi sự kiểm soát về cai trị"[14].

Những tư tưởng này, một khi được các giáo sĩ thừa sai dạy dỗ cho những người bản xứ theo đạo Thiên chúa, chắc chắn họ sẽ nhìn những người khách lạ đến từ Phương Tây, đúng hơn là những người thực dân Phương Tây, không những bằng con mắt thiện cảm mà còn coi đó là những ân nhân của họ, làm tiêu tan ý chí phản

---

13. Joseph Folliet, sách đã dẫn, các trang từ 65, 66, 67,...

14. Joseph Folliet, sách đã dẫn, các trang từ 65, 66, 67,...

https://tieulun.hopto.org

kháng trong họ và khiến họ sẵn sàng chấp nhận sự thống trị của những người chủ mới. Tác dụng này của sự truyền giáo không thể được coi là nhỏ !

Tư tưởng thực dân còn được thể hiện trong cuộc truyền giáo ra vùng đất ngoại ở thái độ kiêu hãnh, miệt thị các tôn giáo, tín ngưỡng, nếp sống văn hóa của người bản địa, trong phương thức truyền bá và cải giáo người bản địa cũng như sự tham gia trực tiếp vào chính trị của các giáo sĩ Thừa sai Phương Tây, khiến có nhà tôn giáo học cho rằng đã tồn tại một "chủ nghĩa đế quốc về tôn giáo" trong các thế kỷ này.

Mặc dù có lúc Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã đã nhắc nhở các giáo sĩ thừa sai tôn trọng các nền văn minh và phong tục địa phương, thực hiện một phương thức truyền giáo mềm dẻo, kiên trì, không nhúng vào lãnh vực chính trị, nhằm tránh cho cuộc truyền giáo ở vùng đất ngoại khỏi sự chống trả của dân chúng và nhất là các chính quyền ở đây; song, những lời nhắc nhở đó hầu như không có hiệu quả, bởi cuộc truyền giáo ở các thế kỷ này không thể thoát khỏi sự chi phối của những yếu tố lịch sử và thời đại.

Thiên chúa giáo từ sau khi trở thành quốc giáo trong Đế quốc La Mã, đặc biệt là với vị thế tinh thần và thế tục thời Trung cổ ở Tây Âu, đã mang nặng mặc cảm tự cao, kiêu hãnh thể hiện ở thái độ miệt thị, thậm chí bách hại đối với mọi niềm tin tôn giáo nào khác với nó và coi đó là mê tín, dị đoan hoặc tà giáo. Những cuộc bách hại các niềm tin tôn giáo khác với Thiên chúa giáo đã diễn ra không ít ở Tây Âu trong thời Trung cổ, đặc biệt là thái độ chống đối của Thiên chúa giáo đối với đạo

https://tieulun.hopto.org

Hồi mà điển hình là 8 cuộc Thập tự chinh do Tòa thánh La Mã chủ trì kéo dài từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIII, nói là để giải phóng và làm chủ Jérusalem, vốn được coi là Thánh địa của Kitô giáo, nhưng hiện đang nằm trong sự kiểm soát của những người theo Hồi giáo. Trong thời kỳ lịch sử mới (thế kỷ XV đến XIX) mặc cảm kiêu hãnh ấy không những vẫn được tiếp nối mà còn được tăng cường hơn do được thúc đẩy bởi mặc cảm tự cao của nền văn minh Phương Tây và cái gọi là "sứ mạng khai hóa văn minh" của chủ nghĩa thực dân Phương Tây.

Ở châu Mỹ, châu Á cũng như ở châu Phi, các giáo sĩ thừa sai Phương Tây đều đã thể hiện đầy đủ thái độ đó. Ở đây, dân bản xứ sau khi đã cải giáo, bắt buộc phải đoạn tuyệt với tất cả hệ thống tôn giáo tín ngưỡng truyền thống, thậm chí với cả nếp sống văn hóa cổ truyền, khiến họ trở nên xa lạ đối với cộng đồng đã sinh ra họ. Tính thống nhất và cân bằng về đời sống tinh thần của cả cộng đồng bị phá vỡ gây nên những hậu quả tiêu cực nghiêm trọng và kéo dài đối với sự phát triển của các cộng đồng này. Riêng đối với các sắc tộc ở châu Mỹ, hậu quả đó là đặc biệt nghiêm trọng. Ở đây, cuộc truyền giáo trong sự kết hợp với cuộc thực dân của các nước tư bản Phương Tây đã làm tiêu vong các nền văn hóa không kém phần độc đáo như văn hóa Maya và Inca,.. Hơn ở đâu hết, ở đây đã diễn ra một cuộc "xâm lược văn hóa" lớn nhất trong lịch sử nhân loại, được tiến hành bởi các giáo sĩ thừa sai Phương Tây, để hoàn chỉnh một cuộc xâm lược thuộc địa cũng vào loại lớn nhất trong lịch sử nhân loại.

https://tieulun.hopto.org

Ở châu Á, cuộc "xâm lược văn hóa" đó gặp nhiều khó khăn hơn. Phần lớn các quốc gia ở đây là các quốc gia phong kiến đã định hình từ nhiều thế kỷ với những thể chế kinh tế, chính trị, cùng với một đời sống văn hóa tinh thần (bao gồm cả đời sống tôn giáo) tương đối ổn định. Để có thể thâm nhập vào các quốc gia này, các giáo sĩ dòng Jésuites của Bồ Đào Nha, đã có lúc có chủ trương mềm dẻo, chấp nhận một số lễ tục, như cho phép những người đã cải giáo quỳ lạy trước ban thờ tổ tiên, v.v..., song chủ trương này đã bị Tòa thánh La Mã kiên quyết chối từ. Phương thức truyền giáo phổ biến của các giáo sĩ thừa sai ở đây là sử dụng nguồn tài trợ vật chất của quốc gia cử họ đến để quyến rũ người bản xứ, chủ yếu là dân nghèo, theo đạo, gây cho họ niềm hy vọng là số phận họ sẽ được cải thiện một khi đi theo tôn giáo của một quốc gia giàu mạnh ở Phương Tây. Cùng lúc, các giáo sĩ thừa sai cũng dùng lễ vật hậu, lấy lòng vua chúa để được tự do truyền đạo, thậm chí tìm cách cải giáo các vua chúa với hy vọng các vua chúa đó sau khi cải giáo, sẽ đưa Thiên chúa giáo lên địa vị độc tôn. Và, đằng sau những cố gắng đó của các giáo sĩ thừa sai là sự bảo trợ của những quốc gia tư bản giàu mạnh, mà các đội thương thuyền và chiến thuyền hùng hậu thường xuyên có mặt ở các thương điếm hoặc vùng biển kế cận để phô bày sức mạnh. Khi chính quyền ở các quốc gia này buộc phải ngăn trở cuộc truyền giáo để tự vệ trước cuộc "xâm lược văn hóa" và cuộc xâm lược đất đai đang và sẽ diễn ra, các giáo sĩ thừa sai đã nắm lấy cơ hội đó, nêu vấn đề bảo vệ giáo dân cũng như bảo vệ sự an toàn của công dân các nước Phương Tây, (các giáo sĩ thừa sai bị săn đuổi, giam cầm) thành một cái cớ cho một cuộc

https://tieulun.hoptq.org

chiến tranh xâm lược.

Những điều đã trình bày ở các phần trên đây, cho phép rút ra một nhận định tổng quát là việc mở rộng sự truyền bá đạo Thiên chúa ra phạm vi toàn thế giới từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX đã có sự gắn kết chặt chẽ với sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân Phương Tây, thể hiện ở động cơ của nó và vai trò của nó trong sự hợp thức hóa chủ nghĩa thực dân và có phần đóng góp quan trọng vào sự thành công của sự bành trướng thực dân này.

Sự truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam trong các thế kỷ từ XV đến XIX, một bộ phận của sự truyền bá đạo Thiên chúa ra phạm vi toàn thế giới trong các thế kỷ nói trên, đương nhiên cũng phải tuân thủ những qui luật lịch sử, thời đại đã chi phối cuộc truyền giáo đó.

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG II

CUỘC TRUYỀN BÁ ĐẠO THIÊN CHÚA VÀO VIỆT NAM
(TỪ KHỞI THỦY ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX)

I. NHỮNG TRỞ NGẠI VÀ CƠ HỘI

1 - Trở ngại

Trở ngại lớn nhất của sự truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam trong những thế kỉ nói trên, trước hết và chủ yếu là sự khác biệt sâu sắc giữa tín ngưỡng tôn giáo, nếp sống văn hóa, ý thức hệ của bản địa với tôn giáo mới du nhập.

Nước Việt Nam từ thế kỉ XV trở đi, sau khi Lê Lợi chiến thắng quân đô hộ Trung Quốc (Minh), là một quốc gia có chủ quyền với một thể chế chính trị, một đời sống văn hóa và tôn giáo đã được định hình; riêng trong đời sống tôn giáo, đã hình thành một mô hình khá độc đáo, mô hình ấy về đại thể như sau:

Trong đời sống tâm linh của người Việt, bao trùm lên tất cả là niềm tin vào sự tồn tại của các thần linh, cả nhân thần và nhiên thần, thường xuyên tác động đến đời sống của mỗi người, và, mỗi người hoặc các cộng đồng người trong xã hội đã từ lâu, có những hình thức suy tôn, thờ phụng, cầu khấn đối với các vị thần linh đó; trong đó nổi bật nhất, phổ cập nhất là sự thờ cúng tổ

https://tieulun.hopto.org

tiên, được coi là thần hộ mệnh của mỗi gia đình có nguồn gốc từ niềm tin vào sự bất tử của linh hồn những người đã chết, một niềm tin hầu như phổ biến của con người từ buổi ban sơ. Niềm tin ấy, sự thờ cúng ấy, đứng trước sự du nhập từ Trung Quốc của những tôn giáo mới như Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo, không những vẫn đứng vững mà còn tiếp nhận ở các tôn giáo này một số yếu tố để ngày càng trở nên vững vàng, sâu sắc. Bàn thờ tổ tiên đặt ở nơi trang trọng nhất trong nhà, cùng với những ngày giỗ trong năm, nhất là lễ cúng ông bà, tổ tiên trong những ngày tết, là những sinh hoạt tâm linh chủ yếu nhất, trang trọng nhất của mỗi người Việt Nam. Sinh hoạt tâm linh ấy ăn sâu vào máu thịt của mỗi người, không kể giàu nghèo, sang hèn, từ thế hệ này đến thế hệ khác, không hề phai lạt trước bất cứ biến cố lịch sử, kinh tế hay xã hội nào. Được kết hợp với chữ *Hiếu* của Khổng giáo, thờ cúng tổ tiên còn có tác dụng sâu sắc hơn. Nó góp phần quyết định trong việc củng cố cấu trúc gia đình phụ hệ, làm cơ sở cho một trật tự xã hội ổn định, giáo dục mỗi thành viên gia đình những đức tính nhân văn đáng quí. Có thể khẳng định rằng thờ cúng tổ tiên là nét tiêu biểu nhất của đời sống tâm linh người Việt.

Bên cạnh tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, người Việt còn thờ cúng các vị thần của cộng đồng làng xã (Thành hoàng), tổ nghề, các vị anh hùng dân tộc, những người có công với dân với nước, các vị nhiên thần nhiều loại v.v... Cùng lúc, người Việt cũng còn tham gia vào các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo khác, phổ biến là đi lễ chùa, lễ các đền thờ mẫu (mà hình thức hầu bóng là một loại hình giao lưu tôn giáo khá độc đáo) với một não

https://tieulun.hopto.org

trạng khá đặc biệt là "có thờ có thiêng", "có kiêng có lành", nghĩa là họ cho rằng đằng sau cái thế giới trần tục của họ là một thế giới của các thần linh đủ loại, đều có những quyền lực thần bí mà họ có thể cầu khẩn sự cứu giúp miễn là họ có lòng thành. Họ có thể đi lễ chùa mà không biết cặn kẽ phật Thích Ca là ai, giáo lí đạo Phật thế nào, cũng như họ có thể đến cầu khấn ở một Đền đạo Lão (Đạo quán) mà không biết Lão Tử là ai, ... mà chỉ tin rằng đó là các vị thần có quyền phép, có thể đáp ứng lời cầu xin của họ. Não trạng ấy được thể hiện khá rõ ở các ban thờ đặt trong một ngôi chùa, ở đó thấy sự có mặt của các vị thần của các tôn giáo khác nhau đang hiện diện ở Việt Nam (trừ Chúa Jésus) cộng thêm các vị nhân thần quốc gia, huyền thoại, có nơi thờ cả nhiên thần (thần Bạch Hổ); nơi đây còn có cả nơi dành để thờ cúng những người "mua hậu", tức những người phụ nữ không có người nối dõi để thờ cúng, đã nạp cho làng xã và nhà chùa tiền, bạc, ruộng, ... để được đặt ban thờ và cúng giỗ ở đấy. Có thể coi ngôi chùa ở mỗi làng ở Việt Nam là biểu trưng nổi bật, diễn tả đặc điểm của đời sống tín ngưỡng tôn giáo của người dân.

Một điểm đáng chú ý khác của đời sống tôn giáo của người Việt là sự chung sống hòa hợp, đan xen, dung nạp lẫn nhau giữa các tôn giáo lớn ngoại nhập (Phật, Lão, Khổng) với các tín ngưỡng truyền thống trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc. Ngay trong thời kì mà đạo Phật được chính quyền bản địa ưu ái (thế kỉ XII đến thế kỉ XIV), tiếp đó là thời kì Đạo Khổng chiếm địa vị độc tôn (từ thế kỉ XV) cũng không hề xảy ra một cuộc xung đột tôn giáo nào. Người ta thấy ở mọi thời kì lịch sử, các tôn giáo ngoại nhập không hề bài xích các tín ngưỡng

https://tieulun.hopto.org

truyền thống, và, vì vậy người dân đã tiếp nhận một cách "hồn nhiên" các tôn giáo này như là một sự bổ sung cho các tín ngưỡng truyền thống, khiến đời sống tôn giáo của họ thêm phong phú.

Đời sống tôn giáo được miêu tả tóm tắt ở trên đã in đậm dấu ấn của nó lên đời sống văn hóa tinh thần của người Việt. Đó là lòng biết ơn sâu sắc đối với tổ tiên, những người có công với nước, là lòng tin vào sự cứu giúp cũng như trừng phạt của các thần linh, là tinh thần nhân ái và hiếu thiện, là sự hiếu thảo trong gia đình, tinh thần thân ái, đoàn kết và cưu mang lẫn nhau trong cộng đồng, tinh thần tôn trọng phép nước và trật tự xã hội của các thể chế chính trị hiện hành, một sự tích hợp nhuần nhuyễn của các yếu tố tích cực của tín ngưỡng truyền thống với những yếu tố tích cực của các tôn giáo lớn ngoại nhập, khiến người dân luôn được định hướng đi theo con đường tự hoàn thiện mình về mặt nhân cách, một biểu hiện của một trình độ phát triển khá cao của văn hóa dân tộc.

Đặc trưng văn hóa ấy đã trở thành một sức mạnh giúp các nhà cầm quyền ở Việt Nam đạt được nhiều thành tựu to lớn trong việc dựng nước và giữ nước, khiến nước Việt Nam từ thế kỉ XV, trở thành một quốc gia mạnh, ổn định về mặt xã hội, đồng thời đó cũng là niềm tự hào của cả dân tộc; một tác nhân nào đó xâm hại nền văn hóa đó để gây nên sự xáo trộn trong xã hội, chắc chắn sẽ bị chống trả, ngăn chặn ...

Đạo Thiên chúa, khi du nhập vào Việt Nam (chỉ thật sự có kết quả từ đầu thế kỉ XVII) đã mang sẵn một mặc cảm tự cao, kiêu hãnh về nền văn minh vật chất

https://tieulun.hopto.org

của Phương Tây, về tính ưu việt và hoàn vũ của Kitô giáo, đã công nhiên coi các dân tộc ngoài châu Âu, trong đó có dân tộc Việt Nam là còn ở trình độ bán khai là "mọi rợ" (barbare), cần phải được khai hóa mà trước hết là bằng sự truyền bá, hay nói cho đúng hơn là áp đặt, một tôn giáo của Phương Tây, Kitô giáo. Mặc cảm tự cao, kiêu hãnh Phương Tây được thể hiện ở chỗ tôn giáo này coi mọi tín ngưỡng và tôn giáo bản địa là mê tín, dị đoan, thấp kém và chủ trương xóa sạch để thay thế bằng Kitô giáo. Làm như vậy là họ đã công khai xâm phạm nền văn hóa dân tộc, đồng hóa dân bản địa về mặt tinh thần, cũng có nghĩa là xóa bỏ cơ sở tồn tại quan trọng của cả một dân tộc.

Nhà nước đang nắm chính quyền mà cụ thể ở đây là các nhà nước phong kiến ở Việt Nam các thế kỉ nói trên, tất yếu phải ngăn chặn sự xâm hại văn hóa đó, một sự xâm hại không khác mấy một sự xâm hại độc lập dân tộc.

Thêm nữa, như đã trình bày ở phần I, đằng sau sự du nhập của Thiên chúa giáo, là các thế lực Phương Tây đang là những người tổ chức, tài trợ cho cuộc truyền giáo để qua đó tìm ra những thị trường buôn bán và nếu có thể thì biến chúng thành thuộc địa. Các nhà nước phong kiến ở Việt Nam, trong bối cảnh lịch sử của Phương Đông đầu thế kỉ XVII đã nhận thấy khá rõ mưu toan này. Họ không thể khoanh tay ngồi nhìn một mối đe dọa lớn lao nhường ấy.

Chính vì thế mà, nhìn một cách khái quát, các nhà nước phong kiến ở Việt Nam, từ các chúa Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn (thế kỉ XVII, XVIII) cho đến triều đại

https://tieulun.hopto.org

phong kiến Nguyễn (thế kỉ XIX) trừ những năm Gia Long ở ngôi, ở những mức độ khác nhau, thảy đều cấm đạo. Đặc biệt là vào các thập kỉ 30 đến thập kỉ 60 thế kỉ XIX, cuộc bắt đạo trở nên ngày càng ác liệt khi thực dân Pháp nhòm ngó rồi nổ súng xâm lược nước ta.

Và, đây là trở ngại lớn nhất đối với cuộc truyền bá đạo Thiên chúa giáo vào Việt Nam.

Trở ngại lớn thứ hai của cuộc truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam là tình hình không ổn định về mặt chính trị và quân sự diễn ra ở Việt Nam trong suốt 2 thế kỉ XVII và XVIII, khiến cuộc truyền giáo không thể thực hiện bình thường và liên tục.

Nước Việt Nam từ nửa sau thế kỉ XVI, quyền lực nằm trong tay hai họ: Trịnh (kiểm soát từ Đồng Hới - Quảng Bình trở ra Bắc, thường được gọi là Đàng Ngoài) và Nguyễn (kiểm soát phần từ Đồng Hới trở vào phía Nam, được gọi là Đàng Trong) đối lập với nhau. Từ đầu cho đến gần cuối thế kỉ XVII đã liên tiếp xảy ra các trận chiến lớn vào các năm 1627, 1643, 1648, 1659, 1661, 1672, có trận Đàng Ngoài huy động tới 100.000 quân (1672). Từ những năm 70 thế kỉ XVIII khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ. Những cuộc xung đột vũ trang ác liệt giữa quân khởi nghĩa với hai thế lực Trịnh, Nguyễn, tiếp đó là các trận chiến giữa Nguyễn Ánh (hậu duệ của họ Nguyễn) với quân Tây Sơn, kéo dài cho đến hết thế kỉ, khiến trên toàn cõi Việt Nam không lúc nào ngớt chiến tranh.

Cuộc truyền giáo vào Việt Nam chỉ thực sự được tiến hành từ đầu thế kỉ XVII, cũng đúng vào thời điểm

https://tieulun.hopto.org

bắt đầu diễn ra các cuộc xung đột vũ trang đó. Việc đi lại của các thừa sai từ Đàng Trong ra Đàng Ngoài, từ vùng này sang vùng khác rất khó khăn và nhiều nguy hiểm. Nhiều họ đạo, xứ đạo được hình thành để rồi lại tan rã vì không có người chủ chăn hoặc do chiến tranh tàn phá; thậm chí có nơi, có lúc, người giáo dân kẻ thì bị huy động đi phục vụ chiến tranh, người lo chạy loạn, lo kiếm miếng ăn, giữ gìn mạng sống, không còn tâm trí nghĩ đến chuyện hành đạo.

Tình hình trên đã là trở ngại không nhỏ đối với tiến độ của cuộc truyền giáo.

Cũng không thể không nói tới một số trở ngại khác, tuy không thật nghiêm trọng, song cũng gây những ảnh hưởng không thuận lợi cho sự truyền giáo ở Việt Nam:

Đó là sự suy yếu về mặt kinh tế và phát triển của Bồ Đào Nha, vào thế kỉ XVII, đã không đáp ứng được những điều kiện cần phải có như tiền bạc, thừa sai, mà cuộc truyền giáo ở Việt Nam do các giáo sĩ dòng Jésuites do họ gửi đến đang tiến hành có kết quả ở đây.

Đó là sự bất bình của chính phủ và giáo hội Bồ Đào Nha trước quyết định của Tòa thánh La Mã gửi các thế diện Tông Tòa quốc tịch Pháp sang Viễn Đông thay thế độc quyền truyền giáo của họ ở đây. Họ đã tìm mọi cách ngăn cản, ở châu Âu cũng như ở Việt Nam, khiến các thế diện Tông Tòa và các giáo sĩ của dòng Thừa sai Pháp gặp rất nhiều khó khăn trong việc thi hành nhiệm vụ.

Đó cũng là sự thiếu hụt nguồn tài trợ về vật chất

https://tieulun.hopto.org

và nhân sự cho cuộc truyền giáo ở đây, khi ở Pháp bùng nổ cuộc cách mạng Tư sản, giáo hội Thiên chúa giáo nói chung và giáo hội Thiên chúa giáo ở Pháp chịu những đòn tấn công nặng nề, khiến việc hỗ trợ cho cuộc truyền giáo ở nước ngoài, trong đó có Việt Nam, bị đình đốn trong một thời gian khá dài.

Tiến độ chậm cũng như thành tựu hạn chế so với sự mong mỏi của các nhà truyền giáo ở Việt nam là do những trở ngại nói trên, trong đó chủ yếu là trở ngại đầu tiên như đã nêu ở trên.

2 - Cơ hội

Để có thể truyền giáo, các thừa sai phải có cơ hội tiếp xúc với dân, hay nói đúng hơn, là phải được phép tiếp xúc với dân. Những cơ hội đó xuất hiện khá nhiều cho các thừa sai đến Việt Nam trong thế kỉ XVII, XVIII.

Số là, vào hai thế kỉ trên, Việt Nam đã là nơi lui tới của nhiều tầu buôn Phương Tây: Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp. Trên các tầu buôn của các nước này, nhất là Bồ Đào Nha, hầu như không mấy khi thiếu vắng các giáo sĩ thừa sai, những người rất được các thương nhân quí trọng, khiến các vua chúa ở Việt Nam đã có sự ngộ nhận về vai trò của họ đối với việc điều hành các chuyến thuyền buôn.

Vào thời điểm này, các chúa Đàng Ngoài và Đàng Trong, trong cuộc chạy đua quyền lực, đều muốn liên hệ ngày càng nhiều với các thương nhân nước ngoài để mua vũ khí, đạn dược hoặc các nguyên liệu quí, để tăng thêm sức mạnh quân sự. Không những thế, các vua chúa, quan lại bản địa cũng tỏ ra rất ham muốn được có

https://tieulun.hopto.org

và sử dụng các sản phẩm công nghệ có chất lượng cao của Phương Tây. Các thuyền buôn nước ngoài mỗi khi cập bến đều được các quan chức địa phương tiếp đón niềm nở, mua bán, trao đổi hàng hóa theo nhu cầu của hai bên. Lúc ấy nếu có giáo sĩ lên bờ, mang theo lễ vật quí, thường được cho phép ở lại một nơi nào đó để giảng đạo. Thuyền buôn của Bồ Đào Nha, trên đó có A. De Rhodes, gặp Trịnh Tráng ở Cửa Bạng (Thanh Hóa) năm 1627, rồi sau đó De Rhodes được mời về Hà Nội giảng đạo là một ví dụ điển hình của những cơ hội như thế. Chính nhờ có những cơ hội như thế, khi ở Đàng Trong, khi ở Đàng Ngoài, các giáo sĩ thừa sai mới có dịp tiếp xúc với dân để truyền giáo. Thời gian các giáo sĩ được ở lại bao lâu là tùy thuộc rất nhiều vào việc có xuất hiện hay không sau đó các thuyền buôn nước ngoài. Nếu quá lâu không có các tầu buôn đến, các thừa sai thường bị trục xuất bởi những lí do nội bộ. Mặc dù vậy, các giáo sĩ thừa sai đã tận dụng những cơ hội ấy và lần hồi càng ngày càng mở rộng sự truyền bá đạo Thiên chúa trong dân chúng.

Cũng không thể không nhắc tới cơ hội mang tính lịch sử và tâm lí nằm trong não trạng của dân chúng Việt Nam trong thời kì lịch sử này. Có thể nói, trong lịch sử của dân tộc, người dân Việt Nam chưa bao giờ phải chịu đựng những cuộc chiến tranh kéo dài liên miên như trong hai thế kỉ này.

Hai câu thơ:

"Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt
Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây".

https://tieulunhopto.org

viết hồi đầu thế kỉ XVIII (bản dịch Đoàn Thị Điểm, trong Chinh phụ ngâm khúc của Đặng Trần Côn), cho ta thấy được tính ác liệt của các cuộc chiến tranh thời đó. Những cuộc chiến tranh liên miên ấy đem lại chết chóc, đau thương, li tán, đói rét cho người dân, đưa họ vào tình trạng tuyệt vọng. Và, như bất cứ ở đâu, chiến tranh khốc liệt là cửa mở cho các loại hình tôn giáo. Thiên chúa giáo du nhập vào nước ta hồi đầu thế kỉ XVII đã gặp một miếng đất màu mỡ, và là cơ hội để có thể cạnh tranh với các tôn giáo như Phật, Lão, Nho đang hiện diện vốn đã không bắt rễ thật sâu trong tâm linh người Việt, thậm chí còn có thể thuyết phục được người dân xa rời các tín ngưỡng truyền thống, khi tôn giáo mới này với hệ thống Thần học cao siêu và giáo lí chặt chẽ, có thể giải tỏa được những vướng mắc của người dân khi họ rời bỏ sự thờ cúng tổ tiên và các thần linh. Thêm vào đó, sức mạnh vật chất của nền văn minh Phương Tây lấp lánh bên cạnh cây thập giá của tôn giáo mới này, còn được các giáo sĩ thừa sai khai thác triệt để, tạo ra trong lòng tín đồ một hi vọng được cứu rỗi không chỉ ở phần hồn.

Điều này có thể cắt nghĩa vì sao một số người dân Việt vốn rất gắn bó với các tín ngưỡng truyền thống lại có thể chấp nhận một tôn giáo xa lạ, chối bỏ các tín ngưỡng truyền thống rất lâu đời của mình.

Các giáo sĩ thừa sai không chỉ khai thác những cơ hội sẵn có mà còn chủ động tạo ra cơ hội thuận lợi cho việc truyền giáo. Đó là trường hợp giám mục Bá Đa Lộc chủ động cứu mạng Nguyễn Ánh vào những năm 70 thế kỉ XVIII, tạo lập được mối quan hệ thân thiết với ông

https://tieulun.hopto.org

Hoàng kế vị duy nhất còn lại của vương triều Nguyễn, đại diện Nguyễn Ánh đi cầu viện triều đình Pháp, kí điều ước Versailles năm 1787, tiếp đó hỗ trợ đắc lực cho Nguyễn Ánh trong cuộc phản công Tây Sơn; trong vùng Nguyễn Ánh kiểm soát, việc truyền bá đạo Thiên chúa được tiến hành hoàn toàn tự do; từ khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua cho đến những năm đầu của thập kỉ 20 thế kỉ XIX, việc truyền bá đạo Thiên chúa diễn ra bình thường trong cả nước. Đó là cơ hội hết sức quí báu để các giáo sĩ thừa sai mở rộng việc truyền giáo, củng cố về tổ chức và nhân sự, và nhờ đó giáo hội Thiên chúa giáo ở Việt Nam có đủ sức để trụ vững trước những cuộc bắt đạo ngày càng gay gắt của triều đình nhà Nguyễn. Từ sau điều ước 1874, được kí kết giữa thực dân Pháp với triều đình Huế, giáo hội Thiên chúa giáo ở Việt Nam tuy còn phải trải qua một số năm khó khăn khi có phong trào Cần Vương (1885-1895), song đã đứng vững ở Việt Nam và ngày càng được củng cố và phát triển.

II. QUÁ TRÌNH XÂM NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

1 - Thời kì của các giáo sĩ dòng Jésuites (dòng Tên); 1615-1658.

Từ cuối thế kỉ XV, nhất là từ thế kỉ XVI, vùng Viễn Đông đã là nơi lui tới của nhiều đoàn thám hiểm, các thương nhân và giáo sĩ đến từ Phương Tây để buôn bán, truyền đạo rồi qua đó chiếm đất đai vùng này làm thuộc địa. Ấn Độ đã rơi vào vòng kiểm soát của Anh, Philippines trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha, Indonésia bị Hà Lan chiếm, ... Bồ Đào Nha lúc này đã suy yếu chỉ chiếm được một vài thương điếm. Quan

https://tieulun.hopto.org

trọng nhất là Goa (Ấn Độ) và Macao (Trung Quốc). Cùng lúc Trung Quốc và Nhật Bản là hai quốc gia mà các nước Phương Tây đặc biệt quan tâm và tìm cách thâm nhập. Song song với quá trình bành trướng thực dân nói trên là sự mở rộng việc truyền bá đạo Thiên chúa vào các miền đất này. Philippines sớm trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha (1527) và đã được cải giáo gần như hoàn toàn (khoảng 80% dân số). Các giáo sĩ Bồ Đào Nha, lúc này chủ yếu thuộc dòng Jésuites đã thâm nhập Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, mà Goa và Macao là nơi đặt bộ phận điều hành.

Việt Nam tuy nằm trong khu vực Viễn Đông, song cũng chưa được các giáo sĩ thực sự quan tâm; thi thoảng có các giáo sĩ Tây Ban Nha (Dominicains) hay Bồ Đào Nha (Jésuites) dừng chân giảng đạo thì cũng hoặc là ngẫu nhiên, hoặc chỉ có tính chất thăm dò mà chưa đạt được kết quả gì đáng kể.

Theo *Khâm định Việt sử* thì vào năm 1533, Nguyên Hòa I, đời Lê Trang Tông đã ra một chỉ dụ cấm đạo Thiên chúa, chỉ dụ ấy cho biết, có một giáo sĩ tên I-ni-khu, theo đường biển vào giảng đạo tại làng Ninh Cường, làng Quần Anh thuộc huyện Nam Chân và làng Trà Lũ thuộc huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định. Còn theo cuốn *Sử ký Hội thánh* của cha Huân, xuất bản ở Bùi Chu năm 1940 thì nói rõ hơn là rất lâu trước khi các giáo sĩ dòng Tên (Jésuites) đến truyền giáo ở Bắc Kỳ thì đã có mấy dòng Dominicains, có trụ sở ở Manila đến giảng đạo tại các xã Ninh Cường, Quần Anh, Trà Lũ, Bích Câu thuộc tỉnh Nam Định. Cha Huân còn cho biết ở đầu làng Bích Câu gần mé sông Cái có 3 gò đất, trên

https://tieulun.hopto.org

mỗi gò có một cây đa cổ thụ, nay hãy đang còn (năm xuất bản cuốn sách 1940); theo lời truyền tụng của dân địa phương thì xưa các thầy Dominicains đã đứng trên cái gò đất đó giảng đạo cho dân. (trang 407).

Phải từ năm 1615 trở đi khi trung tâm truyền giáo của Bồ Đào Nha cử hai giáo sĩ Francois Bujomi và Diego Carvalho sang Hải Phố, thuộc tỉnh Quảng Nam (Đàng Trong), việc truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam mới được coi là thực sự bắt đầu. Vào thời điểm nói trên, nhiều giáo sĩ dòng Tên của Bồ Đào Nha được cử sang truyền giáo ở Nhật Bản đã phải dừng chân ở Macao vì ở Nhật đang có cuộc bắt đạo rất gắt. Trong khi đó ở Hải Phố, nơi buôn bán sầm uất của Đàng Trong với nước ngoài đang có mặt nhiều thương nhân Nhật Bản có đạo và cùng với họ là nhiều giáo dân Nhật Bản đến cư trú để tránh cuộc bắt đạo ở trong nước. Họ đang rất cần sự có mặt của các giáo sĩ thừa sai giúp họ duy trì đời sống đạo. Hai giáo sĩ nói trên, thuộc biên chế các thừa sai đi Nhật Bản, được cử sang Hải Phố trước hết là để đáp ứng yêu cầu này. Thêm nữa, các cha bề trên của dòng Tên ở Macao còn được một thương nhân Bồ Đào Nha Ferdinand da Costa, người đi lại buôn bán ở Đàng Trong nhiều chuyến, cho biết về "một triển vọng tốt đẹp của việc cải giáo cho vương quốc này". Và, hai giáo sĩ trên còn có nhiệm vụ khai thác các cơ hội thuận lợi để tiến hành cuộc truyền giáo ở đây.

Ngay sau khi đến, vào dịp lễ Pâques năm 1615, hai giáo sĩ này đã làm một Thánh lễ với số giáo dân Nhật Bản. Một năm sau họ đã cải giáo được 300 người Việt ở các vùng xung quanh. Tiếp đó Macao lại cử hai giáo sĩ

https://tieulun.hopto.org

Francois Barreto và Francois de Pina sang tăng viện và mở rộng địa bàn truyền giáo. Bujomi rất được quan trấn thủ Bình Định (ở tại Quy Nhơn) quí trọng nên các giáo sĩ đi lại truyền đạo được mọi sự dễ dàng. Số giáo dân cứ tăng dần.

Trước tình hình thuận lợi đó, năm 1624 Macao lại gửi tiếp sang Đàng Trong thêm 6 giáo sĩ do Gabriel de Mattos cầm đầu, trong đó có giáo sĩ Alexandre de Rhodes, người có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng nền móng cho giáo hội Thiên chúa giáo La Mã ở Việt Nam, ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài trong nửa đầu thế kỉ XVII.

A. de Rhodes đến Việt Nam vào tháng 12 năm 1624, khi ở Đàng Trong, khi ở Đàng Ngoài, khi về Mạcao rồi về hẳn châu Âu năm 1645; thời gian A. de Rhodes thực sự có mặt ở Việt Nam chỉ chừng hơn 8 năm, song lại có tác dụng đặc biệt đối với việc mở mang việc đạo ở đây.

A. de Rhodes có năng khiếu đặc biệt trong việc học các thứ tiếng nước ngoài. Chỉ sau 4 tháng đến Đàng Trong, A. de Rhodes đã nghe hiểu giáo dân bản xứ xưng tội, sau 6 tháng đã có thể giảng đạo bằng tiếng Việt. Kế đó A. de Rhodes đã kế thừa các giáo sĩ đến trước mình, hoàn chỉnh dạng chữ viết của tiếng Việt bằng mẫu tự Latinh. Và, trong thời gian ở Việt Nam, A. de Rhodes đã hoàn chỉnh cuốn từ điển Việt-Bồ Đào Nha-Latinh, có phần phác thảo văn phạm tiếng Việt trong phần mở đầu. Tuy cuốn này mãi đến năm 1651 mới được in ở Rôma, song chắc hẳn ngay khi còn ở dạng bản thảo, nó đã được các giáo sĩ thừa sai ở Việt Nam biết đến và đã

https://tieulun.hopto.org

giúp ích khá nhiều cho họ cũng như các giáo sĩ thừa sai đến Việt Nam sau này nhanh chóng học được tiếng Việt. Đó là lợi khí sắc bén để các giáo sĩ ngoại quốc có thể giao tiếp với người bản xứ, và truyền bá tôn giáo mới.

A. de Rhodes cũng là một giáo sĩ áp dụng thành công phương pháp tiếp cận các vua chúa, quan lại bằng lễ vật quí để được tự do giảng đạo; đồng thời, A. de Rhodes cũng hết sức chú trọng việc cải giáo cho những người quyền quí, nhất là những người thân thích của vua chúa để qua họ lôi kéo thêm nhiều người theo đạo. Sau khi đến Hội An, A. de Rhodes đã tiếp cận được chúa Sãi Vương, rồi cải giáo cho một bà có họ gần với chúa; bà này có tên thánh là Marie Madeleine, đã ra sức thuyết phục những người xung quanh theo đạo và che chở cho các giáo sĩ, lại lập một nhà nguyện trong khu nhà ở của mình. Ở Đàng Ngoài, A. de Rhodes cũng dùng lễ vật quí dâng Trịnh Tráng ở Cửa Bạng (Thanh Hóa, 1627) và được phép về Hà Nội giảng đạo; lại còn được Trịnh Tráng dựng cho một ngôi nhà lớn ở gần dinh của mình để vừa làm nhà ở vừa làm nhà thờ - A. de Rhodes cũng cải giáo cho một người chị của chúa theo đạo lấy tên thánh là Catherine; bà này kéo theo 17 người trong gia đình theo đạo trong đó có mẹ mình, đồng thời rất nhiệt thành đi giác ngộ đạo mới cho mọi người - Bà Catherine biết làm thơ và đã biên soạn một cuốn thơ kể lại sự tích đạo. Nhờ đó việc giảng đạo của A. de Rhodes rất thuận lợi, năm 1629 trước khi rời Đàng Ngoài, ở Hà Nội và các vùng lân cận đã có 3.500 giáo dân.

Song song với việc truyền đạo, A. de Rhodes đặc biệt quan tâm tới việc đào tạo từng lớp cốt cán, gọi là

https://tieulun.hopto.org

thầy giảng để hỗ trợ cho mình trong việc truyền đạo, và giúp duy trì đời sống đạo cho giáo dân khi vắng thừa sai hoặc linh mục. Cuốn Phép giảng Tám ngày viết bằng chữ "quốc ngữ" đầu tiên của A. de Rhodes có lẽ là bản ghi lại những bài dạy theo cách truyền khẩu giáo lý đạo Thiên chúa cho các thầy giảng ở Đàng Ngoài - Sáng kiến này của A. de Rhodes đã mang lại hiệu quả rất lớn trong việc duy trì và phát triển Thiên chúa giáo ở Việt Nam mà sau này được các giáo sĩ thừa sai lớp sau áp dụng triệt để, khiến ngay vào những thời điểm các thừa sai bị săn lùng ráo riết, sinh hoạt đạo của các giáo dân vẫn được duy trì nhờ lớp thầy giảng này; và, những người xuất sắc trong số họ thường được chọn để đào tạo thành linh mục.

Cho đến trước khi rời khỏi Việt Nam (1645), A. de Rhodes với sự đóng góp của mình đã cùng các cộng sự gây dựng được nền móng đầu tiên cho giáo hội Thiên chúa giáo ở Việt Nam. Ở Đàng Trong, Thiên chúa giáo đã được truyền bá bá rộng rãi ở các tỉnh Quảng Nam. Quảng Ngãi, Bình Định, Thuận Hóa, Quảng Bình với số giáo dân khoảng 50.000 người.

Ở Đàng Ngoài, Thiên chúa giáo đã được truyền bá ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Nội và các tỉnh lân cận, Hưng Hóa, Tuyên Quang, với số giáo dân khoảng 100.000 (có sách nói 200.000), trong đó riêng Nghệ An có tới 72 làng theo đạo, 100 nhà thờ lớn, 300 nhà thờ nhỏ...

Thành tích của A. de Rhodes đối với sự phát triển của Thiên chúa giáo ở Việt Nam không chỉ dừng lại ở

https://tieulun.hopto.org

đó. Khi rời Macao về châu Âu, A. de Rhodes còn nhận một nhiệm vụ rất trọng đại do các cha bề trên không phải quốc tịch Bồ Đào Nha giao cho là vận động Tòa thánh La Mã chọn một nước bảo trợ mới, đủ sức phục vụ cho sự phát triển đạo đang thuận lợi ở Viễn Đông, nhất là ở Việt Nam, để thay thế Bồ Đào Nha đã không còn đủ sức đảm đương. Cuộc vận động này đã dẫn tới việc Tòa thánh La Mã cử các Thế diện Tông tòa người Pháp đảm đương việc điều hành truyền giáo ở Viễn Đông (1658) và sự ra đời của Hội Thừa sai Paris (1663) nhằm đào tạo các giáo sĩ thừa sai người Pháp đi làm nhiệm vụ truyền giáo ở vùng này, mở ra một trang sử mới trong sự phát triển của Thiên chúa giáo ở đây nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

2 - Thời kì các Thế diện Tông tòa Pallu và Lambert.

2.1. Tòa thánh La Mã gửi các Thế diện Tông tòa người Pháp sang Viễn Đông. Sự thành lập Hội Thừa sai Paris.

Cuộc vận động Tòa thánh Vatican tìm một quốc gia khác thay quyền padroado của Bồ Đào Nha ở Viễn Đông gặp nhiều khó khăn vì bị nước này phản đối và Tòa thánh La Mã do dự. Mãi đến năm 1658, với áp lực và nhiệt tình của giáo hội Pháp, Giáo hoàng mới đồng ý cử các giáo sĩ Pháp sang Viễn Đông với điều kiện họ phải tự lo liệu mặt vật chất và phương tiện đi lại. Ba giáo sĩ quốc tịch Pháp là Pallu, Lambert, Cotolendi được cử làm Thế diện Tông tòa (Vicaire apostolique) ở Viễn Đông; Pallu cai quản Đàng Ngoài, Lào và các tỉnh sau đây của Trung Quốc: Vân Nam, Quý Châu, Hồ Quảng,

https://tieulun.hopto.org

Tứ Xuyên, Quảng Tây; Lambert cai quản Đàng Trong và các tỉnh Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, đảo Hải Nam và các đảo lân cận của Trung Quốc; Cotolendi trông coi địa phận Nam Kinh, Bắc Kinh, Sơn Tây, Thiểm Tây, Sơn Đông của Trung Quốc, xứ Triều Tiên và Tartarie. Các giáo sĩ thuộc quốc tịch khác, hoặc bất cứ dòng nào, kể cả giáo sĩ Bồ Đào Nha, nếu hoạt động trong những địa phận nói trên cũng đều phải phục tùng các giám mục người Pháp. Được tin này Bồ Đào Nha kịch liệt phản đối và dọa không chở các giám mục người Pháp và sẽ bắt giam các giám mục và giáo sĩ người Pháp. Vì vậy chỉ thị chính thức của Giáo hội La Mã cho các giám mục Thế diện Tông tòa Pháp nhấn mạnh rằng họ phải tránh không đi qua miền đất truyền giáo của người Bồ Đào Nha và nếu chẳng may bị bắt hoặc bị phát giác, họ không được nói lộ mục đích, quốc tịch và cả chức trách truyền đạo nữa. Để đảm bảo việc đi lại, Pallu vận động thành lập một công ty thương mại có nhiều nhà quí tộc giàu góp vốn, vừa buôn bán vừa chở các giáo sĩ sang Phương Đông, nhưng trước mắt không thành. Thế là các giáo sĩ Thế diện tông tòa Pháp phải đi bộ sang Viễn Đông - giữa đường Cotolendi bị chết, chỉ có Lambert đến Thái Lan năm 1662, Pallu năm 1664; hai người tá túc ở đó, chờ dịp đến vùng đất được giao nhiệm vụ cai quản.

Trước khi đi Viễn Đông, Pallu đã cùng các giáo sĩ Pháp nhiệt tình với cuộc truyền giáo ở Viễn Đông, đứng ra thành lập tổ chức lấy tên là Hội Thừa sai Paris (Société des missions étrangères de Paris) lo việc đào tạo các giáo sĩ thừa sai để gửi đi Viễn Đông. Hội được nhà vua Pháp Louis XIV và các nhà quyền quí nhiệt liệt

https://tieulun.hopto.org

ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần, chính thức ra mắt vào ngày 27/10/1663, trụ sở đặt ở phố Bac, Paris. Nhận xét về sự kiện này, Bonifacy, tác giả cuốn "*Les débuts du Christianisme en Annam - Hà Nội, 1930*", nhận xét: "*Người ta khâm phục lòng nhiệt thành của các vị yếu nhân này cho việc Chúa đồng thời cũng là để cho sự bành trướng thế lực Pháp*"; Chapoulie, tác giả cuốn "*Aux origines d'une Eglise* ..., tập 1. Paris, 1943" còn nhận xét: "*Đó là một thứ hội lớn có tính chất quốc gia... Nước Pháp sang Á châu, mang theo đạo Thiên chúa giống như người Tây Ban Nha hay người Bồ Đào Nha trước đây.*" (tr. 126).

Hai sự kiện lớn kể trên đánh dấu một bước ngoặt lớn của cuộc truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam - Kể từ đây, nước Pháp nắm độc quyền truyền giáo cũng như bành trướng thế lực ở đây. Hai phương diện đó không hề tách rời trong nhận thức và hành động của các giáo sĩ thừa sai Pháp đến truyền giáo ở Việt Nam.

2.2. Hoạt động của Pallu.

Năm 1662, Pallu cùng 9 giáo sĩ thừa sai Pháp lên đường sang Viễn Đông và tới Juthia thủ đô cũ của Thái Lan năm 1664. Tại đây Pallu đã cùng với Lambert tổ chức cuộc họp với các giáo sĩ thừa sai Pháp tổ chức họ thành giáo đoàn, đề ra một qui chế hoạt động nghiêm ngặt. Một chủng viện cũng được lập ở đây thu nhận chủng sinh người Việt và người Trung Hoa. Pallu cũng định ra cho các giáo sĩ Pháp phương hướng ứng xử hòa nhã đối với các giáo sĩ Bồ Đào Nha. Do có khó khăn không thể ra Đàng Ngoài làm nhiệm vụ, năm 1665,

https://tieulun.hopto.org

Pallu ủy nhiệm cho thừa sai Deydier ra Bắc làm Cố chính điều hành việc đạo, rồi trở về châu Âu, đến Rôma vận động Giáo hoàng Clément IX ra sắc dụ Speculatores xác định quyền hành của giám mục Pháp đối với các giáo sĩ thừa sai thuộc các quốc tịch khác. Năm 1670, Pallu trở lại Thái Lan, rồi từ đó đi Đàng Ngoài, thuyền bị bão dạt vào Philippines và bị các quan chức Tây Ban Nha bắt đưa về Madrid (thủ đô Tây Ban Nha) vì bị nghi là gián điệp; ở đây Pallu được xử trắng án. Năm 1678, Pallu lại trở lại Rôma, xin cho Lambert lãnh thêm trách vụ quản sự Đàng Ngoài, Lào, Cao Miên, còn bản thân xin lãnh chức giám mục địa phận Phúc Kiến và Tổng quản toàn Trung Quốc, lại cử các thừa sai Deydier và Bourges làm giám mục ở Đàng Ngoài.

Năm 1681, Pallu trở lại Viễn Đông với chức vụ mới. Lần này Pallu cử hai giáo sĩ Lefebre và Geffrard đem lễ vật và thư của vua Pháp Louis XIV cho vua Bắc Kỳ. Bức thư này yêu cầu nhà vua Đàng Ngoài cho phép công ty Ấn Độ được phép lập thương điếm ở Bắc Kỳ, cho phép Bourges và Deydier tự do truyền đạo, giáo dân được tự do theo đạo và mong mỏi nhà vua cải giáo. Năm 1684 Pallu sang Phúc Kiến rồi mất ở đó.

Trong khi Pallu bôn tẩu để lo cho công việc truyền giáo thì ở Pháp một công ty thương mại lấy tên Công ty Ấn Độ được thành lập năm 1664 với qui mô và hoạt động đúng như dự kiến của Pallu đã phác thảo trước khi đi Viễn Đông; Công ty này sau đó đã hỗ trợ đắc lực cho các giáo sĩ Pháp trong cuộc truyền giáo ở Viễn Đông nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

https://tieulun.hopto.org

Mặc dù cho đến khi mất ở Phúc Kiến, Pallu chưa hề có lần đặt chân trên đất Việt Nam, song sự đóng góp của Pallu vào cuộc truyền giáo ở Việt Nam không phải là nhỏ.

Trước hết, Pallu là sáng lập viên tích cực nhất của Hội Thừa sai Paris, tổ chức sẽ cung cấp chủ yếu các giáo sĩ thừa sai cho Việt Nam sau này.

Pallu cũng có công lớn trong việc đấu tranh với Tòa thánh La Mã để xác lập chủ quyền truyền giáo của Hội Thừa sai Paris ở Việt Nam.

Pallu cũng là người lập kế hoạch phối hợp giữa Công ty thương mại Ấn Độ với Hội Thừa sai Paris, để công ty này tạo những điều kiện thuận lợi cho các giáo sĩ thừa sai Pháp trong việc chuyên chở, nuôi dưỡng, cung cấp các vật phẩm quí để các giáo sĩ này làm lễ vật cho các vua chúa bản địa.

Năm 1664, Pallu đã cùng với Lambert, trong một cuộc hội nghị ở Juthia (Thái Lan) định ra phương hướng hành động cho các giáo sĩ thừa sai Pháp ở Việt Nam, lập chủng viện để đào tạo các linh mục bản xứ, chủ yếu cho Việt Nam, và sau đó, phân công người coi sóc và điều hành việc đạo ở Việt Nam.

Đối với cuộc truyền giáo ở Việt Nam, sau A. de Rhodes thường được tôn xưng là Tông đồ của xứ, Pallu là một tên tuổi không kém phần chói sáng.

2.3. Hoạt động của Lambert.

Trong khi chờ đợi cơ hội thuận lợi để vào Đàng Trong, tháng 6 năm 1664, Lambert cử thừa sai

https://tieulun.hopto.org

Chevreuil sang thăm dò mang theo thư ủy nhiệm và một số tiền khá lớn cùng với một thông ngôn người Nhật, đến Hải Phố rồi lên Huế. Nhân buổi lễ Đức Mẹ lên trời do giáo sĩ dòng Tên tổ chức, Chevreuil tuyên bố mình là giám mục chính thức của địa phận, rồi sau đó trở lại Cửa Hàn. Ở đây Chevreuil bị các giáo sĩ dòng Tên tẩy chay và làm khó dễ. Năm 1665, có lệnh cấm đạo của chúa Hiền Vương; các giáo sĩ dòng Tên cũng như Chevreuil đều bị trục xuất. Chevreuil phải trở về Thái. Tháng 8 năm 1665, Chevreuil cùng với thừa sai Hainques, mang theo giấy xác nhận của Lambert cử hai người làm giám mục Đàng Trong. Chevreuil bị ốm nằm lại phía Nam (Bà Rịa) rồi sau trở về Thái Lan. Hainques cùng thừa sai Brindeau ra miền Trung, ra sức hoạt động truyền giáo bất chấp sự cấm đạo ngặt - Vào thời điểm này Hainques đã gửi hai thầy giảng Trang và Bền sang Thái Lan chịu chức linh mục và trở về cùng Hainques tham gia việc truyền giáo. Năm 1670, cả hai giáo sĩ Hainques và Brindeau đều kiệt sức ốm chết. Hai linh mục Trang và Bền cũng phải trốn sang Thái Lan. Đàng Trong một thời gian không có linh mục.

Cũng vào năm này, nhận lời ủy thác của Pallu, Lambert đi kinh lý Đàng Ngoài. Trước đó, vào năm 1665, Pallu đã cử thừa sai Deydier ra Bắc với tư cách là Cố chính, Deydier phải ăn mặc giả làm lái buôn, ẩn náu trong nhà các giáo dân và làm việc đạo rất tích cực, có hiệu quả bất chấp sự ngăn trở và bất phục tùng của các thừa sai dòng Tên. Trước hết, Deydier triệu tập các thầy giảng lên thuyền, ngày ngày bồi dưỡng thêm về giáo lý. Khóa học này của Deydier được các nhà viết sử Thiên

https://tieulun.hopto.org

chúa giáo ở Việt Nam coi là sự manh nha của chủng viện đầu tiên của Thiên chúa giáo Đàng Ngoài. Tiếp đó, Deydier đi kinh lý và truyền giáo ở các tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa; Theo những ghi chép còn để lại, riêng năm 1667, đã cải giáo cho 7.080 người trong đó riêng Deydier đã rửa tội cho 1.500 người. Cũng vào thời điểm này Deydier phong chức linh mục đầu tiên cho hai thầy giảng Đàng Ngoài là Hiền và Huệ.

Tháng 7 năm 1669, Lambert cùng thừa sai Bourges và một thừa sai khác, ra kinh lý Đàng Ngoài, đến phố Hiến trốn được lên đất liền, gặp lại Deydier, tiến hành một số việc quan trọng; trước hết Lambert truyền chức thêm 7 thầy cả, 20 thầy bổn, 20 thầy chịu phép cắt tóc, được coi như khởi đầu cho hàng giáo sĩ Đàng Ngoài; tiếp đó vào ngày 14/2/1670, Lambert triệu tập Công đồng Nam Định nhằm lập lại kỉ luật trong địa phận như cách thức chăm sóc con chiên, chọn lựa và đào tạo thầy giảng, phân chia các xứ, bầu trùm trưởng và chức dịch trong các xứ, ... Lambert cũng lập khuôn phép Nhà Đức Chúa Giời (Maison de Dieu) sau được gọi là Nhà Chung trong địa phận Đàng Ngoài; Đây là một hình thức tổ chức và sinh hoạt mang dáng dấp của một trường học sơ khai. Ở mỗi nhà Chúa có một linh mục đứng đầu, cùng với một số thầy giảng và các giáo dân trung tín, trẻ em và người lớn được nhà thờ đỡ đầu và một số người đầy tớ già. Linh mục đứng đầu được coi như người cha nuôi của mọi người, được phục vụ tận tình chu đáo. Những trẻ em được thầy giảng dạy kinh bổn và dạy chữ. Những người chăm chỉ, nghiêm túc trong học tập có thể được cử đi học ở các chủng viện để

https://tieulun.hopto.org

trở thành linh mục. Có thể coi đây như là cấp sơ đẳng hay dự bị để chọn lọc những người được tuyển chọn vào cấp học cao hơn là các chủng viện. Có rất nhiều linh mục bản xứ có xuất xứ từ các Nhà Chúa này.

Cùng lúc Lambert cũng lập một dòng nữ tu bản xứ ấy có tên là Dòng chị em mến Câu Rút (Les amantes de la Croix), sau được gọi là Dòng chị em mến Thánh giá. Dòng này được dựa trên sự kiện trước đó ở Bái Vàng (Hà Đông) có 3 trinh nữ lên Kẻ Chợ để thú đạo, lại gặp lúc tha cấm, bèn kéo nhau về Bái Vàng ở chung, lôi cuốn theo nhiều trinh nữ khác, nguyện dâng hiến cuộc đời để phục vụ đạo. Dòng "Chị em mến Thánh giá" thu nhận các trinh nữ Thiên chúa giáo có đức hạnh, khấn hứa suốt đời làm việc đạo. Chính Lambert, với sự giúp đỡ của Deydier, đã tự tay thảo ra quy chế 14 điều bằng tiếng Pháp, sau đó soạn lại bằng chữ quốc ngữ gồm 26 điều qui định cách thức tuyển chọn, sinh hoạt, học tập, tu dưỡng, kỉ luật, v.v... hết sức nghiêm ngặt[15]. Những nữ tu của dòng này, trong suốt thời kì truyền giáo, kể cả lúc đạo gay gắt nhất, đã có những đóng góp to lớn cho việc củng cố, phát triển đạo và gây dựng uy tín không phải là nhỏ của đạo đối với dân bên đời, nhờ có những thuận lợi chỉ có ở người nữ tu.

Ở những trung tâm truyền đạo lớn, các nữ tu sống chung trong những ngôi nhà đơn sơ, giản dị gọi là nhà mụ, dưới quyền cai quản của một mẹ Nhất. Khi có cuộc bắt đạo ngặt các nữ tu tản vào trong dân chúng để hoạt động dễ dàng. Trong các nhà mụ, hàng ngày các nữ tu

15. Xem quy chế của dòng trong phần phụ lục.

https://tieulun.hopto.org

phải ngắm nguyện, đọc kinh và tự kiểm, sám hối vào lúc 21h30 trước khi đi ngủ.

Ngoài việc ngắm nguyện, đọc kinh, tự kiểm và sám hối, các nữ tu phải lao động chân tay như giặt giũ đồ thờ, làm bánh thánh. Đồng thời các nữ tu còn có trách nhiệm dạy nghề cho trẻ em được các bà mụ đỡ đầu. Ví dụ, ở nhà mụ Di Loan, giáo phận Đắc Tô, thuộc tỉnh Quảng Trị có một xưởng dệt và một lớp dạy thêu có sử dụng kỹ thuật Phương Tây.

Công việc đáng kể nhất của các nữ tu là các hoạt động xã hội. Được trang bị các kiến thức khoa học tiên tiến, các nữ tu tỏa vào trong dân chúng để cứu chữa những người bệnh tật. Rất nhiều người dân bên đời được cứu chữa đã mang ơn các nữ tu và có cảm tình với bên giáo. Trong khi len lỏi trong dân chúng để chữa bệnh các nữ tu kết hợp với việc đạo như thu nhận những tân tòng, mua hồn các trẻ em hấp hối (in articulo mortis) - một hình thức nhân đạo cho phần hồn, vì trẻ em chết yểu ở bên đời không liệt vào hàng những người được thờ cúng. Cũng chính họ là những người tự nguyện phục vụ trong những trại cô nhi, trong các bệnh viện, và nhất là phục vụ trong các trại hủi do giáo hội mở.

Trong những thời điểm bắt đạo ngặt, các nữ tu với những thuận lợi vốn có, đã có vai trò rất quan trọng trong việc liên lạc, động viên giáo dân. Và những đóng góp rất đáng kể này của các nữ tu vào việc củng cố và phát triển đạo ở Việt Nam, nhất là ở Bắc Kỳ.

Tháng 4-1670, Lambert trở về Thái Lan để rồi đến năm 1672, cùng các thừa sai Mahot và Vachet đến Đàng

https://tieulun.hopto.org

Trong để thực hiện chức vụ giám mục của mình.

Sau khi đi kinh lý một số tỉnh phía Nam, Lambert lập một tu viện "Chị em Mến Thánh giá" ở Quảng Ngãi, rồi về Hải Phố tháng 1-1672. Ở đây Lambert triệu tập công đồng, xem xét việc đạo, kêu gọi sự hòa hợp trong giáo hội và thông báo nội dung công đồng Nam Định. Tháng 2-1672, Lambert về lại Thái Lan mang theo 12 học sinh người Việt. Tiếp đó nhận được tin chúa Hiền Vương nhắn muốn được gặp, Lambert trở lại Đàng Trong, đến Huế, song Hiền Vương không tiếp vì có tang. Lambert được các quan chức ở Huế tiếp đón niềm nở; Lambert gửi lễ vật cho Chúa, ở lại 15 ngày thăm nom việc đạo rồi về Hải Phố. Ở đây Lambert gặp nhiều chuyện rắc rối với các giáo sĩ dòng Tên rồi sau đó trở lại Thái Lan xây dựng và củng cố chủng viện Juthia để đào tạo linh mục Việt Nam, và qua đời ở đó năm 1679 thọ 55 tuổi.

Lambert là giám mục tiền khởi của Tòa thánh La Mã và của Hội Thừa sai Paris, đã có những đóng góp cụ thể, thiết thực và rất cơ bản cho cuộc truyền bá Thiên chúa giáo ở Việt Nam.

Bằng các hoạt động tích cực của mình, Lambert tuy chưa thật hoàn tất, nhưng đã khẳng định được quyền truyền giáo của Pháp ở Việt Nam trước sự kháng cự bền bỉ của các thừa sai dòng Tên. Với hai công đồng Nam Định và Hải Phố, Lambert đã củng cố đội ngũ các thừa sai Pháp, đội ngũ các linh mục và thầy giảng bản xứ, đưa cuộc truyền giáo vào nề nếp và tổ chức, tạo đà cho các giám mục địa phận sau đó đẩy mạnh việc phát

https://tieulun.hopto.org

triển đạo. Ngoài ra, việc xây dựng chủng viện Juthia ở Thái Lan và việc lập dòng "Chị em Mến Thánh giá" ở Việt Nam càng tô điểm thêm công lao của Lambert đối với cuộc truyền giáo ở Việt Nam.

3 - Thời kì các giám mục địa phận (I). Từ nửa sau thế kỉ XVII đến hết thế kỉ XVIII.

Như đã trình bày ở trên, hoạt động của Pallu và nhất là của Lambert ở ngay trên đất Việt Nam, đã đưa việc truyền giáo ở đây vào nề nếp và có tổ chức.

Dựa vào tình hình địa lí của mỗi miền, các vùng truyền giáo lớn được chia thành địa phận, gồm các tỉnh giáp ranh nhau, đi lại thuận tiện. Mỗi địa phận do một giám mục cai quản; Địa phận lớn có thể có phó giám mục và một vài thừa sai giúp việc. Mỗi địa phận, nhất là địa phận lớn được phép mở chủng viện để đào tạo thầy giảng, đào tạo linh mục bản xứ, do một thừa sai làm giám đốc hoặc do giám mục địa phận kiêm nhiệm; mỗi địa phận chia làm nhiều giáo xứ do linh mục nước ngoài hoặc linh mục bản địa trông coi, có sự trợ giúp của Ban hành giáo xứ gồm các chức sắc bản địa là những giáo hữu có uy tín với giáo dân. Dưới giáo xứ là các họ đạo, thường theo đơn vị thôn xã, cũng bầu ra các chức sắc, như trùm trưởng, trùm phó... để điều hành việc đạo. Ngoài ra ở mỗi xứ đạo, bên cạnh cha chánh xứ còn có các thầy giảng (catéchistes) là những người giúp việc đắc lực cho các cha, đặc biệt có thể tạm thay thế các cha xứ trong những khi họ vắng mặt hoặc trong những thời điểm bắt đạo gắt, phải ẩn náu.

Nhờ có nề nếp và tổ chức chặt chẽ, việc truyền giáo

https://tieulun.hopto.org

từ nửa sau thế kỉ XVII đến hết thế kỉ XVIII, mặc dù có những trở ngại lớn như chiến tranh và cấm đạo thường xuyên, vẫn được duy trì và mỗi khi có cơ hội thuận lợi lại được đẩy mạnh và tiến triển dần dần.

3.1. Truyền giáo ở Đàng Trong:

Năm 1670, sau khi Lambert mất ở Thái Lan, thừa sai Mahot được cử làm giám mục địa phận Đàng Trong. Thời gian tại chức, Mahot đã triệu tập công đồng Hải Phố để chỉnh đốn việc đạo và bàn việc đào tạo linh mục người bản xứ.

Năm 1684, giám mục Mahot mất, thừa sai Joseph Duchêne thay thế, nhưng cũng qua đời 2 ngày sau khi nhậm chức.

Từ 1684 đến 1691, Đàng Trong không có giám mục. Pérez thừa sai người Tây Ban Nha được cử làm giám mục Đàng Trong năm 1891, nhưng không được các thừa sai Pháp chấp nhận. Pérez chết năm 1727. Alexander (thừa sai người Ý) được cử thay thế, cũng gặp nhiều khó khăn về tranh chấp quyền hành và bất đồng về lễ nghi tôn giáo. Trong khi các giáo sĩ dòng Tên có ý tha cấm việc thờ cúng tổ tiên cho giáo dân, thì các giáo sĩ dòng Thừa sai Paris lại kiên quyết phản đối, và xung đột đã xảy ra tới mức cha Bề trên của các giáo sĩ thừa sai Pháp là Flory bị Alexander rút phép thông công. Alexander mất năm 1728; Đàng Trong lại một thời gian không có giám mục. Trong khi đó, sự xung đột giữa các dòng kéo dài và ngày càng căng thẳng tới mức Tổng Hội truyền giáo phải cử cha Achards de la Baume với cương vị là Khâm sai Tòa thánh đến để dàn xếp.

https://tieulun.hopto.org

Tháng 5-1739, Baume đến Hải Phố rồi đi thẳng ra Huế, triệu tập giáo sĩ các dòng đến kí giấy hoàn toàn tuân phục các quyết định của Khâm sai Tòa thánh, tiếp đó phân chia Đàng Trong làm các địa phận nhỏ và giao cho mỗi dòng cai quản một địa phận.

Dòng Tên cai quản địa phận từ Quảng Bình đến Huế.

Dòng Thừa sai: Từ Huế đến Bình Thuận.

Dòng Phan Sinh (Franciscains): Bình Thuận và Cao Miên.

Baume tạm cai quản Đàng Trong cho đến khi mất năm 1741 và được an táng tại Nhà thờ Thợ Đúc ở Huế.

Tuy có những rắc rối nội bộ như đã kể trên, giáo hội Đàng Trong có may mắn được hưởng hơn 10 năm tha cấm dưới thời chúa Ninh Vương (1721-1737), nên việc đạo vẫn tiến triển. Vào năm 1743 địa phận Đàng Trong có 300 nhà thờ, 70.000 bổn đạo với 29 linh mục ngoại quốc và 200 thầy giảng. Riêng ở Huế có 5 nhà thờ.

Bốn năm sau khi Baume mất, thừa sai Lefebre được cử làm giám mục Đàng Trong (1743). Theo lệnh Giáo hoàng, Lefebre triệu tập công đồng Huế, có mời Hilaire giám mục địa phận Đông Đàng Ngoài đến dự để bàn việc thống nhất quan điểm về lễ nghi tôn giáo vẫn còn tồn tại dai dẳng, nhưng không đi đến kết quả. Năm 1750, Võ Vương (1738-1765) ban hành lệnh cấm đạo gắt - Có tới 26 thừa sai ngoại quốc bị bắt rồi bị trục xuất - Lefebre phải trốn qua Cao Miên rồi mất ở đó năm 1760. Việc đạo ở Đàng Trong phó mặc trong tay 3 linh mục

https://tieulun.hopto.org

bản xứ và các thầy giảng ở các giáo xứ.

Thừa sai Piguel được cử thay Lefebre, song không đến Đàng Trong được vì vẫn còn lệnh bắt đạo, nên tá túc ở Cao Miên. Mãi đến năm 1765, Võ Vương mất, Huệ Vương lên ngôi, cuộc cấm đạo có phần được nới lỏng, Piguel mới đến được địa phận, đi thăm các xứ đạo sau 15 năm không có giám mục. Do sức yếu, Piguel phải trở về Cao Miên và mất ở đây năm 1771. Trước khi mất đã chỉ định thừa sai Pigneau de Béhaine làm phó giám mục địa phận Đàng Trong, Pigneau đến Đàng Trong từ năm 1767, được cử làm Giám đốc Chủng viện Hòn Đất, là Chủng viện Juthia chuyển về vì tình hình chính trị ở Thái Lan bất ổn. Đầu năm 1770, tình hình ở Hà Tiên bất ổn, Pigneau đem chủng viện qua Pondichery (Ấn Độ). Năm 1774, Pigneau được tấn phong giám mục rồi trở về Hà Tiên năm 1775.

Lúc này ở Đàng Trong đã bùng nổ cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, tình hình khá hỗn loạn, Pigneau phải luôn luôn bôn tẩu, hầu như không làm được bao nhiêu công việc cho việc đạo.

Cũng chính trong giai đoạn hỗn loạn này, Pigneau đã cứu thoát hậu duệ duy nhất của Vương triều Nguyễn là Nguyễn Ánh (khoảng cuối năm 1777) và cũng từ đó giữa giám mục Pigneau và Nguyễn Ánh hình thành mối quan hệ khăng khít cho đến khi Pigneau từ trần (1899). Trong khoảng 20 năm đó, Pigneau đóng vai trò đặc biệt trong sự tồn tại và trở lại ngôi vua của Nguyễn Ánh, như đã được ghi nhận trong sử sách.

Cuộc truyền giáo ở Đàng Trong khoảng ba thập kỉ

https://tieulun.hopto.org

cuối thế kỉ XVIII hầu như không tiến triển bao nhiêu. Trong thực tế, với khởi nghĩa Tây Sơn, Đàng Trong hầu như bị chia cắt làm hai miền: Nam (Nam Kỳ sau này) và Bắc (Trung Kỳ sau này) - Vì vậy từ năm 1775, Pigneau đã phong Labartette làm giám mục phó phụ trách miền Trung. Năm 1782, Labartette chính thức nhậm chức giám mục ở đây cùng với thừa sai Longer làm giám đốc chủng viện. Song việc đạo ở đây không tiến triển được bao nhiêu, vì trong các vùng do họ kiểm soát, chính quyền Tây Sơn đều cấm đạo.

Tuy nhiên, từ 1789 trở đi, sau khi Nguyễn Ánh chiếm lại được Gia Định, phản công quân Tây Sơn, thì ở những vùng Nguyễn Ánh kiểm soát, việc đạo được phục hồi trở lại, và đến lúc Nguyễn Ánh lên ngôi (1802), tình hình phát triển Thiên chúa giáo ở Đàng Trong, cũng vẫn đạt được những kết quả khả quan.

Tính đến năm 1800, ở Đàng Trong có:

1 giám mục Thế diện Tông tòa.

5 thừa sai.

15 linh mục bản xứ.

50.000 giáo dân[16].

3.2. Truyền giáo ở Đàng Ngoài.

Sau công đồng Nam Định 1670, Lambert về Thái Lan, để Bourges ở lại cùng Deydier lo việc đạo ở Đàng

16. Số liệu của Encyclopoedia of Religions & Ethics. Vol. VIII, New York, 1915, Tr.718.

https://tieulun.hopto.org

Ngoài. Hai người đều ăn mặc giả làm lái buôn ở lại Phố Hiến và lén lút đi truyền đạo và chăm sóc giáo dân.

Năm 1671 bị tố giác, cả hai đều bị bắt. Sau nhiều lần được giáo dân chạy chọt, lo lót, hai người được thả và tiếp tục truyền đạo. Chỉ một năm sau, hai người đã cải giáo thêm được 5.300 người.

Năm 1678, theo đề nghị của Pallu với Giáo hoàng, Đàng Ngoài được phân làm hai địa phận: địa phận Tây (vùng hữu ngạn sông Hồng đến giáp Lào) do Bourges làm giám mục; địa phận Đông (tả ngạn sông Hồng ra tới biển) do Deydier làm giám mục.

Năm 1681, thuyền buôn Pháp do chủ sự Công ty Ấn Độ dẫn đầu đến Đàng Ngoài, được Deydier hướng dẫn, đến gặp Chúa Trịnh đem theo lễ vật hậu và bán hàng giá rẻ - Nhà Chúa (Trịnh Tạc) hài lòng, nhân đó việc cấm đạo được nới lỏng đôi phần. Mấy tháng sau, Deydier lại đưa Lefebre và Geffrard đem thư và lễ vật của vua Pháp Louis XIV dâng Trịnh Tạc, xin cho Deydier và Bourges ở lại để giữ liên lạc. Nhà Chúa bằng lòng. Năm 1682, Trịnh Căn nối ngôi, vẫn giữ cảm tình với nước Pháp, nới lỏng sự cấm đạo, nhờ đó việc truyền giáo ở Kinh thành và các tỉnh lân cận phát triển mạnh.

Năm 1693, Deydier mất, Bourges kiêm nhiệm cả hai địa phận, xin phong một linh mục bản địa làm giám mục địa phận Đông, song không được chấp nhận. Địa phận Đông sau đó giao lại cho các giáo sĩ dòng Đa Minh (Dominicain) Tây Ban Nha, từ Manilla sang cai quản.

Bourges phong thừa sai Bélot làm phó, đẩy mạnh việc truyền giáo ở địa phận Tây Bắc Kỳ, lập chủng viện

https://tieulun.hopto.org

đặt ở Nghệ An.

Đời Trịnh Cương (1709) lệnh bắt đạo lại trở nên ngặt hơn. Bourges và hai linh mục Pháp bị bắt đem về Hà Nội để xử, bị án quản thúc, rồi được về Phố Hiến. Đầu năm 1713, các giáo sĩ bị trục xuất. Bourges phải về Thái Lan và mất ở đây năm 1714.

Phó giám mục Bélot trốn lại được nhận chức giám mục trông coi địa phận, rồi mất năm 1717.

Guisain lên thay thế năm 1723 cũng qua đời. Thừa sai Néez làm Cố chính trông coi địa phận đến 1739 được phong giám mục, tích cực hoạt động, lập đại chủng viện ở Vĩnh Trị (Nam Định); mất năm 1744.

Reydellet được cử làm giám mục trông coi địa phận. Những năm Reydellet làm giám mục, tuy vẫn còn lệnh cấm đạo song không quá ngặt nghèo; riêng năm 1770 vẫn cải giáo được 861 người.

Reydellet mất vào dịp Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc Hà (tháng 7 năm 1786). Thừa sai Davoust mới từ Pháp trở lại Đàng Ngoài, ra sức củng cố tinh thần cho các thừa sai Sérard, Le Breton, Le Roy, La Mothe, để điều hành việc đạo.

Năm 1789, Davoust mất, Longer được cử làm giám mục địa phận; năm 1795 gặp lúc Nguyễn Quang Thùy nới lỏng việc đạo, Longer triệu tập công đồng 1795, bàn việc đào tạo các thầy giảng và cách thức ban các phép bí tích.

Năm 1796, Longer trao quyền cho giám mục La Mothe rồi đi giải tội và làm phúc ở xứ Đoài (Sơn Tây...).

https://tieulun.hopto.org

Những năm này chính quyền Tây Sơn cấm đạo ngặt. La Mothe và Longer đều phải sống lén lút, việc hành đạo rất khó khăn.

Các giáo sĩ dòng Đa Minh, địa phận Đông cũng lâm vào tình trạng tương tự. Thời Trịnh Doanh (1740-1767) ở đây 2 giáo sĩ Gil và Leziniana dòng Đa Minh tử đạo (1745).

Tuy nhiên, tính đến năm 1800, cuộc truyền giáo ở Đàng Ngoài vẫn đạt đến những kết quả khả quan:

Ở địa phận Tây có một giám mục, 6 giáo sĩ thừa sai ngoại quốc , 63 linh mục bản xứ, 120.000 giáo dân.

Địa phận Đông có 1 giám mục, 4 giáo sĩ thừa sai ngoại quốc, 41 linh mục bản xứ, 140.000 giáo dân[17].

Cộng với số liệu ở Đàng Trong, ở cả nước có:

3 giám mục.

15 giáo sĩ thừa sai ngoại quốc.

119 linh mục bản xứ.

310.000 giáo dân.

4 - Thời kì các giám mục địa phận (II). Thế kỉ XIX.

4.1. Triều Gia Long (1802-1820).

Khi chủ động cứu vớt Nguyễn Ánh năm 1777 và sau đó tích cực giúp đỡ Nguyễn Ánh trở lại ngôi vua, giám mục Pigneau nuôi sẵn hi vọng Nguyễn Ánh sẽ cải

17. Số liệu của Encyclopoedia of Religions & Ethics, Sđd, Tr.718.

https://tieulun.hopto.org

giáo và Thiên chúa giáo hóa Việt Nam. Song, mặc dù chịu ơn sâu của giám mục Pigneau, Nguyễn Ánh đã không cải giáo. Ngay cả hoàng tử Cảnh, vốn được Pigneau dạy dỗ từ nhỏ cùng với hi vọng Cảnh sẽ cải giáo, khi đến tuổi trưởng thành cũng không cải giáo. Ý đồ tạo một Constantin ở Việt Nam của Pigneau thất bại.

Trong thâm tâm, Nguyễn Ánh không ưa đạo Thiên chúa vì tôn giáo này không chấp nhận những tín ngưỡng truyền thống của Việt Nam, nhất là sự thờ cúng tổ tiên, một tín ngưỡng lâu đời của dân tộc lại thấm đượm tinh thần Nho giáo, giữ vai trò nền móng cho việc tôn vinh chính quyền phong kiến cũng như góp phần tích cực vào việc củng cố trật tự xã hội đương thời. Trong nhiều lần tranh luận với giám mục Pigneau, Nguyễn Ánh đã bày tỏ thái độ kiên quyết bảo vệ tín ngưỡng truyền thống này và giải thích ý nghĩa sâu xa của tín ngưỡng này trong việc giáo dục phẩm chất đạo đức của người dân trong nước và tác dụng duy trì trật tự xã hội của tín ngưỡng này. Trong sắc lệnh về tôn giáo, năm 1804, trong điều khoản 4 nói về Thiên chúa giáo, Gia Long công khai tuyên bố Thiên chúa giáo là một thứ dị đoan và ra lệnh: "*... từ nay trong các tổng, các làng có nhà thờ của người Thiên chúa giáo cấm sửa chữa hoặc xây dựng lại những ngôi nhà thờ đã bị hư nát, còn cất nhà thờ mới ở những nơi chưa có tuyệt nhiên cấm hẳn*".

Tuy nhiên, trong suốt thời gian ở ngôi (1802-1820), Gia Long không ban hành một sắc chỉ cấm đạo nào,

https://tieulun.hopto.org

thậm chí có lúc Gia Long còn ra sắc lệnh cho các quan địa phương không được làm khó đối với dân Thiên chúa giáo. Và, trước khi chết, Gia Long còn di chiếu cho người nối ngôi là Minh Mạng không được cấm 3 tôn giáo lớn là Khổng giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo để tránh gây nên sự rối loạn trong nước.

Trong gần 20 năm Gia Long ở ngôi, Thiên chúa giáo ở Việt Nam được bình yên. Song, trong những năm này, Giáo hội ở Pháp vừa qua cơn bão táp của cách mạng tư sản, không đủ sức cung cấp cho Việt Nam số giáo sĩ thừa sai cần thiết. Năm 1812, ở phía Nam chỉ còn giám mục Labartette, cha chính địa phận Jarot và thừa sai Audemar. Ở Bắc chỉ có giám mục Longer với vài giáo sĩ thừa sai Pháp già yếu ở giáo phận Tây và mấy giáo sĩ Đa Minh ở giáo phận Đông. Vì thế, trong thời gian thuận lợi ấy việc truyền giáo không phát triển được bao nhiêu, mà chỉ là thời gian Giáo hội Việt Nam củng cố và ổn định tổ chức để đối phó với những đợt cấm đạo ngày càng gay gắt từ đời Minh Mạng trở đi.

4.2. Triều Minh Mạng (1820-1840).

Khoảng thời gian 20 năm dưới thời Minh Mạng, lực lượng truyền giáo được tăng cường. Các giám mục như Labartette (mất năm 1822) rồi Taberd (nhận chức giám mục năm 1827) ở Trung và Nam Kỳ, Havard (nhận chức năm 1829), Retord (được phong giám mục năm 1839), đều là những người có năng lực, tận tụy.

Cùng trong thời gian này, nhiều giáo sĩ thừa sai được cử đến tăng cường, nhất là cho miền Trung và miền Nam: năm 1825 có Thomassin, Taberd, Gagelin;

https://tieulun.hopto.org

từ năm 1825 đến năm 1830 có thêm Nablet, Ningole, Cuénot, Marchand, Mialon, Viale...

Nhưng cũng trong thời gian 20 năm này, giáo hội Việt Nam chịu rất nhiều khó khăn và tổn thất bởi các đợt bắt đạo của Minh Mạng.

Là một ông vua có học vấn uyên thâm, có nhiều đóng góp trong việc trị nước, Minh Mạng coi việc hạn chế để đi đến triệt bỏ hoàn toàn đạo Thiên chúa cũng là một chính sách lớn để ổn định trật tự xã hội và phòng ngừa sự dòm ngó của các thế lực Phương Tây, nhất là Pháp.

Từ năm 1825 đến 1838, Minh Mạng liên tiếp ra 4 sắc dụ cấm đạo (1825, 1833, 1836, 1838) mà nội dung chủ yếu là:

a- Ngăn cấm các giáo sĩ thừa sai lén lút nhập cảnh để truyền đạo. Giáo sĩ nào bị bắt sẽ bị xử rất nặng, thường là tử hình.

b- Tập trung các giáo sĩ thừa sai hiện đang có mặt về Huế để dịch sách và tài liệu tiếng Phương Tây, đồng thời cũng là để quản thúc, không cho họ tiếp xúc với giáo dân. Khi được thả về nhiệm sở, các giáo sĩ này phải chịu sự quản thúc của các quan địa phương, không được đi lại tự do nếu không được phép. Ai trái lệnh sẽ bị xử tội rất nặng: tử hình.

c- Đối với giáo dân, Minh Mạng lệnh cho các quan phải ra sức giáo huấn họ bỏ đạo, lại tự thân thảo "Thập điều giáo huấn" để các chức sắc địa phương giảng cho dân. Nếu đã hết lòng giáo huấn mà không chịu bỏ đạo,

https://tieulun.hopto.org

sẽ dùng những hình thức cứng rắn như bắt giáo dân phải bước qua Thánh giá, phá hủy nhà thờ, nhà nguyện, nếu không chấp hành sẽ bị xử phạt nặng, kể cả tử hình.

Các sắc dụ cấm đạo trên đã gây thiệt hại nặng cho giáo hội Thiên chúa giáo ở Việt Nam: hàng trăm giáo dân, 20 linh mục bản xứ, 9 linh mục ngoại quốc và 4 giám mục tử đạo dưới thời Minh Mạng, như các trường hợp của thừa sai Gagelin (1833), thừa sai Marchand (1835), Cornay (1837), Jacard (1838), De la Mothe (1840), giám mục Havard (1837), giám mục Borie (1838), giám mục Henares, giám mục Delgado (1838)...

Tuy bị thiệt hại, song giáo hội Thiên chúa giáo ở Việt Nam vẫn đứng vững và vẫn đạt được mức độ tiến triển khả quan nhờ sự điều hành khéo léo của các giám mục, các thừa sai và lòng trung kiên của các giáo hữu.

Vào năm 1840, trên toàn quốc có:

Ở Trung Kỳ và Nam Kỳ có 1 giám mục, 1 phó giám mục, 10 thừa sai, 27 linh mục bản xứ, 80.000 giáo dân.

Ở Tây Bắc Kỳ có: 1 giám mục, 8 thừa sai, 76 linh mục bản xứ, 180.000 giáo dân.

Đông Bắc Kỳ có: 1 giám mục, 1 phó giám mục, 6 thừa sai, 41 linh mục bản xứ, 160.000 giáo dân.

Tổng cộng: 3 giám mục, 2 phó giám mục, 24 thừa sai, 144 linh mục bản xứ và 420.000 giáo dân[18].

Như vậy so với năm 1800, số giáo dân trong cả

18. Số liệu của Encyclopoedia of Religions & Ethics. Sđd, Tr.719.

https://tieulun.hopto.org

nước đã tăng thêm 110.000 người.

4.3. Triều Thiệu Trị (1841-1847).

Trong những năm đầu ở ngôi, Thiệu Trị vẫn duy trì những sắc lệnh cấm đạo thời Minh Mạng, song cũng không ra thêm một chỉ dụ bắt đạo mới nào, cũng không thúc giục các quan lại địa phương tích cực bắt đạo. Giám mục Cuénot cho rằng dường như Thiên chúa giáo Việt Nam đang sắp bước vào một thời kì bình an. Còn giám mục Retord (giáo phận Tây Bắc Kỳ) cũng cho rằng giáo phận của mình "đang vươn lên khỏi sự đổ nát và lại còn có vẻ phồn thịnh hơn bao giờ hết ...[19]"

Số giáo sĩ và giáo dân bị nạn trong thời Thiệu Trị hầu như không đáng kể.

Năm 1847, đô đốc Cécille, chỉ huy hải quân Pháp, tưởng Lefebre (bị bắt năm 1844 rồi được tha và được dẫn độ đi Singapore) chưa được tha đã cho tầu chiến đến Đà Nẵng gây hấn, bắn phá 5 chiếc tầu đồng của triều đình. Tới lúc này Thiệu Trị không thể còn bình tĩnh, truyền chém các quan đã để cho quân Pháp làm nhục, rồi chỉ thị cho các quan địa phương phải thi hành lệnh bắt đạo đúng như các sắc lệnh của Minh Mạng.

Nhưng cuối năm 1847 (tháng 11) Thiệu Trị mất, Tự Đức lên nối ngôi, việc tang ma kéo dài nhiều tháng, việc bắt đạo lại lắng đi một thời gian.

Tình hình trên là cơ hội tốt cho việc mở rộng việc truyền giáo trong cả nước.

---

19. Etienne Võ Đức Hạnh. *La Place du catholicisme dans les relations entre la France et le Vietnam de 1851*. Tập 1, Tr.294.

https://tieulun.hopto.org

Ở Nam Kỳ, giám mục Lefebre sau khi bị dẫn độ đi Singapore, lại trở lại hoạt động, đặt trụ sở ở Cái Nhum (Vĩnh Long) rồi điều hành việc đạo bình an.

Ở Trung Kỳ, giám mục Cuénot triệu tập công đồng Gò Thị (Bình Định) chọn học sinh gửi đi học để sau trở về làm linh mục khi tròn 35 tuổi. Lại cử Miche và Duclos đi giảng đạo cho đồng bào Thượng ở Kon Tum (1842). Hai thừa sai bị bắt giải về Huế. Thầy giảng Sáu Do lên tiếp thăm dò rồi trở về đưa 2 thừa sai Combes và Fontaine lên truyền giáo. Một nhà nguyện đã được lập ở làng Kon Kơ Lơng. Tháng 10 năm 1850 linh mục Dégout và Dorisboure lên tiếp tục cải giáo. Combes được chỉ định làm bề trên địa phận Bahnar. Thầy giảng Sáu Do được phong linh mục năm 1853 trở lại Tây Nguyên, phối hợp với các thừa sai, mở rộng xứ đạo ở đây.

Do tình hình khả quan của việc phát triển đạo ở Trung và Nam, năm 1844, các địa phận được chia lại:

- Địa phận Huế gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên do Pellerin làm giám mục.

- Địa phận Qui Nhơn gồm các tỉnh còn lại của Trung Kỳ do Cuénot làm giám mục.

- Địa phận Sài Gòn gồm các tỉnh Nam Kỳ do Lefebre làm giám mục.

- Địa phận Cao Miên trước thuộc địa phận Miền Nam, nay tách ra thành một địa phận riêng.

Trong khi đó, giám mục Retord, được tin 5 giáo sĩ được Thiệu Trị thả, đã cùng các giáo sĩ thừa sai công khai giảng đạo, rước lễ linh đình, nếu có nhà chức trách

https://tieulun.hopto.org

nào ngăn cản liền dùng tiền mua chuộc nên mọi việc yên lành.

Thừa sai Charrier được tha, về Pháp, lại trở lại Việt Nam, ra Bắc hoạt động cùng Retord. Tiếp đó thừa sai André Catex đến Bắc Kỳ mang theo thuốc chủng đậu mùa. Retord đem chủng cho dân ở Hoàng Nguyên.

Retord cùng các thừa sai và linh mục bản xứ hoạt động khá tự do trong địa phận. Những lần gặp khó khăn hoặc có giáo sĩ bị bắt, Retord đều lo lót bằng tiền bạc chót lọt.

Năm 1846, được phép của Giáo hoàng, Retord chia nhỏ địa phận Tây Bắc Kỳ thành hai địa phận: địa phận Vinh gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Bố Chính do Gauthier làm giám mục; Địa phận Hà Nội gồm các tỉnh còn lại của Tây Bắc Kỳ cũ do Retord làm giám mục. Do địa phận Hà Nội quá rộng, Retord chỉ định thừa sai Jeantet làm phó giám mục, phong chức cho 20 linh mục người Việt, Lễ phong chức làm rất to, mời cả dân bên lương đến dự, có mời cỗ tới 1.900 mâm ngồi 6 người, diễn ra vui vẻ, an toàn[20].

4.4. Triều Tự Đức (1848-1883).

4.4.1. 1848-1862.

Trong khoảng thời gian nói trên dưới thời Tự Đức, đã xảy ra khá nhiều biến cố lớn; nghiêm trọng nhất là việc quân đội Pháp, Tây Ban Nha, lấy cớ bảo vệ giáo sĩ, giáo dân, đòi tự do truyền giáo, nổ súng xâm lược Đà

---

20. Trích dẫn Phan Phát Huồn. *Việt Nam giáo sử*. Quyển 1, Sài Gòn 1958.

https://tieulun.hopto.org

Nẵng (1858), tiếp đó tấn công Gia Định (1859), rồi chiếm đóng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Trong cuộc tấn công quân sự nói trên của Pháp, các giáo sĩ thừa sai Pháp và một bộ phận giáo dân thiếu sáng suốt, bị lôi kéo, đã công khai tỏ thái độ ủng hộ. Giám mục Pellerin (địa phận Huế) là người tích cực vận động chính phủ Pháp đem quân can thiệp vào Việt Nam; giám mục Lefebre (địa phận Sài Gòn) hết sức tích cực giúp đỡ quân đội Pháp trong cuộc đánh chiếm Sài Gòn. Nhiều giáo dân Bắc cũng như Nam tham gia đội quân lính tập do Pháp tổ chức ở Đà Nẵng rồi theo quân Pháp vào tấn công Gia Định; hưởng ứng lời kêu gọi của giáo sĩ Pháp, nhiều giáo dân ở Nam Kỳ đi lính theo giặc hoặc nhận quan chức của chúng để chống lại triều đình.

Trước tình hình ấy Tự Đức đã liên tiếp ra nhiều chỉ dụ cấm đạo rất ngặt như: đối với giáo sĩ ngoại quốc, linh mục bản xứ, nếu bị bắt thì xử tử hình bằng mọi hình thức để răn đe; đối với giáo dân, phải bỏ đạo, đạp thánh giá, nếu không bỏ đạo tùy trường hợp, hoặc tử hình, hoặc phạt roi, thích chữ vào mặt rồi đưa đi đày... Đặc biệt là vào tháng 7 năm 1861, khi nghe tin Pháp đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ, Tự Đức ra một sắc lệnh *phân tháp* giáo dân, một sắc lệnh nghiêm khắc nhất cho đến bấy giờ.

Với sắc lệnh này cộng với những sắc lệnh đã ban hành từ trước (1848, 1851, 1855, 1857, 1859, 1860) các địa phận Thiên chúa giáo trong cả nước đã phải trải qua những sóng gió và thiệt hại rất lớn:

Ở Bắc Kỳ, thừa sai Shoeffler tử đạo năm 1851, Bonnard năm 1852, Diaz năm 1857; thừa sai Néron và

https://tieulun.hopto.org

Vénard năm 1860; giám mục Ochoa (Trung Bắc Kỳ) và giám mục Hermosilla (Đông Bắc Kỳ) cùng thừa sai Almate bị xử tử tháng 11-1861.

Ở địa phận Qui Nhơn, giám mục Cuénot bị bắt và chết rũ tù tháng 11-1861.

Cùng với các giám mục và thừa sai ngoại quốc nói trên tử đạo, có 115 linh mục bản địa bị giết, 50 nữ tu viện bị phá hủy, 2000 nữ tu bị tản mát trong đó 100 nữ tu hy sinh tính mạng, 10.000 chức sắc trong các họ đạo bị bắt giam trong đó hơn một nửa bị chết, 2.000 xứ đạo bị triệt hạ, 300.000 giáo dân bị phân tháp, trong đó 50.000 giáo dân bị chết.

Sóng gió chỉ tạm yên khi triều đình Huế kí với Pháp điều ước 5-6-1862 trong đó khoản 2 qui định: *"Những thần dân của hai quốc gia Pháp và Tây Ban Nha được phép truyền bá đạo Thiên chúa trong vương quốc Annam, và các thần dân của vương quốc này, bất kể là ai, muốn đi theo đạo Thiên chúa giáo thì đều được tự do và không có sự ép buộc; nhưng cũng không ai được ép buộc mọi người đi theo đạo này nếu họ không muốn".*

4.4.2. 1862-1874.

Từ sau điều ước 1862, thái độ của Tự Đức đối với Thiên chúa giáo có nhiều thay đổi. Do thấy không đủ sức chống lại cuộc xâm lược quân sự của Pháp ở Nam Bộ, lại lo Bắc Kỳ bị rơi vào tay của các cuộc khởi nghĩa, nhất là khởi nghĩa của Tạ Văn Phụng, Tự Đức và đa số đình thần chủ trương hòa hoãn với Pháp để, một mặt rảnh tay đối phó với tình hình ở Bắc Kỳ, mặt khác dùng biện pháp thương lượng để Pháp không mở rộng việc

https://tieulun.hopto.org

chiếm đóng sang các tỉnh Miền Tây. Do đó vào dịp sinh nhật của mình ngày 4 tháng 7 năm 1862, Tự Đức ra lệnh ân xá cho các giáo dân đang bị giam cầm nhất là những người già, phụ nữ, trẻ em, trả lại cho họ nhà cửa, ruộng vườn, cho miễn thuế thân; các chức sắc và những thanh niên Thiên chúa giáo chưa chịu chối đạo vẫn còn bị giam giữ cho đến khi chịu xuất giáo, ... đồng thời vẫn còn giữ lại một số điều lệnh quản thúc các giáo sĩ thừa sai.

Năm 1863, Tự Đức cử phái đoàn Phan Thanh Giản sang Pháp để thương lượng chuộc lại 3 tỉnh miền Đông. Được chính phủ Pháp tiếp đón, hứa sẽ cử người sang thương lượng ngay tại Huế, và đại tá Aubaret được cử cầm đầu phái đoàn của Pháp. Ngày 15 tháng 7 năm 1864, hai bên đã tạm thời nhất trí một dự thảo điều ước mới thay thế cho điều ước 1862: Pháp bằng lòng cho chuộc 3 tỉnh miền Đông với giá 2 triệu francs, kèm theo một số điều kiện như: Pháp được phép đóng quân đồn trú ở một số địa điểm quan trọng và là nước bảo hộ cho cả lục tỉnh Nam Kỳ.

Trong khi điều ước mới đang được chờ chính phủ Pháp phê duyệt, ở kinh thành Huế, nhân kì thi năm đó, đã nổ ra cuộc phản đối kịch liệt của văn thân, sĩ tử, chống lại sự nhượng bộ của triều đình với Pháp và với Thiên chúa giáo, chuẩn bị tàn sát giáo dân.

Sợ rằng hành động của văn thân, sĩ tử sẽ làm đổ vỡ cuộc điều đình, Tự Đức đã ra lệnh đàn áp họ và ngay sau đó ra một chỉ dụ, kêu gọi sự bình tĩnh của văn thân và sự hòa hợp lương giáo; tháng 4 năm 1865, Tự Đức lại ra một chỉ dụ chính thức cho phép các giáo sĩ được tự do

https://tieulun.hopto.org

truyền giáo và dân chúng cũng được tự do theo đạo.

Sự nhượng bộ của Tự Đức và phái chủ hòa ở triều đình đã khuyến khích dã tâm xâm lược của thực dân Pháp; năm 1868, quân đội Pháp chiếm nốt 3 tỉnh Miền Tây, rồi, sau một thời gian củng cố lực lượng, lại cho quân ra gây hấn ở Hà Nội năm 1873, ép triều đình Huế kí điều ước 1874 thừa nhận chủ quyền của Pháp ở Nam Bộ và công khai thừa nhận Thiên chúa giáo được truyền bá tự do.

Từ sau điều ước này, Thiên chúa giáo Việt Nam tuy còn gặp khó khăn về phía các văn thân và trong thời gian nổ ra phong trào Cần Vương, song về mặt quan phương, đã trở thành một tôn giáo hợp pháp; nói cách khác, kể từ đây Thiên chúa giáo về cơ bản đã bước sang thời kì truyền bá tự do và được bảo vệ.

Trong thời gian này, giáo phận Sài Gòn do Lefebre làm giám mục và sau đó là giám mục Miche, được hoàn toàn yên tĩnh và phát triển. Giáo phận mở chủng viện Sài Gòn, trại cô nhi, nhà thương Chợ Quán, mở trường dạy học ở Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, phát huy thanh thế của đạo.

Riêng các giáo phận ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, lại gặp khó khăn vì sự chống đối của Văn thân, là những người chủ chiến, chống lại sự nhượng bộ của triều đình, cho đến khi phong trào Cần Vương bị đàn áp hoàn toàn, mới được thực sự bình an.

5 - Văn thân và Thiên chúa giáo.

5.1. Trước khi Hàm Nghi xuất bôn (1885).

https://tieulun.hopto.org

Văn thân là từ được dùng để gọi những người có một trình độ nho học tương đối cao (đã có bằng cấp hoặc chưa) không tham gia vào bộ máy chính quyền (hoặc đã tham gia rồi lại từ quan) có uy tín với dân chúng. Do chế độ học hành và thi cử khá tự do, nên những người như vậy chiếm một tỉ lệ khá đông trong dân chúng, nhất là ở Bắc và Trung Kỳ. Là những người thấm nhuần tư tưởng Nho giáo, họ là chỗ dựa tinh thần cho chế độ phong kiến hiện hành; song, nhờ sống gần gũi nhân dân lao động, họ cũng là những người đứng về phía nhân dân, hành động vì lợi ích của quảng đại quần chúng mỗi khi giai cấp thống trị đã vì lợi ích hẹp hòi của giai cấp mà vi phạm lợi ích chung.

Năm 1864, họ đã cùng với sĩ tử khoa thi năm đó, gửi kiến nghị lên vua Tự Đức phản đối nghị hòa, tố cáo giáo dân đang âm mưu chống lại triều đình, xin được cấp vũ khí, lập các đội quân, giết các thừa sai, trừng trị dân bên giáo và dọa sẽ bỏ không dự thi. Tự Đức đã ra lệnh kiểm soát chặt chẽ các vùng Thiên chúa giáo, cho điều tra hư thực. Khi thấy tình hình không đúng như kiến nghị, đã xử phạt những người chủ mưu, bắt các sĩ tử vẫn phải dự thi.

Phong trào phản đối nghị hòa, đàn áp Thiên chúa giáo lan ra các tỉnh, đặc biệt mạnh ở Nghệ An, Ninh Bình, Nam Định.

Năm 1865, Bang Biện Trần Tấn ở Nghệ An đã xướng xuất việc phá nhà đạo, ngăn trở việc truyền giáo. Tự Đức ra lệnh trấn áp, Trần Tấn bị phạt 80 trượng, cách chức bang biện.

https://tieulun.hopto.org

Năm 1868, văn thân hưởng ứng lời kêu gọi của Hoàng giáp Tam Đăng, lập những đội quân đi phá đạo. Ngày 11-1-1868, họ vây đánh làng đạo Kẻ Trinh và các họ đạo ở Nam Định, đốt nhà thờ, các nhà mụ và 30 nhà người Thiên chúa giáo. Triều đình đã phải đứng ra dàn hòa.

Trước tình hình đó, các giám mục địa phận ở Bắc Kỳ rất lo ngại, vội cử các giám mục phó để đề phòng những bất trắc lớn: giám mục Cezon (Trung Bắc Việt) cử thừa sai Riano, giám mục Gauthier (Nam Bắc Kỳ) cử thừa sai Croc và giám mục Theurel (Tây Bắc Kỳ) cử thừa sai Puginier.

Năm 1874, khi triều đình Huế kí hòa ước công nhận chủ quyền của Pháp ở Nam Bộ, phong trào Văn thân phản đối nghị hòa và chủ trương giết đạo lại bùng lên ở Bắc và Trung Kỳ.

Ở Nam Định có 14 làng bên giáo bị triệt phá, 1 linh mục bị giết, nhiều giáo dân bị giết hại.

Ở Nghệ An, Trần Tấn và Đặng Như Mai, phát động cuộc khởi nghĩa, nêu khẩu hiệu "Bình Tây, sát Tả", chiếm Hà Tĩnh và một số phủ huyện ở Nghệ An. Quân đội triều đình được sự hỗ trợ của các toán vũ trang của dân Thiên chúa giáo, kéo đến đàn áp. Cuộc khởi nghĩa thất bại.

Các giáo dân sau đó tạm yên.

5.2. Sau khi Hàm Nghi xuất bôn.

Sau khi triều đình Huế kí kết điều ước Patenôtre (1885) đầu hàng Pháp, Hàm Nghi xuất bôn kêu gọi

https://tieulun.hopto.org

nhân dân khởi nghĩa Cần Vương, các thủ lĩnh nghĩa quân ở nhiều địa phương tuy không còn nêu khẩu hiệu "Bình Tây, sát Tả" nữa, song vẫn nghi kị dân Thiên chúa giáo, và, nhiều cuộc đánh phá các làng có đạo đã diễn ra trong mấy năm liền ở nhiều giáo phận:

Ở địa phận Tây Bắc Kỳ (tức địa phận Hà Nội), 5 làng có đạo ở xứ Đoài phải chạy trốn.

Địa phận Nam Bắc Kỳ (Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình): ngày 20 tháng 9 năm 1886, 1.000 nghĩa quân bao vây Thanh Hóa, có tới 100 họ đạo bị hại. Một số họ đạo lớn như Hướng Phương, Cồn Năm, Bảo Nham, Trung Nghĩa, Xuân Kiều bị quân khởi nghĩa tấn công.

Ở Trung Kỳ, địa phận Qui Nhơn chịu nhiều thiệt hại hơn cả:

Ở Quảng Ngãi Văn thân chiếm thành, giết các thừa sai Poirier, Guégan, Guérin, triệt hạ 10 họ đạo, 6.000 bổn đạo bị giết.

Ở Bình Định: thừa sai Barrot, Dupont, Martin bị giết, nhà giám mục Camelbeke, chủng viện Làng Sông và hơn 150 họ đạo bị phá.

...

Tổng hợp lại, chỉ riêng các năm từ 1885 đến 1888, có:

100.000 giáo dân bị giết.

200 linh mục, trong đó có 150 linh mục bản xứ tử đạo.

https://tieulun.hopto.org

340 thầy giảng và 270 chị em dòng Mến Thánh giá tử đạo.

3.000 họ đạo bị hại[21].

Văn thân phát động nhân dân khởi nghĩa chống Pháp xâm lược, phản đối triều đình nhượng bộ Pháp là hành động đúng đắn, phản ánh truyền thống yêu nước, bảo vệ tổ quốc của dân tộc, đã để lại những trang sử đẹp, những tấm gương yêu nước lớn trong lịch sử dân tộc.

Song, hành động sát hại Thiên chúa giáo của quân khởi nghĩa ở nhiều nơi lại phản ánh một sự suy nghĩ phiến diện, thiếu sáng suốt. Đành rằng khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta, nhiều thừa sai ngoại quốc (chủ yếu là Pháp) và một bộ phận giáo dân đã đứng về phía kẻ xâm lược, và, họ đáng phải bị trừng phạt. Nhưng nếu nhân đó mà tiến hành sát đạo hàng loạt, thì lại là việc làm tiêu cực, gây mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân và gây nhiều bất hạnh cho những giáo dân vô tội, một vết thương rất khó hàn gắn.

6. Giáo hội Việt Nam những năm cuối thế kỉ XIX.

Mặc dù đã trải qua rất nhiều sóng gió, cuộc truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam cho đến những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX vẫn đạt được những thành tựu khả quan:

Đã hình thành các địa phận lớn sau đây:

1. Tây Bắc Kỳ (Thanh Hóa, Ninh Bình, Hà Nội,

---

21. Số liệu của Phan Phát Huồn. Sđd, Tập 1.

https://tieulun.hopto.org

Sơn Tây, Hưng Hóa, nam Tuyên Quang, ...) thuộc quyền cai quản của Hội Thừa sai Paris. Tòa giám mục đặt ở Hà Nội.

2. Nam Bắc Kỳ (Nghệ An, Hà Tĩnh, Bố Chính, một số vùng ở Lào) do Hội Thừa sai Paris cai quản. Tòa giám mục đặt ở xã Đoài (Nghệ An).

3. Trung Bắc Kỳ (Hưng Yên, 3/4 tỉnh Nam Định) do giáo sĩ dòng Dominicain (OP) cai quản. Tòa giám mục đặt ở Bùi Chu.

4. Đông Bắc Kỳ (Bắc Ninh, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hải Dương, Quảng Yên) do dòng Dominicain cai quản. Tòa giám mục đặt ở Hải Dương.

5. Địa phận Huế (Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận) do Hội Thừa sai Paris cai quản. Tòa giám mục đặt ở Huế.

6. Địa phận Qui Nhơn (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận) do Hội Thừa sai Paris cai quản. Tòa giám mục Làng Sông.

7. Địa phận Sài Gòn (Biên Hòa, Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sa Đéc, Long Xuyên, một phần Châu Đốc) do Hội Thừa sai Paris cai quản. Tòa giám mục ở Sài Gòn.

Theo "*Sách truyện sự giảng đạo Thánh trong nước Annam*"[22] thì vào năm 1910, số địa phận giám mục là 10; do 10 giám mục, 371 linh mục ngoại quốc, 444 linh mục bản xứ, 1071 thầy giảng, trông coi, với số giáo dân

22. Hong Kong,1917.

https://tieulun.hopto.org

là 950.000, chiếm khoảng 5% dân số lúc bấy giờ.

7 . Truyền giáo và văn hóa bản địa

Sẽ là một thiếu sót lớn khi nói về sự du nhập của đạo Thiên chúa vào Việt Nam mà không đề cập tới tác động, ảnh hưởng của tôn giáo này đối với nền văn hóa bản địa. Đây là một vấn đề lớn, quan trọng, đòi hỏi một sợ nghiên cứu công phu, đánh giá tỉ mỉ, mà hiện tại do những khó khăn chủ quan, chúng tôi chưa thực hiện được như ý muốn; chỉ xin nêu ra đây một số nhận định khái quát về những điều mà chúng tôi nhận thức được, và hy vọng sẽ có dịp đề cập tới vấn đề này trong một chuyên luận.

7.1. Sự hiện diện của đạo Thiên chúa ở Việt Nam góp phần làm cho đời sống tâm linh và văn hóa của một bộ phận quần chúng ở đây thêm phong phú.

Sự du nhập của đạo Thiên chúa vào Việt Nam, từ đầu thế kỷ XVII, đã đem lại cho một bộ phận dân chúng người Việt một niềm tin tôn giáo mới. Đó là một tôn giáo nghiêm chỉnh, với một nền thần học cao siêu, những giáo lý chặt chẽ và nhất là một hệ thống đạo đức giàu tính nhân văn, rất gần gũi với đạo lý đời thường cũng như có những quan điểm chung với hệ thống đạo đức, luân lý của các tôn giáo đang hiện diện ở Việt Nam.

Tôn giáo này cũng tập hợp các giáo hữu của mình thành những cộng đồng có nếp sống văn hóa đặc trưng: văn hóa Kitô giáo. Đó là một cộng đồng gắn bó với nhau rất chặt chẽ trong một Đức tin không thể lay chuyển, trong một hệ thống giáo luật không thể vi phạm, trong một tổ chức nhân sự chặt chẽ, cùng với những lễ nghi

https://tieulun.hopto.org

tôn nghiêm, những sinh hoạt tâm linh mang tính quy phạm và thống nhất rất cao, tạo nên trong mỗi người giáo hữu một cuộc sống tinh thần ổn định, thăng bằng, tin tưởng vào cuộc sống hiện tại cũng như ở thế giới bên kia, một ý thức tự tu dưỡng về phẩm cách để xứng đáng được hưởng phúc trong cuộc sống nơi trần thế cũng như trong cõi vĩnh hằng.

Cộng đồng Thiên chúa giáo không chỉ lo cho bản thân mình mà còn rất quan tâm tới đời sống của cộng đồng người ngoại đạo, xuất phát từ một nguyên lý đạo đức tối trọng của Thiên chúa giáo là tình yêu thương đồng loại. Trong những điều kiện hoàn cảnh cho phép, người Thiên chúa giáo không quản khó khăn, tốn kém, để cưu mang những người ngoại đạo trong cơn hoạn nạn bằng nhiều hình thức khác nhau, và luôn khuyến dụ người bên đời cải giáo để được hưởng ơn cứu rỗi của Chúa, với một động cơ rất chân thành và vô tư.

Trong một xã hội phong kiến suy tàn, phân rã, chiến tranh liên miên, dân chúng hoàn toàn mất niềm tin vào các chính quyền đương nhiệm đang đứng bên bờ tuyệt vọng trong hai thế kỷ XVII, XVIII một cuộc sống như cuộc sống của các cộng đồng Thiên chúa giáo, có vẻ như là một lối thoát hấp dẫn; điều đó cắt nghĩa vì sao đã có một bộ phận không phải là nhỏ trong dân chúng, đã từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để đi theo tôn giáo mới, hóa thân vào một cộng đồng với một nếp sống văn hóa hoàn toàn mới.

Cho dù tôn giáo này đã tỏ ra quá khắt khe với các tín ngưỡng, phong tục tập quán bản địa, không hòa nhập với nền văn hóa truyền thống và thường xuyên bị

https://tieulun.hopto.org

lôi cuốn vào những hoạt động chính trị, song nó đã du nhập vào một bộ dân chúng Việt Nam một sinh hoạt tâm linh mới mẻ, một nếp sống văn hóa ổn định, nề nếp rất đáng được trân trọng.

Vậy là, trải qua 3 thế kỷ du nhập, Thiên chúa giáo đã trở thành một tôn giáo của một bộ phận không nhỏ của dân tộc, và nếu chỉ xét về mặt Đức tin, đạo đức, lối sống, Thiên chúa giáo đã góp phần làm phong phú đời sống tâm linh và nếp sống văn hóa cho một bộ phận dân chúng bản địa. Đó là điều không thể phủ nhận.

7.2. Sự du nhập của đạo Thiên chúa đã chuyển tải tới Việt Nam nhiều thành tựu của nền văn minh Phương Tây.

7.2.1. Sự tạo thành chữ "quốc ngữ"

Về sự tạo thành dạng chữ quốc ngữ, một sự vận dụng công phu và khéo léo môn ngôn ngữ học Phương Tây của các giáo sĩ thừa sai dòng Tên mà người có công đầu là A. de Rhodes, đã được nhiều nhà nghiên cứu chuyên ngành đề cập tới trong nhiều cuốn sách có giá trị. Ở đây, chỉ xin nêu thêm một cách vắn tắt vài ý kiến cá nhân:

Trước khi chữ quốc ngữ ra đời, người Việt đã lập thành một dạng chữ viết riêng cho mình, "chữ Nôm", mượn tự dạng Hán tự, nhưng được phát âm, viết và hiểu theo những quy ước nhất định. Thứ chữ này đã được dùng ngày càng phổ biến và đã sản sinh ra những tác phẩm văn học nổi tiếng. Nhược điểm lớn nhất của thứ chữ này là ở chỗ: 1 – Muốn sử dụng được nó (viết, đọc, hiểu) thì ít nhất phải có một vốn liếng kha khá, nếu

https://tieulun.hopto.org

không muốn nói là tương đối thạo, về chữ Hán. 2 – Chưa thấy xuất hiện một văn bản qui ước mang tính phổ cập về cách viết, phát âm, khiến có tình trạng có những cách phát âm và hiểu nghĩa khác nhau đối với một chữ nôm nào đó. 3 – Chưa thấy xuất hiện một sự tinh giản tự dạng một cách mạnh mẽ so với tự dạng gốc Hán tự, để người biết ít chữ Nho có thể nhận và nhớ mặt chữ rõ ràng. 4 – Chưa lập thành được một cấu trúc phát âm riêng mà phải dựa vào âm của những từ Hán gần gũi với tiếng Việt cộng thêm những kí hiệu hoặc những chữ ghép thêm.

Chữ "quốc ngữ" do các giáo sĩ dòng Tên lập thành đã khắc phục được hầu như hoàn toàn những nhược điểm đó của chữ Nôm.

Chỉ với hơn 20 chữ cái cùng với một số dấu kí hiệu dễ nhận biết, dễ học thuộc, các giáo sĩ thừa sai dòng Tên đã vận dụng phép ghép vần của các thứ chữ Phương Tây, để có thể phiên âm, viết và đọc chính xác tất cả các từ trong tiếng Việt theo quy tắc ngữ học rất chặt chẽ.

Các giáo sĩ thừa sai dòng Tên, nhất là A. de Rhodes, đã kết hợp được cách phát âm của hai miền (Đàng trong và Đàng ngoài) để lập thành một qui tắc chính tả khá rạch ròi, minh bạch cho chữ quốc ngữ mà về cơ bản vẫn còn gần nguyên giá trị cho tới ngày nay.

Có thể nói chắc chắn rằng, tuy còn một số thiếu sót mà sau này sẽ được bổ khuyết dần dần, chữ "quốc ngữ" ngay từ buổi mới lập thành, đã đạt khá đủ những tiêu chí của một thứ chữ viết hiện đại.

Một người hoàn toàn mù chữ, với trí thông minh

https://tieulun.hopto.org

bình thường nếu được dạy dỗ đúng cách, chuyên cần học tập, có thể biết đọc, viết thứ chữ này chỉ trong vòng từ 3 đến 5 tháng! Sáng tạo này của các giáo sĩ dòng Tên thật là hi hữu.

Mặc dù có những ưu điểm như thế, chữ "quốc ngữ" vẫn phải nằm trong bóng tối, nghĩa là chỉ được sử dụng trong Giáo hội, trong gần 3 thế kỉ mà chưa được phổ cập trong dân chúng.

Đó là vì: 1- Các giáo sĩ thừa sai khi sáng tạo ra chữ quốc ngữ là xuất phát chủ yếu từ nhu cầu truyền đạo mà chưa tính đến hoặc chưa có điều kiện để tính đến việc phổ cập nó trong dân chúng. Nói cho đúng hơn, việc sáng tạo ra chữ quốc ngữ lúc ấy chưa xuất phát từ một động cơ cung cấp cho xã hội bản địa một công cụ văn hóa để phát triển, vì thế, các giáo sĩ thừa sai đã không tính đến một phương án để phổ cập nó trong dân chúng; đây hẳn là một nguyên nhân quan trọng khiến nó đã phải nằm trong bóng tối một thời gian quá dài kể từ khi nó đã có vóc, có hình. 2- Các nhà nước phong kiến ở Việt Nam mà chỗ dựa chủ yếu là các nhà Nho, từ khi lập quốc đã coi chữ Hán là thứ văn tự quan phương, cao quí và đã từng coi chữ Nôm, thứ chữ do các nho sĩ có tinh thần dân tộc đã tạo dựng nên là thứ chữ tầm thường, hạ cấp, bằng câu nói cửa miệng "nôm na là cha mách quế"; chắc hẳn cũng vì thế mà con đường tiến lên của chữ Nôm đã bị kiềm chế và phát triển chậm. Sẽ không có gì khó giải thích khi các nhà nước phong kiến ở Việt Nam trong suốt mấy thế kỷ đã không mảy may bày tỏ một sự quan tâm dù rất nhỏ, đối với chữ "quốc ngữ", thứ chữ do các giáo sĩ của một tôn giáo mà họ ghét bỏ để truyền bá

https://tieulun.hopto.org

chính tôn giáo đó!

Phải đến những năm đầu thế kỷ XX, với cuộc vận động Duy Tân của các nhà Nho tiến bộ, chữ "quốc ngữ" mới được đề cao một cách mạnh mẽ và từ đó cứ ngày càng có địa vị quan trọng trong nền văn hóa dân tộc, để cuối cùng chiếm địa vị tuyệt đối, nghĩa là trở thành chữ viết chính thức của dân tộc.

Cần nhấn mạnh thêm rằng, trong khi xã hội chưa quan tâm tới chữ "quốc ngữ" thì nó vẫn được Giáo hội Thiên chúa sử dụng, nuôi dưỡng, cải tiến, không để nó bị mai một và khi có cơ hội xuất hiện, nó đã đạt tới trình độ khá hoàn hảo. Công lao đó của Giáo hội Thiên chúa đối với chữ "quốc ngữ" cần phải được trân trọng ghi nhận.

7.2.2. Những kiến thức khoa học Phương Tây, chủ yếu là khoa học tự nhiên (cơ khí, toán học, vật lý, thiên văn, y học, v.v...) sớm được giới thiệu ở Việt Nam.

Để nâng cao uy tín cá nhân, nhờ đó tạo thuận lợi cho việc truyền giáo, các giáo sĩ thừa sai, khi tiếp xúc với vua chúa, quan lại, dân chúng thường phô trương sự hiểu biết của mình về các môn khoa học Phương Tây, do đó, những kiến thức sơ giản của những bộ môn khoa học này, đã sớm được giới thiệu ở Việt Nam.

Trong tập hồi ký của mình, A. de Rhodes ghi rằng: "Đang khi chúng tôi ở Kẻ Ro (Thanh Hóa, năm 1627 – N.V.K chú thích), vua đi vắng mới về (vua ở đây là Trịnh Tráng, lúc ấy đem quân vào đánh chúa Nguyễn ở Đàng Trong – N.V.K), chúng tôi ra đón và dâng một quyển thiên văn bằng chữ Nho, chúng tôi cắt nghĩa các

https://tieulun.hopto.org

tranh vẽ trong ấy cho vua mừng. Ngày khác, chúa mời chúng tôi dẫn các then máy đồng hồ chúng tôi dâng cho người thì người lấy làm thích lắm"[23]. Năm 1829, A. de Rhodes bị dẫn độ vào Đàng Trong, khi đi qua địa phận Nghệ An, A. de Rhodes đã báo trước là 4 ngày tới sẽ có nhật thực; sự việc diễn ra đúng như dự đoán, khiến người bên Lương kinh ngạc và xin đi theo đạo khá đông. Trong hồi ký, A. de Rhodes viết: "Khi chúng tôi vào Nghệ An, ... phải khi ấy có nhật thực chúng tôi đã nói 4 ngày trước, cũng đã kể mọi sự trước sau thế nào, thì dân ngoại lấy làm lạ lùng ngẩn trí ra, liền có nhiều kẻ xin đi đạo, ..."[24]

Ở Đàng Trong, một số giáo sĩ người Âu giỏi nghề y, được các chúa Nguyễn tin dùng: thừa sai Jean de Arneda (quốc tịch Tây Ban Nha, thuộc dòng Tên), là thầy thuốc của chúa Minh Vương; thừa sai Koffler, cũng thuộc dòng Tên, là bác sĩ của chúa Võ Vương. Đương nhiên là các thừa sai này được các chúa tin dùng vì đã áp dụng có hiệu quả phương pháp điều trị Tây y; vậy là Tây y cũng đã được biết đến và áp dụng ở Việt Nam từ khá sớm qua các giáo sĩ thừa sai.

Cũng ở Đàng Trong, giám mục P. de Béhaine, một giám mục rất uyên bác về nhiều bộ môn khoa học cũng đã chuyển tải đến Việt Nam khá nhiều kiến thức cũng như những công trình đáng ghi nhận. Sử cũ còn chép lại

---

23. Sách truyện sự giảng đạo Thánh trong nước Annam. Hồng Kông, 1917,Tr. 14 và 17.

24 . Sách truyện sự giảng đạo Thánh trong nước Annam. Hồng Kông. 1917, Tr. 14 và 17.

https://tieulun.hopto.org

rằng vào dịp tết Nguyên Đán năm 1791, ở Sài Gòn, P. de Béhaine đã cho thả khinh khí cầu và làm một số thí nghiệm về điện trước công chúng để đề cao sự kỳ diệu của khoa học Phương Tây. Những đóng góp của P. de Béhaine về quân sự giúp Nguyễn Ánh như tổ chức quân đội theo binh chủng, thành lập trường võ bị, dịch các lý thuyết và phương pháp thực hành của môn khoa học quân sự Phương Tây sang chữ quốc ngữ theo thể thơ lục bát để binh sĩ học thuộc lòng, cho xây dựng các ngôi thành theo kiểu Vauban, v.v... đã đem lại một sự đổi mới rất đáng kể cho lực lượng quân sự của Nguyễn Ánh.

Cũng giống như sự tạo thành chữ quốc ngữ, động cơ chủ yếu của việc giới thiệu và vận dụng các kiến thức khoa học Phương Tây của các giáo sĩ thừa sai là vì lợi ích của cuộc truyền giáo. Tuy nhiên, việc làm đó của các giáo sĩ thừa sai khách quan đã vượt qua động cơ chủ quan của họ và đã tạo nên một nhịp cầu nối dù còn rất mỏng manh, sơ sài, giữa hai nền văn minh Phương Đông và Phương Tây, một sự kiện tất yếu sẽ diễn ra khi sự giao lưu giữa Phương Đông và Phương Tây trở nên ngày càng thuận lợi. Điều thú vị ở đây là ở chỗ nhịp cầu nối đó lại được lập thành thông qua con đường tiếp xúc về tôn giáo, sớm hơn hoặc chí ít là cùng lúc và ở vào vị trí tiên khu so với con đường thương mại và sau đó là con đường thực dân. Điều này cũng có thể hiểu được vì tôn giáo không chỉ là tôn giáo mà còn là một sự kiện văn hóa và mọi tiếp xúc tôn giáo đều có thể và phải được coi là tiếp xúc và giao lưu văn hóa.

7.2.3. Sự du nhập của một ngành công nghệ đặc

https://tieulun.hopto.org

biệt quan trọng: ngành in hiện đại.

Bước sang thế kỷ XIX, mặc dù nhà nước phong kiến Nguyễn có những đợt cấm đạo khá ngặt nghèo nhưng Giáo hội Thiên chúa giáo ở Việt Nam vẫn đứng vững và phát triển. Nhằm hỗ trợ cho Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam được ổn định và thịnh vượng, các giáo sĩ thừa sai đã triển khai nhiều hoạt động quan trọng trong đó có việc du nhập và phát triển một số ngành công nghệ phục vụ trực tiếp cho việc truyền giáo và củng cố Giáo hội, đặc biệt là sự du nhập của ngành in hiện đại: In thạch bản, in bằng các con chữ rời.

Trong giáo phận Tây Bắc Kỳ, thời giám mục Retord (1840-1858), một nhà in đã được lập ở Vĩnh Trị từ năm 1855 do thừa sai Theurel trông nom. Nhà in này chủ yếu in sách giáo lý chữ Nho, chữ Nôm, chữ La tinh và chữ quốc ngữ. Đó là một nhà in vừa dùng công nghệ in cổ, tức dùng các bản khắc gỗ để in chữ Nho, chữ Nôm, vừa dùng công nghệ tiên tiến (có thể sớm nhất ở Việt Nam ?), tức dùng các con chữ rời để in các sách tiếng La tinh và quốc ngữ.

Qua những cuộc bắt đạo gay gắt, nhà in này tạm ngừng hoạt động trong một thời gian. Sau khi được cử làm phó cho giám mục Jeantet (1862), thừa sai Puginier cho phục hồi lại nhà in Vĩnh Trị và cho chuyển nhà in này về Kẻ Sở sau khi được phong giám mục năm 1868; ông đã gửi mua từ Pháp các dụng cụ in chữ rời, máy in thạch, máy đóng sách. Nhà in Kẻ Sở từ đó trở thành một nhà in lớn, tương đối hiện đại có thể thỏa mãn mọi nhu cầu in ấn không những các tài liệu phục vụ cho Giáo hội mà còn có thể in nhanh bằng thạch bản những

https://tieulun.hopto.org

tài liệu thời sự. Bản chụp tập tư liệu về xứ Bắc Kỳ gồm 200 trang in thạch bản do Puginier thảo từ năm 1884 đến 1892 mà chúng tôi hiện đang có trong tay đã được in ở xưởng in này[25]. Cũng chính ở nhà in này, thừa sai Theurel đã cho in lại cuốn từ điển Việt-La và La-Việt của Taberd do chính ông bổ sung vào năm 1877.

Vào đầu những năm 60, ở giáo phận Đông Nam Kỳ, một xưởng in cũng được thành lập. Xưởng in này in cả sách chữ Nho, chữ Nôm, chữ La tinh và chữ quốc ngữ. Phần lớn các sách này phục vụ cho việc truyền giáo, song cũng có một số cuốn sách phục vụ cho việc cung cấp các kiến thức khoa học như sách về số học (arithmétique), địa lý, các bản đồ Châu Âu và Châu Á. Xưởng in này chắc hẳn được duy trì và phát triển (ở Tân Định ?) và năm 1898 đã có đủ điều kiện để in cuốn từ điển Việt-Pháp của thừa sai Pénibrel.

Sự thành lập và hoạt động của các nhà in nói trên của Giáo hội Thiên chúa giáo đã để lại một số ấn phẩm đáng kể và có giá trị. Trước hết là 2 cuốn tự điển của Taberd và Pénibrel; đó là những tư liệu quý hiếm, đánh dấu những mốc quan trọng của sự tiến triển chữ quốc ngữ, gợi mở cho sự biên soạn tiếp tục các cuốn tự điển khác để hoàn chỉnh thêm thứ chữ này. Cũng có thể thông qua các ấn phẩm duy nhất bằng chữ quốc ngữ cho đến cuối thế kỷ XIX của các nhà in này để khảo sát những cải tiến qua từng giai đoạn lịch sử về cấu trúc từ ngữ, cú pháp của chữ quốc ngữ, mà nếu không có chúng, chúng ta khó có thể dựng lại được lịch sử phát triển của

25. Xem một số trang in thạch ở nhà in Kẻ Sở trong phần phụ lục.

https://tieulun.hopto.org

chữ quốc ngữ một cách liên tục. Và, chắc hẳn, chúng ta có thể tìm thấy trong các ấn phẩm của nhà in này những tác phẩm của các tác giả Thiên chúa giáo có giá trị về văn học, xứng đáng góp mặt cùng các tác phẩm văn học của các tác giả bên đời.

7.2.4. Sự du nhập của nghệ thuật kiến trúc các nhà thờ.

Cho đến trước điều ước Giáp Tuất (1874), các Nhà thờ Thiên chúa giáo chỉ là những ngôi nhà dựng theo lối kiến trúc bản địa bằng tre, gỗ.

Từ sau điều ước Giáp Tuất, trong đó có điều khoản bảo đảm cho Thiên chúa giáo được truyền bá tự do, các giáo phận mới nghĩ đến việc xây dựng các nhà thờ kiên cố, kiến trúc đẹp, phục vụ sinh hoạt tâm linh của giáo dân.

Số nhà thờ xây dựng kiên cố trong nửa cuối thế kỉ XIX và trong những thập kỉ đầu thế kỉ XX ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam khá nhiều; chỉ xin nêu dưới đây mấy trường hợp tiêu biểu.

Nhà thờ Kẻ Sở được giám mục Puginier cho xây dựng làm nhà thờ chính tòa cho giáo phận Tây Bắc Kỳ, kéo dài trong 5 năm, từ 1877 đến 1882. Chi phí để xây dựng nhà thờ này hoàn toàn do tiền quyên góp của giáo dân, lúc ấy trị giá khoảng 130.000 francs Pháp. Chính Puginier là người vẽ mẫu và chỉ đạo thi công nhà thờ này. Nhà thờ được thiết kế theo mẫu gô-tích (có người cho là bán gô-tích hay tân gô-tích) gồm 5 khoang (nefs), chiều dài 60m, chiều rộng 27,5m, cao 16,4m, có thể chứa một lúc từ 4.000 đến 5.000 người dự lễ. Móng của nhà

https://tieulun.hopto.org

thờ được đóng cọc tre tươi theo phương thức xây dựng cổ truyền bản địa. Tường nhà thờ phía dưới chân dày 0,8m, phía trên dày 0,6m. Khung, mái bên trong nhà thờ được chạm trổ rất công phu theo mô típ điêu khắc truyền thống bản địa. Mặt ngoài mái trên của nhà thờ được trang hoàng theo phong cách Phương Đông. Ngôi nhà thờ này được coi như khuôn mẫu cho nhiều nhà thờ khác ở Việt Nam.

Năm 1884, trong tình hình phức tạp của Bắc Kỳ, giám mục Puginier vẫn cho tiến hành xây dựng nhà thờ Hà Nội trước đó chỉ là một ngôi nhà tranh tối tàn, không thể đáp ứng cho sinh hoạt tín ngưỡng của khoảng 4.000 tín đồ bản xứ, chưa kể các tín đồ người Pháp lúc ấy đã khá đông trong Hà Nội phố. Dự kiến nhà thờ Hà Nội phải có qui mô tương đương nhà nhờ Kẻ Sở và cần phải có kinh phí khoảng 200.000 francs Pháp. Để ủng hộ cho công cuộc này, năm 1884, Đô đốc Courbet cho mở một cuộc sổ số thu được 17.000 francs, cộng với tiền ủng hộ của các tư nhân được 22.000 francs. Năm 1886, Tổng sứ Paul Bert cho mở thêm một kì sổ số khác thu được 6.000 đồng bạc. Ngoài ra Puginier còn nhận được một món 11.000 francs của một nhà từ thiện từ Pháp gửi sang. Nhờ những món tiền trên, nhà thờ được khẩn trương xây dựng và hoàn thành cơ bản vào cuối năm 1887, với qui mô nhỏ hơn nhà thờ Kẻ Sở.

Trước đó một nhà thờ khác cũng được khởi công xây dựng từ năm 1875, ở thị trấn Phát Diệm thuộc xã Hữu Phương, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Người vẽ kiểu và chỉ huy thi công là linh mục Trần Lục (thường được gọi là cụ Sáu) là cha chánh xứ Phát Diệm từ năm

https://tieulun.hopto.org

1865.

Đó là một quần thể kiến trúc gồm khoảng 18 hạng mục công trình trên một khu đất rộng khoảng gần 2 ha. Các công trình kiến trúc này được xây dựng kéo dài khoảng 20 năm mới cơ bản hoàn thành, trong đó nổi bật nhất là 2 công trình: Phương Đình và Nhà thờ lớn.

Phương Đình (có nghĩa là ngôi nhà vuông) là một công trình kiến trúc hoàn toàn bằng đá, mang dáng dấp kiến trúc gần như hoàn toàn Á Đông, gồm 3 tầng, cao 25m, dài 24m, rộng 17m. Tầng trên cùng mang dáng dấp của một ngôi chùa nhỏ, có treo một quả chuông, đúc năm 1890, cao 1,40m, đường kính 1,1m, nặng gần 2 tấn.

Nhà thờ lớn là công trình kiến trúc chính ở đây. Nhà thờ lớn hoàn thành năm 1891, dài 74m, rộng 21m, cũng mang dáng dấp kiến trúc Phương Đông.

Đặc điểm nổi bật của ngôi nhà thờ này là 48 cây cột bằng gỗ lim đỡ vòm mái. Mỗi cây cột là một cây lim nguyên vẹn được gia công hết sức công phu. Mỗi cột lim có chu vi 2,40m, cao 12m, nặng tới 7 tấn. Bàn thờ chính là một phiến đá (3m x 0,9m x 0,8m); phía sau bàn thờ là vách gỗ, chạm trổ công phu theo mô típ điêu khắc truyền thống lại được sơn son thếp vàng...

Có rất nhiều chuyện kể lý kỳ xung quanh việc xây dựng quần thể kiến trúc này, khiến nó gần như trở thành một huyền thoại về công phu và nghệ thuật xây dựng.

Nó thật hoàn toàn xứng đáng được Bộ Văn hóa của Nhà nước Việt Nam xếp hạng là Di tích Văn hóa.

https://tieulun.hopto.org

Việc phân tích, đánh giá giá trị kiến trúc và xây dựng của các Nhà thờ Thiên chúa giáo và vị thế của chúng trong di sản kiến trúc xây dựng của nước ta, xin dành cho các nhà chuyên môn.

Ở đây, chỉ xin nêu một ý kiến ngắn như một gợi ý:

Theo sự quan sát và suy nghĩ chủ quan của chúng tôi, các Nhà thờ Thiên chúa giáo được xây dựng ở Việt Nam, tuy phần lớn có dáng dấp ngoại hình của kiến trúc Phương Tây, hơi xa lạ so với cảnh quan truyền thống, song dường như một số nhà thờ trong quá trình xây dựng, những người thiết kế thi công đã có ý thức dung hòa ít nhiều về mặt hình dáng và nhất là sử dụng một cách có ý thức kỹ thuật xây dựng bản địa: đóng cọc móng bằng tre tươi, kết cấu đỡ vòm mái, phương thức chạm trổ để trang trí ở bên trong v.v... , khiến chúng không còn là một sự sao chép y nguyên hình mẫu ngoại lai mà đã có sự hòa nhập ở mức độ nhất định với truyền thống kiến trúc và xây dựng bản địa và đã trở thành tài sản văn hóa bản địa. Nên chăng cần có sự nghiên cứu nghiêm túc, vô tư về kiến trúc và kỹ thuật xây dựng các nhà thờ Thiên chúa giáo để có thể thêm những nhà thờ Thiên chúa giáo được xếp hạng là di tích văn hóa, sau nhà thờ Phát Diệm ! Chúng tôi tin rằng khả năng đó là hiện thực !

7.2.5. Những hoạt động từ thiện và xã hội của Giáo hội Thiên chúa giáo.

Trong quá trình truyền đạo, các giáo sĩ thừa sai cùng với các linh mục bản xứ, các nữ tu, ngay cả trong thời kỳ bắt đạo nghiêm ngặt, vẫn không quên làm việc

https://tieulun.hopto.org

thiện, một công việc vừa có ý nghĩa tâm linh vừa có ý nghĩa xã hội. Trong những công cuộc từ thiện này, các nữ tu, nhất là các nữ tu dòng Chị em mến Thánh giá, đã có vai trò hết sức quan trọng.

Với tính năng động và thuận lợi vốn có, các nữ tu Việt Nam thường xuyên xâm nhập các làng xã bên đời để làm việc thiện.

Đối với trẻ nhỏ sắp chết, họ xin chuộc linh hồn, một hình thức làm phúc, rất được cha mẹ các trẻ nhỏ hoan nghênh. Chỉ riêng ở giáo phận Tây Bắc Kỳ, tính đến năm 1882, đã có 786.000 trẻ em bên lương chết yểu được rửa tội. Đối với những trẻ em ốm yếu hoặc mồ côi, sống bơ vơ, họ thu nhận để đưa vào trại cô nhi của giáo phận.

Năm 1864, ở giáo phận Tây Bắc Kỳ đã lập trại cô nhi, cho đến ngày 17-4 năm này, trại đã nhận 60 trẻ em, đều được nhận phép rửa tội. Năm 1865, Bắc Kỳ bị bệnh dịch tả và đói, cô nhi viện nhận ngày càng nhiều trẻ em, có ngày nhận 10 đến 15 trẻ, tuổi từ 3 ngày đến 15 tuổi. Riêng năm này số trẻ em được nhận vào cô nhi đã lên tới con số nghìn. Vào tháng 11 năm 1865, thừa sai Puginier được phong làm phó cho giám mục Jeantet, đồng thời được chỉ định làm giám đốc các trại cô nhi (lúc này đã chia thành 3 trại) với kinh phí 200 lạng bạc, tương đương 16.000 francs Pháp.

Nhà thờ Thiên chúa giáo cũng đặc biệt quan tâm đến số phận của những người bị bệnh hiểm nghèo: bệnh hủi, bị gia đình và xã hội xa lánh. Tháng 1 năm 1884, giám mục Puginier được phép của Đô đốc Courbet, lập

https://tieulun.hopto.org

lại nhà thương hủi, được trợ cấp mỗi tháng 58 đồng bạc và 58 piculs (picul: đơn vị đo lường cũ bằng 60,4kg). Trại này cũng được Tổng đốc Hà Nội Nguyễn Đăng Giai giúp thêm 500 quan tiền (tương đương 400 francs Pháp).

Mô hình nhà thương hủi còn được thành lập ở nhiều giáo phận khác nhau trong nước, và những người phục vụ, chăm sóc bệnh nhân trong các trại này cũng là các nữ tu mà chủ yếu là các nữ tu dòng Chị em mến Thánh giá.

Nhà thờ Thiên chúa giáo cũng quan tâm tới việc áp dụng những thành tựu y học của Phương Tây để chữa bệnh cho dân chúng cả ở bên đạo lẫn bên đời. Lần đầu tiên vacxin ngừa bệnh đậu mùa đã được giám mục Retord đem chủng cho dân chúng ở Hoàng Nguyên. Các nữ tu ở dòng Mến Thánh giá đều được đào tạo ở một mức độ nào đó phương pháp chẩn trị Tây y. Họ đã rất nhiệt tình đem những kiến thức đó phục vụ việc chữa bệnh cho dân chúng bên đời, và trong nhiều trường hợp đã đạt kết quả tốt. Công việc đó của các nữ tu đã góp phần vào việc xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa bên đạo và bên đời.

Đành rằng, những công việc từ thiện này của Thiên chúa giáo được thực hiện trong sự kết hợp chặt chẽ với phát triển đạo, song tính nhân đạo rất đời thường của chúng là không thể phủ nhận.

Trong khi các chính sách xã hội của Nhà nước đang nắm chính quyền, nhất là Nhà nước phong kiến Nguyễn, tuy có được ban hành với những biện pháp khá

https://tieulun.hopto.org

tích cực, song ít hiệu quả do sự thối nát và tham nhũng của bộ máy quan lại địa phương, lại cũng không thật bao quát, thì những hoạt động từ thiện và xã hội của Nhà thờ Thiên chúa giáo có một ý nghĩa rất quan trọng. Ở những vùng có những trung tâm Thiên chúa giáo mạnh, những hoạt động từ thiện của Nhà thờ Thiên chúa giáo đã có sự đóng góp không nhỏ vào việc làm dịu nỗi đau của dân chúng lao động trước những bất hạnh của cuộc đời. Những công cuộc từ thiện này của Nhà thờ Thiên chúa giáo cũng đã góp phần vào việc củng cố sự thân thiện giữa bên đạo và bên đời, làm giảm nhẹ sự đối lập về tín ngưỡng và tập tục sinh hoạt giữa cộng đồng Thiên chúa giáo và không Thiên chúa giáo, giúp cho hai cộng đồng sống hòa bình bên nhau, ngoại trừ khi xảy ra những tình huống do tác nhân mang nội dung chính trị gây nên. Và lịch sử còn cho thấy, mối thân thiện ấy giữa bên đạo và bên đời, cũng góp phần làm giảm nhẹ tính quyết liệt của những mâu thuẫn được nảy sinh trong những tình huống khó tránh khỏi như khi xuất hiện khẩu hiệu "sát tả" vào thời điểm bùng nổ phong trào phản đối triều đình và phong trào Cần Vương. Thực tế cho thấy, ở Việt Nam, từ khi Thiên chúa giáo bắt đầu du nhập, và ngay trong những thời điểm phức tạp nhất (thời điểm diễn ra cuộc xâm lược vũ trang của thực dân Pháp), hoàn toàn không thấy có những cuộc xung đột giữa hai cộng đồng lương và giáo vì những động cơ tín ngưỡng hay quan hệ nội bộ, và nếu có xảy ra những xung đột giữa hai cộng đồng ở nơi này hay nơi khác, thì chủ yếu đều do những tác nhân từ bên ngoài. Theo dõi kỹ mối quan hệ giữa cộng đồng lương và giáo trong các thế kỷ trước, nhất là quan sát những cuộc xung đột,

https://tieulun.hopto.org

xung đột lương giáo trong khởi nghĩa Giáp Tuất (1874) và trong phong trào Cần Vương (1885-1895) có thể thấy rõ điều đó.

Những hoạt động từ thiện nhiệt tình và có tổ chức của Nhà thờ Thiên chúa giáo đã chuyển tải đến Việt Nam một trong những nét đẹp của Văn minh Ki tô giáo, cũng là nền văn minh Phương Tây, và đạt được những kết quả rất đáng kể như đã nêu ở trên.

Nếu Thiên chúa giáo không quá cứng rắn trong ứng xử với tín ngưỡng và phong tục bản địa, không bị các giáo sĩ thừa sai lợi dụng vì lợi ích của chủ nghĩa thực dân, thì vị thế của nó trong đời sống tâm linh và xã hội ở Việt Nam chắc hẳn sẽ khác so với những gì nó đã và đang hiện có !

7.2.6. Những đóng góp khác về văn hóa giáo dục.

Trước hết, xin đề cập đến một hình thức sinh hoạt văn hóa và tín ngưỡng khá mới lạ do giám mục Retord thực hiện ở giáo phận miền Tây Bắc Kỳ. Đó là các kỳ thi kinh bổn của giáo dân trong giáo xứ vào ngày chủ nhật hay lễ hội. Những người dự thi được tổ chức theo nhóm tuổi hay giới tính. Một ban giám khảo được cử ra để chấm điểm. Thành viên mỗi nhóm, đến lượt mình , phải đọc thuộc 3 hoặc 4 đoạn giáo lý, giải thích 3 điểm nhỏ về giáo lý hoặc 3 câu hỏi phản biện; mức độ khó, dễ của các câu hỏi tùy thuộc vào đối tượng là ai. Người đại diện nhóm nếu trả lời sai, cả nhóm sẽ bị loại. Cuối cuộc thi, các thừa sai trong Ban giám khảo sẽ tính điểm và phát thưởng cho những người thắng cuộc. Phần thưởng là những cây thập tự nhỏ, huy hiệu, tràng hạt, v.v...

https://tieulun.hopto.org

những cuộc thi như vậy là được các giáo xứ tổ chức hàng năm. Nhiều giáo phận khác nhau cũng bắt chước tổ chức những cuộc thi tương tự.

Ngoài những cuộc thi mang tính chất quần chúng này, cũng ở giáo phận Tây Bắc Kỳ, thừa sai Jeantet còn có sáng kiến lập ra một hình thức sinh hoạt văn hóa gọi là Hàn Lâm Hán học (Académie Chinoise), một dạng câu lạc bộ đọc sách, mời các nhà trí thức, nhà văn bên đời đến dự, cùng nhau đọc các sách về giáo lý Thiên chúa giáo, Sử ký, triết học Phương Tây viết bằng chữ Nho hay chữ Nôm. Thỉnh thoảng câu lạc bộ lại tổ chức một kì thi về các bộ môn nói trên và cùng nhau bình luận.

Hai hình thức sinh hoạt văn hóa này, đương nhiên là cũng để phục vụ cho việc truyền đạo: củng cố kiến thức về giáo lý cho giáo dân và tuyên truyền ảnh hưởng của Thiên chúa giáo trong các nhà Nho. Song điều cần được chú ý ở các sinh hoạt văn hóa này là tính khoa học và tính sư phạm cao thể hiện ở chỗ chúng kích thích tư duy cá nhân và hứng thú hiểu biết của những người tham dự, tỏ ra hơn hẳn lối học tầm chương, trích cú của nền Hán học bản địa. Dường như chúng ta vẫn còn thoáng thấy dấu tích của những sinh hoạt văn hóa này trong các buổi hội thảo khoa học (séminaire) hoặc ở các cuộc thi vui kiến thức mang tính quần chúng hiện nay? Tính tiên tiến của phương pháp học tập của Phương Tây cũng lại được du nhập vào Việt Nam khá sớm qua con đường truyền giáo!

Các giáo sĩ thừa sai cũng rất quan tâm tới việc mở những trường học theo kiểu Phương Tây, dạy các môn

https://tieulun.hopto.org

khoa học thực dụng. Năm 1866, thể theo lời yêu cầu của Tự Đức, giám mục Sohier đã cùng các thừa sai khác tích cực chuẩn bị cho việc thành lập một trường trung học để dạy cho lớp trẻ trong hoàng tộc những kiến thức khoa học và kỹ thuật Phương Tây; kế hoạch đã không thành do có sự chống đối của phe bảo thủ. Đến năm 1882, các giáo sĩ thừa sai lại là những người chủ chốt trong việc thành lập trường Thông ngôn ở Huế đồng thời cũng là các giảng viên chính của trường này.

Trong khi đó, trường Thông ngôn cũng như các trường phổ thông cũng đã được các giáo sĩ ở Nam Kỳ mở từ rất sớm.

Ở Bắc Kỳ, các trường học theo kiểu Châu Âu cũng được các thừa sai, nhất là ở giáo phận Tây Bắc Kỳ, mở sớm nhất. Ngày 8 tháng 11 năm 1884, giám mục Puginier đã cho mở ở Hà Nội một trường Pháp học bằng kinh phí của Giáo hội, do một linh mục thừa sai và 4 giáo sĩ người bản xứ cai quản. Ngay từ những ngày đầu, đã có từ 90 đến 100 học sinh xin học. Năm 1894, số học sinh đã lên tới 200 chia thành 6 lớp, nhận học sinh cả bên giáo và bên lương. Đây là trường học kiểu mới được mở sớm nhất ở Hà Nội, được điều hành rất nghiêm chỉnh và là một trong những trường có uy tín trọng nhiều thập kỉ đầu thế kỷ XX, lúc ấy có tên là trường Puginier.

Vậy là cả trong lãnh vực giáo dục kiểu mới, Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam cũng vẫn đi đầu và rất có uy tín trong việc bảo đảm chất lượng học tập của học sinh trường mình ngay cả sau khi các trường công của chính phủ bảo hộ đã được mở đồng loạt vào đầu thế kỉ

https://tieulun.hopto.org

XX.

Tóm lại, trong quá trình du nhập Việt Nam, Thiên chúa giáo đã chuyển tải tới đây nhiều thành tựu của văn hóa và văn minh Tây Âu. Cho dù động cơ của sự chuyển tải đó chủ yếu là để phục vụ cho việc truyền giáo, song những thành tựu văn hóa và văn minh ấy lại là sản phẩm của đời thường, nên, một cách tự nhiên chúng sẽ phục vụ cho đời sống của người dân bất cứ ở đâu nó có mặt. Sự chuyển tải những thành tựu văn hóa và văn minh Tây Âu của Thiên chúa giáo vào Việt Nam như đã kể ở trên đã phát huy tác dụng như vậy, và đương nhiên đã có sự đóng góp không nhỏ cho nền văn hóa Việt Nam qua 3 thế kỉ du nhập. Đó là sự thật không thể phủ nhận!

III. NHẬN ĐỊNH

1- Nếu so với các nước ở Viễn Đông, trừ Phillipines với hơn 80% dân số theo Thiên chúa giáo, thì cuộc truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam đã đạt thành tựu lớn nhất. Đó là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

1.1. Các giáo sĩ dòng Tên, trong 4 thập kỉ đầu thế kỉ XVII (1615-1658), bằng tài năng và sự sáng tạo của mình đã đặt nền móng vững chắc cho Giáo hội Việt Nam mà người có công đầu là A. de Rhodes. Các giáo sĩ thừa sai của Hội Thừa sai Paris, của dòng Dominicain sau này đã vun đắp cho nền móng đó, kế thừa và phát huy những kinh nghiệm quí báu của các giáo sĩ dòng Tên, để có được những thành tựu như đã thấy vào cuối thế kỉ XIX. Đương nhiên, không thể không kể tới công

https://tieulun.hopto.org

lao đóng góp của những giám mục và thừa sai, nhiệt tình, tận tụy như Lambert, Deydier, Bourges, Retord, Puginier, v.v... của Hội Thừa sai Paris.

1.2. Thành tựu đó còn do các giáo sĩ thừa sai đã khai thác triệt để những cơ hội thuận lợi tại chỗ để củng cố và phát triển dần dần việc truyền đạo. Đó là sự không nhất quán và triệt để trong chính sách đối phó của chính quyền Trịnh, Nguyễn, tiếp theo là gần 20 năm tha cấm thời Gia Long, sự thiếu hiệu quả của bộ máy chính quyền thời Minh Mạng, sự do dự của Thiệu Trị từ sau chiến tranh Nha Phiến; sự thỏa hiệp của Tự Đức với thực dân Pháp từ sau điều ước 1862, cộng với sự hỗ trợ gần như thường xuyên của chính phủ Pháp, đặc biệt là áp lực ngày càng tăng của lực lượng hải quân Pháp ở biển Đông từ những năm 40 của thế kỉ XIX, cũng như cuộc can thiệp vũ trang của Pháp vào Việt Nam từ năm 1858.

1.3. Các giáo sĩ thừa sai cũng tỏ ra rất khôn khéo, khi biết khai thác chính ngay cơ cấu tổ chức làng xã ở Việt Nam để hình thành các xứ đạo, họ đạo theo đơn vị làng xã, mô phỏng hệ thống chính quyền làng xã để bầu ra các chức sắc và các Ban hành giáo xứ, họ đạo, để điều hành việc đạo, đồng thời cũng mô phỏng những tập tục lễ hội của bên đời để hình thành một nếp sinh hoạt văn hóa, lễ hội tuy khác về nội dung song không quá xa lạ về mặt màu sắc văn hóa: cấu trúc và bài trí bên trong nhà thờ, nhà nguyện, rước kiệu "Bát cống", lập phường bát âm, dùng y phục dân tộc, tổ chức lễ cầu hồn cho những người thân đã quá cố trong 3 ngày Tết, lễ cầu Thánh Quan Thầy của mỗi họ đạo, có phần gần gũi với

https://tieulun.hopto.org

lễ kị Thành hoàng làng v.v... khiến các làng theo đạo tuy khác hẳn bên đời về mặt tín ngưỡng song không hoàn toàn xa lạ với kết cấu và sinh hoạt làng xã cổ truyền của nông thôn Việt Nam; những sự thích nghi và mô phỏng này đã tạo nên một sự hòa nhập ở một mức độ nào đó của các làng giáo với làng lương, và cũng tạo nên sức sống và sức đề kháng trong những đợt bắt đạo, đặc biệt là sự đoàn kết hiếm thấy trong các làng giáo, do rất thống nhất về mặt tín ngưỡng và về mặt tổ chức. Hình ảnh này ở các làng giáo không phải là không có ưu thế so với các làng lương có cấu trúc xã hội khá phức tạp có những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, địa vị xã hội dường như cố hữu giữa các dòng họ, giữa các phe phái.

2. Tuy có những mặt mạnh và những thuận lợi, song cho đến hết thế kỉ XIX, kể cả sang đầu thế kỉ XX, số người theo đạo Thiên chúa ở Việt Nam lúc nào cũng chỉ xấp xỉ 5% dân số mà không vượt xa hơn. Có thể do 2 lí do chính sau đây:

2.1. Thiên chúa giáo ngay từ khi du nhập vào Việt Nam đã gắn kết với sự bành trướng của các thế lực thực dân Phương Tây, lúc đầu là Bồ Đào Nha, sau là thực dân Pháp. Đặc biệt là thái độ đồng lõa của các giáo sĩ thừa sai Pháp và một bộ phận giáo dân trong nước đối với cuộc xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp từ giữa thế kỉ XIX đã khiến người dân Việt Nam nhìn nhận tôn giáo này như là kẻ đồng minh của quân xâm lược. Ấn tượng có tính lịch sử đó trong tâm trí người Việt Nam thật khó có thể xóa bỏ.

2.2. Một nguyên nhân quan trọng khác, có thể coi là đặc biệt quan trọng, đó là do đạo Thiên chúa đã

https://tieulun.hoptb.org

không khoan dung đối với bất cứ loại tín ngưỡng truyền thống nào của người Việt Nam, nhất là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, một tín ngưỡng tiêu biểu nhất của người Việt Nam. Về trở ngại này, chính các giáo sĩ thừa sai Pháp đã phải công khai thừa nhận.

Trong thư đề ngày 2-7-1828, thừa sai Masson viết: *Ở Việt Nam "có một sự thờ cúng phổ biến nhất, ngay cả đối với các nhà nho, đó là sự thờ cúng tổ tiên. Tất cả mọi người đều có sự gắn bó khăng khít với sự thờ cúng này, và đó chính là cái đã ràng buộc số lớn những người bên lương vào đạo thờ ngẫu tượng, vì không có cách gì rũ bỏ được sự thờ cúng tổ tiên" ... "... , và đó là một trong những lí do đã ngăn cản một số rất đông người bên lương theo đạo"*[26]. Cũng chính thừa sai này trong một bức thư khác đề ngày 20-8-1832, viết tiếp: *"Phải thừa nhận rằng rất nhiều người Việt Nam theo đạo cũng tỏ ra rất khó chịu khi thấy đạo Thiên chúa cấm đoán việc thờ cúng tổ tiên, một tập tục mà họ đặc biệt gắn bó"*[27]

Mặc dù năm 1939 Giáo hoàng La Mã đã có sắc chỉ khoan dung có mức độ đối với tập tục này cũng như Công đồng Vatican II (1960), đã tỏ thái độ rộng rãi đối với việc thờ cúng tổ tiên, song cho đến tận ngày nay, giữa người Việt Nam theo đạo Thiên chúa và người Việt Nam bên đời, vẫn có một khoảng cách khá xa trong vấn đề này.

---

26. Annales de la Propagation de la Foi. Tập 5.
27. Annales de la Propagation de la Foi. Tập 6.

https://tieulun.hopto.org

3. Cuộc truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam không chỉ đem lại cho đất nước này một Niềm tin mới với một hệ thống luân lí rất giàu tính nhân ái, mà còn, với tư cách là một thành tố văn hóa của Phương Tây, đã chuyển tải đến Việt Nam một số những thành tựu của nền văn minh Phương Tây như đã trình bày vắn tắt ở trên.

Sẽ là không công bằng và thiếu khách quan nếu phủ nhận hoặc không đề cập đến những đóng góp đó của cuộc truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam.

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG III

TRUYỀN GIÁO VÀ THỰC DÂN Ở VIỆT NAM.

I. ALEXANDRE DE RHODES: NHỮNG THÀNH TỰU TRUYỀN GIÁO VÀ CUỘC VẬN ĐỘNG CHO SỰ RA ĐỜI CỦA HỘI THỪA SAI PARIS.

Trong số các giáo sĩ thừa sai thuộc dòng Jésuites do Bồ Đào Nha bảo trợ đến truyền giáo ở Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XVII, Alexandre de Rhodes[28] là giáo sĩ được coi là có những thành tích nổi bật.

Thành tích được coi là nổi bật nhất, thường được nhiều nhà nghiên cứu xưa và nay hay nhắc đến và đề cao, đó là việc A. de Rhodes đã kế thừa những người đi trước và được những người cộng sự, kể cả người Việt Nam giúp đỡ để hoàn chỉnh dạng chữ viết cho tiếng Việt bằng các mẫu tự la tinh. Hiện nay còn có nhiều người cho rằng đó là đóng góp to lớn và vô tư của A. de Rhodes cho nền văn hóa Việt Nam.

Xung quanh thành tích này của A.de. Rhodes, cũng như cách đánh giá nó, thấy còn đôi điều cần phải nói thêm.

Động cơ chủ yếu và trước hết của việc làm này của

---

28. A. de Rhodes đến truyền giáo ở Việt Nam từ năm 1624 đến năm 1645, khi thì ở Đàng Trong, khi thì ở Đàng Ngoài, khi ở Ma Cao; thời gian hoạt động ở Việt Nam khoảng hơn 8 năm.

https://tieulun.hopto.org

A. de Rhodes, khởi phải bàn cãi dài dòng, là để phục vụ cho cuộc truyền giáo, mà vào thời điểm lịch sử này (thế kỷ XVII) trên bình diện quốc tế cũng như riêng đối với Việt Nam, không chỉ duy nhất vì mục đích tôn giáo, như đã trình bày trong chương I.

Tuy nhiên, truyền giáo, ở đâu và bất cứ thời nào, cũng đồng thời còn là sự chuyển tải văn hóa, mà Thiên chúa giáo có thể được coi là đại diện cho văn hóa Tây Âu. Việc dùng mẫu tự la tinh để lập ra dạng chữ viết cho tiếng Việt của A. de Rhodes, có thể được coi như một sản phẩm của văn hóa Tây Âu được chuyển tải tới Việt Nam, thông qua một giáo sĩ đồng thời là một nhà ngôn ngữ học tài năng. Và, vì dạng chữ viết này có những ưu điểm hơn hẳn các dạng chữ viết đang có ở Việt Nam, chữ Nho và chữ Nôm, nên nó đã dần dần được chấp nhận và được sử dụng phổ biến.

Tuy nhiên, những người sáng tạo ra nó chủ yếu là vì mục đích truyền giáo hơn là phổ cập trong dân chúng, nên thứ chữ này cũng chỉ âm thầm lưu hành ở một phạm vi hẹp trong suốt 3 thế kỷ.

Phải đến đầu thế kỷ XX, trong phong trào yêu nước thường được gọi là phong trào Duy tân, với sự đóng góp to lớn của các nhà tân nho yêu nước trong việc cải tiến và truyền bá nó, thứ chữ này mới ngày càng được phổ cập. Cái tên "chữ quốc ngữ" dùng để gọi nó cũng chỉ được nhắc tới nhiều nhất vào thời điểm này.

Như vậy, thứ chữ này, để có thể được dùng phổ cập, phải trải qua một quá trình tiếp biến lâu dài trước khi nó được xử dụng để phục vụ cho một mục đích chính

https://tieulun.hopto.org

đáng, nhu cầu nâng cao dân trí, được phát động mạnh mẽ vào đầu thế kỷ XX. Và địa vị của "chữ quốc ngữ" được có như ngày nay, còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó cuộc đấu tranh yêu nước nửa đầu thế kỷ XX là hết sức quan trọng.

Nếu không có sự xuất hiện của dạng chữ này hồi đầu thế kỷ XVII, thì người Việt Nam vẫn có thể có chữ viết riêng tiện dụng cho mình. Chữ Nôm vốn đã có từ lúc ấy, chắc chắn sẽ được cải tiến, tinh giản để có thể phổ cập tới toàn dân, giống như dạng chữ viết của Nhật Bản mô phỏng từ chữ Hán. Nếu sự việc diễn ra như thế, thì đó cũng không phải là một trở ngại gì lớn đối với sự phát triển của nước ta.

Dẫu sao, vẫn phải thừa nhận một điều là, việc truyền giáo vào Việt Nam đầu thế kỷ XVII, nhìn từ góc độ nó là một sự giao lưu văn hóa, với việc lập thành dạng chữ viết cho tiếng Việt của A. de. Rhodes, đã chuyển tải đến cho nền văn hóa Việt Nam một điều có ích, đó là dạng chữ viết có những ưu điểm hơn hẳn dạng chữ viết đang lưu hành ở Việt Nam. Và, chúng ta có thể ghi nhận công lao của A.de Rhodes như là một nhà ngôn ngữ học có đóng góp nhiều nhất cho sự ra đời của dạng chữ viết này.

Song không phải vì đã ghi nhận công lao của A.de Rhodes trong lĩnh vực này mà chúng ta lại coi là vô can những gì A.de. Rhodes đã làm ở Việt Nam; ở đây muốn nói tới những hoạt động truyền giáo của ông, cũng như những việc ông đã làm sau đó, có quan hệ tới số phận sau này của Việt Nam.

https://tieulun.hopto.org

Với khả năng nói thạo tiếng Việt, bằng cách dâng lễ vật hậu cho các vua, chúa, kết thân với những nhân vật quyền quí, ra sức đào tạo các thầy giảng người bản xứ để thay thế các giáo sĩ thừa sai trong những thời điểm bị cấm đoán lại thường xuyên có sự hỗ trợ của các thương nhân và thuyền buôn Bồ Đào Nha v.v... A.de Phodes đã đẩy mạnh việc cải giáo. Vào lúc A. de Rhodes rời Việt Nam, số giáo dân ở đây đã tới con số 300.000 (?) (theo báo cáo của A. de Phodes với Toà thánh La Mã) và nền tảng đầu tiên của giáo hội Việt Nam đã được hình thành.

Thành tựu truyền giáo trên đây của các giáo sĩ thừa sai dòng Jéruites Bồ Đào Nha, trong đó A. de Phodes góp phần to lớn và tích cực nhất, có ý nghĩa gì ?

Nhìn từ góc độ của Giáo hội Thiên chúa giáo, thì thành tích trên đây phải được coi như là một thắng lợi của việc mở rộng Nước chúa đến một nước ở Viễn Đông, của sức hấp dẫn của một tôn giáo có một hệ thống luân lý giàu tính nhân ái.

Song, tiếc rằng trong khi rao giảng tôn giáo này ở Việt Nam, các giáo sĩ thừa sai vẫn giữ nguyên thái độ kiêu hãnh của tôn giáo này đối với mọi tôn giáo và tín ngưỡng vốn đã định hình từ lâu ở đây và đã tạo được một sự hài hòa và ổn định trong đời sống văn hóa, tinh thần của người dân bản xứ. Các giáo sĩ thừa sai muốn xóa bỏ tất cả để thay thế bằng Thiên chúa giáo và đương nhiên, cùng với nó là văn hóa Phương Tây. Đó là ý định mang tính áp đặt của một mặc cảm nước lớn, tự nhận là có sứ mạng khai hóa văn minh. Ý định và việc làm đó của các giáo sĩ thừa sai đã dẫn tới nhiều hậu

https://tieulun.hopto.org

quả, mà hậu quả nghiêm trọng nhất là đời sống văn hóa, tinh thần của cả dân tộc Việt Nam bị xâm phạm, đảo lộn, và cùng với nó là tình trạng phân rẽ giữa bên đạo và bên đời, là những cuộc cấm đạo ngày càng gay gắt của chính quyền bản địa, để sớm muộn gì cũng sẽ dẫn đến một sự can thiệp vũ trang công khai của những nước đỡ đầu cho cuộc truyền giáo đó. Cụ thể hơn, vào thời điểm này Bồ Đào Nha đã coi Việt Nam (trước hết là Đàng Trong và sau đó là Đàng Ngoài) như là vùng đất thuộc quyền kiểm soát của họ, và, do đó mà Đàng Trong đã được họ gọi là Cochinchina có nghĩa là đất Cochin (một hải cảng ở Tây Nam Ấn Độ, lúc ấy đang là một thương điểm sầm uất của Bồ Đào Nha) ở giáp China (Trung Quốc). Và, nếu vào thời điểm này Bồ Đào Nha vẫn còn mạnh về kinh tế và quân sự như các thế kỷ trước, họ sẽ chẳng ngần ngại biến Việt Nam thành một Brasilia ở Viễn Đông. Ý nghĩa của thành tích truyền đạo này của A.de Phodes đâu phải chỉ bó hẹp trong lãnh vực tôn giáo!

Về phía cá nhân. A. de Phodes đâu có phải chỉ quan tâm đến vấn đề truyền giáo. Trong thời kỳ lịch sử này (thế kỷ XV-XVII) các giáo sĩ thừa sai của các dòng đạo ở Phương Tây được cử đi theo các cuộc thám hiểm, chinh phạt, tìm luồng thương mãi của nước này hay nước khác, ngoài việc truyền đạo, còn phải quan tâm thực hiện những gì có lợi cho những mục đích nói trên của nước đã cử họ đi. Và, đóng góp quan trọng của các giáo sĩ thừa sai với lợi thế của họ, là môi giới cho việc thương mãi, cung cấp những thông tin nhiều mặt phục vụ đắc lực cho cuộc thực dân của các nước Phương Tây.

https://tieulun.hopto.org

A.de Rhodes cũng không là trường hợp ngoại lệ.

Trong hai cuốn sách của mình: *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài* (bản tiếng Pháp xuất bản ở Lyon. Pháp, năm 1651, và cuốn *Các cuộc du hành và truyền đạo* (xuất bản ở Paris năm 1653; đã được tái bản nhiều lần) người ta có thể đọc thấy nhiều thông tin quan trọng về mọi mặt của Việt Nam, nhất là những thông tin về tài nguyên và khả năng giao thương. Về tình hình kinh tế và khả năng thương mãi ở Đàng Trong, A.de Phodes viết: "Họ rất giàu vì đất ở đây rất phì nhiêu,... ở đây có mỏ vàng, rất nhiều hồ tiêu mà người Trung Hoa thường đến mua; rất nhiều tơ tằm, người ở đây đem dùng cả vào việc đan lưới đánh cá và dây buộc thuyền. Họ có rất nhiều đường, nhiều đến nỗi chỉ bán có 2 sols một livre. Họ gửi sang bán ở Nhật Bản khá nhiều... Ở trên thế giới này, duy chỉ ở đây là có một loại cây người ta quen gọi là Calambouc; Gỗ nó rất thơm và dùng làm nhiều bài thuốc. Gỗ này có 3 loại, loại quí nhất gọi là Calamba, có mùi thơm thật tuyệt vời, dùng làm thuốc trợ tim và để chữa các vết thương do nọc độc",... "Cũng chỉ ở đây mới có một loại tổ chim nhỏ mà người ta thường cho vào các món nấu và các món thịt; chúng ngon như những món trân quí của các bậc đế vương"[29].

Trong cuốn Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài, A. de Rhodes ghi rằng, xứ Đàng Ngoài, bởi vị trí của nó tiếp giáp với Trung Hoa, là nơi kinh doanh rất tốt và có thể trở thành một điểm thương mãi quan trọng. Người

29. Voyages et missions du père A. de Rhodes. Lille. 1884, tr.59,60,61.

https://tieulun.hopto.org

Trung Hoa đến đây rất đông, họ mang tới đồ sứ, vải nhuộm và mua về các hàng tơ lụa và gỗ Phượng Hoàng (bois Aloès). Người Nhật Bản xưa kia cũng năng tới đây buôn bán, nhưng đã 25 năm nay họ không tới nữa; như vậy "đây là chỗ nên chiếm lấy, nếu đến lập cơ sở buôn bán ở đây, các lái buôn Âu châu sẽ tìm thấy một nguồn lợi nhuận và của cải dồi dào"[30].

Ngoài ra, trong 2 tác phẩm này, A. de Rhodes miêu tả khá tỷ mỷ chế độ hai miền, nguyên nhân cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn, thái độ các vua chúa đối với người Âu, với giáo sĩ, thái độ của dân chúng đối với vua chúa cùng là phong tục tập quán của cả hai xứ.

Về công lao này của A. de Rhodes, một sử gia người Pháp Desfosses đã viết:

"Người Pháp đầu tiên đến xứ Annam, và có thể coi như người đã khám phá ra xứ này bởi những tài liệu phong phú đã truyền lại cho chúng ta, là một giáo sĩ dòng Jésuites; đó là cha A. de Rhodes. Cha là một nhà quan sát sâu sắc, và thời gian ở Đông Dương Người đã biết tìm hiểu chính xác hoàn cảnh của xứ này cũng như phong tục của dân chúng"[31].

Việc làm này của A. de Rhodes đương nhiên là với ý thức đóng góp cho sự bành trướng của Phương Tây, và không hề nằm ngoài não trạng của các giáo sĩ thừa sai Phương Tây được gửi đi khắp cùng thế giới.

---

30. Trích theo Desfosses. Lés relations de la France avec le TonKin et la Cochinchine. Paris, 1883, tr.6.

31. Desfosses. Như trên tr.3.

https://tieulun.hopto.org

Cũng không thể bỏ qua một hoạt động khác của A. de Rhodes, đó là cuộc vận động Tòa thánh La Mã cử Thế điện tông tòa (vicaires apostoliques) người Pháp sang Viễn Đông và Việt Nam, đã dẫn tới sự thành lập Hội Thừa sai Paris sau đó (1663). Từ sau khi rời Viễn Đông về Châu Âu, A. de Rhodes đã bỏ nhiều công sức để vận động Tòa thánh La Mã trực tiếp gửi các thế diện Tông tòa phụ trách việc truyền giáo ở đây mà không phụ thuộc quyền padroado, tức độc quyền truyền giáo của Bồ Đào Nha. Cuộc vận động này của A. de Rhodes đã bị Bồ Đào Nha phản đối gay gắt và ra sức cản trở vì nó vi phạm lợi ích của nước này. Tuy nhiên, nhờ sự kiên trì của A. de Rhodes và sự nhiệt tình ủng hộ của giáo hội và các nhà quyền quý Pháp, rốt cuộc Tòa thánh La Mã cũng đã ưng thuận. Năm 1653, hai Thế diện Tông tòa người Pháp là Lambert và Pallu được cử sang Viễn Đông để điều hành việc truyền giáo trong đó có Việt Nam. Sau đó mấy năm, cũng với sự đồng ý của Tòa thánh La Mã, Hội Thừa sai Paris ra đời ở Pháp, nhằm đào tạo những giáo sĩ thừa sai người Pháp để cử sang Viễn Đông. Hoạt động của các giáo sĩ Thừa sai của Hội này trong sự phối hợp với thực dân Pháp như thế nào để dẫn tới cuộc nổ súng xâm lược Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX đã được sử sách ghi lại khá rõ ràng và sẽ được đề cập tới ở một mục khác. Vậy chẳng lẽ A. de Phodes, người khởi xướng cho những sự kiện lịch sử có nội dung chính trị rõ ràng như đã trình bày ở trên, không có ý đồ chính trị gì, không can dự gì đến việc chính trị ở Viễn Đông cũng như ở Việt Nam vào thời điểm đó ? Câu trả lời xin nhường cho một sử gia người Pháp:

Bonifacy, tác giả cuốn Les débuts du christianisme

https://tieulun.hopto.org

en Annam (Hà Nội-1930) viết: "*Vai trò của ông (A. de Rhodes . NVK.) trong việc thành lập Hội Thừa sai Paris, hoạt động của ông để đưa Giáo hội ở Đàng Ngoài và Đàng Trong ra khỏi vòng kiểm soát của người Bồ,... nói chung đã đem lại cho nước Pháp vai trò quan trọng nhất ở bán đảo Đông Dương*" (tr. 16,17).

Tóm lại, mặc dù A. de Rhodes không có những hành động nhúng tay lộ liễu vào việc chính trị ở Việt Nam như một số giáo sĩ của Hội Thừa Sai Paris sau này, song nói rằng A. de Rhodes là một giáo sĩ thừa sai chân chính hiểu theo nghĩa là chỉ giới hạn hoạt động của mình trong cuộc truyền giáo, là không thật cặn kẽ khi xem xét và đánh giá hành trạng của nhân vật lịch sử này.

II. CÁC THẾ DIỆN TÔNG TÒA PHÁP VÀ GIÁO SĨ CỦA HỘI THỪA SAI PARIS CHĂM LO CHO VIỆC BÀNH TRƯỚNG THẾ LỰC CỦA PHÁP Ở VIỆT NAM (*cho đến trước những hoạt động của Pigneau de Béhaine*).

Có thể coi việc Tòa thánh La Mã cử các Thế diện Tông Tòa người Pháp sang Viễn Đông và Việt Nam, việc thành lập Hội Thừa sai Paris là cái mốc quan trọng đánh dấu một sự thay đổi trong mối tương quan giữa Pháp và Bồ Đào Nha trong lãnh vực truyền giáo và kiếm tìm thuộc địa. Từ đây, Pháp có một vị thế ngang hàng, thậm chí nổi trội hơn, so với Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha trong lãnh vực này.

Trong thực tế, các Thế diện tông tòa và giáo sĩ thừa sai Pháp ở Việt Nam, cùng lúc với việc điều hành

https://tieulun.hoptol.com

việc đạo, luôn quan tâm tới việc tạo điều kiện thuận lợi của sự bành trướng thực dân của nước họ ở đây. Họ thường xuyên có sự liên hệ với Nhà nước Pháp và Công ty Đông Ấn, được thành lập đồng thời với Hội thừa sai Paris và là tổ chức bảo trợ cho các giáo sĩ của Hội này, để cung cấp thông tin, vạch kế hoạch cho sự bành trướng thế lực của Pháp vào Việt Nam.

De Lamotte Lambert, sau khi nhận chức, liền đi bộ sang Viễn Đông và tới Siam (Thái Lan) năm 1662, tiếp đó sang Quảng Đông và năm 1669 sang Đường Ngoài trên một chiếc tầu buôn của Pháp cùng với giáo sĩ Bourges. Tầu này có ý định xin với nhà vua Đàng Ngoài cho phép lập cửa hàng ở Phố Hiến. Vì có chở giáo sỹ nên bị người Hà Lan và Bồ Đào Nha tố cáo, tầu bị kiểm soát nghiêm ngặt Lambert bèn đưa tặng vật và một đơn thỉnh cầu đến nhà vua. Nhờ sự giúp đỡ của một quan hoạn có đạo tên là Tuyên, nên nhà vua cho phép lái buôn Pháp được mở cửa hàng ở phố Hiến. Lambert ở lại Đàng Ngoài cho đến tháng 2-1670: Trong thời gian ở đây, Lambert triệu tập công đồng Nam Định để chấn chỉnh việc đạo; sau đó Lambert trở lại Siam; Từ đây Lambert luôn luôn gửi tặng phẩm cho Chúa Nguyễn và nhờ đó có hai lần được phép vào hoạt động ở Đàng Trong sau đó trở về Siam và chết ở đây năm 1679. Lambert, là đồng tác giả cuốn Monita ad misionnarios và là tác giả của nhiều tập hồi ký cung cấp những thông tin rất quý cho thực dân và thương nhân Pháp đang muốn thâm nhập Việt Nam. Nhận xét về Lambert, Desfosses viết: "Ông sống nhiều năm ở xứ này (tức Việt Nam - N.V.K.) nơi mà ông đã tìm hiểu rất kỹ càng...

https://tieulun.hopto.org

Nhằm mục đích phục vụ người đồng hương, ông đã cho xuất bản tập hồi ký các chuyến đi mà ngày nay vẫn còn là một nguồn tài liệu quí" (Sđd, tr. 8).

Pallu đến Siam năm 1664, ở đó một thời gian ngắn rồi trở về Châu Âu để tường trình với Giáo hoàng về việc đạo ở Viễn Đông, đặc biệt về thái độ bất phục tùng của các giáo sĩ thừa sai của Bồ Đào Nha. Trở lại Siam năm 1673 và năm 1674, định đi kinh lý địa phận Đàng Ngoài, mang theo tặng vật cho vua ở đây do Giáo Hoàng và vua Louis XIV của Pháp cấp tiền để mua. Trên đường đi, Pallu bị bão dạt vào Philippines và bị các nhà chức trách Tây ban Nha bắt vì nghi Pallu làm gián điệp và bị đưa về Madrid (Thủ đô Tây Ban Nha). Sau khi được minh oan và được thả, Pallu về Rome. Ở đây Pallu đấu tranh kịch liệt với người Bồ Đào Nha và được Tòa thánh La Mã mở rộng thêm quyền hạn cho các giáo sĩ Pháp: Pallu cai quản miền Nam Trung Quốc; Deydier và Bourges cai quản Đàng Ngoài và Lào; Lambert cai quản Đàng Trong và Siam. Riêng Pallu được phong làm giám mục Tổng quản toàn Trung Quốc; Lambert được giao làm Tổng quản những vùng còn lại kể trên. Thế là các giáo sĩ Pháp toàn thắng trong lĩnh vực truyền giáo và là "một thất bại nặng nề cho người Bồ Đào Nha" (Bonifacy. Sđd. trang 80). Năm 1681, Pallu trở lại Viễn Đông với chức vụ mới. Lần này Pallu cử Lefebre và Geffrard đem tặng vật và thư của Louis XIV đến vua Đàng Ngoài. Bức thư yêu cầu nhà vua Đàng Ngoài cho phép Công ty Ấn Độ được phép lập thương điểm ở Đàng Ngoài, cho phép Bourges và Deydier được tự do truyền đạo, giáo dân được tự do theo

https://tieulun.hopto.org

đạo và mong mỏi nhà vua cũng cải giáo. Năm 1684, Pallu sang Phúc Kiến và chết tại đó.

Trong quá trình hoạt động ở Viễn Đông, Pallu rất quan tâm tới việc tăng cường thế lực thương mãi của Pháp ở đây. Về mối quan tâm này của Pallu, sử gia Pháp Desfosses viết: "Đó là một con người rất cao quí; ông rất quan tâm tới xứ Đàng Ngoài và đã đề nghị lập ở đó một thương điếm. Theo ông, xứ này, bởi sự phì nhiêu, sự giàu có và sự tiếp giáp với Trung Quốc, nên rất thuận lợi cho việc lập ở đây một trung tâm thương mãi. Ông là một trong những nhân vật hiếm có ở thế kỷ XVII, tiên đoán rằng một ngày kia cuộc cách mạng kinh tế sẽ bùng nổ và làm rung chuyển thế giới; Ông lại còn có nhận thức sâu sắc về công cuộc thực dân và đoán rằng Á châu sớm hay muộn sẽ là trường đấu tranh mà ở đó các cường quốc Âu Châu sẽ đọ sức. Ông cũng thấy trước sự lớn mạnh sau này của nước Nga và trong một bức thư gửi cho Colbert năm 1669, ông nói rằng nước Nga, lúc này còn rất ít được biết đến ở Âu Châu, sau này sẽ có một địa vị đáng kể ở Á Châu và sẽ tìm cách chiếm ưu thế ở đó. Vậy thì, theo ý ông, chúng ta cần phải liên minh với nước Nga Sa hoàng và dựa vào nước này để chống lại Hà Lan và Anh, hai nước có lực lượng hàng hải rất đáng sợ cho chúng ta. Ông nghĩ rằng chúng ta có thể nắm độc quyền một luồng thương mãi rộng lớn bằng cách tổ chức những thương đoàn đi từ Bắc Kinh đến Mạc Tư Khoa. Cũng như thế, chúng ta cũng sẽ dễ dàng đặt mối quan hệ bình thường giữa Trung Quốc và Đàng Ngoài, và bằng cách đó, xứ này có thể gắn liền với Âu Châu" (Sđd. tr. 8).

https://tieulun.hopto.org

Trong những thư từ của Pallu gửi về Pháp cho Colbert (thủ tướng Pháp), cho Hội Thừa sai Paris, cho vua Louis XIV, Pallu luôn nhắc nhở tới việc mở rộng thương mãi của Pháp ra thế giới và góp ý để thực hiện.

Trong thư gửi cho Colbert, Thủ tướng Pháp đề ngày 2-1-1672, Pallu viết : "Địa bàn tốt đẹp nhất mà chúng ta đã có cho Hội truyền giáo của ta, ... chính là xứ Đàng Ngoài... Ngài giám mục Bérythe (tức Lambert - N.V.K.) đã có dịp đến đó trên một chiếc tàu buôn giả dạng làm cha tuyên úy. Ông ấy đã khéo léo vận động và được nhà vua cho phép hai giáo sĩ mặc giả làm lái buôn, được quyền ở lại và mở một nhà hàng trong một địa điểm rất đẹp, với hy vọng rồi đây công ty thương mãi của nước Pháp có thể đặt ở đó một thương điếm. Ông ấy đã viết thư nói chuyện này với các vị chủ sự công ty và đã gửi về cho các vị ấy những tài liệu rất có ích về việc buôn bán ở đây. Thưa Ngài, tôi mong ngài vì lợi ích của Đức Tin, điều đó lại phụ thuộc vào lợi ích của công ty và vì danh dự, quang vinh của Đức vua sùng đạo, hãy nhắc nhở các vị chủ sự Công ty hãy luôn luôn chuẩn bị mọi thứ cho sự thành lập một thương điếm trong xứ này, hay ít nhất cũng đến thăm xứ này. Việc đó chỉ rất có lợi cho Công ty. Việc này nếu thực hiện được sẽ bảo hộ một cách chắc chắn cho một tiểu giáo khu đông tới 300.000 người đã được rửa tội mà nếu ta chậm cấp cứu sẽ gặp vô vàn hiểm nguy. Cần phải chú ý rằng chuyến đi Đàng Ngoài vì sự cứu giúp xứ đạo mới ra đời này chính là mục tiêu thứ nhất của sự thành lập Công ty Ấn Độ cách đây 13, 14 năm mà Giáo chủ Mazarin đã có ý định làm chủ

https://tieulun.hopto.org

sự..."[32].

Trong thư gửi cho các vị đứng đầu Chủng viện của Hội Thừa sai Paris đề ngày 6 tháng 12 năm 1679, có đoạn viết: "... Cần phải ủy nhiệm cho ông Chủ nhiệm (Baron-Chủ nhiệm chi nhánh của công ty Đông Ấn ở Ấn Độ) chuẩn bị một chiếc tàu với một số hàng hóa và lễ vật cho xứ Đàng Ngoài để tiếp nối lễ vật của Giáo hoàng, và một vị Giám mục để chỉ đạo hai ông Bourges và Deydier. Cần phải khẩn thiết yêu cầu các vị chủ sự công ty giúp đỡ cho việc đạo, nói cho họ rõ lợi ích bản thân của họ theo gương những người Anh...".

Trong thư gửi vua Louis XIV, năm 1680, Pallu viết: "Cả hai lý do, việc đạo và việc thương mãi, nhắc Đức vua cần phải thi hành một số biện pháp nào đó đối với vua xứ Đàng Ngoài để ông ta bảo hộ cho các linh mục Pháp đang giả dạng lái buôn ở đây, và, dưới bộ quần áo đó, họ đang cai quản một giáo khu thịnh vượng với hơn 10 vạn tín đồ. Hiện nay họ đang rất nóng lòng mong mỏi thấy một vài tàu buôn của nước ta sớm đến đây buôn bán ở các hải cảng; Sợ rằng Đức tin ở đây sẽ bị xua đuổi như đã từng xảy ra và họ cũng sẽ bị đuổi khỏi xứ này, nếu nhà vua không ngừa trước việc này bằng cách viết thư bênh vực họ, và kèm theo những bức thư đó một vài lễ vật, mà những lễ vật này là những thứ tiến cử rất đắc lực cho họ ở xứ này. Tin rằng nếu nhà vua chỉ xin vua xứ này cho phép một giám mục được tự do giảng đạo trong nước của ông ta thì nhà vua sẽ được

32. Launay – Histore de la mision du Tonkin. Paris, 1427. Documents historiques I (1658-1717).

https://tieulun.hopto.org

sự đồng ý dễ dàng..."[33].

Sau đó ít lâu, Louis XIV đã làm theo lời yêu cầu của Pallu, viết thư cho vua Đàng Ngoài xin những điều Pallu đã gợi ý.

Đã rõ là hoạt động truyền giáo của Lambert và Pallu luôn luôn gắn liền với yêu cầu bành trướng thế lực thực dân của Pháp. Nếu Lambert Pallu thường được các sử gia thực dân Pháp ca ngợi, đó là vì họ coi Lambert và Pallu là ở trong số những người tiên phong dẫn dắt thực dân Pháp thâm nhập vào Việt Nam. Septans, tác giả cuốn Les Commencements de l'Indochine francaise (Những bước khởi đầu của xứ Đông Dương thuộc Pháp-Paris 1887) nhận xét: "Vinh dự là thuộc về Pallu và Lamotte Lambert ! Hai vị giám mục dũng cảm này đã là những vị tiền bối của giám mục Adran (tức Bá Đa Lộc - N.V.K.) ở Đông Dương" (tr.7).

Đồng thời với Pallu và Lambert, phải nói tới hai giáo sĩ thừa sai Bourges và Deydier. Hai giáo sĩ này cùng sang Viễn Đông một chuyến với Lambert. Deydier được cử sang Đàng Ngoài trước, trà trộn với thương nhân Pháp để ở lại truyền đạo. Năm 1669, Bourges đến Đàng Ngoài cùng với Lambert rồi ở lại cùng với Deydier. Hai giáo sĩ này ra sức hoạt động tạo điều kiện thuận lợi cho thương nhân Pháp xâm nhập Việt Nam, đề cao uy thế của Pháp và luôn luôn quan hệ mật thiết với Công ty Đông Ấn ở Ấn Độ. Trong buổi được tiếp kiến Chúa

---

33. Launay – Histore de la mision du Tonkin. Paris, 1427. Documents historiques I (1658-1717).

https://tieulun.hopto.org

Trịnh cùng với thương nhân Bồ Đào Nha và Hà Lan, Bourges và Deydier đã lợi dụng khả năng nói tiếng Việt của mình, tranh thủ được cảm tình của Chúa, khiến Chúa Trịnh cho phép lái buôn Pháp được đi lại buôn bán tự do. Đây là đoạn trích bài tường thuật buổi yết kiến đó:

"... Sau đó (sau những lễ nghi thông thường) mọi người được mời vào một phòng khác, ở đó nhà vua đã cử sẵn một hoạn quan để hỏi xem trong 4 nước Pháp, Anh, Bồ Đào Nha và Hà Lan nước nào lớn nhất, giàu nhất, có nhiều súng ống và thợ đúc đại bác nhiều nhất. Vị hoạn quan hỏi riêng Deydier vì ông này nói giỏi tiếng Việt; Ông này tìm cách trả lời sao cho khỏi phạm đến danh dự của các nước khác. Ông ta nói rằng nước nào cũng to và mạnh và đều không thiếu đại bác cũng như thợ đúc đại bác. Thấy câu trả lời không làm vừa lòng viên quan hoạn, ông ta xin đem tấm bản đồ ra để chỉ sự khác nhau về diện tích của mỗi nước. Cách ấy cũng chưa làm vừa lòng vị quan, nên Deydier thấy cần phải nói rõ ràng những điều mình nghĩ; ông ta nói rằng, hiện nay mọi người đều công nhận rằng nước Pháp chẳng những có đủ súng ống, thợ đúc, đại bác cho mình mà còn có thể giúp cho nước khác. Câu trả lời được quan hoạn tâu lên vua; nhà vua sai hoạn quan ra truyền lại cho người Pháp và người Anh rằng Vua cho phép họ được tự do buôn bán trong nước mình như người Hà Lan trước đây đã được hưởng ân huệ đó[34].

Trong một bức thư gửi về cho bề trên ở Pháp đề

34. Launay. Sđd, tr.150.

https://tieulun.hopto.org

ngày 27 tháng 12 năm 1678, Bourges và Deydier viết: "Để bảo toàn sự vững vàng của chúng tôi ở đây, chúng tôi cần có sự lui tới tại đây một vài tàu buôn nước Pháp. Chúng tôi chỉ có thể, nếu không phải trông cậy vào sự che trở đặc biệt của chúa trời thiêng liêng,... ở lại đây với hy vọng rằng các tàu buôn Pháp đến đây để buôn bán... Cho đến nay, chúng tôi còn được yên ổn vì ở đây đang có chiến tranh, nhưng khi hòa bình được lập lại, chúng tôi không hiểu có còn được yên ổn không nếu như không có tàu buôn Pháp nào đến. Chúng tôi nghĩ rằng các vị ở trong công ty hãy còn cho rằng việc buôn bán của họ ở Đàng Ngoài kém hơn ở Nhật Bản... Người Anh được lệnh của các công ty của họ năm trước, đến buôn bán ở đây, và vì việc đó mà năm nay họ đã gửi đến đây 2 khẩu đại bác đồng rất to và một khẩu đại bác sắt để làm lễ vật cho nhà vua và xin địa điểm trong thành phố để xây dựng ở đó một nhà hàng vững chắc hơn tất cả mọi ngôi nhà trong xứ. Thưa Ngài, Ngài có thể nói lại cho các vị ấy biết để họ theo gương người Anh, nhận ra rằng việc buôn bán với xứ này không phải là không đem lại cho họ lợi nhuận gì..."[35].

Sau Bourges và Deydier, Công ty Đông Ấn và các nhà chức trách Pháp ở vùng đất do Pháp chiếm ở Ấn Độ, còn đặc phái nhiều giáo sĩ thừa sai sang Việt Nam công cán.

Năm 1735, Dumas sang làm Thống đốc Pondichery đã cử giáo sĩ De la Baume, người đã từng ở Đàng Trong lâu năm đi thăm dò xứ này. Năm 1740, De la Baume

35. Launay. Sđd, tr.150.

https://tieulun.hopto.org

viết một bản tường trình cung cấp khá nhiều tài liệu quan trọng. Trong bản tường trình, Baume miêu tả tỉ mỉ khả năng kinh tế và thương mãi của Đàng Trong. Baume còn được yết kiến nhà chúa và được nhà chúa hứa sẽ cho phép mở thương điếm, lại còn hứa sẽ nhường cảng Tourane. Nhưng ở Pondichéry lúc ấy có cuộc nổi dạy của ngời Marat nên Công ty Đông Ấn phải tạm ngừng kế hoạch xâm nhập Đàng Trong.

Dupleix, người kế vị Dumas, lại cử Pierre Poivre sang thăm dò Đàng Trong. Poivre tuy chưa phải là giáo sĩ của Hội thừa sai Paris, nhưng vốn là chủng sinh của Hội. Là con một gia đình thương gia có tiếng, sau khi tốt nghiệp khoa Thần học, Poivre sang Viễn Đông du lịch và phục vụ cho Công ty Đông Ấn đồng thời chuẩn bị để trở thành giáo sĩ. Poivre qua Trung Quốc rồi Đàng Trong, học tiếng của hai xứ và có một hiểu biết khá đầy đủ về hai xứ này. Năm 1747, Poivre trở về Pháp, trình bày kết quả chuyến đi của mình với Ban quản trị Công ty Đông Ấn và chỉ ra cho Công ty phương hướng hành động. Sau đó Poivre lại được công ty Đông Ấn cử tiếp sang Đàng Trong. Mục đích của chuyến đi này là để mua một số mặt hàng như vàng, đường, ngà voi, sắt, gỗ phượng hoàng, hồ tiêu, chàm nhuộm và xin với nhà vua cho được lập một thương điếm. Poivre đến Huế vào cuối tháng 9 năm 1749 - ở đây Poivre gặp nhiều khó khăn, nhưng nhờ sự giúp đỡ tận tình của giám mục Lefebre nên Poivre đã đạt được những kết quả rất lớn: Nhà chúa cho lưu hành đồng bạc (piastre), cho buôn bán tự do, cho lập một cửa hàng ở Faifo, v.v... Ngoài ra Chúa Nguyễn còn gửi cho Vua Pháp một bức thư giao hảo và

https://tieulun.hopto.org

nhiều tặng vật.

Sau chuyến đi này của Poivre, Dupleix lại liên lạc với giáo sĩ Saint Phalles đã hoạt động ở Đàng Ngoài rất lâu năm và giao cho S.Phalles một nhiệm vụ tương tự như nhiệm vụ của Poivre.

Năm 1753, S. Phalles gửi về một bản tường trình rất đầy đủ về tình hình kinh tế, thương mãi, phong tục, tập quán v.v... của Đàng Ngoài. S. Phalles nhiệt liệt tán thành việc mở thương điếm của Pháp ở Đàng Ngoài vì xứ này có nhiều khả năng trở thành một thị trường có nguồn lợi lớn. Trong tập du ký của S. Phalles do Richard sưu tầm xuất bản năm 1778 có đoạn miêu tả sự buôn bán ở Kẻ Chợ như sau:

"Sự buôn bán ở đây khá lớn, việc giao dịch hầu hết là bằng những đường sông chảy qua đây, lúc nào cũng tấp nập thuyền bè, chở các loại hàng và thực phẩm do nhân dân ở các tỉnh có mối liên hệ buôn bán chính với Thủ đô mang đến. (Desfosses, Sđd. tr.30).

Trên đây là một số dẫn chứng về những hoạt động của các giáo sĩ Hội thừa sai Paris phục vụ cho Thực dân Pháp ở Việt Nam cho đến trước điều ước Versailles năm 1787. Những dẫn chứng kể trên cho phép rút ra nhận định sau đây:

Từ khi Hội thừa sai Paris thành lập (10-1663) cho đến trước điều ước Versailles 1787, Công ty Đông Ấn của Pháp (thành lập năm 1664) đã thường xuyên tìm cách thâm nhập thị trường Việt Nam. Trong việc này Công ty Đông Ấn nhận được sự cộng tác chặt chẽ của Hội Thừa sai Paris và các giáo sĩ của Hội được cử sang

https://tieulun.hopto.org

hoạt động ở Viễn Đông và Việt Nam. Công ty Đông Ấn và Hội Thừa sai Paris tuy là 2 tổ chức có chức danh riêng song đều có chung một mục đích là làm cho thế lực thực dân của Pháp thâm nhập Viễn Đông, mà Việt Nam là một trọng điểm. Giữa những người cầm đầu Hội Thừa sai Paris và Ban quản trị Công ty Đông Ấn có mối liên hệ khăng khít. Công ty Đông Ấn là kẻ đài thọ vật chất và phương tiện (trợ cấp tiền bạc, tàu bè đưa đón, lễ vật để tặng các vua chúa, v.v), còn các giáo sĩ thừa sai là những người có điều kiện thuận lợi để giao thiệp với vua, chúa ở Việt Nam, làm môi giới cho thương nhân Pháp vào buôn bán ở đây. Họ còn là những người cung cấp những nguồn tin, những tài liệu quan trọng về mọi mặt của Việt Nam, là những người thừa hành, cố vấn đắc lực cho phương hướng hành động của Công ty. Thời gian từ 1663 đến trước điều ước Versailles 1787, hoạt động của các giáo sĩ đã có tác dụng đưa Việt Nam vào diện thị trường trọng điểm của Pháp ở Viễn Đông, giúp Công ty Đông Ấn nắm vững mọi tình hình ở Việt Nam để chờ cơ hội biến Việt Nam thành thuộc địa của Pháp. Cơ hội thuận lợi ấy đã đến vào những năm 70 thế kỷ XVIII, khi giám mục Adran (Bá Đa Lộc) thiết lập được mối quan hệ đặc biệt với Nguyễn Ánh, thay mặt Nguyễn Ánh cầu viện Pháp, ký kết với Pháp điều ước Versailles 1787, rồi sau đó ra sức giúp Nguyễn Ánh phục hồi ngôi vua, đánh dấu sự can thiệp trực tiếp của chính quyền Pháp và Hội thừa sai Paris vào chính trị nội bộ của Việt Nam.

III. PIGNEAU DE BÉHAINE, MỘT MƯU TOAN CHÍNH TRỊ LỚN.

https://tieulun.hopto.org

Pigneau de Béhaine, sinh ngày 3 tháng 11 năm 1741 ở Origny thuộc hạt Aisne (Pháp). Cha của Pigneau vừa là viên chức vừa là chủ một xí nghiệp thuộc da. Pigneau học ở trường Laon, sau chuyển sang học ở chủng viện Sainte Familles ở Paris, rồi chuyển tiếp sang chủng viện của Hội Thừa sai Paris. Sau hai năm tập sự, Pigneau trở thành giáo sĩ thừa sai của Hội này và được cử sang Viễn Đông truyền đạo. Đến Macao năm 1766 cùng với 4 giáo sĩ Pháp khác và được gửi sang truyền đạo ở Đàng Trong. Pigneau là giáo sĩ, nhưng rất thông thạo môn nghệ thuật quân sự và nhiều môn khoa học, triết học. Pigneau giỏi môn vật lý và nhất là thiên văn, giỏi âm nhạc và am hiểu cả nghề hàng hải, đặc biệt ưa các hoạt động quân sự và chính trị. Jardinier, tác giả cuốn Mgr. P Joseph George Pigneau de Béhaine xuất bản năm1886, nhận xét:

"Ở Pigneau de Béhaine con người giáo sĩ, mục sư, đồng thời là con người quân sự và chính trị". (tr. 8).

Pigneau thường tuyên bố rằng mình "... đọc những bài bình luận của César (một nhà quân sự có tài của Đế quốc La Mã-N.V.K.) cũng thích thú như đọc kinh nhật tụng" (Jardiner - Sđd. tr.9).

Pigneau sang Viễn Đông truyền giáo, đồng thời cũng là để phụng sự cho lợi ích của nước Pháp trong lúc nước này đang bị Anh cướp mất nhiều thuộc địa. Trong hoàn cảnh đó, "Pigneau không hề thất vọng về số phận của nước mình và một mình, không có ai bảo hộ, không có chỗ dựa nào hơn là lòng can đảm của chính mình, nhưng Kinh thánh trong tay, ông đã bước vào cuộc

https://tieulun.hopto.org

chiến đấu cho chúa và cho nước Pháp"[36].

Tháng 7 năm 1767, Pigneau đến Cần Cao (Hà Tiên) hoạt động dưới quyền giám mục Piguel, đang cai quản địa phận Đàng Trong, được chỉ định làm giám đốc nhà dòng Hà Tiên. Ở nhà dòng Hà Tiên được 5 tháng thì Pigneau, vì có can dự đến việc che dấu một Hoàng thân Siam nên bị Mạc Thiên Tứ bắt, rồi ít lâu sau được tha. Đầu năm 1770, nhà dòng Hà Tiên bị cướp, Pigneau cùng với nhà dòng phải rời sang Pondichéry (Ấn Độ). Cùng năm này Pigneau được phong chức giám mục Adran, thụ phong ở Madras tháng 2-1774. Tháng 3-1775, Pigneau về Hà Tiên lần thứ hai.

Khi Pigneau trở lại Hà Tiên lần thứ hai cũng là lúc Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi đang phải trốn tránh. Khi ở Pondichéry, Pigneau có dịp nghiên cứu kỹ các kế hoạch thâm nhập Đàng Trong của Công ty Đông Ấn và thấy rằng có thể thông qua việc truyền đạo mà đạt được mục đích làm cho nước Pháp có địa vị ở Đàng Trong. Tình hình rối loạn ở Đàng Trong lúc này gợi cho Pigneau một dự kiến kế hoạch lớn; đó là kế hoạch giúp cho Nguyễn Ánh đang thất thế trở lại ngôi vua, nhân đó có thể cải giáo cho Nguyễn Ánh rồi biến Đàng Trong thành một quốc gia Thiên chúa giáo thuộc Pháp. Đó là lý do khiến Pigneau ra tay cứu Nguyễn Ánh khỏi phải sa vào tay quân Tây Sơn.

Sau khi được Pigneau giúp trốn thoát, Nguyễn Ánh

36. Sylvestre. Pigneau de Béhaine. Bulletin de la société académique de Chausey - 1901. Tr.12.

https://tieulun.hopto.org

ra đảo Phú Quốc. Năm 1776, nhân lúc quân Tây Sơn rút về Qui Nhơn. Nguyễn Ánh đem bộ hạ về chiếm lại được Sadec, Vĩnh Long, Mỹ Tho và Gia Định. Pigneau được Nguyễn Ánh mời về giúp đỡ. Vai trò của Pigneau đối với Nguyễn Ánh bắt đầu từ đó.

Trong thời gian này, Pigneau đã thực sự là cố vấn của Nguyễn Ánh, một mặt khuyên Nguyễn Ánh tha cấm đạo, mặt khác tuyên bố cho phép tín đồ Thiên chúa giáo được thờ cúng tổ tiên cho phù hợp với phong tục của bản xứ. Pigneau còn khuyên Nguyễn Ánh nên giảm thuế cho dân, trừng trị bọn tham quan, tập hợp thêm lực lượng để tổ chức một đội hải quân mạnh. Năm 1777, quân Tây Sơn lại tấn công Nguyễn Ánh một lần nữa, song Nguyễn Ánh vẫn đứng vững. Nguyễn Ánh xưng chúa rồi chiếm thêm Bình Thuận, Phú Yên, lại trao cho Pigneau quyền chỉ huy quân sự. Pigneau cho người ra đảo Côn Lôn canh tác, tích chứa lương thực, biến nơi đây thành bến đón tàu Pháp đưa vào Đàng Trong, đồng thời kiểm tra, ngăn cản tàu bè các nước khác nhòm ngó Đàng Trong. Cũng trong thời gian này, Pigneau ra sức giúp đỡ Nguyễn Ánh tổ chức lại quân đội, xây pháo đài Thị Nghè, huấn luyện binh lính theo phương pháp Âu châu, tổ chức cho Nguyễn Ánh đội quân tình nguyện người Hoa ra trấn giữ Bình Thuận và Phú Yên.

Năm 1782, Nguyễn Ánh lại bị quân Tây Sơn đánh bật ra khỏi Đàng Trong, Pigneau cũng phải bỏ chạy sang Cao Mên. Năm 1783, một lần nữa Nguyễn Ánh bị đánh tan tác phải trốn ra Côn Lôn. Pigneau về gặp

https://tieulun.hopto.org

Nguyễn Ánh ở đây cùng nhau bàn bạc trong vòng một tháng. Lúc này lực lượng Nguyễn Ánh bị đánh hầu như tan rã không còn khả năng phản công quân Tây Sơn. Nguyễn Ánh đã nghĩ tới việc yêu cầu một số nước Tây Âu như Hà Lan, Anh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha giúp đỡ, song còn do dự vì cũng lường thấy mối đe dọa bị các nước này thôn tính. Chính vào lúc đó, Pigneau khuyên Nguyễn Ánh nên cầu viện Pháp, nhưng Ánh chưa quyết định mà lại thử cầu vận may ở sự cứu viện của Siam; nhưng rồi cả quân Siam cùng tàn quân của Nguyễn Ánh đều bị đánh tan tác. Nguyễn Ánh một lần nữa bỏ chạy ra Côn Đảo cùng một số quần thần. Lúc này Nguyễn Ánh đã ở bước đường cùng. Được tin, Pigneau vội về Côn Đảo gặp Nguyễn Ánh và nhắc lại hướng cầu viện nước Pháp. Để tăng thêm phần thuyết phục, Pigneau còn doạ rằng rồi đây Tây Sơn sẽ thôn tính Cao Mên và Siam sẽ trở thành bá chủ Bán đảo Đông Dương, và, lúc ấy không ai có thể địch nổi; cho nên tốt nhất là, một mặt kêu gọi dân Đàng Trong hưởng ứng, một mặt cầu viện Pháp, nếu không sẽ tuyệt vọng. Còn đang bàn bạc thì quân Tây Sơn lại kéo đến vây bắt. Tất cả phải chạy sang đảo Phú Quốc. Ở đây, Nguyễn Ánh thuận theo sự gợi ý của Pigneau; đó là vào tháng 12-1784[37].

37. Hầu hết các sử sách viết về vụ việc này đều có nhắc tới Bản quyết nghị của Hội đồng Hoàng gia đề ngày 10 tháng 7 đời Cảnh Hưng thứ 43 (tức 18-8-1782) ủy nhiệm Pigneau đi cầu viện Pháp với những dự khoản cho một điều ước. Song theo sự khảo sát của chúng tôi, năm tháng của Bản quyết định này không khớp với sự việc, nên đang còn là một nghi vấn. Xin đọc thêm bài "Quanh vụ

https://tieulun.hopto.org

Trước khi lên đường về Pháp, Pigneau có báo cáo dự kiến hành động của mình với Tòa thánh La Mã và được Tòa thánh ủng hộ. Liền sau đó Pigneau cùng Hoàng tử Cảnh (con trai Nguyễn Ánh lên sáu tuổi, được giao cho Pigneau chăm sóc và để làm tin) và đoàn tùy tùng sang Pondichéry vào tháng 6 năm 1786 để chuẩn bị đi Pháp. Tuy đã được Tòa thánh La Mã tỏ ý ủng hộ, Pigneau vẫn bị dư luận tố cáo khiến Pigneau do dự, song cuối cùng vẫn đi Pháp. Những người tố cáo Pigneau nhúng vào việc chính trị chủ yếu là người Bồ Đào Nha. Các sử gia thực dân hết sức tán thưởng thái độ kiên quyết của Pigneau: "Giám mục Adran liệu có nên từ bỏ lợi ích như thế chỉ vì sự gây gổ nhân nghĩa giả của một vài kẻ khốn nạn; bọn này có nhiều lý do để ghét ngài giám mục, người mà đức kiên cường và khôn ngoan làm chúng phải lo ngại "(Faure- Mgr Pigneau de Béhaine - Paris-1891, trang 57, 58;...". "Nói Thực ra, giám mục Adran theo đuổi một ý đồ chính trị - tôn giáo ở Đàng Trong, tức là : Sự can thiệp của nước Pháp và thắng lợi của đạo Cơ Đốc - ý đồ đó làm trở ngại, ngăn cản giáo sĩ của các nước khác, đặc biệt là các giáo sĩ dòng Jésuites, những người đã mong muốn và chuẩn bị cho sự xâm nhập của người Bồ. Nhưng vị giám mục người Pháp vẫn vững vàng là (người Pháp;... dưới màu cờ của tôn giáo, trong thực tế lại chính là hai, mà có thể là nhiều thế lực chính trị va vấp nhau và đấu tranh với nhau. Giám mục Adran hiểu điều đó, đã bỏ ý định trở lại Đàng Trong và quyết định tiếp tục theo đuổi dự định

---

Nguyễn Ánh cầu viện Pháp". Nguyễn Văn Kiệm. Xưa và nay số 3 (tháng 2 năm 1997).

https://tieulun.hoptb.org

của mình mà Người có thể thực hiện bằng cách dựa vào nước Pháp, và chỉ có nước Pháp mà thôi" (Faure. Sđd. trang 59).

Đến Pháp vào tháng 2 năm 1787, nhờ có sự giới thiệu của những người đỡ đầu có thế lực ở triều đình như Tu viện trưởng Vermont, thầy học của Hoàng hậu, tổng giám mục Dillon, Tổng thanh tra tài chính Loménie de Brienne, người được Hoàng hậu rất sủng ái, Adran được gặp nhà vua. Cuộc gặp mặt giữa Adran với nhà vua diễn ra vào đầu tháng 5 năm 1787, có mặt Bá tước Montmorin và thống chế De Castries.

Trong buổi gặp Adran trình bày ý kiến của mình xung quanh lợi ích của việc làm chủ được xứ Đàng Trong.

Theo Adran, Đàng Trong là một vị trí thương mãi và quân sự hết sức quan trọng đối với việc củng cố và phát triển thế lực của Pháp ở Viễn Đông:

"Ngoài những lợi lích mà nước Pháp có thể lợi dụng được từ một nền thương mãi nhập khẩu mà hiện nay chưa thực hiện được, Đàng Trong, bởi vị trí địa lý của nó, rất thuận lợi cho việc buôn bán với Trung Hoa, và cũng chính vì lẽ đó mà căn cứ này càng trở nên quan trọng. Từ bờ biển của xứ này đến Macao, Manille, Bornéo, Batavia, chỉ mất có 3 ngày đường. Căn cứ này nằm trên con đường qua lại của tất cả tầu bè đi đến Trung Quốc và các thương điểm ở xứ này. Ngoài ra, nước nào có được căn cứ này, sẽ có một lợi ích không thể lường được là chặn đường đi lại của tất cả các nước, và trong trường hợp xảy ra chiến tranh sẽ làm chủ toàn bộ

https://tieulun.hopto.org

nền thương mãi của Trung Hoa và các bán đảo của nó".

Tiếp theo, Adran đề nghị cần phải can thiệp gấp vào Đàng Trong, nếu không sẽ bị người Anh chiếm mất:

"Ta phải lo ngại biết bao nhiêu vì người Anh vốn đã có thế lực ở Ấn Độ, đang luôn luôn có ý định tăng cường thế lực ở Đàng Trong, sẽ lập một căn cứ ở đây nếu chúng ta không ra tay trước...".

Theo Adran, nếu nhà vua đồng ý can thiệp thì "... tốt hơn hết là gửi chỉ thị cho Đảo Pháp quốc (một hòn đảo thuộc quyền kiểm soát của Pháp ở Ấn Độ Dương - N.V.K.) và sẽ cử số quân cần thiết từ đó đi khi có dịp thuận lợi.

Có hai lý do khiến ta không gửi quân từ Pháp mà nên gửi quân từ Đảo Pháp quốc; lý do thư nhất là giữ được bí mật đối với người Anh; Họ sẽ đi trước chúng ta nếu biết rõ ngày xuất phát của cuộc chinh phạt; Lý do thứ hai, ta sẽ tìm thấy ở thuộc địa này và ở Đảo Bourbon quân lính hợp với thủy thổ, đã quen chịu đựng khi đi biển...".

Cuối cùng Adran kết luận:

"Tóm lại, một căn cứ của người Pháp ở Đàng Trong sẽ cho phép ta cân bằng được thế lực đối với nước Anh trong việc kiểm soát vùng Ấn Độ, sẽ tìm thấy ở đây nguồn của cải bảo đảm hơn, sự viện trợ gần gũi hơn là sự viện trợ mà ta buộc phải trông chờ từ Châu Âu; cho phép ta thống trị cả vùng biển Trung Hoa và các bán đảo của nó, và, sau hết là làm chủ sự thương mãi của cả miền này. Chúng ta sẽ có một địa điểm an toàn để đỗ

https://tieulun.hopto.org

tàu trong trường hợp có chiến tranh, để sửa chữa tầu với giá rẻ và ngay cả đóng những cái mới. Căn cứ này cũng còn cho ta những phương tiện dễ dàng để tiếp tế cho các hạm đội của chúng ta và cung cấp cho các thuộc địa Ấn Độ Dương và Phi Châu của chúng ta những hàng hóa thật cần thiết.

Như vậy, chúng ta sẽ có trong tay mọi phương tiện có hiệu quả không những để ngăn cản người Anh trong ý đồ đẩy chúng ta ra khỏi Ấn Độ để bành trướng thế lực của họ về phía Đông, mà còn làm cho họ sau này phải run sợ ngay ở Bengale, vị trí then chốt của thế lực của họ, miễn sao cái căn cứ Đàng Trong ấy được mọi người hiểu rõ và thực hiện đúng mức..." (Faure. Sđd. các trang 83,84,85).

Tiếp đó, Pigneau đến Bộ ngoại giao, Bộ Hải quân cung cấp cho họ những tài liệu cụ thể và cần thiết cho cuộc hành quân và một kế hoạch tấn công quân Tây Sơn rất tỷ mỷ.

Thống chế De Castries căn cứ vào mọi ý kiến của Pigneau, đưa trình nhà vua Pháp một kế hoạch hành động cụ thể.

Lúc bấy giờ sự liên minh giữa Pháp và Hà Lan để chống Anh ở Viễn Đông bị tan vỡ; người Anh đang chèn ép người Pháp ở Ấn Độ, khiến người Pháp phải tìm cách đối phó; Việc can thiệp ngay vào Đàng Trong là không thích hợp. Tuy nhiên, với hy vọng cuộc can thiệp vào Đàng Trong thành công dễ dàng, người Pháp sẽ có cơ hội tốt để chống Anh; Vì vậy, De Montmorin, đại diện cho nhà vua Pháp vẫn ký với Pigneau, đại diện cho nhà

https://tieulun.hopto.org

vua Đàng Trong một bản điều ước tương trợ vào ngày 28 tháng 11 năm 1787, thường được gọi là điều ước Versailles.

Điều ước này gồm một bản chính và 2 bản phụ.

Bản chính qui định các điểm sau đây:

- Nhà vua Pháp sẽ giúp đỡ vua xứ Đàng Trong được trở lại ngai vàng của mình. Sẽ gửi liên tiếp sang Đàng Trong, bằng phí tổn của Pháp 4 chiến hạm với số quân gồm 1200 lính bộ, 200 lính pháo và 250 lính người cafres (Phi châu - NVK) trang bị đầy đủ.

- Nhà vua Đàng Trong, trong khi chờ đợi nhận sự giúp đỡ của vua Pháp, sẽ nhượng hoàn toàn cho nhà vua Pháp quyền sở hữu cửa biển Đà Nẵng và Đảo Côn Lôn. Ở cửa biển Đà Nẵng người Pháp có quyền được lập thương điếm, xưởng sửa chữa và đóng tầu.

- Những công dân của nước Pháp sẽ được độc quyền thương mãi trên toàn lãnh thổ của nhà vua Đàng Trong, được đi lại cư trú tự do, không phải đóng một thứ thuế nào riêng với điều kiện có giấy thông hành của quan chỉ huy Đà Nẵng. Họ được quyền nhập cảng tự do bất cứ hàng hóa từ Âu châu hay từ xứ nào khác, miễn là hàng hóa đó không bị cấm. Họ chỉ phải nộp thuế thông thường như hiện nay và giá thuế không được vô cớ tăng lên. Tất cả mọi tàu bè của nước ngoài đi lại, buôn bán ở đây đều phải đặt dưới quyền bảo trợ của nước Pháp. Chính phủ của nhà Vua Đàng Trong có trách nhiệm bảo vệ tính mạng và tài sản của người Pháp ở đây.

https://tieulun.hoptr.org

- Trong trường hợp nước Pháp bị một nước nào đó tấn công ở Đà Nẵng hay ở Côn Lôn, hoặc nước Pháp có chiến tranh với một nước Châu Âu hay Châu Á nào đó, nhà vua Đàng Trong phải viện trợ binh lính, lương thực, tầu bè, 3 tháng sau khi nhà vua Pháp yêu cầu.

- Ngược lại, trong trường hợp nhà vua Đàng Trong bị tấn công, nhà vua Pháp cũng sẽ viện trợ - Sự viện trợ ấy sẽ tùy theo mức độ cần thiết từng trường hợp.

- Điều ước hai bên ký kết sẽ được thông qua trong vòng một năm hoặc càng sớm càng hay.

Bản phụ thêm thứ nhất của điều ước 1787 qui định cụ thể đơn vị quân đội cũng như các tầu chiến sẽ gửi đi giúp Nguyễn Ánh, qui định nhiệm vụ cụ thể của Pigneau phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của điều ước.

Bản phụ thêm thứ hai là lời cam đoan của Pigneau, với tư cách là đại diện của nhà vua Đàng Trong, rằng nhà vua Đàng Trong sẽ chịu mọi phí tổn trong việc xây dựng các căn cứ cần thiết cho Pháp ở Hội An và Côn Lôn như công sự trại lính, nhà thương, kho hàng, nhà ở cho sĩ quan chỉ huy v.v...

Ngoài ra Louis XVI còn cấp giấy phong Pigneau chức Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nhà vua Pháp bên cạnh nhà vua Đàng Trong.

Trước khi ra đi, Pigneau còn được Bộ Ngoại giao cấp cho 30.000 livres trích ở quĩ của Bộ Hải quân và thuộc địa để Pigneau dùng trong khi trở về Đàng Trong công cán. Người chịu trách nhiệm chỉ huy cuộc viễn

https://tieulun.hopto.org

chinh này là De Conway, hiện đang là Thống đốc Pondichéry.

Nhưng điều ước 1787 sẽ không được thi hành. Chỉ vài ngày sau khi ký điều ước, Montmorin đã chỉ thị cho De Conway được toàn quyền quyết định thi hành hay không cuộc viễn chinh. Trong chỉ thị, Montmorin nêu lên hai khó khăn khiến Pháp phải thận trọng: một là sự cô lập của Pháp ở Á Đông sau khi nổ ra cách mạng ở Hà Lan khiến Pháp phải độc lực chống chọi với Anh ở Ấn Độ, cho nên cần tập trung lực lượng để bảo vệ các đất thực dân của Pháp ở đây. Hai là nguồn tài chính của Pháp đang bị hao hụt, không đủ sức đài thọ cho một cuộc viễn chinh tốn kém.

Nắm được tinh thần của chỉ thị, lại vốn có ác cảm với Pigneau, De Conway tìm mọi cách trì hoãn cuộc tiến quân và, khi cách mạng tư sản Pháp bùng nổ thì điều ước 1787 bị đình chỉ hoàn toàn. Pigneau thất bại trong dự mưu tổ chức một cuộc can thiệp vũ trang vào Việt Nam.

Tuy điều ước 1787 không được thi hành, nhưng hành động tích cực của Pigneau trong việc ký kết điều ước này đã được các giới chính trị và ngoại giao đương thời cũng như sau này đánh giá rất cao.

Trong khi chờ đợi quyết định của De Conway, Pigneau đã cảm thấy điều ước 1787 không thể được thực hiện như dự kiến; nếu thế, Pháp sẽ bỏ lỡ một cơ hội hiếm có để xâm nhập Đàng Trong. Do đó, Pigneau lập một kế hoạch mới để giúp Nguyễn Ánh với ý đồ tự mình làm một chuyện lớn là tạo ra những điều kiện

https://tieulun.hopto.org

thuận lợi để xác định vị thế của Pháp ở Đàng Trong.

Pigneau, trong thời gian chờ đợi, đã tranh thủ được sự đồng tình của thương nhân và chủ tàu ở Đảo Pháp quốc vì họ rất muốn vào buôn bán ở Đàng Trong. Một số sĩ quan chỉ huy tầu Dryade và Pandour, thuộc hải quân Pháp ở Ấn Độ, cũng đồng tình với Pigneau. Với số tiền 30.000 livres của Bộ ngoại giao cấp và 2 triệu francs của Louis XVI cho, Pigneau mua súng đạn, mua chuộc binh lính, xúi giục họ đào ngũ để theo Pigneau về Đàng Trong. Pigneau cũng cố vận động De Conway đồng ý cử hai tầu Méduse và Pandour đi thăm dò Đàng Trong vào tháng 9 năm 1788. Hai tầu này trong chuyến đi đã mang sang Đàng Trong nhiều súng đạn mà Pigneau đã mua. Nhiều thủy thủ của hai tầu này được Pigneau mua chuộc đã đào ngũ ở lại Đàng Trong và sau này trở thành đội ngũ những người Pháp cùng Pigneau giúp Nguyễn Ánh. Sau khi chuẩn bị xong xuôi, Pigneau lên tầu Meduse tháng 6-1789 đi về Đàng Trong, mang theo mấy chiếc tầu tự sắm và đoàn tùy tùng. Ngày 24 tháng 7 năm 1789, Pigneau đến mũi Saint Jacques và gặp Nguyễn Ánh. Từ đó, Pigneau ở liền bên cạnh Nguyễn Ánh cùng với những người được mộ từ Ấn Độ, ra sức giúp đỡ Nguyễn Ánh khôi phục lại cơ đồ cho đến khi nhắm mắt (ngày 9 tháng 10 năm 1799).

Trong 10 năm cuối cùng của đời mình, Pigneau đã đem hết khả năng giúp đỡ Nguyễn Ánh.

Về quân sự, Pigneau giúp Nguyễn Ánh xây dựng một hạm đội theo kiểu Âu Châu do các sĩ quan người Âu chỉ huy. Hạm đội do Dayot, cấp bậc Hải quân đại tá

https://tieulun.hopto.org

(Capitaine de vaisseau) chỉ huy, dưới quyền có Vannier và Girard de l' Jsle, cùng cấp bậc có Hải quân đại úy chỉ huy hai tầu Đồng Nai và Prince de Cochinchine; ngoài ra còn có Guillon và Guillaux cấp bậc Hải quân đại úy (Lieutenant de Vaisseau) phụ giúp. Pigneau cũng giúp Nguyễn Ánh tổ chức lại bộ binh. Một đội quân 3000 người được thành lập và do các chuyên viên quân sự người Âu huấn luyện. Pigneau đã tự dịch các tác phẩm quân sự của Pháp sang tiếng Việt dưới hình thức các câu ca hay châm ngôn để binh lính dễ nhớ. Đội quân này do Olivier chỉ huy. Một trại tân binh được mở để huấn luyện binh lính mới nhập ngũ. Pigneau giúp Nguyễn Ánh xây dựng các công trình phòng ngự theo kiểu Vauban ở Sài gòn, Vĩnh Long, Hà Tiên, Mỹ Tho, Biên Hòa. Trong ngày tết năm 1791, Pigneau cho thả khinh khí cầu, làm một số thí nghiệm nhỏ về điện để tuyên truyền ảnh hưởng của quân đội và khoa học. Pigneau cũng còn trực tiếp tham gia chỉ huy một số trận đánh lớn; trận tấn công Qui Nhơn lần thứ 5 vào cuối năm 1799 là do Pigneau làm tổng chỉ huy.

Về mặt chính trị, Paris khuyên Nguyễn Ánh nên mềm dẻo với dân, phải chăm lo sản xuất để tăng thu nhập cho nhà nước; Với cương vị giám mục, Pigneau luôn đi sát dân chúng khuyên nhủ họ theo đạo; đồng thời đấu tranh với giáo hội để cho con chiên ở Việt Nam được thờ cúng tổ tiên . Vì vụ việc này mà Pigneau đã bị Tòa thánh La Mã khiển trách nặng nên đành phải bỏ qua. Pigneau cũng ra sức lôi kéo Nguyễn Ánh theo đạo, tận tâm dạy dỗ Hoàng tử Cảnh với hy vọng Cảnh sẽ cải giáo, thường xuyên tranh luận với Nguyễn Ánh về tôn

https://tieulun.hopto.org

giáo, phê phán nho giáo và ra sức thuyết phục Nguyễn Ánh công nhận Thiên chúa giáo là tôn giáo ưu việt...

Trong khi đang chỉ huy cuộc tấn công Quy Nhơn cuối năm 1799, Pigneau bị bệnh và chết ở cửa Thi Nại ngày 9 tháng 10 năm 1799.

Trong 10 năm giúp Nguyễn Ánh, Pigneau đã hành động như một nhà chính trị, ngoại giao, quân sự với ý định dùng ảnh hưởng của nước Pháp, của đạo Thiên chúa, của năng lực cá nhân, giúp Nguyễn Ánh đánh lại Tây Sơn, lập nên một triều đại phong kiến Việt Nam thân Pháp và cùng với nó là một quốc gia công giáo. Uy tín của Pigneau lúc ấy ở Đàng trong rất lớn. Có người đã ví Pigneau như là giáo chủ Richelieu ở triều vua Louis XIII ở Pháp. Thực vậy, Pigneau nắm quyền tổ chức và điều khiển quân đội, thay mặt Nguyễn Ánh giao thiệp với nước ngoài. Pigneau có cờ lệnh riêng, có quân đội bảo vệ riêng và luôn luôn ngồi ngang hàng với Nguyễn Ánh trong mọi cuộc nghị hội của triều đình.

Tuy điều ước 1787, điều ước do Pigneau de Béhaine là người chủ đạo, không được thi hành, mối liên hệ quan phương giữa Pháp và Đàng Trong tạm thời gián đoạn, nhưng không ai có thể phủ nhận được giá trị to lớn của các hoạt động của Pigneau đối với công cuộc thực dân của Pháp ở Việt Nam sau này. Các sử gia thực dân hết lời ca ngợi công trạng này của Pigneau:

"...Giám mục Adran phân biệt được sự khinh suất của người thừa hành (ám chỉ De Coway-NVK) với lợi ích của quốc gia, đã sẵn sàng dùng uy tín, tài năng, tiền bạc

https://tieulun.hopto.org

của mình để mang lại cho chúng ta tất cả những thuận lợi mà ta có thể mong muốn ở một xứ mà dân cư đông đúc, hải cảng tốt đẹp và là nơi tập trung dồi dào mọi sản vật của Trung Hoa và Ấn Độ... Những cuộc chinh phục mới đây của người Pháp ở vùng này (Đông Dương)...theo ý chúng tôi, cần phải tưởng nhớ tới vai trò vĩ đại và hai mặt mà người đồng hương của chúng ta đã hoàn thành, vai trò người giáo sĩ và nhà ngoại giao. Chính vì vai trò như vậy mà trong dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người, nhiều tiếng nói có uy tín và vô tư, đã không ngần ngại tuyên bố rằng Pigneau de Béhaiue là nhà tiên khu (Précurseur) của công cuộc thực dân của người Pháp ở Đông Dương .(Sylvestre.Sđd).

Với Pigneau de Béhaine, chúng ta có thêm một dẫn chứng khá rõ ràng về mối quan hệ khăng khít giữa truyền giáo và thực dân ở Việt Nam.

Những diễn biến tiếp theo ở Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XIX, sẽ cho ta thêm những dẫn chứng khác.

IV. CÁC GIÁO SĨ THỪA SAI PHÁP TẠO CỚ VÀ THÚC ĐẨY CUỘC XÂM LƯỢC VŨ TRANG CỦA PHÁP VÀO VIỆT NAM

Nguyễn Ánh, sau khi đánh bại Tây Sơn, lên ngôi vua năm 1802, niên hiệu Gia Long, đã để cho việc truyền giáo được tự do. Trong thời gian gần 20 năm đời Gia Long, việc Đạo rất thịnh vượng. Song sự thịnh vượng đó của đạo Thiên chúa lại là sự đe dọa cho sự ổn định của chế độ phong kiến ở Việt Nam. Một sử gia Pháp nhận xét: "...đạo Thiên chúa đảo lộn một cách rõ rệt tất cả phong tục, tập quán bản xứ; nó làm hư hại nền tảng của đạo chính là sự tôn sùng trời đất, mà nhà

https://tieulun.hopto.org

vua được coi như vị linh mục tối cao, đạo thờ Thành hoàng, và đạo thờ cúng tổ tiên; nó làm rung chuyển và đe dọa làm tan rã nền móng của nhà nước, của gia đình và của cả xã hội Việt Nam"[38].

Thêm vào đó, chính quyền tư sản Pháp, bước sang đầu thế kỷ XIX, đã quan tâm trở lại vấn đề bành trướng thuộc địa, trong đó Viễn Đông và đặc biệt thị trường Tây Nam Trung Quốc và nhất là Việt Nam là một trọng điểm. Đó là vì Việt Nam là một vùng đất mà thực dân Pháp có mối liên hệ từ lâu, biết khá rõ về mọi mặt và đã từng có một kế hoạch can thiệp vũ trang từ thế kỷ trước. Các chiến thuyền của Hạm đội Đông Hải của Pháp thường xuyên có mặt ở ngoài khơi Việt Nam, chỉ chờ có cơ hội là thực hiện cuộc xâm lược. Và cũng chính các giáo sĩ thừa sai Pháp đang hoạt động ở Việt Nam đã giúp thực dân Pháp có được cái cớ đó.

Các vua của triều Nguyễn, đặc biệt từ Minh Mạng, ngày càng nhận rõ những nguy cơ bên trong cũng như sự đe dọa từ bên ngoài của sự truyền giáo kết hợp với sự bành trướng thực dân Phương Tây, đã áp dụng nhiều biện pháp phòng ngừa, trước mắt là ngăn chặn sự mở rộng truyền bá đạo Thiên chúa ở trong nước. Từ Minh Mạng đến Tự Đức, nhiều sắc lệnh cấm giáo sĩ truyền giáo và giáo dân theo đạo được ban hành. Song, các giáo sĩ Pháp, không những không tuân theo mà càng hoạt động mạnh; còn các giáo dân, do được giáo dục tinh thần "tử đạo", "thà chết vì chúa còn hơn là khuất phục thế quyền ", đa số kiên trì với đạo, che dấu giáo sĩ, ngang

38. Taboulet - Geste française en Indochine. T.,I. 1953, Tr. 321.

https://tieulun.hopto.org

nhiên đối đầu với chính quyền. Chính sách bắt đạo của nhà nước phong kiến Nguyễn, do đó, ngày càng trở nên gay gắt, dẫn tới sự đổ máu rất đáng tiếc của giáo sĩ và giáo dân.

Trong tình huống đó, các giáo sĩ thừa sai Pháp bèn kêu gọi sự giúp đỡ của chính quốc. Giáo hoàng La Mã Grégoire XVI cũng yêu cầu Pháp có biện pháp can thiệp. Chính quyền Pháp chỉ chờ có thế! Louis Philippe hứa sẽ thực hiện và ngay sau đó lệnh cho các chỉ huy hạm đội Pháp ở Đông Hải tìm biện pháp bảo vệ giáo sĩ .

Từ đó, luôn luôn thấy các chiến thuyền của Pháp tới Đà Nẵng đòi can thiệp vào việc đạo, trước còn dùng lời lẽ ôn tồn, sau thì đe dọa và cuối cùng dùng đến đại bác và quân đội. Còn các giáo sĩ thừa sai Pháp ở Việt Nam luôn tìm cách liên lạc và phối hợp hành động với các chiến thuyền Pháp, kẻ tung người hứng nhịp nhàng, dắt dẫn đến cuộc can thiệp vũ trang của Pháp vào Việt Nam năm 1858!

Tháng 2 năm 1843, Favin Lévêque đem tầu Héroine đến Đà Nẵng yêu cầu được gặp mặt quan trấn thủ để thương lượng. Cố đạo Chamaison trong đất liền cử người ra liên lạc với chiến thuyền báo tin triều đình Huế đang giam giữ 5 giáo sĩ Pháp (Galy, Berneux, Charrier, Miche và Duclos). Trong cuộc gặp mặt với quan trấn thủ Đà Nẵng, Lévêque đòi tha 5 giáo sĩ Pháp và đe dọa sẽ làm dữ: "...Tôi đòi họ phải được tha và nếu lời đòi hỏi đó không được thực hiện, ông hãy coi chừng !", rồi gửi tiếp thư cho Trương Đăng Quế cũng với lời lẽ

https://tieulun.hopto.org

đe dọa như vậy"[39]. Mấy ngày sau, triều đình giao 5 giáo sĩ này cho Lévêque. Trên đường về, 3 giáo sĩ lại quanh trở lại tìm cách lén vào Việt Nam hoạt động, chỉ có Charrier và Galy về Pháp.

Năm 1844, giáo sĩ Lefèbre, phó giám mục địa phận Nam Kỳ Hạ, bị bắt giam. Từ nhà ngục Lefèbre tìm cách gửi thư (đề ngày 1-4-1845) cho Cécille, chỉ huy hạm đội Pháp ở Đông Hải cầu cứu. Lập tức Fornier Duplan được cử đến Đà Nẵng cùng với tầu chiến Alcmène xin tha Lefèbre. Được tha rồi, Lefèbre lại tìm cách trở lại Nam Kỳ, ẩn dưới đáy thuyền muối. Nhân viên thuế quan của triều đình bắt được ngày 8-6-1846 và giải về Huế. Lần này Thiệu Trị ra lệnh trục xuất Lefèbre cho người dẫn độ y về Singapore năm 1847. Ở đây, các nhà quân sự Anh định giúp cho Lefebre trở về Nam Kỳ và định lợi dụng Lefebre để xâm nhập Nam Kỳ nhưng bị từ chối. Bình luận lời từ chối này, Piolet, một sử gia về truyền giáo của Pháp viết: "Đứng trên quan điểm của người Pháp mà xét, sự từ chối của Lefèbre, dưới ánh sáng của những sự kiện ngày nay, có một tầm quan trọng vô cùng to lớn, và hậu quả của nó cũng rất dễ dàng nhận thấy. Nước Anh thâm nhập vào An Nam với danh nghĩa bảo hộ các giáo đoàn, có nghĩa là nước Anh làm chủ xứ này, vì với sự khéo léo lợi dụng những sự việc nhỏ nhặt để tăng thêm thế lực,..., họ sẽ không lùi bước trước bất cứ một sự hy sinh nào, và chắc sẽ hất cẳng vĩnh viễn người Pháp ra khỏi Đàng Trong và Đàng Ngoài... Ngày nay, nếu viết lịch sử của các cuộc chinh phục của chúng ta, không nên quên Đức cha Lefèbre, người mà lòng ái quốc

39. Launay. Mgr Retord et le Tonkin catholique. Hà Nội, Tr. 151.

https://tieulun.hopto.org

đã giúp cho nước An Nam được toàn vẹn cho đến ngày..., mà xứ này trở thành một thuộc địa của Pháp"[40]. Vẫn theo Piolet, "Lòng tin của các giáo sĩ, điều đó khỏi phải cắt nghĩa dài dòng, hoàn toàn thống nhất với lòng yêu nước của họ, đã khiến họ xử sự như thế[41]. Năm 1847, Đô Đốc Cécille, tưởng rằng Lefèbre chưa được tha (lần bắt thứ hai) lại cử Hải quân đại tá (Capitaine de Vaisseau) Lapierre cùng với R.de Genouilly đem hai chiến hạm Gloire và Victorieuse đến Đà Nẵng đòi thả Lefèbre và đòi được truyền đạo tự do. Lapierre đến nơi, gửi thư yêu sách cho quan trấn thủ. Để uy hiếp tinh thần quan trấn thủ, Lapierre cho thủy thủ đến cướp buồm của 5 tầu đồng của triều đình đậu trong bến. Lapierre lại nhận được thư của giáo sĩ từ trong đất liền gửi ra bịa rằng nếu người Pháp lên bờ thương lượng sẽ bị hạ sát. Khi các quan chức ở Đà Nẵng mời họ lên bờ để thương lượng thì họ từ chối và tỏ vẻ hung hãn. Quân triều đình buộc phải cảnh giác, chuẩn bị đối phó. Lapierre vin vào cớ đó, họ lệnh bắn phá 5 chiếc thuyền đồng của ta, làm chết và bị thương khá nhiều binh lính trên các thuyền. Ngày hôm sau, Lapierre bỏ lại một bức thư dọa nạt rồi bỏ đi. Bức thư viết: "Đây là bài học về sự tôn trọng và vâng lời đối với những kẻ man ri mà nhà ngươi muốn nghiền nát. Nếu thấy còn chưa đủ, sẽ còn phải lãnh tiếp"[42]. Hành động đó của Lapierre càng làm triều đình Huế tức giận và gia tăng các biện pháp cấm Đạo.

---

40. Piolet. Les missions catholiques francaises au XIX siecle. T.II. Tr.433, 437.
41. Piolet. Les missions catholiques francaises au XIX siecle. T.II. Tr.433, 437.
42. Taboulet, Geste fraucaise en Indochine, t.1. Tr. 372.

https://tieulun.hopto.org

Từ sau khi Tự Đức lên ngôi, cuộc bắt đạo trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Tự Đức có ý định triệt tận gốc đạo Thiên chúa ở Việt Nam. Sắc dụ cấm đạo gay gắt nhất được ban hành tháng 9 năm 1855, làm giáo sĩ và giáo dân xao xuyến. Các giáo sĩ thừa sai Pháp ở Việt Nam một mặt họp nhau bàn biện pháp đối phó, một mặt khẩn thiết cầu cứu nhà vua Pháp. Lúc này ở Pháp, Napoléon III đang nắm chính quyền. Vốn được giáo hội và giáo dân ủng hộ khi chanh chấp quyền lực nên Napoléon III có chủ trương bênh vực giáo hội ở trong nước cũng như ngoài nước. Trước tình hình giáo hội Thiên chúa giáo ở Việt Nam gặp khó khăn, Napoléon III muốn can thiệp để lấy lòng giáo hội. Montigny được Napoléon III cử đi xem xét tình hình ở Viễn Đông, đồng thời có nhiệm vụ đến Việt Nam đưa yêu cầu được thông thương và đòi hỏi nhà vua Việt Nam phải bảo đảm an toàn cho các giáo sĩ.

Trong lúc Montigny còn bận việc ở Siam, tầu Catinat do Le Lieur de Ville sur Arc chỉ huy được lệnh đến Đà Nẵng trước, mang theo thư của Montigny. Tháng 9-1856, Le Lieur đến Đà Nẵng, gửi thư đe dọa nên bị cự tuyệt. Le Lieur lại cho tầu đến cửa Thuận An, bỏ thư tại đó rồi về Đà Nẵng. Bức thư của Le Lieur bỏ ở Thuận An được mang về Đà Nẵng trả lại. Thế là Le Lieur bắn phá các đồn binh ở Đà Nẵng, cho quân đổ bộ phá hủy súng ống đạn dược của quân triều đình rồi bỏ đi.

Tháng 10 năm 1856, Montigny lại cử tầu Capricieuse do Collier chỉ huy đến Đà Nẵng. Khi tầu Catinat đến Đà Nẵng tháng trước, giáo sĩ Pellerin ăn

https://tieulun.hopto.org

mặc giả làm sĩ quan Pháp ra đón gặp để báo cáo tình hình, song bị bão dạt vào vùng Quảng Bình. Lần này, Pellerin đến được tầu Capricieuse báo cáo tường tận mọi tình hình với Collier. Collier lần này tỏ ra hòa nhã nên được các quan tiếp. Hai bên thương lượng về vấn đề thông thương và việc đạo, song không đi đến kết quả.

Ngày 23 tháng 1 năm 1857, Montigny đi một tầu nhỏ đến Đà Nẵng và được gặp các quan khâm sai từ Huế vào. Lần này, phía triều đình dứt khoát cự tuyệt đề nghị của Montigny. Montigny viết thư cho Tự Đức đòi bảo đảm an toàn cho các giáo sĩ Pháp, dọa sẽ làm dữ nếu lời yêu cầu không được chấp thuận, rồi bỏ đi Hồng Kông.

Sau cuộc thất bại này của Montigny, Napoléon III đã quyết định can thiệp vũ trang vào Việt Nam với hai mục tiêu gắn bó chặt chẽ với nhau là chiếm thị trường và bảo vệ giáo sĩ, đòi tự do truyền đạo. Đây cũng là lúc cuộc chiến tranh Criméc của Pháp đã chấm dứt nên Pháp có điều kiện rảnh tay để tiến hành cuộc xâm lược. Các giáo sĩ thừa sai Pháp hoạt động ở Viễn Đông và Việt Nam lại là những người tích cực thúc đẩy chính quyền Pháp thực hiện cuộc viễn chinh. Đóng vai trò chính trong cuộc vận động này là hai giáo sĩ: Huc và Pellerin.

Huc tuy không hoạt động ở Việt Nam mà chủ yếu là ở Trung Quốc và Tây Tạng, nhưng qua thư từ, tài liệu của đồng đạo, biết rất rõ tình hình Việt Nam và là người tha thiết đề nghị Napoléon III can thiệp vũ trang vào Việt Nam. Do sự vận động của Huc, Napoléon III quyết định thành lập Ủy ban xét về vấn đề Nam Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Huc được cử làm người thuyết trình vụ việc.

Pellerin là giám mục địa phận Nam Kỳ Tây, đã hoạt động ở đây từ năm 1846. Khi tầu Capricieuse đến Đà Nẵng, Pellerin trốn ra gặp Collier và sau đó cùng Montigny sang Hồng Kông. Từ Hồng Kông Pellerin mang theo giấy ủy nhiệm của Đại diện ngoại giao Pháp ở Trung Quốc Bourboulon, về Pháp để vận động Napoléon III can thiệp vào Việt Nam. Về tới Pháp, Pellerin mở một cuộc vận động lớn cho cuộc xâm lược Việt Nam. Pellerin được gặp Napoléon III ở Biarritz và khẩn thiết xin nhà vua can thiệp. ở các cuộc họp của ủy ban Nam Kỳ, Pellerin cũng là một thuyết trình viên cùng với giáo sĩ Huc.

Với cuộc vận động của các giáo sĩ thừa sai cũng như của các nhà ngoại giao và quân sự, Napoléon III quyết định can thiệp vũ trang vào Việt Nam. Ủy ban Nam Kỳ sau khi nghe Huc và Pellerin báo cáo cũng đi đến quyết định tiến hành cuộc xâm lược.

Ngày 31 tháng 8 năm 1858, tiếng súng đại bác mở màn cho cuộc xâm lược Việt Nam đã nổ.

Cuộc xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp giữa Thế kỷ XIX đã diễn ra theo trình tự là : cuộc truyền giáo, hay nói cách khác, cuộc chinh phục phần hồn, cuộc "xâm lược văn hóa" (căn cứ vào cách thức truyền giáo ở các thế kỷ XVII, XVIII, XIX) tất yếu sẽ dẫn tới sự chống trả của chính quyền bản địa, và đó là cái cớ mà các giáo sĩ thừa sai đã tạo ra để cho cuộc xâm lược mang cái vẻ hợp lý của nó !

Và khi cuộc xâm lược Việt Nam bắt đầu, các giáo sĩ

https://tieulun.hopto.org

thừa sai Pháp lại là những người cộng tác nhiệt tình và đắc lực với thực dân Pháp, giúp cuộc xâm lược được tiến hành thuận lợi.

V. CÁC GIÁO SĨ THỪA SAI PHÁP VỚI CUỘC XÂM LƯỢC VÀ BÌNH ĐỊNH VIỆT NAM CỦA THỰC DÂN PHÁP NỬA SAU THẾ KỶ XIX.

Trong quá trình xâm lược và bình định Việt Nam, thực dân Pháp luôn luôn nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các giáo sĩ thừa sai Pháp và một bộ phận giáo dân.

V.1 - Trong đội quân viễn chinh Pháp đến tấn công Đà Nẵng ngày 31 tháng 8 năm 1858, thấy có mặt giáo sĩ Pellerin với vai trò như người tham mưu cho Rigault de Genouilly. Chính do sự chỉ dẫn của Pellerin và các giáo sĩ thừa sai Pháp mà R. De Genouilly đã chọn Đà Nẵng làm điểm tấn công. Pellerin cho rằng đó là vị trí dễ chiếm, khí hậu tốt, lương thực nhiều, và nếu quân Pháp nổ súng thì có sự nổi dậy hưởng ứng của giáo dân. Khi cuộc tấn công Đà Nẵng không đem lại kết quả như mong muốn. Pellerin lại gợi ý với Genouilly nên đánh Bắc Kỳ vì dân đạo ở đây rất đông và sẵn sàng hưởng ứng cuộc tấn công.

Trong khi Genouilly còn đang do dự, thì nhận được thư của Retord, giám mục địa phận Tây Bắc Kỳ gợi ý:

"Nếu Ngài Đô đốc muốn hành động một cách chắc chắn, lâu dài để đem lại vinh quang cho nước Pháp và cho tôn giáo, ngài nên chiếm đóng toàn bộ xứ này với danh nghĩa của nước Pháp và vì nước Pháp hoặc ngài sẽ suy tôn một ông vua theo đạo đặt dưới sự bảo hộ của

https://tieulun.hopto.org

người Pháp; ông ta sẽ gìn giữ cho ta hải cảng và các đảo ở Đà Nẵng một cách vĩnh viễn"[43].

Kèm theo bức thư, Retord còn gửi cho Genouilly những tài liệu quân sự quan trọng và hứa sẽ cung cấp cho Genouilly một người hướng đạo thành thạo để dẫn đường cho hải quan Pháp. Trong thư gửi cho Legrand de la Liray, đề ngày 7-10-1858 viết:

"Tôi gửi cho ngài Đô đốc một thứ mà, theo tôi nghĩ, sẽ làm ngài hài lòng: đó là một bản đồ chính xác của kinh đô, về các công sự phòng ngự ở đây, v.v... với các chi tiết rất tỉ mỉ về quân đội xứ Annam, những tàu thuyền của nhà vua, v.v... Tất cả viết bằng chữ quốc ngữ; ... chính là cha xứ ở kinh đô đã cung cấp cho tôi tấm bản đồ và những thông tin ấy... Ở giáo xứ Kẻ Bạng chúng tôi có một người tha thiết được sử dụng trên các tàu thuyền của Pháp: người đó là Trương Yên, một người thật sự quan trọng, hiểu biết cặn kẽ địa bàn, những sông ngòi và cửa biển, và hơn nữa ông ta lại có học... Tôi tin rằng ông ta sẽ rất có ích cho ngài Đô đốc trong nhiều việc: đó là một giáo dân khá tốt, trước đây là thầy phù thủy (người rất có uy tín) tuy đã cứng tuổi song còn rất khỏe mạnh"[44].

Song Genouilly lại chuyển hướng tấn công vào Nam Kỳ vì theo Genouilly, ở đó có nhiều sông ngòi , kênh rạch, thuận lợi cho việc hành quân của binh chủng Thủy quân lục chiến.

Khi quân Pháp kéo đến Gia Định, giám mục

43. Launay. Mgr Retord et le. Tonkin catholique, Tr. 433.
44. Annales de la Propagation de la Foi. T.31, Tr. 126, 127.

https://tieulun.hopto.org

Lefelrre đã từ làng Tam Hội lén ra gặp Genouilly để thông báo về sự bố phòng, quân số, vũ khí và mọi tình hình của thành Gia Định, rồi sau đó hướng dẫn quân Pháp tấn công thành. Tiếp đó Lefébre huy động giáo dân tiếp tế, chuyển vận cho quân Pháp cũng như động viên giáo dân đi lính cho Pháp. Lefebre cùng các giáo sĩ Pháp ở Nam Kỳ cũng còn tích cực giúp đỡ Pháp đào tạo lớp thông dịch viên đầu tiên phục vụ cho chính quyền thực dân Pháp mới được thành lập.

V.2 - Puginier và cuộc xâm lược, bình định Bắc Kỳ của thực dân Pháp.

Khi Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất, Giám mục Puginier đã giúp tuyển mộ cho Francis Garnier một lực lượng lính ngụy và tay sai khá đông, khoảng 2000 người, chủ yếu là giáo dân. Khi có giáo dân đến hỏi Puginier là có nên đi lính cho F. Garnier không, Puginier đã trả lời : "Được ! vì đằng sau ông ta là nước Pháp". Hautefeuille, một sĩ quan Pháp, sau khi chiếm được thành Ninh Bình, kêu gọi sự giúp đỡ của giáo hội, đã được hai giáo sĩ Pháp ở nhà thờ Phúc Nhạc là Galot và Pinabet mang theo 30 giáo dân có vũ trang đến để giữ thành.

Ở Hà Nội, Puginier đã sử dụng một số giáo dân tin cẩn làm tai mắt để do thám quân triều đình, và, chính họ đã báo cho F. Garnier biết tin quân Cờ Đen đánh thành Hà nội. Cũng theo lệnh của Puginier, nhà thờ Hà nội và Kẻ Sở đã tự vũ trang và trở thành những ổ đề kháng chống lại quan quân. Sau khi F. Garnier bị phục kích và chết ở Cầu Giấy, Puginier đã giúp Bain de Coquerie, phó chỉ huy của quân Pháp ổn định tình hình

https://tieulun.hopto.org

rồi đi điều động quân của Jean Dupuis đến để bảo vệ thành Hà Nội, giúp thuốc men chữa chạy cho những người bị thương và giúp đỡ quân Pháp trong việc thông tin, liên lạc.

Trước khi Philastre và Nguyễn Văn Tường ra đến Hà Nội xem xét tình hình để ký hòa ước mới, Puginier, với tư cách là đại diện cho phía Pháp, đã cùng với Esmez, một sĩ quan chỉ huy quân Pháp, đã bàn bạc xong với Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hợp một dự thảo hòa ước; Philastre và Nguyễn Văn Tường chỉ việc dựa theo đó để thảo hòa ước chính thức được ký kết giữa hai bên vào ngày 15 tháng 3 năm 1874.

Do có sự hiểu biết rất sâu sắc và đầy đủ về tình hình Bắc Kỳ, lại có nhiệt tình đối với sự thành công của cuộc xâm lược của Pháp ở Việt Nam, Puginier đã dành nhiều thời gian và trí tuệ, biên soạn những tài liệu rất quan trọng tham mưu cho các quan chức và tướng lĩnh Pháp xung quanh vấn đề bình định Bắc Kỳ, cũng như nhiều vấn đề quan trọng khác có liên quan tới phương hướng hành động của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

Cũng cần nhắc lại rằng, sau khi quân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai năm 1882 và Henri Riviére, đại tá hải quân chỉ huy quân đội Pháp bị phục kích và bị giết ở Cầu Giấy tháng 5 năm 1883, chính quyền nước Pháp gặp một số khó khăn: khủng hoảng nội các, quan hệ ngoại giao với một số nước Âu châu căng thẳng, tài chính thiếu hụt, khiến cuộc xâm lược Việt Nam, nhất là việc đánh chiếm Bắc Kỳ bị chậm lại. Nhiều chính khách trong chính phủ Pháp có chủ trương tạm ngừng cuộc

https://tieulun.hopto.org

hành quân chiếm đóng Bắc Kỳ, rút bớt quân về Sài Gòn, chỉ để lại một số quân chốt ở một vài địa điểm có tính chiến lược. Họ còn nêu lên những khó khăn về sự can thiệp của Trung Quốc và của một nước Âu châu nào khác nữa nếu cứ tiếp tục mở rộng cuộc chiếm đóng Bắc Kỳ. Tình hình ấy cũng đã khiến một số quan chức quân sự, dân dự Pháp ở Sài Gòn cũng như ở Bắc Kỳ hoang mang, do dự, lúng túng trước vấn đề Bắc Kỳ.

Trước tình hình đó, Puginier, Người tự tuyên bố mình không chỉ là một giám mục mà còn là một công dân Pháp yêu nước chân thành, luôn mong muốn nước Pháp có một vị thế quan trọng ở Viễn Đông, đã hăng hái, tích cực thảo những tài liệu, những nhận xét, kiến nghị, thông tin quan trọng, gửi cho các quan chức và tướng lĩnh Pháp nhằm tham mưu cho họ một phương hướng hành động đúng đắn, để có thể làm cho Bắc Kỳ thực sự trở thành một thuộc địa quan trọng của Pháp.

Từ tháng 3 năm 1884 đến tháng 1 năm 1892, đúng ba tháng trước khi chết, Puginier đã thảo 23 bản nhận xét, kiến nghị, thông tin, gồm 256 trang viết tay, gửi cho các quan chức Pháp, chứa đựng nhiều ý kiến rất phong phú, sâu sắc có giá trị như những bài giảng của một chuyên gia về Bắc Kỳ, soi sáng cho các quan chức Pháp hiểu rõ nhiều vấn đề, để có thể có một phương hướng hành động đúng.

Những kiến nghị của Puginier đề cập đến rất nhiều vấn đề có liên quan tới Bắc Kỳ, đặc biệt là thái độ và hành động cần phải có của thực dân Pháp để có thể bình định nhanh chóng Bắc Kỳ và biến nó thành một thuộc địa vĩnh viễn của Pháp.

https://tieulun.hopto.org

Trong số những kiến nghị đó, có một kiến nghị trong đó Puginier nhấn mạnh vai trò của tôn giáo, ở đây là Thiên chúa giáo, trong cuộc bình định và ổn định xứ Bắc Kỳ cũng như các thuộc địa khác.

Puginier cho rằng sự thống nhất về tín ngưỡng là nhân tố đặc biệt quan trọng để gắn bó con người với nhau cho dù họ thuộc các chủng tộc khác nhau. Nếu nước Pháp chủ động tạo điều kiện thuận lợi và tích cực giúp đỡ cho việc truyền bá đạo Thiên chúa, thì việc bình định Bắc Kỳ và củng cố địa vị của người Pháp ở đây sẽ hết sức thuận lợi và nhanh chóng.

Puginier viết: "Không có một sợi dây nào lại có sức mạnh gắn bó chặt chẽ con người và các chủng tộc với nhau bằng sự thống nhất về tôn giáo, và khi một quốc gia Thiên chúa giáo nào đó đã thành công trong việc đưa tôn giáo của mình vào các thuộc địa, quốc gia ấy có thể hoàn toàn yên tâm... Sẽ không bao giờ xảy ra tình trạng một thuộc địa đã Thiên chúa giáo hóa phản bội nước mẹ để liên minh với một xứ vô đạo chống lại chính quốc. Nếu như trước đây chúng ta đã Thiên chúa giáo hóa được Algérie thì việc chiếm đóng và bình định xứ này chắc chắn sẽ ít tốn kém và chúng ta đã không phải trả giá đắt cho việc đối phó với biết bao cuộc nổi dậy...

Tại sao giáo dân ở các xứ truyền giáo, cho đến nay, luôn tỏ ra trung thành và thân thiện với nước Pháp ? Đó là do có một sự thống nhất về tôn giáo. Họ luôn luôn nhớ rằng chính nhờ có các giáo sĩ thừa sai do nước Pháp gửi đến mà họ có được niềm tin tôn giáo, và mặc dù không phải là người Pháp chính gốc nhưng họ đã tự coi như người Pháp từ trong trái tim mình.

https://tieulun.hopto.org

Chính phủ Annam hiểu rất rõ điều đó, và nếu từ lâu nay họ thường xuyên bắt đạo và cố gắng hết sức để tiêu diệt đạo, đó là vì họ vừa ghét đạo vừa sợ nước Pháp sẽ xâm chiếm nước họ nhờ sự xâm nhập của tôn giáo.

Tôi khẳng định rằng lúc mà Bắc Kỳ đã Thiên chúa giáo hóa thì cũng là lúc nó sẽ trở thành một tiểu Pháp quốc ở Viễn Đông, hoàn toàn giống như quần đảo Philippines đã trở thành một tiểu Tây Ban Nha.

Nhân nói tới Philippines, tôi lại nhớ đến một câu nói của vị toàn quyền của thuộc địa này... Viên tướng toàn quyền này rất ghét tôn giáo, nhưng lại có đầu óc thực tế và hết sức quan tâm tới lợi ích quốc gia. Khi nhận được lệnh phải trục xuất các giáo sĩ thừa sai (lệnh của Chính phủ cấp tiến Tây Ban Nha-NVK), ông đã trả lời: "Tôi rất muốn làm điều đó nhưng xin ông hãy gửi bổ sung ngay cho tôi 40.000 quân để thay thế cho sự ra đi của họ". Đó là một bài học mà chúng ta không thể bỏ qua để khỏi phải ân hận.

Các giáo sĩ thừa sai chắc chắn là một sức mạnh tinh thần trong một xứ thuộc địa. Chính họ đã làm cho giáo dân hiểu biết và yêu nước mẹ. Ảnh hưởng của họ càng lớn bao nhiêu thì sự an toàn xã hội càng được đảm bảo bấy nhiêu...

Tôi đặc biệt khẳng định rằng nước Pháp không thể có người bạn nào tốt hơn là các giáo sĩ thừa sai và các giáo dân, cũng như không thể có những người phụng sự nào tận tâm và vô tư hơn họ. Trong khi làm công việc truyền bá Đức Tin và cứu rỗi các linh hồn, tôi muốn nhấn mạnh thêm rằng các giáo sĩ thừa sai đã tự đề ra

https://tieulun.hopto.org

cho mình bổn phận phải làm cho Tổ quốc mình được biết tới và được yêu mến. Trong khi dạy dỗ các giáo dân phải trung thành và kính trọng chính phủ của họ, các giáo sĩ đã dạy cho họ như thế đối với nước Pháp"[45].

Trong bài viết, Puginier luôn luôn nhắc tới một mạng lưới thông tin rất đáng tin cậy của mình. Chính nhờ những thông tin phong phú do mạng lưới này cung cấp, Puginier đã vượt xa hơn hẳn những quan chức Pháp đang có mặt ở Bắc Kỳ một cách đầy đủ, chi tiết, mà còn có thể thông báo nhanh chóng cho các quan chức Pháp:

1. "Tin tức về tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Lệnh của Tổng Đốc Vân Nam.

"Hà Nội ngày 8 tháng 9, 1884.

Thưa tướng quân (Tướng Millot - NVK).

"Tôi vừa nhận được một tin tức có tầm nghiêm trọng rất lớn từ một nguồn rất đáng tin cậy, khiến tôi thấy có nhiệm vụ phải thông báo cho ngài biết.

Tổng đốc tỉnh Vân Nam vừa có thư lệnh cho chính phủ Nam triều phải chuẩn bị các địa bàn Phủ Trấn Ninh ở phía Tây Nam - Thanh Hóa và thuộc phạm vi quản trị của tỉnh Nghệ An, vùng rừng núi thuộc mạn Tây Bắc Kỳ để tiếp nhận quân đội Trung Quốc. Vào cuối năm các toán quân này sẽ kéo xuống đồng bằng đem theo dân sơn cước và dân Lào, và sẽ phối hợp với binh lính người Kinh để đi triệt hạ các làng Thiên chúa giáo và tấn công người Pháp. Đó là nguyên vẹn tin tức mà tôi

45. Puginier. Tài liệu đã dẫn, Kẻ Sở. Mars. 1887, Tr. 12

https://tieulun.hopto.org

đã nhận được" v.v.....

2. Tin có liên quan tới việc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Ba Đình:

"Hà Nội ngày 18 tháng 9 năm 1884.

Thưa Tướng quân (vẫn tướng Millot-NVK).

"Từ chiều hôm qua, tôi nhận được ở bức thư được gửi đến từ các nguồn khác nhau, báo cho tôi biết tình hình ở phần Tây Bắc tỉnh Ninh Bình lại trở nên nguy hiểm tới mức báo động đối với giáo dân. Các toán quân khởi nghĩa được tái lập và được tăng cường thêm hàng trăm quân Trung Hoa và lính người thiểu số; một tù trưởng người Thanh Hóa tên gọi Cai Mao, nhân vật có uy tín và là thủ lĩnh của phong trào khởi nghĩa cũng đã gửi đến 100 lính chiến.

Những toán vũ trang này đông khoảng 600 người, đang ẩn náu trong làng Đế Cốc, thuộc phủ Nho Quan và trong huyện Yên Hòa mà ở đó chúng đã xây dựng những công sự phòng ngự từ hồi tháng 6. Người ta cũng cho tôi biết mối nguy là rất lớn và đã kề cận khiến tôi thấy có nghĩa vụ phải thông báo với ngài không chậm trễ v.v...

3. Tin về "Kế hoạch kháng chiến của Triều đình Huế và về vụ đánh úp Kinh thành Huế.

"Hà Nội ngày 6 tháng 11 năm 1884.

Thưa tướng quân (Briére de l'Jsle - NVK).

"Cách đây khoảng 10 ngày, tôi đã có hân hạnh trình lên ngài bản dịch một bức thư báo cho tôi biết đã

https://tieulun.hopto.org

có những mật lệnh gửi cho các quan lại thuộc các tỉnh có người Pháp chiếm đóng và các tỉnh giáp ranh với Trung Hoa. Hôm nay tôi lại nhận được tin giúp tôi hiểu được nội dung của các mật lệnh ấy. Người đem lại cho tôi tin tức này là người rất đáng tin cậy và đã được tận mắt đọc một mật thư mà tôi xin gửi tới Ngài bản tóm tắt những gì người này đã thông báo cho tôi:

"Quan Trấn Bắc đại tướng (chức danh của Hoàng Kế Viêm sau trận chiến ngày 19 tháng 5 năm 1883. Puginier chú thích) đã phát đi một mật hiệu ra lệnh phải hành động bí mật nhưng rất khẩn trương.

- "Quan Tôn Thất Điện tiền tướng quân (chức danh của đệ nhị phu chính Tôn Thất Thuyết. Puginier chú thích) được ủy thác phải bảo vệ và đưa nhà vua đi Cam lộ - kinh đô mới".

- "Quan Trấn Bắc đại tướng được lệnh dẫn 5000 quân lính của các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi ra Thanh Hóa và Hưng Hóa, và họ đã đến nơi.

- Quan Đô thống Ngô tướng quân (chức danh phong cho Đề Ngô vốn là lãnh binh tỉnh Sơn Tây. Puginier chú thích) đem 400 lính ở kinh đô ra Ninh Bình và có nhiệm vụ chỉ huy quân của Cai Mao.

- "Lưu Vĩnh Phúc với 8000 quân được chia làm 2 bộ phận để hoạt động trong vùng Bất Bạt và Hưng Hóa".

- "Hai cha con quan Phủ Điện Biên (Phủ này thuộc Hưng Hóa và ở phía dưới Lao Kay-Puginier chú thích), tên Điện Văn Xanh cùng với 1000 quân sơn cước, đi theo Đại tướng (Hoàng Kế Viêm),hướng tấn công là các

https://tieulun.hopto.org

huyện An Lập và Trấn An (thuộc địa phận Hưng Hóa).

- "Hoàng Thủ Trung (Hoàng Nhì, phó tướng quân Cờ Đen) cùng với 2000 quân của tỉnh Tuyên Quang tiến về phía Phủ Đoan".

- "Quan người Trung Hoa Ngô Phượng Điển chỉ huy 1000 quân tiên phong mở đường cho 9 đại đội quân Trung Hoa (3.600 quân) do Sầm Cung Bảo chỉ huy để tấn công Phủ Lâm Thao".

Cùng với những tin trên, Puginier báo thêm một tin về kế hoạch hành động của phe chủ chiến ở Triều đình:

"Ngày 12 và 13 tháng 8 âm lịch (30 tháng 9 và 1 tháng 10) làm lễ an táng vua Kiến Phước, tiếp đó đưa vua Hàm Nghi (ông vua mới) đến Cam Lộ, sau đó sẽ tổ chức cuộc kháng chiến chống người Pháp"[46].

Và, để khẳng định tính chính xác của những bản ghi chép cũng như động cơ biên soạn những tài liệu này, Puginier viết:

"Trong những ghi chép này không hề có một giả thuyết vu vơ nào - Tất cả mọi điều mà tôi trình bày đều là những sự kiện mà tôi biết rất tỏ tường nhưng lại được nói ra theo một cách sao cho không làm tổn hại đến những người trong cuộc...

Tôi khẳng định rằng tôi chỉ có mỗi một động cơ là muốn làm điều có ích cho sự nghiệp chung khi cung cấp những thông tin khả dĩ có thể giúp các quan chức cao

---

46. Xem thêm những tư liệu khác trong phần phụ lục.

https://tieulun.hopto.org

cấp hiểu rõ được sự thật của tình hình, tạo cho các vị đó cơ hội để điều chỉnh một số biện pháp nếu thấy hợp lý và khắc phục dần dần những sự lạm dụng đang tồn tại.

Tôi nghĩ như thế là tôi đã có phần đóng góp cho sự bình định và là người có ích cho chính phủ Bảo hộ và cho nước Pháp mà đối với cả hai tôi đều hết lòng tận tụy"[47].

Đối chiếu với những gì mà thực dân Pháp đã làm ở Bắc Kỳ những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chúng ta thấy không phải tất cả những kiến nghị của Puginier đều được các quan chức Pháp chấp nhận và thi hành; bởi rất nhiều lý do phức tạp, thực dân Pháp đã không thể công khai tiến hành Thiên chúa giáo hóa Bắc Kỳ, không lập công ty thương mãi kiểu Công ty Ấn Độ, không lập "Cơ quan các sự vụ người bản xứ, v.v... như Puginier đã kiến nghị.

Tuy nhiên phải thừa nhận rằng chính sách đô hộ của Pháp ở Bắc Kỳ mang dấu ấn sâu sắc của nhiều kiến nghị của Puginier, đó là chiến lược và chiến thuật bình định phong trào văn thân, là sự đối phó kiên quyết của thực dân Pháp đối với Trung Quốc, là thể chế bảo hộ thay vì chế độ trực trị, là chính sách mua chuộc các thủ lĩnh người thiểu số nhằm phá vỡ sự liên kết giữa miền ngược và miền xuôi trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân, là việc bỏ dần chữ nho để thay thế bằng chữ quốc ngữ rồi chữ Pháp, là việc mở những đồn điền ở trung du... Ngay cả kiến nghị của Puginier về việc lập

47. Notes et impressions sur la situation en octobre 1889 et sur celle dont nous sommes menacés, Tr. 37, 39.

https://tieulun.hopto.org

một "cơ quan các sự vụ người bản xứ", tuy không được thực hiện ngay và toàn vẹn, song nội dung hoạt động của nó như Puginier kiến nghị, sẽ là một trong những hoạt động của Sở mật thám Đông Dương (Sûreté générale de l'Indochine) sau này.

Đặc biệt là những tin tức tình báo do Puginier cung cấp đã giúp thực dân Pháp biết trước và chủ động chuẩn bị đối phó với khởi nghĩa Ba Đình và nhất là với vụ biến kinh thành đêm mồng 4 rạng sáng ngày 5 tháng 7 năm 1885.

Trong buổi đầu có mặt ở Bắc Kỳ, các quan chức quân sự và dân sự Pháp đương nhiên còn rất bỡ ngỡ, lúng túng trong việc bình định và tổ chức cai trị xứ này. Có được một người hiểu biết xứ Bắc Kỳ một cách sâu sắc, lại nhiệt tình đem những hiểu biết ấy phục vụ cho lợi ích của nước Pháp như giám mục Puginier, đó là một thuận lợi rất lớn. Không có gì đáng ngạc nhiên khi chính phủ Pháp đã trao tặng cho Puginier Bắc Đẩu Bội tinh Ngũ hạng năm 1884 và đến năm 1887 lại phong hàm sĩ quan cao cấp danh dự (Rosette d'officier) của quân đội quốc gia Pháp.

Trong đám tang của giám mục Puginier được cử hành ở Hà Nội ngày 28 tháng 4 năm 1892, thấy có mặt các quan chức cao cấp nhất ở Bắc Kỳ và Hà Nội. Các bức điện chia buồn từ các nơi gửi đến, kể cả từ chính quốc, cùng như các bài điếu văn đọc trong tang lễ, tất cả đều ca ngợi đức độ của Puginier và những đóng góp to lớn của Puginier vào việc đánh chiếm và bình định xứ Bắc Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Trong bài điếu văn của Thống sứ Bắc Kỳ Chavassieux có đoạn:

"Xứ Bắc Kỳ mất một người đại diện có uy tín nhất, nước Pháp mất một người phụng sự có lòng tận tâm vô bờ bến... Điều tôi muốn khẳng định ở đây là lòng ái quốc chân chính đã in dấu trong tất cả mọi lời nói và hành động của người"[48].

Bức điện chia buồn của Khâm sứ Briére có đoạn:

"Sự quá cố của Đức cha Puginier không chỉ là một tổn thất lớn lao cho Giáo hội mà nó còn là một tổn thất cho nước Pháp và cho xứ Bắc Kỳ mà đức Giám mục đáng kính đã khôn khéo góp phần làm cho nó trở thành một thuộc địa của Pháp" (49).

V.3. Giáo sĩ và giáo dân Nghệ Tĩnh với cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất (1874).

V.3.1. Tóm tắt nội dung và diễn biến của cuộc khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất do Trần Trấn và Đặng Như Mai lãnh đạo, bùng nổ ở Nghệ Tĩnh từ tháng 2-1874 và đạt tới đỉnh cao vào giữa tháng 5 năm 1874, hai tháng sau điều ước Giáp Tuất. Những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nêu khẩu hiệu: "Bình Tây sát Tả" (diệt Tây sát Đạo); Với khẩu hiệu này, cuộc khởi nghĩa nhằm mục tiêu đánh đuổi giặc Pháp xâm lược cùng lúc với việc đàn áp Thiên chúa giáo vì cho rằng Thiên chúa giáo đã đồng lõa với thực dân Pháp trong cuộc xâm lược nước

48 . Brebion. Dictionnaire bio-bibliographique de l'Indochine, 1935, Tr. 315.

https://tieulun.hopto.org

ta và đang có vai trò là kẻ tay trong cho thực dân Pháp; và vì triều đình Huế đã lún sâu vào con đường chủ hòa khi kí kết điều ước 1874 công nhận sự chiếm đóng hợp pháp của Pháp ở 6 tỉnh Nam Kỳ và một số quyền lợi khác, nên cuộc khởi nghĩa cũng còn nêu khẩu hiệu "đánh cả Triều lẫn Tây", nghĩa là chống lại quân đội và chính quyền ở địa phương cũng như quân đội do triều đình gửi đến đàn áp.

Vào ngày 31 tháng 5, quân khởi nghĩa đã chiếm đóng lỵ sở Hà Tĩnh. Vài ngày sau, nhiều huyện của Nghệ An đã lọt vào vòng kiểm soát của nghĩa quân. Đến cuối tháng 6, nghĩa quân chiếm thành Nghệ An.

Vào đầu tháng 7, cuộc khởi nghĩa ở Nghệ An lan sang các tỉnh khác. Một bộ phận nghĩa quân do một thủ lĩnh chính của nghĩa quân cầm đầu đã vượt Đèo Ngang đánh chiếm Bố Chính. Một bộ phận khác đang trên đường tiến ra Thanh Hóa[49].

Song song với việc đánh chiếm lỵ sở Hà Tĩnh và thành Nghệ An, một bộ phận của nghĩa quân tiến hành đốt phá các làng giáo và trấn áp giáo dân.

Được sự đồng ý và khuyến khích của giám mục Gauthier (tên Việt là Ngô Gia Hậu) nhiều làng bên giáo đã tự vũ trang, thành lập những đội quân tự vệ, chống lại nghĩa quân, rồi kéo về thành Nghệ An hỗ trợ cho quan quân đang bị vây hãm. Sau khi được giải vây, quan quân ở địa phương khen thưởng những người chỉ huy quân bên giáo, giao cho họ vũ khí đạn dược rồi cùng với các toán quân bên giáo đi giải cứu cho các phủ

49. Theo Annales de la propagation de la Foi. T.47, Tr. 5-18.

https://tieulun.hopto.org

huyện bị nghĩa quân chiếm đóng. Cùng lúc, quân đội triều đình ở Bố Chính cũng đánh lui quân khởi nghĩa, chặn đường vào Kinh đô.

'Cũng vào lúc này Tôn Thất Thuyết cầm đầu một đội quân khá đông từ Sơn Tây kéo vào Nghệ An để đàn áp cuộc khởi nghĩa.

Bị quân triều đình và quan quân địa phương phối hợp với các đội quân bên giáo tấn công cuộc khởi nghĩa bị dập tắt vào cuối tháng 8. Khoảng 2000 nghĩa quân bị chém đầu: những người còn lại đều bị cắt một gót chân và hai ngón tay cái[50].

V.3.2. Nhận định.

Cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất đặt ra nhiều vấn đề cần được lý giải cặn kẽ, đặc biệt là xung quanh khẩu hiệu "sát Tả" và vai trò của giáo hội Thiên chúa giáo trong cuộc đàn áp khởi nghĩa.

Từ khẩu hiệu sát Tả, cuộc khởi nghĩa đã tiến hành nhiều cuộc đánh phá, trấn áp các làng Công giáo, gây đổ máu và tổn thất cho giáo dân. Khẩu hiệu ấy và hành động ấy của cuộc khởi nghĩa là tự phát và vô chính trị, thiếu sáng suốt; Làm như vậy là góp phần đẩy giáo dân về phía đối lập với lợi ích của dân tộc; vả chăng chủ trương đồng loạt sát hại người bên giáo, lúc này đang chiếm khoảng 5% dân số trong cả nước, là điều thất nhân tâm và không thể thực hiện được. Đó lại cũng không phải là biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn sự lấn lướt của thực dân Pháp.

---

50 Theo Annales de la propagation de la Foi. T.47, Tr. 335.

https://tieulun.hopto.org

Tuy nhiên, khẩu hiệu "sát Tả" và hành động sát hại giáo dân của cuộc khởi nghĩa không phải là chuyện của một sớm một chiều; nó có nguồn gốc rất sâu xa đòi hỏi có sự phân tích, truy nguyên thấu đáo.

Hiển nhiên là giáo dân vô tội khi tiếp nhận một tôn giáo mới với một giáo lý hấp dẫn và một hệ thống luân lý, đạo đức giàu tính nhân ái như Thiên chúa giáo. Song, dưới sự giáo dục, điều hành và nhào nặn của các thế hệ thừa sai, nhất là các thừa sai người Pháp, giáo dân đã bị đẩy về phía đối lập với lợi ích của dân tộc mà không tự biết.

Trước hết, cần phải nói tới thái độ kiêu hãnh lộ liễu và vô lối của tôn giáo này đối với các tôn giáo và tín ngưỡng khác, cộng với mặc cảm tự cao của nền văn minh Phương Tây thể hiện trong cái gọi là"sứ mạng khai hóa văn minh", được các giáo sĩ thừa sai thể hiện trong cuộc truyền giáo vào nước ta; cộng đồng người bên giáo do chịu ảnh hưởng sâu sắc của thái độ kiêu hãnh và mặc cảm tự cao nói trên, đã sống tách rời dân tộc giống như một quốc gia trong một quốc gia. Không những thế họ còn tỏ thái độ khinh rẻ, miệt thị người ngoại đạo, cho rằng họ vẫn tối tăm ngu muội tin theo những điều mà Thiên chúa giáo cho là mê tín, dị đoan hay là dị giáo; do đó, trước con mắt của người bên lương, giáo dân là những người mất gốc với một não trạng hướng ngoại, tức tin phục những người nước ngoài, ở đây là các thừa sai, không những đã đem lại cho họ một niềm tin mới mà còn có thể làm thay đổi số phận của họ. Giữa lương và giáo đã thực sự có một hố ngăn cách mà cùng với thời gian và những diễn biến của lịch sử cứ

https://tieulun.hopto.org

ngày càng thêm sâu rộng. Tuy nhiên, do sự khoan dung vốn có của người Việt Nam, lại chưa có tác nhân gây kích động mạnh, nên đã chưa xảy ra những cuộc xung đột về tôn giáo đích thực giữa lương và giáo.

Các giáo sĩ thừa sai cũng thường xuyên giáo dục giáo dân trung thành và thân thiện đối với nước Pháp vì "chính nhờ có các giáo sĩ thừa sai do nước Pháp gửi đến mà họ có được niềm tin tôn giáo, mặc dù không phải là người Pháp chính gốc, nhưng họ đã tự coi như người Pháp trong trái tim mình", như giám mục Puginier đã nhận xét. Cũng chính giám mục này còn nói: "Các giáo sĩ thừa sai đã tự đề ra cho mình bổn phận phải làm cho tổ quốc mình được biết tới và được yêu mến. Trong khi dạy dỗ các giáo dân phải trung thành và kính trọng chính phủ của họ, các giáo sĩ cũng đã dạy họ như thế đối với nước Pháp"[51].

Nhưng trong thực tế, đứng trước các đợt cấm đạo của các triều đại phong kiến Việt Nam nhất là triều đại Nguyễn, các giáo sĩ thừa sai đã miêu tả các vua triều Nguyễn, nhất là Minh Mạng và Tự Đức như những tên độc tài, bạo chúa khát máu và luôn nuôi dưỡng ý đồ lập một ngôi vua theo đạo để Thiên chúa giáo hóa cả nước. Không đạt được mục đích bằng những phương thức tại chỗ, họ trông cậy vào sự can thiệp vũ trang của chính quốc để phát triển và củng cố Giáo hội. Do thấm nhuần những tư tưởng nói trên, ở một bộ phận của giáo dân Việt Nam đã hình thành tâm trạng chờ đợi một sự giải phóng khỏi chính sách bắt đạo bằng cuộc can thiệp vũ

51. Puginner. Notes sur le Tonkin – Kẻ Sở. Mars, 1887, Tr.12.

https://tieulun.hopto.org

trang và chiếm đóng nước ta của thực dân Pháp. Và thế là thực dân pháp, kẻ thù của dân tộc, lại được bộ phận giáo dân này ngộ nhận như là những ân nhân của mình và tỏ ra phấn khích trước cuộc xâm lược nước ta của Pháp.

Cũng do sự lôi kéo và thúc đẩy của các thừa sai, khi giặc Pháp nổ súng xâm lược nước ta năm 1858, nhiều giáo dân miền Bắc đã kéo vào đầu quân cho quân đội Pháp ở Đà Nẵng, giáo dân miền Nam hỗ trợ cho quân đội Pháp chiếm đóng lục tỉnh, giáo dân Bắc Kỳ đi lính và làm tay sai cho F.Garnier khi y xâm chiếm Bắc Kỳ năm 1873, v.v...

Những hành động trên đây của giáo dân, được các thừa sai ủng hộ và thúc đẩy, cho thấy một bộ phận giáo dân không phải là nhỏ đã đứng về phía kẻ thù dân tộc. Bộ phận còn lại tuy không có những động thái cụ thể, song cảm tình tốt của một bộ phận trong số họ đối với nước Pháp và sự hoan hỉ của những người này trước cuộc nổ súng xâm lược nước ta của thực dân Pháp là có thực.

Đây cũng là một nguyên nhân không kém phần quan trọng gây nên ác cảm, một ác cảm không phải là vô cơ của dân bên lương đối với người bên giáo. Mà ác cảm ấy, cùng với việc mở rộng chiếm đóng của người Pháp, cứ ngày một tăng thêm.

Khi thực dân Pháp dựa vào sức mạnh quân sự buộc triều đình Huế phải kí kết điều ước 1862, và nhất là điều ước 1874, cắt đất cho thực dân Pháp và chấp nhận cho đạo Thiên chúa được truyền bá tự do, thì sự

https://tieulun.hopto.org

phẫn nộ của nhân dân nói chung, đặc biệt là giới Nho sĩ, những người nhạy cảm với tình hình của đất nước, đã lên đến cao độ. Khởi nghĩa Giáp Tuất phản ánh sự phẫn nộ đó bằng hành động; và vì một bộ phận giáo dân đã bị các thừa sai đẩy về phía đối lập với lợi ích của dân tộc, nên việc họ cùng với thực dân Pháp và triều đình thỏa hiệp được đặt trong vòng ngắm của cuộc khởi nghĩa là điều có thể hiểu được!

Trước sự tấn công của nghĩa quân, giáo dân ở nhiều làng đã phải tự vệ nhằm hạn chế mức tổn thất; đó cũng là điều có thể hiểu được. Song, khi các toán vũ trang bên giáo, được sự khuyến khích của bề trên, vượt qua khuôn khổ của tự vệ, phối hợp với quan quân để phản công quân khởi nghĩa, thì họ đã thực sự đứng về phía thực dân Pháp và triều đình để đàn áp một cuộc khởi nghĩa phản ánh lòng yêu nước và truyền thống chống ngoại xâm của nhân dân. Hành động ấy khó có thể chấp nhận.

Những gì xảy ra xung quanh cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất ở Nghệ Tĩnh, một lần nữa chứng minh cho sự gắn bó khăng khít giữa truyền giáo và thực dân ở nước ta!

*

* *

Trở lên trên là các sự kiện tiêu biểu thể hiện mối liên hệ khăng khít giữa truyền giáo và thực dân, hay nói rõ hơn là vai trò phục vụ cho cuộc thực dân của Pháp ở Việt Nam của cuộc truyền giáo.

Vai trò đó của cuộc truyền giáo ở Việt Nam là đi ngược với tôn chỉ của Thiên chúa giáo là phải yêu

https://tieulun.hopto.org

thương đồng loại, chống những hành động bạo lực (chiến tranh xâm lược), chống bóc lột và nô dịch hóa con người, và nếu muốn rao giảng Phúc Âm thì phải chọn con đường của các Đại Tông đồ của chúa Jésus, thời Kitô giáo nguyên thủy. Vào thời điểm ấy, việc truyền giáo được tiến hành một cách mềm dẻo, thông qua một quá trình sống gần gũi (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) và truyền giảng Phúc Âm một cách dần dần, tránh không áp đặt. Đó là phương châm nhân ái của Kitô giáo mà hình mẫu là Đức Thánh Paul với câu nói nổi tiếng: "... Nếu tôi không có tình yêu thương, tôi chẳng là gì cả. Khi tôi phân phát tất cả của cải để nuôi sống kẻ nghèo, khi tôi phó thác thể xác tôi cho ngọn lửa mà trong tôi không có tình yêu thì tất cả những cái đó đối với tôi chẳng có nghĩa gì", hay: "Tóm lại, có 3 điều đáng kể: Niềm tin, Hy vọng và Tình yêu, nhưng cái quan trọng nhất trong 3 điều, đó là Tình yêu."

Phương châm này của Thánh Paul đã tạo nên trong Kitô giáo một khuynh hướng nhân ái mà có nhà tôn giáo học mệnh danh là Kitô giáo của trái tim (Christianisme du Coeur) là xu hướng tình cảm, lạc quan, khoan dung. Xu hướng khác, thường được gọi là xu hướng lý trí, ngoài việc chủ trương sống khắc khổ, coi rẻ trí tuệ con người, còn chủ trương dựa vào sức mạnh để áp đặt niềm tin tôn giáo, câu kết với các chính phủ mỗi nước, với tầng lớp trên, chấp nhận chiến tranh thừa nhận các cuộc chinh phục thuộc địa, v.v...

Từ thế kỉ XV, cuộc truyền bá Kitô giáo ra vùng đất ngoại do Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha tiến hành trên phạm vi toàn thế giới và nhất là ở Nam Mỹ là bị chi

https://tieulun.hopto.org

phối bởi khuynh hướng thứ hai của Thiên chúa giáo thể hiện ở hành vi bạo lực đối với người bản xứ. Các giáo sĩ thừa sai Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã cùng với các Conquistadores, chiếm đất, cướp bóc, bóc lột và nô dịch dân bản xứ.

Trước hành động đó của các Conquistadores và các thừa sai, Las Casas, vốn cũng là một Conquistadores, sau trở thành giáo sĩ, thấy rằng nếu cứ tiếp tục như vậy, sẽ có ngày dân bản xứ bị tiêu diệt và Nam Mỹ sẽ trở thành miền đất không người. Ông lên tiếng công kích những hành động quá trớn đó, chủ trương xây dựng một đường lối thực dân mềm dẻo hơn, thông qua một phương thức truyền giáo dần dần, không ép buộc, không tàn sát. Trong các cuộc thảo luận về đề tài Thực dân tổ chức ở Tây Ban Nha hồi bấy giờ, Las Casas kịch liệt tố cáo sai lầm của thực dân và thừa sai Tây Ban Nha ở Nam Mỹ và đưa ra đường lối của mình, song không được mấy người ủng hộ.

Và để chống lại xu hướng mềm dẻo này, nhà thần học Tây Ban Nha De Vitoria đã vận dụng thần học Kitô giáo để hợp thức hóa chủ nghĩa thực dân Phương Tây, như đã được trình bày ở Chương I (mục 3).

Như vậy là cuộc truyền giáo ra vùng đất ngoại, nếu xét từ trong bản chất và nếu được thấm nhuần xu hướng nhân ái của Thánh Paul thì không nhất thiết phải dính líu đến cuộc thực dân như đã từng xảy ra ở Nam Mỹ, ở Việt Nam cũng như ở nhiều nước trên thế giới.

Tiếc rằng ngay từ thế kỉ XV, XVI, nó đã chịu ảnh

https://tieulun.hopto.org

hưởng của xu hướng bạo lực mà Vitoria là người chủ xướng, cộng thêm sự lệ thuộc hầu như bắt buộc vào những tài trợ vật chất của giai cấp tư sản, nó phải đóng vai trò như kẻ cộng sự với chủ nghĩa thực dân Phương Tây như chúng ta đã từng thấy, và cụ thể hơn là ở Việt Nam từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX.

Trong thực tế, một số giáo sĩ thừa sai Phương Tây đến hoạt động ở Việt Nam, vẫn giữ được trong chừng mực nào đó tình cảm tốt đẹp của một Kitô giáo nhân ái như Đức Thánh Paul từng dạy; song tình cảm ấy đã bị xu hướng bạo lực trong Kitô giáo và lợi ích quốc gia lấn át; vì vậy, một vài biểu hiện nhân ái ở cá nhân thừa sai này hay cá nhân thừa sai khác cũng không làm thay đổi được diện mạo của cuộc truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam.

Và những gì đã trình bày ở trên về mối liên hệ giữa truyền giáo và thực dân ở Việt Nam, chứng minh rằng Giáo hội Thiên chúa giáo trong các thế kỷ XV – XIX đã bị chủ nghĩa thực dân lôi cuốn vào vòng lợi ích của nó, và trách nhiệm của Giáo hội Thiên chúa giáo trong việc hợp thức hóa chủ nghĩa thực dân và cộng tác cùng với nó để thống trị nhân loại là không thể chối bỏ.

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG IV

CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN NGUYỄN ĐỐI VỚI ĐẠO THIÊN CHÚA (CHO ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX)

Vấn đề chính sách của nhà nước phong kiến Nguyễn đối với đạo Thiên chúa ngày càng lôi cuốn sự chú ý của các nhà nghiên cứu lịch sử và tôn giáo ở nước ta.

Tìm hiểu vấn đề này sẽ giúp chúng ta có thêm dữ kiện để đánh giá một cách đầy đủ hơn vị thế của triều đại phong kiến này trong lịch sử dân tộc; hơn thế, đây là dịp để chúng ta thấy rõ hơn vị thế của tôn giáo đối với sự phát triển của lịch sử nói chung, đặc biệt là của Thiên chúa giáo đối với sự phát triển lịch sử nước ta trong thế kỉ XIX, thế kỉ mà nước ta chịu sự tác động mạnh mẽ của trào lưu bành trướng thuộc địa của Phương Tây, để rồi trở thành một thuộc địa của thực dân Pháp. Đây cũng còn là dịp để chúng ta gạn lọc được những bài học lịch sử bổ ích cho việc ứng xử với tôn giáo nói chung hiện nay và trong tương lai.

Về mặt khoa học, đây là một vấn đề khá phức tạp và tế nhị, đòi hỏi một cách nhìn toàn diện, một sự cân nhắc kĩ càng để có được sự đánh giá, nhận định khách quan, mới có thể đem lại hiệu quả thiết thực như đã đề ra ở trên.

https://tieulun.hopto.org

I. CÁC VUA ĐẦU TRIỀU NGUYỄN TRƯỚC NHỮNG NGUY CƠ CỦA SỰ XÂM NHẬP VÀ TRUYỀN BÁ ĐẠO THIÊN CHÚA.

1 - Nguy cơ trật tự xã hội và đời sống văn hóa của quốc gia bị xâm hại và đảo lộn.

Nước Việt Nam đầu thế kỉ XIX, dưới triều đại phong kiến Nguyễn, trong sự so sánh với các nước vùng Đông Nam Á, có thể coi là một quốc gia phong kiến tương đối mạnh và ổn định. Về mặt lãmh thổ, Việt Nam có đầy đủ các yếu tố tự nhiên từ mục Nam Quan đến mũi Cà Mau bổ túc lẫn cho nhau để có thể xây dựng được một nền kinh tế mạnh toàn diện.

Về mặt kinh tế, tuy chưa thực sự hội nhập được vào nền kinh tế thị trường của khu vực và thế giới, song kinh tế nông nghiệp trong nước khá ổn định và đã bước đầu xuất hiện những mầm mống kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Về mặt chính trị, với công cuộc cải cách hành chính dưới thời Minh Mạng, Việt Nam có một chính quyền trung ương khá mạnh với một bộ máy cai trị chặt chẽ, thống nhất từ Bắc chí Nam.

Ý thức hệ tư tưởng chủ đạo của quốc gia là Nho giáo, coi vua là người thay trời trị nước. Từ vua quan cho đến dân thường được định hướng sống theo những nguyên lí cơ bản của Nho giáo: Tam cương, ngũ thường, v.v..., lấy đó làm cơ sở cho trật tự và đạo đức xã hội.

Trên cơ sở đó, vào thời điểm lịch sử này, một nền văn hóa dân tộc khá độc đáo cũng đã được định hình. Nét độc đáo đó của nền văn hóa nước ta thể hiện ở chỗ

https://tieulun.hopto.org

có một sự hài hòa hiếm thấy giữa ý thức hệ và đạo đức Nho giáo được giai cấp thống trị suy tôn với những tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống trong nhân dân, tạo nên một sự cân bằng trong đời sống xã hội và đời sống tâm linh của cả quốc gia, một yếu tố quyết định sự ổn định của chế độ xã hội hiện diện, chế độ quân chủ phong kiến tập quyền của nhà Nguyễn.

Như đã nói ở trên, nhà Nguyễn đặt đạo Khổng vào địa vị độc tôn và dựa trên những nguyên lí của đạo này để xây dựng và củng cố cho chế độ chính trị hiện hành. Do đó, trong đời sống chính trị, xã hội và đạo đức của dân chúng, tư tưởng Nho giáo là tư tưởng bao trùm - Vua quan nhà Nguyễn cũng ra nhiều sắc lệnh bài trừ những mê tín, dị đoan, hủ tục trong nhân dân và khuyến cáo mọi người nên đi theo chính đạo, tức đạo Khổng. Do đó nhà nước phong kiến Nguyễn cũng không có ý tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mấy tôn giáo ngoại nhập khác đang tồn tại phổ biến trong nhân dân như đạo Phật, đạo Lão.

Tuy nhiên, các vua quan nhà Nguyễn không tạo nên sự đối lập giữa ý thức hệ Nho giáo với các dạng thức tín ngưỡng truyền thống của nhân dân mà lại thực thi sự gắn kết rất nhuần nhuyễn giữa những nguyên lí Nho giáo với các tín ngưỡng nói trên, đem lại sự thống nhất hài hòa trong đời sống văn hóa tinh thần trong cả nước.

Trước hết nhà Nguyễn rất coi trọng và đề cao sự thờ cúng tổ tiên và gắn nó với chữ Hiếu, một trong những nội dung quan trọng của đạo đức Nho giáo. Mỗi khi có dịp hiểu dụ cho quan và dân, các vua nhà Nguyễn đều nhấn mạnh phải coi trọng sự thờ cúng tổ

https://tieulun.hopto.org

tiên, coi đó như là một phẩm chất đặc trưng nhất của người dân Việt. Họ cũng tin tưởng một cách chân thành rằng, linh hồn của những người đã chết lúc nào cũng chăm lo săn sóc tới sự an nguy của những người còn sống trong gia đình. Minh Mạng có lần nói với thị thần Trương Đăng Quế rằng: "Ta trước nhân hai lần bị cảm mạo, nằm chiêm bao thấy Tiên Đế ngự triều, lòng ta xiết bao thương cảm ... từ đó chứng bệnh liền khỏi. Dẫu là công hiệu do việc dùng thuốc, nhưng cũng nhờ có anh linh của Tiên đế ở trên trời ngấm ngầm giúp đỡ, nên mới chóng khỏi được như thế ... "[52].

Việc xây dựng nhà Thái miếu vào năm 1804, nơi thờ cúng tổ tiên dòng họ Nguyễn, rồi việc xây dựng các lăng tẩm cho các vua triều Nguyễn, thể hiện sự chân thành của họ đối với tín ngưỡng truyền thống này.

Nhìn theo góc độ chính trị, việc duy trì và cổ vũ sự thờ cúng tổ tiên cũng chính là nhằm củng cố vững chắc tôn ty, trật tự và sự ổn định của gia đình theo lễ giáo Khổng Mạnh, một tế bào quan trọng cấu thành trật tự xã hội phong kiến ổn định.

Quan niệm thờ cúng tổ tiên dưới triều Nguyễn còn được mở rộng tới việc thờ cúng các vị vua chúa, các anh hùng dân tộc và những người có công lao với nước, với dân.

Năm Minh Mạng thứ 4 (1823), triều đình cho lập đền thờ Lịch đại Đế vương để thờ cúng các vị vua có công với nước, chủ yếu thờ Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Lý Thái Tổ,...

52. *Đại Nam thực lục, chính biên*. T. 22, Tr. 317.

https://tieulun.hopto.org

sau lại bổ sung vào đền thờ này những vị anh hùng có công với nước với dân như Nguyễn Bạc, Lê Phụng Hiểu, Lý Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhật Duật, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Đinh Liệt, Lê Xí, v.v... Năm 1825, lại ra lệnh cho Bộ Lễ lập danh sách những người có công lao ở các dinh, trấn, và cho lập đền thờ ở các địa phương.

Từ năm 1809, Gia Long ban sắc thần cho các làng xã để thờ làm Thành hoàng; năm 1814 lại một lần nữa xem xét các sắc thần để phong tiếp. Từ đó hình thành lệ Triều đình thường xuyên xét duyệt các đơn xin phong thần của các làng xã, đồng thời cũng xét duyệt việc sắp xếp thứ hạng như các Thành hoàng làng theo cấp độ công lao làm ba phẩm trật.

Việc thờ cúng các vị vua chúa, anh hùng dân tộc, những người có công với nước với dân ở qui mô cả nước của nhà Nguyễn không chỉ nhằm tự mình bày tỏ lòng biết ơn đối với các vị tiền bối trong cả nước, giáo dục toàn dân sự hàm ơn đó, củng cố một truyền thống văn hóa đẹp trong đất nước mà còn thể hiện một ý tưởng tôn giáo; đó là sự tin tưởng vào sự phù trợ của linh hồn của những người đã chết như đối với những tổ tiên trực hệ của dòng họ. Nhân việc tu sửa đền thờ Mai Hắc Đế ở Nghệ An, Minh Mạng phát biểu với nội các rằng: "Gần đây cả tỉnh Nghệ An, giặc cướp im lặng, người và vật bình an, mưa hòa, nắng thuận, lúa tốt; dẫu là phúc trời thương, mà cũng là do sức thần phù hộ rộng khắp."[53].

Nhà Nguyễn cũng rất coi trọng việc cúng tế Trời,

---

53. *Đại Nam Thực lục, Chính biên.* T. 27, Tr. 97.

https://tieulun.hopto.org

Đất, các vị nhiên thần. Việc tế Đàn Nam Giao được tiến hành vào tháng 2 âm lịch để tế Trời, các vị tinh tú, các thần gió, mưa, mây, sấm, sao Thái Tuế, Thần Nguyệt tướng, mặt trăng, các thần núi, biển, sông, chằm, cồn gò, bờ nước, bãi bằng, thần kì trong cả nước, của nhà Nguyễn chứng tỏ, dù thấm nhuần học thuyết của Khổng giáo, coi Trời chỉ là cái "lý" chi phối muôn loài (có thể hiểu như một nguyên lí, qui luật - NVK) chứ không phải là một vị thần, song qua danh mục được ghi để tế ở Đàn Nam Giao, lại thể hiện một tín ngưỡng thờ các nhiên thần, cao nhất là Trời, sau đó là các vị thần tự nhiên khác, cầu cho cả nước bình an, vô sự, là dấu ấn còn khá sâu đậm của tín ngưỡng animisme (thường được dịch là hồn linh giáo) dạng tôn giáo sớm nhất của loài người và vẫn đang còn tồn tại khá sống động trong quảng đại quần chúng.

Đối với Phật giáo và Lão giáo, như đã nói ở trên, nhà Nguyễn không chủ trương cổ võ, nhưng cũng không đối kháng gay gắt. Ngược lại, vua chúa nhà Nguyễn còn tỏ ra có sự đồng tình ở một số phương diện nào đó của hai tôn giáo này. Năm 1835, vua Minh Mạng ra chơi xem làm chay ở chùa Thiên Mụ, đã phát biểu: "... Đối với đạo Phật dạy người bằng thuyết họa phúc, báo ứng, ta không nên nhất khái cho là dị đoan. Một việc khuyên người làm thiện của nhà Phật, dẫu Thánh nhân sống lại cũng không thể đổi bỏ đi được"[54]. Năm 1840, nhân các tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương có dịch lệ, vua sai các sư ở Kinh đến làm đàn chay ở chùa Phật Tích (Sơn Tây, do Từ Đạo Hạnh lập, có tiếng là thiêng) trong 21

54. *Đại Nam Thực lục, Chính biên.* T. 17, Tr. 54.

https://tieulun.hopto.org

ngày đêm để cầu an.

Cũng trong năm này, nhân có việc đi tìm các thầy thuốc giỏi, các nhà sư có pháp thuật, các đạo sĩ đem về Kinh thu dùng, có người dâng sớ xin chỉ nên tìm các thầy thuốc giỏi, còn các nhà sư và pháp sư thì coi như là tà đạo, vua Minh Mạng nói: "Triều đình làm việc gì tất phải gốc ở lẽ Trời, lòng người, cốt châm chước trong hai điều ấy, không mất chính đạo là được. Về dòng Tam giáo, cửu lưu dẫu chẳng phải là chính đạo, nhưng nếu có pháp thuật tinh thông, có thể giải được tai, giải được bệnh, không đến nỗi lấy yêu thuật mà mê hoặc người ta, thì dân gian cũng không bỏ... "[55].

Qua những sự kiện nêu trên, có thể thấy sinh hoạt tín ngưỡng cũng như chính sách tôn giáo của nhà Nguyễn thể hiện sự coi trọng những tín ngưỡng truyền thống cùng lúc với sự dung nạp và sử dụng hai đạo Phật và Lão như là một sự hỗ trợ thêm cho đời sống tâm linh của quốc gia, là phù hợp hầu như hoàn toàn với đời sống văn hóa và tín ngưỡng của dân chúng, góp phần củng cố địa vị thống trị của nhà Nguyễn, ổn định trật tự xã hội, bảo tồn nếp sống văn hóa truyền thống của dân tộc.

Nhưng sự xâm nhập ngày càng sâu rộng của đạo Thiên chúa vào Việt Nam, đặc biệt vào những thập kỉ đầu thế kỉ XIX đã đe dọa nghiêm trọng trật tự xã hội, nếp sống văn hóa truyền thống đó, cũng có nghĩa là đe dọa địa vị thống trị của nhà Nguyễn.

Trước hết, đạo Thiên chúa được truyền vào nước ta từ đầu thế kỉ XVII, là chi phái Cơ Đốc giáo trực thuộc

55. *Đại Nam Thực lục, Chính biên*. T. 22, Tr. 265.

https://tieulun.hoptoi.org

Tòa thánh La Mã. Chi phái này tự hào là trung thành nhất với Cơ Đốc giáo nguyên thủy, là tôn giáo siêu việt nhất, mang tính hoàn vũ nhất so với bất cứ tôn giáo nào. Vì vậy ở những nơi truyền đạo, họ không khoan nhượng đối với bất cứ loại hình tôn giáo hay tín ngưỡng bản địa nào, nghĩa là họ chủ trương xóa sạch mọi tôn giáo tín ngưỡng này để thay thế bằng tôn giáo mới: *Thiên chúa giáo.*

Xin hãy đọc những dòng sau đây trích trong cuốn *Những thư chọn trong các thư chung các đấng Vicário apôstólico và Vicário Provinciale về dòng ông Thánh Dumingo đã làm từ năm 1859* (Quyển 1. Xuất bản tại Kẻ Sặt (Hải Dương), năm 1903).

"Ta truyền cho các bổn đạo phải vâng cứ như sau:

Thứ nhất- Đức thánh Pha Pha phán rằng mọi sự kẻ vô đạo quen làm mà thờ kẻ chết, thì ta phải kể là sự dối trá hay là có lí mạnh mà hồ nghi có phải là sự dối trá chăng, cho nên chẳng có lẽ nào cho bổn đạo được giữ lễ phép ấy.

Thứ hai- Khi đã cất xác kẻ có đạo, thì chẳng nên để kẻ vô đạo đến hợp làm một cùng kẻ có đạo, kẻo kẻ ấy ngờ ta thờ kẻ chết có đạo cũng như nó thờ kẻ chết vô đạo vậy.

Thứ ba- Chẳng có lẽ gì cho bổn đạo được ở làm cùng với kẻ vô đạo ăn uống của tế ở nơi mới tế đoạn, dù mà đang khi tế thì dù kẻ có đạo chẳng có mặt ở đấy, hay là kẻ có đạo ăn của chẳng tế mà thôi, thì cũng chẳng nên ở làm một đấy.

https://tieulun.hopto.org

...

6. Cấm lạy xác kẻ chết...

7. Cấm xông hương, đốt nến cho kẻ chết, ...

9. Cấm đọc văn tế, cũng cấm cắt áo tang.

...

19. Khi kẻ vô đạo, bởi có ý làm sự dối, thì mượn ta bát đĩa, mâm hay đồ tế lễ khác để mà đựng của tế thì chẳng nên cho mượn.

...

27. Đang khi người ta làm việc dối trá như khi làm chay, hát, đánh vật, làm trò, thờ thần, kéo hội, v.v... Thì bổn đạo chẳng nên xem.

...

33. Bổn đạo chẳng nên bắt chước kẻ vô đạo rẫy mả tháng chạp hay là cải táng chỗ nọ đem đi chỗ kia cho hay, hay là cho được gặp sự lành, khỏi sự dữ, thì cũng dối.

v.v...

(Trà Lũ. Ngày 7-6-1759. Kỷ Mão).

Nếu những điều răn dạy trên đây được thực hiện đầy đủ, mà trong thực tế các giáo dân thực hiện rất nghiêm túc, thì cộng đồng giáo dân Thiên chúa giáo đã bị cắt rời khỏi cộng đồng dân tộc, hoàn toàn xa lạ đối với nếp sống văn hóa truyền thống của dân tộc. Trật tự xã hội của nhà nước phong kiến bị xâm hại, đảo lộn, cộng đồng giáo dân sẽ trở thành bộ phận bị buột khỏi sự

https://tieulun.hopto.org

kiểm soát của nhà nước, nhất là về mặt ý thức hệ và tinh thần. Và, nếu đạo Thiên chúa được truyền bá rộng khắp trong cả nước, thì điều đó có nghĩa là nền văn hóa truyền thống, yếu tố cực kỳ quan trọng để gắn bó một dân tộc, một quốc gia, bị đổ vỡ; đồng thời cái nhà nước đang tồn tại dựa trên nền tảng văn hóa ấy cũng không còn lí do tồn tại - Một nhà nước đang nắm chính quyền và có trách nhiệm với vận mệnh dân tộc không thể chấp nhận một thực tế và một viễn cảnh như vậy !

Những nhà truyền giáo Phương Tây nói chung, và ở Việt Nam nói riêng không chỉ kiêu hãnh về niềm tin Thiên chúa giáo; Họ còn rất hãnh diện về nền văn minh Phương Tây mà niềm tin Thiên chúa giáo là một thành tố. Và với ý thức là những người đi khai hóa văn minh cho các dân tộc "man rợ" trên thế giới, do chịu ảnh hưởng tư tưởng thực dân thời cận đại, họ muốn thông qua việc truyền giáo, Âu hóa, tức đồng hóa các sắc tộc này với nền văn minh Phương Tây, mà thực chất là biến các vùng đất ngoài Châu Âu thành những nước phụ thuộc, thành vùng đất hải ngoại của quốc gia đã cử họ đi. Vì vậy, họ say sưa truyền đạo, không quản khó khăn cản trở, thậm chí dùng mọi thủ đoạn, kể cả thủ đoạn chính trị, với hy vọng Thiên chúa giáo hóa hoàn toàn những miền đất này, mà một trong những thủ đoạn họ thường nghĩ tới và chớp mọi cơ hội để thực hiện, là lật đổ ngôi vua tại vị để thay thế bằng một ngôi vua cải giáo, để qua đó cải giáo cho cả nước. Ở Việt Nam, đã ít nhất có hai trường hợp, các giáo sĩ thừa sai đã thử lợi dụng những cơ hội có thể thực hiện âm mưu đó. Trường hợp thứ nhất là sự dính líu của cố đạo Marchand và

https://tieulun.hopto.org

giáo dân vào vụ khởi nghĩa của Lê Văn Khôi năm 1933 nhằm lật đổ Minh Mạng. Lê Văn Khôi là con nuôi Lê Văn Duyệt, một đại công thần thời Gia Long, rất có uy tín với dân Nam Kỳ và phản đối việc cấm đạo. Các giáo sĩ thừa sai hy vọng nếu Lê Văn Khôi thành công, việc truyền đạo sẽ được tự do và việc Thiên chúa giáo hóa Việt Nam có thể thực hiện. Trường hợp thứ hai là vụ dính líu của giáo sĩ và giáo dân vào âm mưu đảo chính của Thái tử Hoàng Bảo nhằm lật đổ Tự Đức năm 1851, với hy vọng khi Hoàng Bảo thành công, việc đạo sẽ hoàn toàn thuận lợi.

Những sự dính líu trên đã khiến các vua nhà Nguyễn có ấn tượng rất xấu đối với giáo sĩ và giáo dân, và coi họ như là một mối nguy thường trực cho sự an toàn của triều đại.

2 - Nguy cơ bị các nước Phương Tây (chủ yếu là Pháp) lấy cớ bảo vệ Thiên chúa giáo để tiến hành xâm lược.

Sử sách đã chỉ rõ, cuộc truyền bá đạo Thiên chúa ra vùng đất ngoài Châu Âu từ thế kỉ XV, không chỉ đơn thuần là cuộc truyền bá Đức tin Kitô giáo, mà còn có vai trò rất quan trọng đối với việc bành trướng thuộc địa của các nước tư bản Âu Châu.

Những giáo sĩ Âu Châu đến truyền giáo ở Việt Nam, nhất là của Hội Thừa sai Paris của Pháp nằm trong thông lệ đó. Các thế diện Tông tòa Pháp đầu tiên, Lambert và Pallu, các cố đạo Bourges, Deydier, ...ở thế kỷ XVII, hoạt động của giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) trong mối liên hệ với Nguyễn Ánh, càng bộc

https://tieulun.hoptb.org

lộ rõ vai trò truyền giáo đối với cuộc bành trướng thực dân của Pháp. Sang đầu thế kỷ XIX, vai trò của các giáo sĩ thừa sai Pháp trong việc tạo cớ cho cuộc xâm lược của Pháp ngày càng rõ ràng. Họ thường xuyên liên hệ với hạm đội Pháp ở biển Đông, thông báo tin tức tạo những tình huống để các tàu chiến Pháp vào can thiệp.

Mối đe dọa bị Pháp xâm lược vũ trang dựa vào lý do bảo vệ Thiên chúa giáo đối với Việt Nam, đã thực sự tới gần vào những năm 50 của thế kỷ XIX. Các giáo sĩ thừa sai Pháp, chủ yếu là Pellerin, Huc trực tiếp về Pháp thúc đẩy sự can thiệp; và ngày 1 tháng 9 năm 1858, liên quân Pháp và Tây Ban Nha, chủ yếu là Pháp, lấy cớ bảo vệ Thiên chúa giáo đã nổ súng xâm lược nước Việt Nam.

Hai nguy cơ đe dọa nước Việt Nam được trình bày ở trên, diễn ra cùng lúc và ngày càng nghiêm trọng ở nửa đầu thế kỷ XIX, là những nguyên nhân cơ bản khiến nhà Nguyễn phải có những biện Pháp đối phó mà đối tượng trực tiếp nhất là hoạt động truyền giáo của giáo sĩ Pháp với những hậu quả làm phương hại nghiêm trọng đến độc lập dân tộc.

II. NHỮNG BIỆN PHÁP ĐỐI PHÓ

Trên cơ sở nhận thức khá rõ hai nguy cơ trên, các vua triều Nguyễn, luôn đề ra những biện pháp nhằm hạn chế tới mức tối đa, thậm chí có thể triệt tiêu được hoàn toàn những mối nguy hại trên, nhằm bảo vệ toàn vẹn trật tự xã hội, đời sống văn hóa quốc gia, đồng thời cũng không quên có những biện pháp ngăn ngừa một cuộc tấn công xâm lược quân sự, lấy cớ bảo vệ Thiên

https://tieulun.hopto.org

chúa giáo. Biện pháp thực hiện trước hết mang tính chất giáo hóa, song do thái độ ương ngạnh của các giáo sĩ thừa sai cũng như sự cuồng tín của các tín đồ Thiên chúa giáo ngày càng gia tăng, những biện pháp cũng theo đó ngày càng quyết liệt, từ giáo hóa đi đến cưỡng chế; và khi bùng nổ cuộc xâm lược vũ trang của Pháp năm 1858, với hoạt động công khai chống lại triều đình của các giáo sĩ thừa sai, thái độ thân Pháp, cộng tác với Pháp khá rõ của một bộ phận giáo dân, cộng thêm những cuộc nổi dậy chống triều đình nổ ra ở Bắc Kỳ có sự tham gia của giáo dân (khởi nghĩa của Tạ Văn Phụng, ...) thì biện pháp đối phó của triều đình ngày càng trở nên cực kì quyết liệt, đẫm máu.

Để làm rõ nhận định khái quát trên, hãy theo dõi chính sách của nhà Nguyễn đối với Thiên chúa giáo qua hai thời kì lớn: *Thời kì trước cuộc xâm lược vũ trang và thời kì sau cuộc xâm lược vũ trang.*

1 - Cho đến trước cuộc xâm lược vũ trang của Pháp năm 1858.

1.1. Thời Gia Long (1802 - 1820):

Từ trước khi nắm chính quyền, lên ngôi vua, Nguyễn Ánh, sau này là Gia Long, đã có mối quan hệ mật thiết và nhiều năm với giáo sĩ Pháp, nhất là đối với Pigneau de Béhaine, là người hiểu rất rõ nội dung của Thiên chúa giáo cũng như vai trò của các giáo sĩ thừa sai trong cuộc bành trướng của chủ nghĩa thực dân Phương Tây sang vùng Viễn Đông. Vì vậy mặc dù chịu ơn sâu của Pigneau de Béhaine và ít nhiều có cảm tình với giáo dân, Nguyễn Ánh vẫn không chấp nhận thái độ

https://tieulun.hoptd.org

kiêu hãnh và cứng nhắc của các giáo sĩ thừa sai, ngay cả với Pigneau de Béhaine. Trong những lần bàn luận với Pigneau de Béhaine về vấn đề tín ngưỡng, Nguyễn Ánh đã thẳng thắn phê phán thái độ thiếu khoan dung của Thiên chúa giáo đối với những tín ngưỡng truyền thống của Việt Nam, nhất là đối với sự thờ cúng tổ tiên.

Những lời tường thuật sau đây của Pigneau de Béhaine phần nào minh họa cho nhận xét trên:

Pigneau de Béhaine cho biết sau khi từ Pháp trở về, Hoàng tử Cảnh đã không đến làm lễ ở nhà thờ tổ tiên. "Ngay sau đó... tôi (tức Pigneau de Béhaine - NVK) đã có một cuộc giải thích dài với nhà vua. Nhà vua tỏ ra rất ngạc nhiên về cách cư xử của con mình, và cho tôi biết ông không thể chấp nhận việc Thiên chúa giáo lại cho phép tín đồ của mình quên lãng tổ tiên. Tôi trả lời ông rằng tôi cũng không kém phần ngạc nhiên giống như ông khi thấy rằng đã bao nhiêu lâu sống cùng tôi và là người hiểu biết những ý nghĩ của tôi, ông lại có thể nghĩ rằng tôi kiên trì những nguyên tắc đó. Tôi nói thêm với ông rằng, đạo Thiên chúa không những không chấp nhận một thái độ như vậy, trái lại coi việc lãng quên tổ tiên như là một trọng tội. Đạo này chỉ muốn rằng sự tưởng nhớ cần phải có của con cháu đối với tổ tiên cần phải dựa trên sự thật và tránh xa những gì có thể được coi như là lầm lẫn và mê tín, rằng từ quan điểm ấy, đạo này cấm các tín đồ thực hiện việc thờ cúng tổ tiên khá phổ biến trong các quốc gia của những phần đất này ở Ấn Độ, bởi vì những người ngoại đạo tin chắc rằng linh hồn của tổ tiên có thể nhận được sự cúng bái của họ, có thể hưởng thụ cỗ bàn dâng cúng; rằng bằng

https://tieulun.hopto.org

cách cúng tế của mình, các con cháu có thể được hưởng một cuộc sống trường thọ, giàu có, v.v... Cho nên, không có gì phải tỏ ra ngạc nhiên nhiều rằng sự thờ cúng này được tiến hành với những tình cảm trái với sự thật, không thể cho phép giáo dân thực hiện.

Nhà vua cũng ngạc nhiên và trả lời rằng ông cũng có những suy nghĩ tương tự về vấn đề này; ông cũng cho rằng linh hồn không thể trở lại; rằng con cháu không hưởng được gì bằng sự thờ cúng; nhưng ông coi đó như là một nghi lễ để chứng thực sự tưởng nhớ mà con cháu cần phải giữ gìn về tổ tiên của mình. Để làm cho ý mình sáng tỏ hơn ông nói thêm: "Khi tôi đến các buổi cúng lễ này, tôi tự nhủ rằng: Nếu tổ tiên tôi còn sống, tôi muốn làm tất cả mọi bổn phận cần thiết với các người. Để chứng tỏ rằng những tình cảm đó là chân thành và hiệu quả, tôi muốn làm y như thể tổ tiên tôi đang còn sống. Tôi biết rằng họ không còn nữa, và những điều tôi làm chẳng có ích cho ai; những tôi muốn thể hiện cho mọi người thấy rằng tôi không hề quên tổ tiên và đem lại cho thần dân của tôi một mẫu mực về lòng hiếu thảo...". Tôi trả lời nhà vua rằng còn lâu các quần thần của ông mới nghĩ như vậy, nếu muốn cho rõ, tôi bằng lòng để ông thử chất vấn ngay người đầu tiên mà ông gặp; rồi tôi nói thêm: "Thử giải thích ý nghĩa của việc cả nước có lệ cứ vào ngày tất niên là làm lễ đón tổ tiên, cung phụng cỗ bàn suốt từ 8 đến 10 ngày, chuẩn bị cho tổ tiên những quần áo mới mà họ tưởng rằng bằng một sự chuyển hóa kì diệu nào đó, tổ tiên có thể dùng được, rồi lại cái tục tiễn ông bà sau thời gian đó?... Tất cả những cái đó chẳng đã chứng tỏ rằng tục đó đầy rẫy sự mê tín? Các bài vị được coi như nơi ngự của tổ tiên và được thắp

https://tieulun.hoptd.org

hương thắp nến, v.v... có nghĩa gì? Nếu tất cả người dân Đàng Trong cũng hiểu biết như nhà vua, và chỉ thực hiện những điều đó như một lễ tục hoàn toàn đời thường, thì các giáo dân cũng có thể thực hiện mà không sợ phạm vào đức tin của mình; Song sự thờ cúng đó thực sự là có tính tôn giáo và được coi như thế trong ý thức tất cả mọi người, thì những giáo dân vốn hiểu rằng cái đó hoàn toàn là sai lầm, nên không thể nào chấp nhận để đi ngược lại những giáo lí của đạo mình.".

Nhà vua: "Mong sao tục ấy có thể hòa hợp với đạo Thiên chúa; bởi, theo cách nghĩ của tôi, không có những trở ngại thực sự nào ngăn cản nước tôi theo đạo Thiên chúa. Nếu tôi công khai tuyên bố như trên với tất cả thần dân của tôi và cho họ biết chỉ nên thực hiện nghi lễ đó trong cách thức thuần túy đời thường và chính trị, rằng tất cả các tín ngưỡng về nghi lễ này chỉ là do sự nhầm lẫn của dân gian... Cách xử sự như thế của tôi liệu có thể làm hài lòng các giáo dân khiến họ chấp nhận theo lễ tục này ?...

Thời đại mà chúng ta đang sống đã có quá nhiều bất hạnh. Nếu tôi lại còn hủy bỏ nghi lễ này, tôi sẽ làm tăng thêm sự nghi ngờ mà quần thần vốn đã có về cách suy nghĩ của tôi. Và, cũng có thể họ tưởng tôi đã cải giáo, họ sẽ ít gắn bó với tôi. Tôi đã cấm đoán ma thuật, chiêm tinh đoán số, tôi cũng coi việc thờ ngẫu tượng là sai và kì cục; nhưng tôi kiên trì sự thờ cúng ông bà theo cách mà tôi đã trình bày với ngài, bởi tôi coi đó như là một trong những cơ sở của nền giáo huấn của chúng tôi. Nó gợi cho con trẻ ngay từ khi còn ấu thơ lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, và đem lại cho các bậc cha mẹ cái quyền

https://tieulun.hopto.org

uy mà nếu thiếu nó họ không thể ngăn chặn tốt những sự hỗn loạn trong gia đình. Cái vinh dự đó của cha mẹ đã trở nên công nhiên, lan tỏa và bắt rễ rất sâu... Tôi xin ngài hãy rất quan tâm tới điều này và cho phép các giáo dân xích gần lại với phần thần dân khác của tôi. Cách xử sự ấy vốn đã rất nên có cho mọi cá nhân riêng lẻ, lại trở thành cần thiết đối với những người có một địa vị khá cao trong nhà nước. Ngài đã thấy rằng ở những thời điểm khác nhau trong năm, nghi thức triều đình qui định rất nhiều những buổi lễ như vậy, và, tôi bắt buộc tự thân phải có mặt cùng với tất cả quan chức của tôi. Nếu nhiều người trong số họ đi theo đạo, không thể cùng làm như những người khác trong những trường hợp mà tôi có mặt, tôi sẽ buộc phải thực hiện những nghi lễ ấy gần như một mình và như thế là làm suy giảm uy thế của ngôi vua. Trái lại, nếu ngài có thể cùng với tôi trình bày cho quần thần của tôi điều mà hầu hết những người có suy nghĩ nhạy bén nhất đã nhận biết, thì những quan chức có đạo có thể cùng với các quan chức khác tháp tùng tôi và bày tỏ sự tôn vinh với các tổ tiên, thì không còn lí do gì để không trao cho họ những chức vụ hàng đầu."[56].

Trên đây là những lí lẽ mà Nguyễn Ánh đưa ra khi tranh luận với Pigneau de Béhaine. Mặc dù Nguyễn Ánh không có lời nào bài xích Thiên chúa giáo, bởi không thể bày tỏ thái độ như thế trước mặt người mình đang chịu ơn sâu, đồng thời cũng tỏ ra có những điểm nhượng bộ đối với những lập luận của Pigneau de

56. Trích H. Bernard. Le conflit de la religion Annamite avec la religion d'Occident à la cour de Gialong. Hà Nội, 1941, Tr. 9, 10, 11.

https://tieulun.hoptoi.com

Béhaine, song lập trường của Nguyễn Ánh đối với sự thờ cúng tổ tiên, ý nghĩa thiêng liêng, tầm quan trọng về mặt chính trị và xã hội của tín ngưỡng truyền thống này là rất kiên định. Căn cứ vào thái độ đối xử lạnh nhạt của Nguyễn Ánh đối với các giáo sĩ Pháp sau khi đã lên ngôi vua, đã thấy Nguyễn Ánh thực sự không ưa đạo Thiên chúa và không muốn cho đạo này truyền bá rộng ở trong nước. Chỉ dụ sau đây về tôn giáo ra ngày 4-3-1804, đã công khai bộc lộ thái độ đó.

Trong khoản 4 của chỉ dụ này có ghi:

"Còn về đạo Bồ Đào Nha (tức đạo Thiên chúa - NVK) là một đạo ngoại lai đã được truyền một trùng lén lên khắp trong nước và hiện nay vẫn còn, mặc dù chính phủ đã cố gắng hủy bỏ cái đạo dị đoan này. Hỏa ngục là một chỗ ghê gớm đạo này dùng để làm cho kẻ ngu xuẩn khiếp sợ. Thiên đàng mà đạo hứa sẽ ban cho những người ngay lành là một thành ngữ rất kêu để quyến rũ những đứa khờ khạo. Đạo này đã được dạy trong đám dân ngu. Một số khá lớn trong nước bị thâm nhiễm tà đạo và đã quen giữ lề luật một cách mù quáng, không suy nghĩ và không sao mở mắt cho họ được.

Do đó từ nay trong các tổng, các làng có nhà thờ của người Thiên chúa giáo, cấm sửa chữa hoặc xây dựng lại những ngôi nhà thờ đã bị hư nát, còn cất nhà thờ mới ở những nơi chưa có tuyệt nhiên cấm hẳn."[57].

Mặc dù vậy, khi đang ở ngôi, ngoài chỉ dụ nói trên,

57. Trích *Việt Nam giáo sử*. T. I, Phan Phát Huồn. Sài Gòn 1958, Tr. 188.

https://tieulun.hopto.org

một chỉ dụ chung cho mọi tôn giáo hiện hành chỉ có ý nghĩa phòng ngừa, Gia Long không ban hành thêm một sắc chỉ nào công khai ngăn cấm người dân theo đạo - Chẳng những thế lúc Nguyễn Ánh mới thắng Tây Sơn còn có sắc lệnh bênh vực người dân Thiên chúa giáo khi Nguyễn Ánh ra Hà Nội năm 1802 và được biết họ bị làm khó dễ vì không tham gia vào những dịp cúng tế ở làng. Sắc lệnh có đoạn viết: "Phải chăng người Thiên chúa giáo là một người dân trong nước ? Họ cũng trả thuế như những người khác. Nếu có người dân tin tưởng vào các thần linh, không ai cấm đoán họ, nhưng cũng có những người khác không tin tưởng vào các vị ấy, thì cũng không nên bắt buộc họ thông công vào việc tế tự các vị thần mà họ không tin tưởng"[58]. Cũng không thấy sử sách ghi chép một vụ bắt đạo nào dưới thời Gia Long. Các sử gia Thiên chúa giáo cũng như các giáo sĩ Pháp muốn được Gia Long ra chỉ dụ nâng đỡ và cho phép Thiên chúa giáo được truyền bá tự do, tỏ ra không thỏa mãn với những gì Gia Long đã làm cho người Thiên chúa giáo, song tất cả đều phải công nhận rằng việc truyền đạo dưới thời Gia Long là bình thường thuận lợi và có những tiến triển tốt.

Ngoài ý thức cảnh giác đối với nguy cơ sự truyền bá đạo Thiên chúa đe dọa xâm hại tới trật tự xã hội, văn hóa truyền thống của đất nước, Nguyễn Ánh cũng tỏ ra rất tỉnh táo trước nguy cơ các giáo sĩ thừa sai ngoại quốc câu kết với các thế lực Phương Tây mưu toan xâm nhập lãnh thổ Việt Nam.

---

58. Phan Phát Huồn. Sđd, Tr. 191.

https://tieulun.hopto.org

Là người đã từng nhiều năm bôn ba hải ngoại, tiếp xúc với nhiều thế lực Phương Tây, Nguyễn Ánh hiểu khá rõ tham vọng thực dân của các nước này.

Ngay vào những năm tháng hiểm nghèo nhất (thập kỉ 70, 80 thế kỉ XVIII) trước những lời mời mọc của Anh, Hà Lan, Pháp (thông qua Pigneau de Béhaine), Nguyễn Ánh đã chọn phương thức cầu viện trợ của một nước Phương Đông, cụ thể là Thái Lan. Chỉ đến khi lực lượng đã hầu như tan rã hoàn toàn, Nguyễn Ánh mới chịu nghe Pigneau de Béhaine cầu viện Pháp (tháng 12 - 1784) với một hi vọng mỏng manh và dự lượng một sự trả giá cho quyết định phiêu lưu đó. Vì vậy, ngay sau đó, Nguyễn Ánh cùng quân tướng đã cố gắng tự thân vận động, để sau đó vài năm đã chiếm lại được đất Nam Bộ, và khi Pigneau de Béhaine thất bại trong cuộc xin viện trợ Pháp trở về, thì Nguyễn Ánh đã đứng vững ở đây và đang trên đà chiến thắng. Và ngay sau đó, vào tháng 1 năm 1790, Nguyễn Ánh đã có thư cho vua Pháp tỏ lời cảm ơn đồng thời khéo léo từ chối sự giúp đỡ của Pháp.

Bức thư có đoạn viết:

"Năm vừa qua, tôi rất vui sướng được thấy giám mục Adran về đây cùng với con tôi, và qua tất cả các chi tiết mà họ cho biết, tôi hiểu rằng đức vua thực sự có ý định cứu trợ tôi và rằng tất cả đều không thực hiện được bởi sự thiếu quyết đoán của ngài chỉ huy ở Ấn Độ. Sự do dự của ngài sĩ quan này đã là nguyên nhân khiến tôi

https://tieulun.hopto.org

phải chờ đợi quá lâu ở ngoài biển, và phải chịu đựng quá nhiều gian khó khiến tôi có lúc tưởng như vô vọng.

May mắn cho tôi, được trời rủ lòng thương những tấm lòng thành của con người, khiến các thần dân gắn bó với tôi và trong thời điểm ấy tôi còn có cơ hội trở về một phần đất quan trọng của nước tôi. Trong tình trạng hiện nay, mặc dù hòa bình chưa trở lại hoàn toàn, tôi đã thấy số phận tôi đã được bảo đảm, và mọi sự quan tâm của tôi hiện nay là rèn luyện sĩ quan và binh lính của tôi để chuẩn bị cho họ tham gia vào cuộc chiến quyết định...

Còn về lực lượng hiện tại của tôi, tôi đã có một lực lượng quân đội khá mạnh cả bộ binh lẫn hải quân và tôi cũng có đủ đạn dược và đại bác để dùng trong những trận chiến tiếp tục. Tôi cũng không còn dám tỏ ra thiếu ý thức yêu cầu ngài gửi thêm quân đội, mà, do đường xá xa xôi sẽ phải chịu đựng quá nhiều trở ngại thường thấy. Tôi chỉ xin ngài hãy nhận nơi tôi lòng biết ơn chân thành vô tận như thể là quân đội của ngài đã đến giúp đỡ, v.v..."[59].

Đối với những người đã theo Pigneau de Béhaine đến giúp, Nguyễn Ánh, khi lên ngôi vua, vẫn trọng

---

59. Trích E. Võ Đức Hạnh. La place du catholicisme dans les relations entre la France et le Vietnam de 1858 à 1870. T. II. Lille. 1975, p. 46. Annexe.

https://tieulun.hopto.org

dụng song chỉ ban tước lộc mà không ban chức vụ trong hệ thống quan chức chính qui của triều đình, nhằm tránh những hậu quả khó lường khi những người này có chức có quyền.

Tóm lại, trước và sau khi nắm lại được chính quyền, Nguyễn Ánh tuy vẫn mang ơn Pigneau de Béhaine, cũng có ý che chở phần nào các giáo sĩ và giáo dân, song trong thâm tâm và cả trong thực tế, không ưa đạo Thiên chúa bởi đạo này quá kiêu hãnh, công kích thẳng vào đạo thờ cúng tổ tiên, là một tín ngưỡng truyền thống lâu đời và thấm nhuần sâu sắc những nguyên lí Nho giáo, tạo nên một nét văn hóa đẹp và rất hiệu quả trong việc củng cố trật tự xã hội của chế độ hiện hành. Nguyễn Ánh cũng tỏ ra đủ cảnh giác nhận ra mối quan hệ khăng khít giữa truyền giáo và bành trướng thực dân và đã bước đầu có sự phòng ngừa.

Tuy nhiên, Gia Long không ban hành một sắc lệnh cấm đạo nào, và, trong gần hai thập kỉ Gia Long ở ngôi, việc truyền bá đạo Thiên chúa là thuận lợi và tiến triển mạnh. Điều đó càng làm tăng thêm sự nghiêm trọng của hai nguy cơ lớn đã trình bày ở phần đầu, khiến người kế vị Gia Long là Minh Mạng phải thi hành những biện pháp chặt chẽ hơn, hệ thống hơn.

1.2. Thời Minh Mạng (1820 - 1841).

Khoảng thời gian Minh Mạng ở ngôi, đã có nhiều diễn biến ở trong và ngoài nước, khiến chính sách của nhà nước phong kiến Nguyễn đối với đạo Thiên chúa ngày càng trở nên nghiêm ngặt hơn.

Vào những thập kỉ 30, 40, thế kỉ XIX, hoạt động

https://tieulun.hopto.org

của các thương thuyền và lực lượng hải quân của các nước Phương Tây rầm rộ ở các vùng biển Ấn Độ Dương và Đông Nam Thái Bình Dương, phản ánh một cấp độ hoạt động mới của các nước tư bản Phương Tây, đang muốn bành trướng thị trường và bành trướng thuộc địa ở vùng này. Nhiều nước trong vùng đã trở thành thuộc địa của các nước nói trên hoặc trở thành quốc gia chịu ảnh hưởng chi phối của các nước Phương Tây. Đặc biệt cuộc chiến tranh nha phiến diễn ra giữa Anh và Trung Quốc từ năm 1839, sau đó Trung Quốc thất bại phải kí điều ước Nam Kinh năm 1842, đã gây tiếng vang lớn ở Viễn Đông. Tất cả những tình hình trên đều được triều đình Huế theo dõi qua các sứ trình nhật kí của các thương đoàn và ngoại giao đoàn đi thăm dò tình hình ở các khu vực sôi động do Minh Mạng cử đi. Chỉ riêng trong thời Minh Mạng đã có 10 phái đoàn cử đi công cán vừa để mua các sản phẩm Âu Châu đồng thời để thăm dò vùng Hạ Châu, vị thế của người Âu Châu, người Anh và người Hà Lan ở trong vùng. Sự bành trướng thế lực và huy trương thanh thế của các nước Âu Châu ở vùng này được phản ánh trong các sứ trình nhật kí không khỏi làm cho triều đình nói chung và Minh Mạng nói riêng phải cảnh giác trước mọi động thái của các nước Âu Châu đối với Việt Nam.

Cũng vào khoảng thời gian này, xu thế bành trướng thuộc địa của Pháp sang vùng Viễn Đông, sau một thời gian tạm lắng do cuộc cách mạng tư sản Pháp, nay lại được phục hồi và có phần mạnh mẽ hơn dưới thời vua Louis Philippe (làm vua Pháp từ 1830 - 1848). Chính phủ Pháp đặc biệt chú ý tới vùng Đông Dương,

https://tieulun.hopto.org

nhất là Việt Nam, nước có mối quan hệ cũ với Pháp từ điều ước 1787 kí kết giữa chính phủ Pháp và người đại diện của Nguyễn Ánh là Pigneau de Béhaine . Năm 1822 Pháp đã cử J. B. Chaigneau sang Việt Nam làm lãnh sự để duy trì mối liên lạc. Năm 1824, một chiếc tàu của Pháp vào cửa Hàn đem thư và lễ vật của vua Pháp gửi cho Minh Mạng và có một giáo sĩ Pháp theo tàu vào Việt Nam. Vua Minh Mạng không nhận thư và lễ vật, không cho các sĩ quan của tàu vào chầu; riêng giáo sĩ thừa sai trốn được lên đất liền. Năm 1831, lại có một tầu Pháp đưa viên lãnh sự Pháp vào Huế nói là để thi hành điều ước 1787, cũng bị Minh Mạng cự tuyệt. Thái độ đó của Minh Mạng không phải là vô cớ, bởi mọi động thái ngoại giao của Pháp đối với Việt Nam lúc này không có động cơ nào khác hơn so với trước đây là đòi mở cửa và đòi cho các giáo sĩ thừa sai được tự do truyền đạo, để tiến tới thuộc địa hóa và Thiên chúa giáo hóa Việt Nam, điều mà Gia Long đã thấy rõ, và Minh Mạng càng thấy rõ hơn. Việc từ chối tiếp nối quan hệ ngoại giao với Pháp của Minh Mạng nên chăng cần được hiểu là để nghiền ngẫm một đối cách hữu hiệu với mục tiêu kép này của các động thái ngoại giao của Pháp. Và để nắm vững tình hình hơn, năm 1840, Minh Mạng đã gửi phái đoàn ngoại giao do Phan Thanh Giản cầm đầu sang Pháp để thăm dò thái độ của triều đình Pháp để căn cứ vào đó mà có được những cuộc thương lượng minh bạch. Song ngay khi đến Pháp, phái đoàn Phan Thanh Giản đã bị các chức sắc của Hội Thừa sai Paris phản đối và vận động một cuộc tẩy chay trên báo chí, khiến L. Philippe, vua Pháp từ chối tiếp phái đoàn. Sự thất bại này của phái đoàn Phan Thanh Giản, càng

https://tieulun.hopto.org

minh họa thêm mối quan hệ khăng khít giữa truyền giáo và thực dân ở Việt Nam. Và, những gì Minh Mạng nghĩ và sẽ làm đối với việc truyền giáo khi ông ở ngôi không chỉ là những suy nghĩ thiển cận, vô căn cứ.

Trong khi đó, hoạt động của giáo hội Thiên chúa giáo ở trong nước cũng làm cho triều đình Minh Mạng phải lo ngại.

Trong thời gian Gia Long ở ngôi và mấy năm đầu thời Minh Mạng, việc truyền đạo của các giáo sĩ thừa sai và sinh hoạt đạo của giáo dân hầu như tự do, công khai. Các nhà thờ cứ được tu tạo, sửa chữa; nhiều nhà thờ mới được xây dựng thêm. Các lễ hội Thiên chúa giáo được tiến hành long trọng tưng bừng, được tô điểm bằng những yếu tố vật chất và nghệ thuật Phương Tây, có sức hấp dẫn lớn, thu hút sự chú ý của người bên lương; đồng thời đe dọa sự bền vững của những tín ngưỡng truyền thống và tập tục cổ truyền của đất nước. Một ông vua nhạy cảm và thấm nhuần đạo lí Nho giáo và tinh thần dân tộc không thể làm ngơ trước cuộc đấu tranh văn hóa ấy, một cuộc đấu tranh trong đó yếu tố văn hóa ngoại lai với vẻ mới lạ và hấp dẫn có vẻ như đang chiếm ưu thế.

Cũng trong thời Minh Mạng ở ngôi, đã xảy ra một sự cố lớn có liên quan tới giáo sĩ thừa sai và giáo dân. Đó là sự có mặt của cố đạo Marchand và một số giáo dân trong cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi ở Gia Định chống lại triều đình trung ương, năm 1833.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy Minh Mạng, một ông vua rất tôn sùng Khổng đạo, đã thực thi những

https://tieulun.hopto.org

biện pháp đối phó ngày càng cứng rắn đối với đạo Thiên chúa.

Trước hết, suốt thời gian ở ngôi, Minh Mạng cho bố trí canh gác cẩn mật các hải cảng, cấm hải quân, thương nhân giáo sĩ Âu Châu, nhất là người Pháp, được tự do nhập cảnh và hoạt động trên đất liền. Ai vi phạm tức là làm trái pháp luật của nhà nước và phải được xử trị theo khung hình phạt của nhà nước.

Ngay từ năm 1825 Minh Mạng đã ra chỉ dụ: "Các tôn giáo sai trái của người Tây Dương làm hư hỏng lòng người. Đã từ lâu, nhiều tầu Tây Dương đến đây để buôn bán và để lại các đạo trưởng trong vương quốc này. Các đạo trưởng đã lôi kéo và làm hư hỏng nhân tâm, làm suy thoái thuần phong mĩ tục. Đó chẳng phải là tai họa lớn cho đất nước ? Vì vậy phải chống lại những sự lạm dụng này để đưa dân chúng trở lại con đường chính".

Riêng đối với cửa biển Đà Nẵng, nơi có nhiều tàu tây lui tới, chỉ dụ trên kèm theo chỉ thị: "Phải canh phòng cẩn mật hải cảng, miền núi, tất cả mọi ngả đường thủy bộ để ngăn không cho các đạo trưởng Tây dương xâm nhập lén lút, trà trộn vào trong dân chúng để reo rắc bóng đen trên vương quốc"[60].

Đối với hoạt động của đạo Thiên chúa, đối sách của Minh Mạng, về đại thể như sau:

1. Về chủ trương, Minh Mạng không hề có ý tận diệt ngay Thiên chúa giáo hoặc tàn sát giáo dân hàng loạt. Căn cứ vào những việc Minh Mạng đã làm, thì mục

60. E. Võ Đức Hạnh. Sđd, Tập I, Tr. 282.

https://tieulun.hopto.org

tiêu đặt ra chỉ là: Trước mắt, hạn chế sự truyền bá rộng hơn đạo Thiên chúa, trên cơ sở đó có thể thu hẹp tới mức tối đa ảnh hưởng của đạo này trong dân chúng, một chủ trương vừa phải và phù hợp với thực tế của tình hình lúc đó.

2. Về mặt phương châm, Minh Mạng chủ trương dùng biện pháp giáo dục là chính, chỉ dùng biện pháp cưỡng chế trong trường hợp hết sức cần thiết, đồng thời nghiêm cấm các quan lại ở địa phương lạm dụng chức quyền sách nhiễu hoặc mưu hại giáo dân. Trong dụ cho Bộ Hình năm 1832, Minh Mạng nói: "Đạo Gia tô nguyên từ người nước Tây Dương đem vào truyền bá đã lâu, dân ngu phần nhiều bị mê hoặc mà không biết hối. Thử nghĩ: cái thuyết Thiên đường, tóm lại chỉ là chuyện hoang đường, không có bằng chứng. Hơn nữa, không kính thần minh, chẳng thờ tiên tổ, rất trái với chính đạo... Những việc trái luân lí, hại phong hóa, điều ấy kể ra còn nhiều, thực đã phạm đến pháp luật. Đạo ấy qui là tà đạo hơn đạo nào hết; trong luật đã có điều cấm rõ ràng rồi. Nhân nghĩ: các hạt còn có những kẻ cố chấp mê man... Song, tính giữ đạo thường người người đều có, nếu biết tỉnh ngộ đều có thể trở thành lương thiện. Phải nên một phen khuyên bảo khiến họ biết đường đổi mới để tỏ cái ý *trước hãy giáo dục, sau mới dùng đến hình phạt*".[61]... "Lại nghiêm cấm lũ võ biền, lại dịch, các tổng lý không được tự sự mà nộ nạt, hống hách, bắt càn, nhiễu dân. Kẻ nào vi phạm sẽ phải tội"[62]. Năm 1839, nhân khi Án sát Hà Tĩnh Phạm Sỹ Ái về kinh tâu trình

61. *Đại Nam Thực lục*, Tập 11, Tr. 235-236.
62. Đại Nam Thực lục, Tập 11, Tr. 136.

https://tieulun.hopto.org

các biện pháp cấm đạo, vua dụ: "Cái đạo dạy dân, tất phải dùng giáo hóa trước, dùng hình phạt sau. Nếu chưa dùng giáo hóa mà dùng hình phạt ngay thì chưa nỡ"[63]... Năm 1840, nhân tỉnh thần Nam Định tâu về việc đạo, vua dụ: "Những dân trước theo tà đạo, trong óc bị che lấp đã sâu, đã nhiều lần nghiêm cấm, nguồn tệ vẫn chưa dứt, thực là không thỏa mãn lòng người. Nay nghiêm sức phủ huyện sở tại khuyên bảo cho khéo, không nên vội đốc tránh làm cho dao động, nhiễu loạn, cũng không nên cho là việc ngẫu nhiên, qua việc lại quên đi, cốt phải bảo có cách, khiến cho chúng dần dần tiến lên, lâu ngày ngấm nghía, tự nhiên có thể tiêu tan ngấm ngầm được sự tập quán đã lâu vậy."[64].

3. Để hỗ trợ thêm cho việc lôi kéo và giáo dục dân theo đạo trở về với tín ngưỡng và đạo lý truyền thống, năm 1834, Minh Mạng đã biên soạn một tài liệu có tên là "*Thập Điều giáo huấn*", khuyến dụ dân chúng làm những điều tốt lành phù hợp với đạo đức và văn hóa truyền thống:

Điều 1: Có tên "Đôn nhân luân", đề cập tới đạo vua tôi, cha-con, vợ-chồng, anh-em, bạn bè; khuyên mọi người phải giữ cho nghiêm chỉnh và kết luận bằng một câu dẫn từ sách Trung Kinh: "Người quân tử giữ đạo là để phúc lâu dài".

Điều 2: Có tên "Chính tâm thuật", cho "tâm" là gốc của con người; cần phải giữ tâm cho thiện và làm việc nghĩa, việc thiện, tránh xa điều ác, theo tinh thần một

63. *Đại Nam Thực lục*, Tập 21, Tr, 179.
64. *Đại Nam Thực lục*, Tập 21, tr. 179.

https://tieulun.hopto.org

câu dẫn trong Kinh thư: "Theo phải thì tốt, theo trái thì xấu, như bóng theo hình, vang theo tiếng".

Điều 3: Có tên "Vụ bản nghiệp", khuyên phải chăm nghề nghiệp để trở thành người có nghề tinh, theo tinh thần một câu dẫn từ Kinh thư: "Nghề nghiệp ngày thêm rộng mở là bởi sự chuyên cần".

Điều 4: Có tên "Thượng tiết kiệm", khuyên nên tránh phung phí trong đời thường cũng như trong lễ hội, đàn chay, tế lễ, ...

Điều 5: Có tên "Hậu phong tục", khuyên gây phong tục cho trung hậu và dẫn nguyên lý đạo đức từ Kinh thư: "Phàm các thứ dân chớ bạn với kẻ tà dâm, chớ có đức xấu".

Điều 6: Có tên "Huấn đệ tử", khuyên phải dạy con em thành người tốt theo chuẩn mực đạo đức Khổng Mạnh, theo lời dạy dẫn từ sách Mạnh Tử: "Ở rỗi mà không dạy thì cũng gần như giống chim muông".

Điều 7: Có tên "Sùng chính học", tức tôn sùng đạo học chân chính. Đây là điều trực tiếp phê phán Thiên chúa giáo là tà đạo, trái với đạo lý, văn hóa truyền thống, cần phải từ bỏ: "Học là cốt học cái đạo làm người. Cho nên người trong thiên hạ không một *người* nào không phải học, mà cũng không một *ngày* nào không phải học, nhưng học cũng phải học *chân chính*. Ta muốn triệu dân các ngươi chăm chỉ chính học, biết rõ luân lý. Đạo Nghiêu Thuấn chỉ có hiếu đễ mà thôi, đạo Khổng Mạnh thì lấy nhân nghĩa làm đầu. Đó là những điều nên học, còn như tà đạo, dị đoan, chớ để nó lừa dối cám dỗ. Đạo Gia tô lại càng vô lý: trai gái chung đụng nôm

https://tieulun.hopto.org

tạp, việc làm giống như cầm thú. Gây vây cánh, cổ động gian tà, tự sa vào tội chết. Do đó làm bại hoại luân lý, hư hỏng giáo hóa, không thể tin được. Nếu người nào đã bị dỗ dành thì nên mau chóng bỏ đi. Phàm những việc quán, hôn, tang, tế, đều theo lễ tục nước nhà, ..." như lời dẫn trong Mạnh Tử: "Dẹp thuyết bất chính, bỏ nết không tốt, gạt lời dâm tà".

Điều 8: Có tên "Giới dâm thắc", khuyên trai thì theo lễ phép mà sửa nết, gái thì lấy trinh tiết để giữ mình, vâng theo lời dẫn trong Kinh thư: "Đạo Trời giáng phúc cho người thiện, giáng họa cho kẻ dâm".

Điều 9: Có tên "Thận pháp thủ", khuyên cẩn thận giữ phép nước, tôn trọng pháp luật của nhà nước theo lời dẫn trong Kinh thư: "Giữ lấy phép tắc để hưởng phúc trời".

Điều 10: Có tên "Quảng thiện hạnh", chủ yếu khuyên tích thiện theo lời dẫn từ Kinh thư: "Nhà làm thiện được trời giáng cho trăm điều lành"[65].

Thập Điều giáo huấn được in phát cho các tỉnh, phủ, huyện, châu, Quốc tử giám, định ngày giảng dạy... Ở các thôn xã, cho hội giảng một lần, sau đó cứ nhằm ngày 1 hay 4 tháng quí (các tháng 3, 6, 9, 12) đặt làm kì hạn, đều học ở đình, một người trưởng mục hoặc hương thân có học vấn đứng ra tuyên đọc, nhân dân ngồi yên mà nghe giảng.

Đây là một sáng kiến và cũng là một cố gắng lớn của Minh Mạng, thể hiện thiện chí coi trọng phương

---

65. *Đại Nam Thực lục*, Tập 11.

https://tieulun.hopto.org

thức lấy giáo dục là chính để khuyên dụ nhân dân tu dưỡng đạo đức để trở thành một người dân tốt. Tuy trong điều 7, có những lời lẽ gay gắt đối với đạo Thiên chúa, song nhìn toàn cục thì những điều giáo huấn nói trên của Minh Mạng chủ yếu đề cao đạo đức Khổng Mạnh kết hợp với việc nuôi dưỡng những đức tính, những hành động thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc cho cả nước. Hiện không có tài liệu nào giúp chúng ta đánh giá hiệu quả của việc giảng dạy Thập Điều giáo huấn, song việc triển khai việc này tới tận thôn xã không thể không gây ấn tượng tốt trong nhân dân và tiếng vang của nó vẫn còn để lại trong một thành ngữ khá phổ biến trong dân gian: "*Sang sảng như giảng thập điều*".

4. Về mặt biện pháp cụ thể, Minh Mạng ban hành lệnh cấm các giáo sĩ thừa sai lén lút nhập cảnh, cấm các giáo sĩ thừa sai đang có mặt ở Việt Nam cũng như các linh mục bản xứ tùy ý đi lại tự do truyền đạo mà không có giấy phép của các quan chức địa phương.

Riêng các giáo sĩ thừa sai đang có mặt ở Việt Nam được lệnh phải về tập trung tại Kinh đô Huế, chịu sự giám sát của triều đình. Tuy có lệnh như vậy, song các giáo sĩ thừa sai ở phía Bắc đều lẩn trốn, chỉ có mấy giáo sĩ thừa sai ở phía Nam như Jaccard, Odorico, Taberd, Gagelin chấp hành đến Huế, được nhà vua tiếp đãi tử tế, phong cho chức hành nhân, cho lương bổng và giúp nhà vua phiên dịch các tài liệu tiếng nước ngoài. Trong một bức thư của giáo sĩ Gagelin gửi từ Huế về Pháp vào tháng 2 năm 1828 có đoạn: "Cha Taberd bị ốm từ 15 tháng nay, được phép ở lại một giáo xứ gần Kinh thành. Nhà vua đã có hai lần gửi thầy thuốc đến chăm sóc. Vua

https://tieulun.hopto.org

còn ra lệnh cấp hàng tháng cho chúng tôi mỗi người 20 quan tiền và 5 hộc gạo (mỗi hộc đựng khoảng 13 lít - NVK) gần tương đương với lương tháng của một viên quan nhị phẩm"[66].

Thể theo lời xin của các giáo sĩ thừa sai vì lí do sức khỏe, Minh Mạng cũng lần lượt cho phép các giáo sĩ nói trên quay trở về nhiệm sở của mình với điều kiện là chịu sự giám sát của các quan chức địa phương và phải nghiêm chỉnh tuân theo phép nước, nghĩa là ở yên tại vị, không được tự do đi lại giảng đạo, nếu vi phạm sẽ bị trị tội nặng tới mức tử hình. Đặc biệt từ sau khi nổ ra cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi năm 1833, có sự tham gia ở mức độ nào đó của giáo sĩ Pháp và giáo dân, việc giám sát và truy bắt các giáo sĩ Phương Tây trở nên gay gắt hơn; một số giáo sĩ Pháp bị tội tử hình hoặc chết rũ tù do không tuân thủ pháp luật đã định, đã xảy ra chủ yếu từ thời điểm này; đó là trường hợp của Gagclin (1833), Marchand (1835), Cornay (1837), Jaccard, Borie (1838), Delamotte (1840), ... cùng một số linh mục bản xứ. Những cái chết của các giáo sĩ này không phải là vô cớ, bởi họ đã vi phạm lệnh cấm đi lại tự do, vì thế không thể coi đó như là bằng chứng cho sự hiếu sát của Minh Mạng như có nhiều tác giả Phương Tây, nhất là các tác giả Thiên chúa giáo đã từng lên án trong các tác phẩm nghiên cứu của mình.

5. Cũng về biện pháp cụ thể, năm 1832 (1833 ?) Minh Mạng ra lệnh cho "các quan tỉnh khuyến cáo bỏ đạo, ai thành thực bước qua cây thập tự thì miễn tội;

66. Annales de la propagation de la Foi. Tập 4, Paris,1830, Tr. 364-365.

https://tieulun.hopto.org

nhà thờ nhà giảng cho hủy diệt đi, ai cố tình không tuân bị trị tội nặng."[67]. Có thể nói đây là chỉ dụ cấm đạo khắc nghiệt và thất nhân tâm nhất của Minh Mạng trong chính sách đối với Thiên chúa giáo và là thử thách cam go nhất đối với giáo dân. Tuy nhiên trong thực tế, số giáo dân bị chết dưới thời Minh Mạng bởi sắc luật này tuy có xảy ra ở nhiều nơi trong nước, song cũng không nhiều đến mức có thể gọi là những cuộc tắm máu. Đó là vì: 1- Giáo dân đã có ý thức đề phòng, hành đạo kín đáo. Những nhà thờ xây bằng gạch ngói ngày thường bỏ trống như hoang phế. Khi cần tập hợp giáo dân hành lễ, nghe giảng thì khẩn trương dọn dẹp, trang hoàng. Sau đó lại dọn sạch trơn như không hề có chuyện gì xảy ra. Có xứ đạo có sáng kiến làm những nhà thờ, nhà nguyện cỡ nhỏ, tháo lắp dễ dàng. Khi có lễ mới ráp lại nhanh chóng, xong lễ lại tháo rời đem dấu mỗi phần ở một nơi. Nhờ đó, đa số đã tránh được sự bắt bớ của quan lại. 2- Giáo sĩ và giáo dân dùng tiền bạc và lễ vật hậu, mua chuộc các quan đầu tỉnh, nên ở tỉnh đó hầu như không có sự bắt bớ, cưỡng chế. 3- Một số quan đầu tỉnh là người có đạo, hoặc có cảm tình với đạo, và đương nhiên ở tỉnh đó không có chuyện bắt đạo. 4- Dân chúng bên lương vốn rất khoan dung trong lĩnh vực tôn giáo, không hề có ác ý tố giác những người có đạo. 5- Giáo sĩ, linh mục, thầy giảng, các nữ tu Thiên chúa giáo rất nhiệt tình trong công cuộc cứu trợ nhân đạo đối với dân chúng bên lương khi họ gặp khó khăn hoạn nạn, nên nhiều người dân bên lương cũng sẵn sàng che chở người bên giáo khi họ gặp khó khăn.

---

67. *Đại Nam Thực lục*, Tập 11, Tr. 136.

https://tieulun.hopto.org

Do đó, lệnh bắt đạo của Minh Mạng tuy ngặt, có gây khó khăn, thiệt thòi cho tín đồ Thiên chúa giáo, song trong khoảng hai thập kỉ dưới thời Minh Mạng, không hề diễn ra những cuộc tàn sát lớn đối với dân Thiên chúa giáo.

Có thể nói, chính sách của Minh Mạng đối với Thiên chúa giáo về đại thể là có lí, có tình và khó có thể chê trách nếu đặt nó vào bối cảnh lịch sử cụ thể của ta lúc đó, khi họa xâm lăng đang tới gần.

Riêng biện pháp cưỡng chế giáo dân bỏ đạo cùng với những hình phạt kèm theo là quá khắc nghiệt, vô chính trị, nên đã không đạt hiệu quả so với mong muốn.

Song không phải vì thế mà có thể coi Minh Mạng là "tên bạo chúa", là "kẻ khát máu", là "Néron của Việt Nam" như cách đánh giá của một số sử gia viết về Thiên chúa giáo ở Việt Nam.

1.3. Thời Thiệu Trị (1841 - 1847).

Trong những năm đầu ở ngôi, vua Thiệu Trị vẫn duy trì những sắc lệnh cấm đạo thời Minh Mạng, song cũng không ra thêm một chỉ thị bắt đạo mới nào và cũng không thúc giục các quan lại địa phương tích cực bắt đạo. Vì vậy, việc đạo nhìn chung khá yên ổn. Cố đạo Cuénot cho rằng dường như Thiên chúa giáo ở Việt Nam đang sắp bước vào một thời kì bằng an. Còn giám mục Retord (giáo phận Tây Bắc Kỳ) đang thấy giáo phận mình phục hưng: "Giáo phận của tôi đang vượt lên khỏi sự đổ nát và lại còn có vẻ phồn thịnh hơn bao giờ

https://tieulun.hopto.org

hết..."[68].

Có thể có hai lí do sau cắt nghĩa tình hình trên:

Một là, Thiệu Trị vốn bản chất nhu hòa, thấy rằng những sắc lệnh về việc đạo của Minh Mạng đã quá rõ ràng và đầy đủ, không muốn làm gì thêm để gây xáo động trong dân chúng, khiến triều đình phải quá bận tâm.

Hai là, vào những năm Thiệu Trị ở ngôi, mối liên hệ giữa các giáo sĩ thừa sai Pháp với hải quân Pháp ở Đông Hải ngày càng mật thiết, và hải quân Pháp thể hiện rất rõ ý đồ can thiệp vũ trang để bảo vệ giáo sĩ và đòi Thiên chúa giáo được truyền bá tự do. Thiệu Trị rất ngại xảy ra một cuộc đụng độ vũ trang lớn mà phần thắng có thể nghiêng về phía hải quân Pháp, bởi Việt Nam chưa thật sẵn sàng cho một cuộc đụng độ vũ trang lớn.

Vì vậy, trong thực tế, số giáo dân bị nạn dưới thời Thiệu Trị hầu như không đáng kể. Chỉ có 5 giáo sĩ người Pháp là Galy, Berneux, Charrier, Miche và Duclos bị bắt lần lượt giải về kinh; Thiệu Trị không giết mà chỉ xử trảm giam hậu. Năm 1843, Favin Lévêque được giáo sĩ Charnaison gửi thư báo tin, đem tầu Héroine đến Đà Nẵng đòi thả. Lúc đầu Thiệu Trị từ chối, sau thấy Lévêque định làm dữ, bèn trao trả cả 5 người. Năm 1844, giám mục Lefèbre bị bắt giam. Tầu chiến Pháp lại đến đòi thả. Lefèbre được giao trả, song lại trở lại hoạt động và bị bắt lần thứ hai. Lần này Lefèbre cũng không bị giết mà chỉ bị trục xuất và cho người dẫn độ về

68. E. Võ Đức Hạnh. Sđd, Tập 1, Tr. 294.

https://tieulun.hopto.org

Singapore.

Năm 1847, đô đốc Cécille, chỉ huy hải quân Pháp, tưởng Lefèbre chưa được tha, lại cho tầu chiến đến Đà Nẵng gây hấn, bắn phá 5 chiến thuyền của triều đình. Tới lúc này Thiệu Trị không thể còn bình tĩnh, truyền chém các quan đã để quân Pháp làm nhục rồi chỉ thị cho các quan địa phương phải thi hành lệnh bắt đạo đúng như lệnh của vua Minh Mạng. Ra lệnh đập phá các đồ vật mua của Tây, rồi cho lính bện hình nộm lính Tây để tập bắn, ai bắn trúng được thưởng ngân tiền hoặc kim tiền.

Cùng lúc, Thiệu Trị cho họp Viện cơ mật để bàn biện pháp đối phó.

Vua hỏi: "Thuyền Tây Dương đến đây chỉ có hai việc là bỏ cấm (đạo Giatô) và thông thương mà thôi, thông thương thì được, cấm (đạo) có thể bỏ được không?".

Trương Đăng Quế tâu: "Không thể bỏ cấm được !"

Vua tiếp: "Người Tây Dương lòng vốn xảo trá, nếu bỏ cấm (đạo) thì Anh Cát Lợi nghe thấy cũng sẽ cầu xin bỏ thuốc phiện. Nhưng địch là giống sài lang không thể thỏa mãn nó được !... *Vả lại đạo Giatô là tà giáo, cái hại rồi đến bởi chuyện ngoài biên, mở đường chinh chiến.* Thuốc phiện là thứ thuốc mê, cái hại rồi đến khuynh gia bại sản, hại tính mạng người. Hai điều ấy là nghiêm cấm ở trong nước."[69].

Khi các quan khoa đạo Đặng Minh Trân, Phạm

69. *Đại Nam Thực lục*, Tập 26, Tr. 276-277.

https://tieulun.hopto.org

Xuân Quế, Vũ Văn Trị tâu xin cấm chỉ đạo Giatô, nếu kẻ nào thực bụng bỏ đạo thì gia cách thưởng.

Vua nói: "Bọn ấy nếu một mực chấp nê, luật pháp nên để vào tội nặng, nếu bỏ đạo thì tha tội chết cho đã là may mắn lắm rồi, há lại mong được thưởng !".

Tiếp đó, xuống dụ rằng: "Giatô là tà đạo từ Tây Dương đến. Cái đạo của chúng không thờ cha mẹ, không kính quỉ thần, thác ra cái thuyết Giê-su với thập tự giá để mê hoặc lòng người, đặt ra thuyết Thiên Đường và nước phép, để người ta nghe đến thì mê. Tà đạo ấy rất hại cho phong hóa. Khoảng năm Minh Mạng (1820-1840) thì nghiêm cấm... Nay hoàng phong truyền khắp, Thánh giáo tuyên minh, đó chính là cái buổi nước nhà hóa dân thành tục, mà là cái ngày dân ta hướng đạo hồi tâm. Phải nêu ra hiệu lệnh luôn để răn bảo. Người làm quan phải dùng nhiều phương pháp hiểu thị và kiểm soát luôn luôn... Nếu có đạo trưởng Giatô còn ngấm ngầm ẩn giấu ở địa hạt nào, thì quan sở tại phải thường gia kiểm soát... để cho thi hành pháp luật, lập nên giáo hóa, một nền đạo đức, một lối phong tục, kéo lại thói thuần mỹ, cùng hưởng phúc thái bình, há chẳng tốt lắm thay! Nếu còn kẻ phạm pháp, tất bắt tội không tha !"[70].

Tiếp đó Thiệu Trị lại nêu vấn đề đạo Giatô cho sĩ phu tìm cách ngăn ngừa:

"Gần đây các nước bên Phương Tây, tà đạo Giatô ngấm ngầm lấn lướt, vì đâu đến nỗi mê hoặc, có thể nói cho nghe được không ? Tuy pháp luật rất nghiêm để dẫn con người ta vào con đường làm lành, đổi lỗi, nhưng mà

---

70. *Đại Nam Thực lục*, Tập 26, Tr. 276-277.

https://tieulun.hopto.org

như cái chén bị rỉ nước, đáy hồ còn sót cặn, bề ngoài thì thuận, bề trong thì không theo, chưa khỏi có một hai nơi thôn quê, kẻ tiểu nhân ngu mê, ngoan cố, đặt mình ra ngoài đức hóa sinh thành, còn mê mà không tỉnh ! Vậy thì thế nào mặt đổi, lòng theo, đặt vào nơi chăn chiếu, trở lại thuần phác, vui ở cảnh xuân đài, đến làm lương dân đời thái bình, cùng lên cõi hòa vui ? Bọn sĩ phu các ngươi, có sẵn tài học, thì bày tỏ cái mưu mô, điều trần tài kinh tế, ta lưu ý xét chọn để dùng. "[71].

Đồng thời, vua nhắc lại điều cấm đạo cho các quan chức trong kinh ngoài tỉnh:

"Đạo Giatô là tà giáo, làm mê hoặc lòng người rất sâu, không những cám dỗ làm cho tiểu dân u mê mà cả đến người trong quan chức cũng có kẻ say mê không tỉnh ! Gần đây như việc Đà Nẵng ở tỉnh Quảng Nam, suất đội Vũ Văn Điền vì Dương di mà ngầm đưa tờ ước thúc làm tiết lộ quân cơ! Lại như phân phủ Trần Quang Giáo ở tỉnh Sơn Tây ngầm theo tà đạo, không lo làm việc tang mẹ. Những hạng người như thế, kể cũng có nhiều, không thể để cho nó lớn dần lên mãi được. Vậy hạ lệnh cho các thượng ty ở trong kinh ngoài tỉnh phải gia tâm kiểm soát những thân biền thuộc dưới quyền, nếu có người nào không gột bỏ sạch đi được, thì trích ra tham hoặc trị tội để triệt cái rễ xấu"[72].

Những phản ứng trên đây của vua Thiệu Trị năm 1847 sau vụ bắn phá của tầu Pháp ở Đà Nẵng, báo hiệu sự trở lại của một cuộc bắt đạo cứng rắn hơn.

---

71. *Đại Nam Thực lục*, Tập 26, Tr. 294.
72. *Đại Nam Thực lục*, Tập 21, Tr. 335.

https://tieulun.hopto.org

Nhưng cũng vào cuối năm này vua Thiệu Trị qua đời (4-11-1847). Tự Đức lên nối ngôi, việc tang ma kéo dài trong nhiều tháng. Sự phẫn nộ của triều đình trước vụ việc tạm lắng một thời gian.

Chính sách đối với Thiên chúa giáo của nhà Nguyễn dưới thời Thiệu Trị, chứng tỏ triều đình cũng có lúc đối xử hòa dịu đối với tôn giáo này. Song sự kiêu hãnh về tôn giáo và văn minh, tham vọng mở rộng thế lực thực dân của Pháp của các giáo sĩ thừa sai người Pháp, sự câu kết chặt chẽ giữa họ với hải quân Pháp để đưa ra những yêu sách một phía, hành động bạo lực của các tầu chiến Pháp ở Đà Nẵng... đã khiến triều đình Nguyễn phải có những biện pháp đối phó quyết liệt hơn dưới thời Tự Đức.

1.4. Thời Tự Đức (từ 1848 cho đến trước cuộc nổ súng xâm lược Việt Nam của Pháp năm 1858).

Trong 10 năm đầu ở ngôi. Tự Đức và triều đình đứng trước rất nhiều khó khăn: thiên tai, dịch bệnh (1850-1851) làm chết hàng triệu người, quan lại ở các địa phương tham nhũng vô độ, lụt lội, mất mùa, giặc cướp quấy nhiễu...

Riêng về vấn đề đối phó với Thiên chúa giáo, tình hình ngày càng trở nên phức tạp.

Những biện pháp được thi hành từ thời Minh Mạng tuy vẫn được duy trì song tỏ ra không có hiệu quả. Các giáo sĩ thừa sai vẫn lén lút nhập cảnh và hoạt động, bất tuân phép nước. Giáo dân không sợ hình phạt, thậm chí thà chịu chết chứ ít ai chịu bỏ đạo. Số quan lại trong bộ máy cai trị ngày càng có nhiều người theo đạo.

https://tieulun.hopto.org

Không những thế, vụ Hoàng Bảo lôi kéo người theo đạo âm mưu lật đổ Tự Đức năm 1851 chứng tỏ về phía giáo hội Thiên chúa giáo đang tiềm ẩn một ý đồ lập một ngôi vua theo đạo, hoặc tha cấm hoàn toàn.

Tiếp đó năm 1856, liên tiếp có tầu chiến Pháp đến Đà Nẵng, đương nhiên theo lời kêu gọi của các giáo sĩ thừa sai, yêu sách bỏ cấm. Thậm chí còn bắn phá các đồn lũy của quân triều đình, càng khẳng định nguy cơ xâm lược của hải quân Pháp lấy cớ bảo vệ Thiên chúa giáo đã tới gần.

Trước tình hình đó, sự đối phó của nhà Nguyễn đối với Thiên chúa giáo tỏ ra khắc nghiệt hơn nhưng cũng bộc lộ sự lúng túng, do dự.

Ngay năm đầu mới lên ngôi (1848) Tự Đức đã ra một chỉ dụ về cấm đạo với nội dung gần tương tự như chỉ dụ cấm đạo của Thiệu Trị năm 1847, đồng thời ra lệnh cho quan cai trị ở Nam Ngãi là Lương Nhân: "Công việc hai tỉnh ấy không nhiều lắm, duy có cửa biển Đà Nẵng là nơi tầu thuyền của Tây phương đi lại, ngươi nên tùy cơ ứng biến, không nên tự gây hấn ra trước, cũng không nên một chiều co lùi. Về các người trong nước theo tôn giáo Giatô, càng nên phòng cấm, nhất thiết không cho họ đi lại, buôn bán với các nước Phương Tây"[73]. Lại chuẩn y các điều cấm đạo do đình thần tâu: "Xin từ nay phàm những đạo trưởng Tây Dương lén đến nước ta thì cho quân dân mọi người ai có thể bắt được giải nộp quan, cho 300 lạng bạc... Các đạo trưởng Tây Dương bị bắt cho ném xuống sông, xuống biển. Đạo

73. *Đại Nam Thực lục*, Tập 26, Tr. 385.

https://tieulun.hopto.org

trưởng và giáo dân người Việt nếu tự nguyện bỏ đạo, bước qua thánh giá thì thả ngay. Nếu không đạo trưởng bị xử tử; giáo dân bị thích chữ vào mặt, đuổi về vào sổ dân, nếu biết hối cải, cho phép đến quan tẩy chữ. Những đạo trưởng và tín đồ đang bị bắt giữ cũng theo lệ ấy mà xử"[74].

Năm 1851, Hoàng Bảo, con cả của Thiệu Trị, do không được chỉ định nối ngôi, âm mưu nổi loạn, kêu gọi sự ủng hộ của giáo dân, hứa sẽ theo đạo và tha cấm nếu thành công. Âm mưu của Hoàng Bảo bị phát giác và Hoàng Bảo bị bắt. Tự Đức nhân đó ra sắc dụ cấm đạo gay gắt hơn: "... Để làm sáng tỏ chính đạo cần phải bắt và liệng xuống sông tất cả các Tây Dương đạo trưởng và các đạo trưởng Việt Nam dù chúng nó có chà đạp hay không chà đạp thập tự giá, phải chặt chúng ra làm hai để cho hết mọi người đều biết sự nghiêm ngặt của luật nước chúng ta. Vì thế ta truyền cho các quan phải đưa sắc dụ này ra thi hành, những thi hành một cách cẩn mật không cho dân sự biết tới. Từ nay về sau nếu có Tây Dương đạo trưởng lẩn lút vào nước để quyến rũ dân sự, những ai phát giác hoặc bắt đem nộp cho các quan sẽ được thưởng tám lạng bạc và nửa gia tài của kẻ nào đã chứa chúng nó, nửa phần còn lại sẽ bỏ vào quĩ chung. Những kẻ nào đã oa trữ Tây Dương đạo trưởng, bất luận nhỏ hay lớn, đã dấu trong một thời gian vắn hay dài đều phải bị chặt làm hai rồi đem liệng xuống sông. Chỉ trừ những trẻ con chưa đến tuổi khôn lớn, chúng chỉ phải lưu đầy... "[75].

---

74. *Đại Nam Thực lục*, Tập 26, Tr. 111.
75. Phan Phát Huồn. Sđd , Tập 1, Tr. 288.

https://tieulun.hopto.org

Vào cuối năm 1851, lo lắng trước tình hình giáo dân kiên trì giữ đạo, Tự Đức cho triệu tập các quan để trưng cầu ý kiến. Tự Đức hỏi: "Phải làm cách nào để họ tỉnh ngộ và trở về với lẽ phải ? Săn đuổi họ ráo riết thì lòng trẫm không nỡ, nhưng nếu khoan dung thì làm sao chúng ta có thể cải sửa được cái tà ? Đạo trị dân tốt của quốc gia đòi hỏi mọi người phải suy nghĩ nghiêm chỉnh về vụ việc này... Để phù hợp với lòng dân và việc trị nước, đâu là đối sách tốt nhất để dập tắt các vụ xử phạt, để việc cày cấy được thịnh vượng, để xóa bỏ sự bất công và diệt trừ tà đạo Giê-su? Phải đối xử cứng rắn hay dùng biện pháp ôn hòa?"[76].

Ý kiến của đình thần rất phân tán.

Phái ôn hòa đề nghị tiếp tục lệnh cấm thêm ba hoặc bốn năm nữa theo những phương thức đã đặt ra như: bắt cả nam, phụ, lão, ấu bên đạo đạp lên thánh giá, ai chịu làm được thưởng một quan tiền, ai không chịu, chối đạo sẽ phải phạt một món tiền rất nặng: 6 nén bạc".

Tự Đức bác bỏ biện pháp của phái này và nói đại ý:

"Đã gần hai chục năm nay chúng ta đã dùng mọi biện pháp để bắt giáo dân bỏ đạo và đã không đạt kết quả gì; vậy mà các ngươi tưởng chỉ trong vòng ba, bốn năm dùng thêm biện pháp cứng rắn lại có thể làm cho họ bỏ đạo ? Các ngươi chỉ biết nói mà không biết hành động: các ngươi chỉ giống như một lũ thầy bói xem voi

76. E. Võ Đức Hạnh. Sđd , Tập 1, Tr. 301.

https://tieulun.hopto.org

[77].

Phái cứng rắn đưa ra những biện pháp rất ngặt: "Các đạo trưởng Tây Dương phải bị chặt đầu; các đạo trưởng bản xứ phải xử phạt đánh đòn đến chết; chủng sinh và học trò của các đạo trưởng Tây Dương và bản xứ phải đem thắt cổ. Những kẻ chứa chấp họ cũng phải chịu hình phạt tương tự; những hình phạt tương tự cũng được áp dụng cho những tên lý trưởng các làng đã chứa chấp họ. Tất cả các quan chức mà ở địa bàn họ cai trị có đạo trưởng bị bắt thì sẽ bị phạt cách chức"[78].

Trong khi đó, bản tâu của Nguyễn Đăng Giai, khâm sai Bắc Kỳ lại tỏ ra có phần che chở cho giáo dân:

"Đạo Giatô là một tà đạo, đạo này đã lừa dân và đem lại bao sự xấu xa cho dân chúng như lời Hoàng đế đã tuyên bố. Vậy đạo này không phải là một đạo vừa mới tràn lan trong dân chúng Việt Nam. Những người dân Thiên chúa giáo bây giờ giữ đạo vì cha mẹ, tổ tiên họ đã có đạo; số người của Thiên chúa giáo, già trẻ, nam, phụ, lão, ấu có đến 100.000 người; không phải trong vài tháng vài năm mà chúng ta có thể sửa lại sự sai lầm của từng ấy người!"

Đây là phương pháp người Thiên chúa giáo thường dùng để tuyên truyền đạo: Thứ nhất họ làm cho nhiều người đàn ông theo đạo, tất nhiên cả gia đình người đàn ông ấy cũng theo đạo. Ban đầu chỉ có vài gia đình Thiên chúa giáo, với thời gian, cả ấp rồi cả làng đều có đạo Thiên chúa giáo; và cứ lặng lẽ họ đã đi đến cái con số

77. E. Võ Đức Hạnh. Sđd , Tập 1, Tr. 301.
78. E. Võ Đức Hạnh. Sđd , Tập 1, Tr. 301.

https://tieulun.hopto.org

khổng lồ hiện nay. Người Thiên chúa giáo nuôi nấng những kẻ bần cùng, đói rách, giúp đỡ những người đau khổ xác hồn. Họ tụ tập nhau lại để đưa xác kẻ qua đời đến chỗ an nghỉ cuối cùng. Không kể màu da, nước tóc, họ vẫn coi nhau như những phần tử của một thân hình, vì thế, những ai đã theo tà đạo, người ấy lấy làm thích thú và không sao bỏ đạo được. Vả lại người Thiên chúa giáo thấy kẻ không thiên chúa giáo, ở ngoài xã hội phải làm việc quá nhọc, trong gia đình phải khổ cực trăm bề, cha mẹ, con cái, bà con không giúp đỡ nhau, cả ngày say đắm trong tài sắc, sống trong bất công và hằn thù, ghen ghét nhau.

Vì vậy, không lạ gì mà họ nhất định không xuất giáo. Cái điều đáng sợ một ngày kia vì nhận thấy bao nhiêu người Thiên chúa giáo tốt lành, nhiều kẻ sẽ xin đi đạo.

Sách của chúng, về mặt văn chương chẳng có gì đáng kể, nhưng những sách ấy không hại đến xã hội. Tất cả lời lẽ trong sách đều có một mục đích: "Đem lại hạnh phúc cho mọi người". Mặc dù người Thiên chúa giáo có nhiều điều sai lầm nhưng họ sống trong bình an. Họ trả thuế đàng hoàng và ít khi bắt được người Thiên chúa giáo làm nghề ăn trộm hay làm nghề phiến loạn. Tối sáng bọn chúng đọc kinh, đêm cũng như ngày chúng ra sức cải thiện đời sống của mình để được phúc thiên đàng. Chỉ vì sai lầm như thế, hỏi có nên trừng trị họ một cách quá nghiêm khắc không ? Nếu chúng ta dùng vũ lực, họ sẽ bằng lòng chết và kết quả là trong nước, con dân của Hoàng đế phải khổ cực và việc bắt đạo sẽ là một cớ cho người ngoài làm hại đến nước nhà của chúng

https://tieulun.hopto.org

ta.

Hỏi rằng có nên cho người Thiên chúa giáo được hoàn toàn hành đạo không ? Không, vì như thế miền Á Đông này sẽ phải ngập tràn những điều ô uế, lầm lạc của Âu Tây, và về sau sẽ không có phương sách để tiêu diệt những điều lạm dụng. Phải làm thế nào bây giờ ?

Những ai là đạo cũ, bắt buộc họ phải đi khai dân sự, binh sĩ hay nhân viên của chính phủ đều phải khai để có thể biết đích xác con số của các người Thiên chúa giáo trong mỗi quận hoặc trong mỗi làng, mỗi tỉnh; làng nào toàn Thiên chúa giáo ta sẽ để họ yên; về những người Thiên chúa giáo sống lẫn lộn giữa người lương chúng ta sẽ tập trung họ lại một nơi và cấm họ không được sống lẫn lộn với những người không Thiên chúa giáo, một khi đã được tập trung rồi những người Thiên chúa giáo này sẽ được tự do hành đạo mà không còn bị phá rối nữa. Đối với những người giáo hữu trốn không chịu khai tên sẽ bị truy tố và phải lên án lưu đầy, những người chưa vào đạo Thiên chúa giáo cấm ngặt không cho họ theo đạo ấy; nếu sau này các quan tìm được những người dám theo đạo Giatô các quan hãy xem như những tên phiến loạn. Chánh tổng và lý trưởng nào đã dung thứ cho những người ấy cũng sẽ bị phạt như vậy.

"Về phần các thừa sai, phải áp dụng những luật lệ hiện hành đối với họ để phá triệt tận gốc ngọn của tà đạo.

Làm như vậy, những người Thiên chúa giáo sẽ sống bình an, không bị ai phá rầy, đồng thời nguồn gốc

https://tieulun.hopto.org

sự xấu xa sẽ bị tiêu diệt; dân sự thấy điều lành thì bắt chước, muốn sửa chữa những điều lỗi lầm của dân cần phải làm những điều lành, điều thiện. Sự thật không thể phá hủy nó được, trái lại điều tà, điều xấu, tự nó phải đi đến chỗ diệt vong. Chúng ta hãy hành đạo của chúng ta, hãy làm sáng tỏ đạo của chúng ta, dần hồi tà đạo sẽ biến tan cũng như tuyết biến tan dưới ánh sáng mặt trời. Rồi đất nước chúng ta sẽ được giàu mạnh và phú cường, trong giây phút hân hoan mọi người sẽ đưa hai tay đánh trống vỗ bụng. Đạo chúng ta sẽ ngày càng thịnh đạt và đạo Thiên chúa giáo sẽ ngày càng lu mờ.

Những tín đồ Thiên chúa giáo sẽ nhìn nhau sửng sốt vì họ bị lẻ loi trong xã hội và sẽ ăn năn trở về với chúng ta mà không cần phải dùng đến vũ lực"[79].

Hiện chưa có tài liệu nào cho biết ý kiến cụ thể của Tự Đức đối với hai loại ý kiến sau cũng như ý kiến cuối cùng của Tự Đức trong việc đối phó với Thiên chúa giáo sau khi đã hỏi ý kiến các đình thần, song căn cứ vào những gì đã xảy ra đối với Thiên chúa giáo sau đó, có thể thấy Tự Đức bị sức ép rất mạnh của phái chủ trương đối phó quyết liệt đối với sự bành trướng của Thiên chúa giáo, nghĩa là vẫn duy trì chính sách cấm ngặt đạo Thiên chúa . Điều này có thể hiểu được vì chấp nhận một chính sách khoan dung đối với đạo Thiên chúa cũng có nghĩa là chấp nhận sự thất bại trước một tôn giáo mà sự cứng rắn về giáo lý đang làm tổn hại đến ý thức hệ Khổng Mạnh cũng như đến đời sống văn hóa truyền thống của quốc gia, và, đằng sau nó là mối đe dọa

79. Trích theo Phan Phát Huồn. Sđd , Tr. 205-206.

https://tieulun.hopto.org

thường trực của một cuộc xâm lược vũ trang, cụ thể là của thực dân Pháp, đang tới gần.

Năm 1855, Tự Đức ra tiếp một chỉ dụ bắt đạo rất nghiêm ngặt: "Các quan ở triều được hạn một tháng, các quan ở các tỉnh ba tháng để xuất giáo. Nếu chúng thú hết tội lỗi chúng sẽ được tha, bằng không chúng sẽ mất hết cấp bậc, sẽ trở nên một tên bạch đinh và sẽ phải trừng trị chúng theo pháp luật.

Dân chúng và binh sĩ được 6 tháng để bỏ đạo. Nếu chúng tuân theo lề luật, chúng sẽ được sống bình yên, nếu về sau chúng bất tuân không tế thần, chỉ dấu là lòng chúng chưa hết tà đạo, chúng sẽ phải trọng phạt.

Trong những người chài lưới ở gần biển có những kẻ ngu xuẩn giả vờ đánh cá để rồi đưa Tây Dương đạo trưởng vào trong nước. Những đạo trưởng này có những chiếc tầu buôn, thường họ dùng những chiếc tầu này để vào nước ta. Chúng đã dựng nên những nhà thờ ở những nơi hẻo lánh, hoặc ẩn trong các hầm, cho người canh gác ở ngã tư đường trong làng, lúc có nhân viên chính phủ tới, lập tức đạo trưởng được tin và lanh lẹ tìm đường tẩu thoát. Nhiều tên đã bị bắt quả tang đang lúc chúng báo tin cho Tây Dương đạo trưởng, vậy mà vẫn còn có kẻ làm cái công việc bẩn thỉu ấy. Từ rầy về sau bắt được những tên như thế, ta ra lệnh phải đem xử nó...

Nếu có những chiếc tầu của bọn mọi đến, các quan ở các hải cảng phải cho người canh phòng và phải giữ đúng theo lời chỉ dạy của Đức Minh Mạng. Các ông trấn thủ là mắt của dân, các ông chánh tổng và lý trưởng là

https://tieulun.hopto.org

đầu của dân. Ai cũng thừa biết bọn theo đạo Giatô là bọn bất lương, côn đồ, thế mà các quan vẫn vô tư không lo lắng gì để dân phải lầm lạc theo tà đạo.

Ta truyền lệnh cho các quan lớn bé phải đi kinh lược trong địa hạt mình, xem xét và dạy bọn ngu dân để chúng trở về đạo cao cả của Đức Tiên đế.

Phải đốt tất cả các nhà thờ, nhà xứ, hãy nhém các hầm, các hang, cấm bọn giáo hữu không được tập trung; tắt một lời, hãy dùng tất cả mọi phương tiện để tiêu diệt tà đạo.

Như vậy ta hành động theo công bằng và nhân đạo. Từ nay dân sẽ biết sợ và không dám oa trữ bọn côn đồ; sẽ không còn có người dung thứ cho bọn người có tội ấy nữa.... Chúng ta sẽ thấy ngu dân bỏ đàng lạc quay về đàng chánh"[80].

Để tỏ rõ sự nghiêm khắc của lệnh bắt đạo này, cuối năm 1856, sau vụ tầu Capricieuse đến gây rối ở Cửa Hàn, Tự Đức hạ lệnh bắt giam Thái Bộc Tự Khanh (tòng tam phẩm) Hồ Đình Hy vì ông này theo đạo Thiên chúa giáo, có con gửi đi học ở nhà dòng Penang và bị nghi là ngầm giao thiệp với tầu ngoại quốc. Hồ Đình Hy bị tra tấn, bắt nhận tội lỗi và bỏ đạo. Hồ Đình Hy không chịu bỏ đạo, bị xử tội chém và 29 người Thiên chúa giáo khác bị bắt, trong số đó có 17 người không chịu xuất giáo bị án lưu đầy.

Năm sau, 1857, một lần nữa Tự Đức ra sắc dụ bổ xung: "Tà đạo Giatô đã tràn tới nước Tầu dưới đời nhà

80. Trích theo Phan Phát Huồn, Sđd , Tr. 297.

https://tieulun.hopto.org

Minh do Lợi Mã Đậu (Mateo Ricci - NVK) rao giảng. Về sau đạo ấy được truyền đến nước ta trong đời nhà Lê. Tà đạo này bắt đầu truyền lén trong bọn dân ngu làm nghề chài lưới ở ven biển; bọn này... đã bị giáo sĩ dùng tiền và dùng mưu để đánh lừa. Giáo sĩ đã mua những khu đất lớn còn hoang hóa để khai khẩn, lập thành những làng trù phú, lập các vựa lúa, nhà thờ làm việc thờ phượng và rao giảng tà đạo. Dân chúng mù quáng tin yêu và phục tùng chúng. Dần hồi lí thuyết tà đạo tràn ngập toàn quốc và hiện giờ ước chừng 4/10 (?) dân chúng của ta phải tiêm nhiễm tà đạo ấy. Đạo này có nhiều tín đồ ở giữa các quan và binh sĩ. Nếu chúng ta không thận trọng thì cái bệnh dịch này sẽ tràn khắp trong nước ".

...

"Nhưng điều tệ hại lớn, đó là các quan cai trị , hoặc do vô trách nhiệm, hoặc do bận nhiều việc khác nên đã lơ là, hoặc do bị giáo dân mua chuộc bằng những món tiền lớn, đã xao lãng nhiệm vụ mà không làm tròn trách nhiệm. Do đó mà tà đạo Giêsu đã lan tỏa ra khắp nước, và thiết lập màng lưới khắp nơi.

Đạo trưởng có mặt khắp nơi: nơi thì chúng ẩn náu trong các hầm dưới đất, nơi thì chúng ở trong những căn nhà có tường bao kín hoặc có hàng rào tre bao bọc. Khi các quan đến bắt, bọn tín đồ lập tức báo tin, và trong khi bọn này tìm cách trò chuyện với quan chức để kéo dài thời gian thì bọn đạo trưởng chạy trốn theo những con đường bí mật. Bọn đạo trưởng này lại rất khéo léo trong việc kích động lòng thương cảm của giáo dân khiến họ sẵn sàng hy sinh bằng mọi giá. Và nếu không

https://tieulun.hopto.org

may bọn đạo trưởng bị bắt, thì ngay lập tức chúng có thể có ngay hàng ngàn lạng để chúng tìm cách thoát thân.

Vậy là cái xấu là ở ngay những người tại chỗ, bị tiền bạc mua chuộc, đã vứt bỏ cả luật pháp"[81] v.v...

Có thể nói hai chỉ dụ cấm đạo năm 1855 và năm 1857 của Tự Đức đã đưa ra những biện pháp trừng phạt rất cụ thể, rất nghiêm khắc, thể hiện ý đồ tận diệt đạo Thiên chúa.

Song, trong thực tế, những chỉ dụ này đã không được thực hiện như mong muốn. Rải rác đây đó, cũng có những vụ bắt đạo lẻ tẻ; còn nhìn toàn cục thì việc hành đạo của các giáo sĩ thừa sai và giáo dân, tuy có gặp khó khăn, nhưng vẫn bình thường; giáo hội Thiên chúa giáo ở Việt Nam vẫn đứng vững.

Nguyên nhân của tình hình nói trên có nhiều, song nguyên nhân chủ yếu nhất là tình trạng kém hiệu lực của bộ máy cai trị. Những quan lại ở các địa phương, hoặc không đồng quan điểm với chính sách bắt đạo quá hà khắc của Triều đình (trường hợp của Nguyễn Đăng Giai và một số quan đầu tỉnh khác), hoặc bị giáo sĩ, giáo dân mua chuộc bằng tiền bạc, và, đây là trường hợp phổ biến, đã không thực hiện triệt để lệnh cấm đạo nói trên. Nguyên nhân này cũng đã được triều đình nhận rõ, đã có sự nhắc nhở các quan lại, song chỉ có thế mà không thấy triều đình đề ra được một phương án chấn chỉnh nào thật sự hiệu quả.

---

81. Trích E. Võ Đức Hạnh. Sđd, Tập 2, Tr. 316-317.

https://tieulun.hopto.org

2. Từ khi Pháp xâm lược Việt Nam năm 1858 cho đến 1874.

Từ sau khi quân đội Pháp (với một bộ phận rất nhỏ của quân đội Tây Ban Nha) nổ súng xâm lược Đà Nẵng, tiếp đó chiếm lục tỉnh Nam Kỳ rồi mở rộng việc chiếm đóng ra cả nước ta, chính sách của nhà nước phong kiến Nguyễn đối với Thiên chúa giáo có những chuyển biến quan trọng, nhưng cũng quanh co, phức tạp.

2.1. Những gì đã xảy ra trước và trong quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp đã khẳng định rằng các giáo sĩ thừa sai Pháp đã chủ động tạo ra cớ cho cuộc can thiệp vũ trang của Pháp vào Việt Nam. Chính họ là những người thường xuyên liên hệ với hải quân Pháp ở Biển Đông, tạo cớ cho các tầu chiến Pháp đến Đà Nẵng đưa yêu sách đòi mở cửa, đòi thả các giáo sĩ Pháp bị bắt vì phạm pháp, đòi triều đình phải để đạo Thiên chúa được truyền bá tự do, kích động các sĩ quan hải quân Pháp thị uy bằng vũ lực. Và cũng chính họ (giáo sĩ Pellerin và Huc) đã về Pháp vận động chính phủ Pháp can thiệp vũ trang vào Việt Nam. Về vai trò này của các giáo sĩ Pháp, một sử gia Pháp rất thông thạo về lịch sử Việt Nam, ông Georges Coulet đã viết: "Thiên chúa giáo đã mở cửa cho quân đội Pháp và đã là nguyên nhân trực tiếp của cuộc xâm lược đất nước này"[82]. Nhận xét này của Coulet là chính xác về mặt hiện tượng; Song cần phải tìm hiểu thêm về vai trò này từ trong bản chất. Phải nói thêm rằng, các đoàn truyền giáo của Phương Tây thời cận đại, trong đó có Hội Thừa sai Paris, là

82. Georges Coulet. *Cultes et religions de L' Indochine Annamite*. Sài Gòn, 1929, Tr. 99.

https://tieulun.hopto.org

những tổ chức truyền giáo do các nhà nước của các quốc gia Phương Tây đã tư bản hóa cho phép thành lập và tài trợ, không chỉ có sứ mạng truyền giáo mà còn có cả sứ mạng phát huy ảnh hưởng - ở đây phải hiểu là thế lực thực dân - của các nước này ra thế giới. Bản điều trần của Hội Thừa sai Paris gửi Quốc hội Pháp năm 1790 có đoạn viết: "Hội Thừa sai Paris là tổ chức của hội các thầy tu triều (séculier) gồm toàn người Pháp... ; có sứ mạng đem ánh sáng của Đức tin và phát huy ảnh hưởng của nước Pháp đến các nước Phương Đông..., họ đã và mãi mãi có nhiệm vụ thông báo cho nhà nước mọi phát kiến và tin tức mà họ đạt được..., họ tạo điều kiện cho việc buôn bán mà nước Pháp đã tiến hành ở các xứ Phương Đông và chính họ đã tổ chức ra Công ty Đông Ấn đầu tiên... các giáo sĩ của Hội tin tưởng rằng nhà nước sẽ có sự che chở đặc biệt đối với Hội. Được như thế, toàn thể hội viên của Hội sẽ có thêm nhiệt tình để phục vụ quốc gia và đồng bào mình với lòng hăng hái chưa bao giờ có, trong khả năng của mình..."[83]. Các giáo sĩ thừa sai Pháp từ Pallu, Lambert, Bourges, Deydier (thế kỉ XVII) đến Pigneau de Béhaine (thế kỉ XVIII), rồi Retord, Puginier (thế kỉ XIX) khi hoạt động truyền giáo ở Việt Nam đều thấm nhuần phương châm hành động đó của Hội Thừa sai Paris. Puginier, trong một bài viết từ Kẻ Sở, gửi cho các quan chức Pháp đã khẳng định lại rằng: "Trong khi làm công việc truyền bá Đức tin và cứu rỗi các linh hồn... các giáo sĩ thừa sai đã đề ra cho mình bổn phận phải làm cho tổ quốc mình được biết tới và

---

83. Launay. *Historie générale de la société des missions e'trangères de Paris*, 1894, Tr. 265-268.

https://tieulun.hopto.org

được yêu mến. "[84]. Để nhấn mạnh thêm vai trò quan trọng của việc truyền giáo đối với công việc thực dân, Puginier nói thêm: "Không có một sợi dây nào lại có sức mạnh gắn bó chặt chẽ con người và các chủng tộc với nhau bằng sự thống nhất về tôn giáo, và khi một quốc gia Thiên chúa giáo nào đó đã thành công trong việc đưa tôn giáo của mình vào các thuộc địa, quốc gia ấy có thể hoàn toàn yên tâm... sẽ không bao giờ xảy ra tình trạng một thuộc địa đã Thiên chúa giáo hóa phản bội Nước Mẹ để liên minh với một xứ vô đạo chống lại chính quốc. "[85].

Ngoài ra, các giáo sĩ thừa sai Pháp ở Việt Nam còn nuôi riêng một ý đồ thay thế ngôi vua ở Việt Nam bằng một ông vua theo đạo, một điều kiện thuận lợi để thực dân Pháp có thể yên vị ở đây. Giám mục Retord thuộc giáo phận Tây Bắc Kỳ đã phát biểu ý kiến này với Genouilly khi y đang lúng túng ở Đà Nẵng trong một bức thư gửi từ Bắc Kỳ: "Nếu ngài Đô Đốc muốn hành động một cách chắc chắn, lâu dài, ngài nên chiếm đóng toàn bộ xứ này với danh nghĩa của nước Pháp và vì nước Pháp, hoặc ngài sẽ suy tôn một ông vua theo đạo đặt dưới sự bảo hộ của Pháp; ông ta sẽ gìn giữ cho ta hải cảng và các đảo ở Đà Nẵng một cách vĩnh cửu. "[86].

Đã rõ là sự có mặt của các giáo sĩ thừa sai Pháp ở Việt Nam không chỉ duy nhất vì mục đích tôn giáo mà còn vì lợi ích bành trướng thuộc địa của Pháp. Một số sử gia Thiên chúa giáo khi cho rằng truyền giáo chỉ đơn

---

84. Puginier. *Notes sur le Toukin.* Kẻ Sở, Mars 1887, Tr. 12.
85. Puginier. *Notes sur le Toukin.* Kẻ Sở, Mars 1887, Tr. 12.
86. Launay. *Mgr Retord et le Tonkin religieux,* Tr. 433.

https://tieulun.hopto.org

thuần là một cái cớ của cuộc xâm lược Việt Nam là thiếu khách quan, là cố tình tránh né vấn đề mối quan hệ khăng khít giữa truyền giáo và thực dân đã được lịch sử thế giới cũng như lịch sử Việt Nam chứng minh rõ ràng. Không có gì đáng ngạc nhiên khi triều đình Nguyễn coi các giáo sĩ thừa sai Pháp là những người đã tìm mọi cách, mở cửa cho thực dân Pháp vào xâm lược nước ta, là những kẻ tiếp tay và cộng sự đắc lực cho chúng trong suốt cuộc xâm lược và bình định nước ta, và vì thế đã dành cho họ sự trừng phạt nghiêm khắc nhất.

2.2. Trước khi nổ ra cuộc xâm lược nước ta của thực dân Pháp, dưới con mắt của triều đình, giáo dân được coi như là những thần dân lầm lạc, đã mù quáng đi theo một tôn giáo xa lạ, lìa bỏ những tín ngưỡng và nếp sống văn hóa truyền thống. Vì vậy triều đình về cơ bản là tìm cách giáo huấn họ, khuyến khích họ trở về với tín ngưỡng và nếp sống của cộng đồng và chỉ dùng những biện pháp cưỡng chế khi họ cố tình giữ đạo và có hành động, lời nói thách thức chính quyền và xúc phạm tín ngưỡng của dân tộc. Và, mặc dù cũng đã nhận thấy ở giáo dân có tâm trạng mong chờ một sự can thiệp mạnh của nước ngoài, cụ thể là Pháp, để họ được tự do hành đạo, được thể hiện ở một vài vụ việc, song triều đình vẫn coi họ là con dân trong nước chót lầm lạc, nên đã không dùng tới những biện pháp đàn áp thẳng tay.

Nhưng, sau khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta, thái độ và hành động của giáo dân trước tình hình đất nước đang bị ngoại xâm, đã làm cho triều đình thay đổi hẳn cách nhìn đối với họ.

Trước hết, khi Pháp nổ súng xâm lược ở Đà Nẵng,

https://tieulun.hopto.org

rất nhiều người Thiên chúa giáo ở Bắc Kỳ đã kéo nhau về Đà Nẵng xin được quân Pháp che chở. Genouilly đã tiếp nhận họ và lập thành hai đội quân người bản xứ ở bán đảo Sơn Trà, một đội cùng với liên quân Pháp – Tây Ban Nha ở lại chiến đấu; đội khác theo Genouilly vào đánh chiếm Sài Gòn. Khi quân Pháp rút khỏi Đà Nẵng thì hai đội quân Thiên chúa giáo này được nhập làm một thành đại đội Lính Tập. Đội quân này đã cùng đội quân đội Pháp – Tây Ban Nha tham gia cuộc tiến công chiến tuyến Chí Hòa.

Sau đó, trong thời gian Pháp đánh chiếm Nam Bộ, một số giáo dân khá đông đã được các giáo sĩ thừa sai huy động tham gia đội quân lính tập, đặc biệt là làm công việc vận chuyển vũ khí, tiếp tế lương thực cho quân Pháp trong những thời điểm khó khăn. Và theo lời kêu gọi của giám mục Lefèbre, nhiều linh mục và giáo dân kéo nhau về Sài Gòn để hậu thuẫn cho quân đội Pháp. Số dân Thiên chúa giáo tụ tập về Sài Gòn lúc ấy lên tới con số 6000 người. Những người này lúc nào cũng sẵn sàng làm bất cứ công việc gì, dù là nguy hiểm, để hỗ trợ cho quân Pháp.

Quân đội Pháp cũng tuyển chọn trong giáo dân những người có trình độ, hỗ trợ cho họ trong việc quân sự và dân sự và đã chọn được những người rất mực trung thành. Sau đây là một số trường hợp tiêu biểu:

Đỗ Hữu Phương, sinh năm 1844, ở Chợ Đũi gần Sài Gòn, một cựu chủng sinh, đã cộng tác với Pháp ngay từ những ngày đầu Pháp mới đến Sài Gòn. Và để thưởng công lao, Pháp cho y được giữ chức chánh tổng (chef de quartier) rồi tri huyện ở Sài Gòn; tham gia vào

https://tieulun.hoptr.org

phái đoàn của Pháp trong cuộc thương lượng với triều đình năm 1868, và cũng năm này tham gia cuộc đàn áp khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá, đồng thời tham gia vào tất cả các cuộc hành quân cảnh sát, tảo thanh với tư cách chỉ huy. Năm 1872, được nhận chức tri phủ và được thưởng Bắc đẩu bội tinh, rồi tổng đốc danh dự, v.v...

Trần Bá Lộc, sinh năm 1834, trong một gia đình Thiên chúa giáo ở xóm Giềng, tỉnh Long Xuyên. Năm 1861 chỉ là anh bán cá cho quân đội Pháp, sau được cố đạo Marc khuyến khích, Lộc xin vào đội quân lính tập người Thiên chúa giáo do Charner mới tổ chức, tham gia tích cực vào các trận càn quét quân kháng chiến được phong tri phủ năm 1867 và sau đó được thưởng Bắc đẩu bội tinh. Sau cuộc đánh chiếm lại Rạch Giá, được phong Đốc phủ sứ.

Trần Tử Ca, người Hanh Thông Tây, lúc đầu tham gia kháng chiến, sau theo đạo, rời bỏ kháng chiến, tích cực tham gia các cuộc đàn áp khởi nghĩa. Được bổ làm tri huyện Hóc Môn năm 1862. Năm 1865, đàn áp khởi nghĩa của Trương Quyền, tiếp đó cùng quân Pháp tham gia đánh chiếm 3 tỉnh miền Tây. Sau này bị nghĩa quân giết chết đêm ngày 9-2-1885.

Huỳnh Công Tấn, một nghĩa quân thân tín của Trương Định năm 1861; Về hàng Pháp năm 1862 và được phong chức đội. Chính y là người đã giết chết Trương Định ngày 20-8-1864 ở Kiến Phước, giáp Gò Công; và cũng chính y là người đã cùng 125 lính tập vây bắt Nguyễn Trung Trực ở đảo Phú Quốc ngày 19-9-1868. Được thưởng huân chương quân đội và Bắc đẩu

https://tieulun.hopto.org

bội tinh.v.v.

Sự cộng tác của giáo dân như đã nêu ở trên, là những minh chứng cho thấy, giáo dân Việt Nam, nhìn một cách tổng quát nhất, đã coi sự có mặt của người Pháp ở Việt Nam vào thời điểm đó như là một bảo đảm vững chắc cho sự tự do tín ngưỡng của họ, và nếu như họ không bày tỏ thái độ bằng hành động công khai, tấm lòng của họ đã hướng về người Pháp và mong muốn người Pháp chiến thắng. Có nhà sử học (E. Võ Đức Hạnh, trong cuốn *La place du catholicisme dans les relations entre la France et le Vietnam*. De 1851 à 1870) đã gọi họ là "Những người Pháp ở trong lòng les Francais du dedans". Một sử gia người Pháp khác, Jabouille, trong bài "Une page d' histoire de Quảng Trị" (một trang sử của Quảng Trị) đăng trong tạp chí BVA số 4-1885 cũng nhận xét: "Bất luận phải trái thế nào thì Thiên chúa giáo cũng đã được coi như là một công cụ để chinh phục dần dần của các quốc gia Châu Âu... Xứ Annam không bao giờ tách rời đạo Thiên chúa với chủ thể của người đã đem nó đến... Những tín đồ của tôn giáo này, bất kể họ biết hay không biết, đều là bạn, là những đồng đảng, những kẻ đại diện cho Phương Tây. Xứ Annam có quyền trách cứ họ như những kẻ tòng phạm của bọn Dương Quỷ". Lời nhận xét sau đây của Puginier, giám mục địa phận Tây Bắc Kỳ càng khẳng định thêm sự thực này: "Tại sao giáo dân ở các xứ truyền giáo, cho đến nay, luôn tỏ ra trung thành với nước Pháp ? Đó là do có sự thống nhất về tôn giáo. Họ luôn nhớ rằng chính nhờ có các giáo sĩ thừa sai do nước Pháp gửi đến mà họ có được niềm tin tôn giáo, và mặc dù không phải là người Pháp chính gốc nhưng họ đã tự

https://tieulun.hopto.org

coi như người Pháp từ trong trái tim mình."[87].

Không thể nói là quá đáng khi triều đình Huế từ sau những sự kiện đã dẫn ở trên đã coi giáo dân như những người phản bội tổ quốc. Mặc dù không phải tất cả giáo dân đều cùng có một thái độ như thế, nhưng một vài cá nhân yêu nước và nổi tiếng như trường hợp của Nguyễn Trường Tộ, Đặng Đức Tuấn, v.v... cũng không thể làm thay đổi ấn tượng trên của triều đình đối với giáo dân.

2.3. Một vụ khác nghiêm trọng hơn, càng làm xấu đi hình ảnh của giáo dân. Đó là vụ khởi nghĩa của giáo dân Tạ Văn Phụng, hay Pierre Lê Duy Phụng ở Bắc Kỳ. Cho đến nay, người ta không rõ lai lịch của Phụng, chỉ biết Phụng đã từng theo học ở chủng viện Pinang và rất được các giáo sĩ thừa sai bề trên nâng đỡ. Nhân lúc ở Bắc Kỳ đang hỗn loạn bởi nhiều cuộc khởi nghĩa chống triều đình, Phụng cũng lấy danh nghĩa là con cháu nhà Lê giương cờ khởi nghĩa và được nhiều giáo dân hưởng ứng. Theo sự gợi ý của các cha bề trên, năm 1858, Phụng thông qua quyền đại sứ Pháp ở Trung Quốc, cầu xin sự viện trợ của Pháp. Việc không thành, tháng 9 năm 1858, Phụng vào Đà Nẵng xin làm thông ngôn cho quân đội Pháp qua sự giới thiệu của giáo sĩ Legrand.

Sau đó Phụng lại ra Bắc, cùng với một chức sắc người Thiên chúa giáo tên Trường, tiếp tục cuộc khởi nghĩa.

Thấy rằng khởi nghĩa không thể thành công nếu không có ngoại viện, một lần nữa Phụng nhờ cố đạo

87. Puginier. Tài liệu đã dẫn. Kẻ Sở Mars 1887, Tr. 12.

https://tieulun.hopto.org

Hilaro Alcajar làm môi giới xin đô đốc Bonard, chỉ huy quân đội Pháp ở Sài Gòn giúp đỡ. Trong thư gửi Bonard, Phụng trình bày lí do khởi nghĩa là để phục hồi lại vương quyền của nhà Lê, báo thù cho những giáo sĩ và giáo dân bị nhà Nguyễn giết hại, v.v... Nhưng một lần nữa Phụng lại bị Bonard cự tuyệt, vì Bonard không muốn tham gia vào một cuộc phiêu lưu trong khi nhiệm vụ của y ở Nam Kỳ đòi hỏi y phải tập trung lực lượng.

Song, không rõ bằng con đường nào, vụ việc lại được Napoléon III biết, và sau đó một điệp viên chỉ có cấp bậc thấp trong quân đội, một viên đội (sergent) tên là Duval, được cử sang Bắc Kỳ để giúp Phụng. Nhiệm vụ của Duval, theo một số sử gia Pháp, chỉ là giúp Phụng phô trương thanh thế để: 1- Ép triều đình Huế phải sớm phê duyệt điều ước 1862 đã được kí kết giữa Pháp và Việt Nam; 2- Buộc triều đình Huế phải phân tán lực lượng đối phó với tình hình miền Bắc để quân Pháp có lợi thế mở rộng chiếm đóng ở Nam Kỳ.

Với sự giúp đỡ của Duval, Phụng gom góp được một lực lượng khá mạnh, bao gồm cả giáo dân và lương dân, với súng ống đạn dược do Duval mua từ Ma Cao về, đã đánh chiếm và làm chủ một vùng khá rộng ở Đồng bằng Bắc Bộ (Quảng Yên, Hải Dương, Nam Định) vào tháng 6 và đầu tháng 7 năm 1863.

Đó cũng là lúc Duval được tin Hòa ước 1862 đã được triều đình Huế phê duyệt. Ngày 12 tháng 7 năm 1863 Duval bỏ đi. Phụng phải lo liệu một mình.

Triều đình phải điều Nguyễn Tri Phương từ Nam Kỳ ra để đối phó. Phụng bị thất bại, liền đem mấy trăm

https://tieulun.hopto.org

chiếc thuyền định vào đánh Huế, song bị bão, thuyền bè bị đắm, Phụng bị bắt và bị xử tử ở Huế.

Cuộc khởi nghĩa của Phụng với ý định lập xứ Bắc Kỳ thành một nước Thiên chúa giáo, được sự ủng hộ của một số giáo sĩ thừa sai và nhiều người dân Thiên chúa giáo, đã gây cho triều đình Huế không ít khó khăn và càng làm cho ấn tượng của triều đình đối với giáo dân trở nên xấu hơn.

2.4. Những sắc dụ cấm đạo từ 1858 đến 1862.

Phản ứng của triều đình Nguyễn đối với dân Thiên chúa giáo từ sau cuộc tấn công Đà Nẵng của thực dân Pháp đã mang một sắc thái khác hẳn trước đây. Đã không còn là những chỉ dụ nghiêng về mặt giáo hóa mà là những chỉ dụ trừng phạt những kẻ tiếp tay cho địch, như sử gia E. Võ Đức Hạnh đã nhận xét: "Từ nay trở đi, Tự Đức không còn bách hại Thiên chúa giáo chỉ bởi vì nó là nguồn gốc phát sinh những sự hỗn loạn mà nó đã gây nên cho xã hội Việt Nam, mà còn bởi vì nó là kẻ phục vụ cho lợi ích của nước Pháp, vì giáo sĩ thừa sai không chỉ là linh mục Thiên chúa giáo mà còn là kẻ thừa hành cho cuộc chiếm đóng , vì dân Thiên chúa giáo không chỉ là tín đồ của đạo Thiên chúa mà còn là kẻ phản bội đối với tổ quốc mình, ..."[88].

Chính giáo sĩ Louvet, tác giả cuốn "La Cochinchine religieuse" cũng đã phải nói: "Sự có mặt của đồng bào của chúng ta (ý nói sự có mặt của quân xâm lược Pháp - NVK) đã làm thay đổi hoàn toàn tính chất của sự cấm đạo, từ chỗ mang tính chất tôn giáo đã trở thành mang

88. E. Võ Đức Hạnh. Sđd, Tập 1, Tr. 313.

https://tieulun.hopto.org

tính chất chính trị; giáo dân không chỉ còn là tín đồ của một tôn giáo xấu xa, tách rời khỏi đời sống công dân, khỏi gia đình, chối bỏ sự thờ cúng tổ tiên, mà họ chính là bè bạn của kẻ ngoại bang, những tên phản bội đã gọi những kẻ xâm lược đến nước mình"[89].

Những chỉ dụ cấm đạo của Tự Đức từ năm 1858 đến năm 1862, do đó đã gây cho Thiên chúa giáo nhiều tổn thất nhất kể từ trước tới nay.

Trong số những chỉ dụ cấm đạo của Tự Đức ban hành trong thời kì này thì chỉ dụ ban hành tháng 7 năm 1861, thường được gọi là chỉ dụ " Phân tháp giáo dân" là quyết liệt nhất.

Sau đây là những khoản chính của chỉ dụ này:

Khoản 1- Tất cả các giáo dân, đàn ông và đàn bà, giàu cũng như nghèo, người già cũng như trẻ con, đều phải phân tán vào các làng bên lương.

Khoản 2- Tất cả các làng bên lương phải chịu trách nhiệm canh gác các giáo dân đã được chia về theo tỉ lệ cứ 5 người lương có một người bên giáo.

Khoản 3- Tất cả các làng giáo đều phải san bằng, phá hủy; đất đai, vườn tược sẽ được chia cho các làng bên lương ở xung quanh, các làng này có nghĩa vụ phải nộp thuế.

Khoản 4- Giáo dân đàn ông phải tách khỏi giáo dân đàn bà; đàn ông đưa đi một tỉnh, đàn bà đi một tỉnh khác để họ không thể xum họp; trẻ con sẽ giao cho các

89. E. Võ Đức Hạnh. Sđd, Tập 1, Tr. 313.

https://tieulun.hopto.org

gia đình bên lương nào muốn nuôi chúng.

Khoản 5- Trước khi đưa đi, tất cả giáo dân, đàn ông, đàn bà, trẻ con, đều phải thích chữ vào mặt: ở má trái là hai chữ *tả đạo*, ở má phải là tên tổng, huyện gửi tới, để chúng không thể chạy trốn."[90].

Chỉ dụ này được ban hành vào lúc quân Pháp đang xúc tiến việc đánh chiếm rộng ra các tỉnh Nam Bộ, nên đã được thi hành khá triệt để trong toàn quốc.

Theo ước tính của các sử gia Thiên chúa giáo thì cho đến trước điều ước 1862 kí kết giữa Pháp và triều đình Huế, sự thiệt hại về phía Thiên chúa giáo là rất lớn.

Có 115 linh mục Việt Nam bị giết, 50 nữ tu viện phải bị phá hủy, 2.600 nữ tu phải tản mát, khoảng 100 nữ tu hi sinh. Có khoảng 100 làng giáo bị phá bình địa, khoảng 2000 họ đạo mất hết gia tài, điền sản; số giáo dân bị phân phát đi các nơi ước 40.000 người. Các nhà thờ, nhà chung, nhà tràng, nhà tiểu nhi, nhà chị em đa phần bị phá hủy ...[91]

2.5. Thái độ hòa hoãn của Tự Đức đối với Thiên chúa giáo sau Điều ước 1862.

Chưa đầy một năm sau chỉ dụ "Phân tháp giáo dân", quân Pháp đánh chiếm Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long; Tự Đức phải cử phái đoàn do Phan Thanh Giản cầm đầu vào Gia Định để thương lượng, kết quả là

---

90. Trích dịch theo E. Võ Đức Hạnh. Sđd, Tập 2, Tr. 327.
91. Số liệu của Phan Phát Huồn. Sđd, Tr. 312-313. Và trong *Sách truyện giảng đạo Thánh trong nước Annam.* Hồng Kông 1917, Tr. 88.

https://tieulun.hopto.org

Điều ước 5 - 6 năm 1862 được kí kết giữa triều đình và Pháp.

Trong điều ước, ngay ở khoản 2, vấn đề Thiên chúa giáo đã được qui định như sau:

"Những thần dân của hai quốc gia Pháp và Tây Ban Nha được phép truyền bá đạo Thiên chúa trong vương quốc Annam, và các thần dân của vương quốc này, bất kể là ai, muốn đi theo đạo Thiên chúa giáo thì đều được tự do và không có sự ép buộc; nhưng cũng không ai được ép buộc mọi người đi theo đạo này nếu họ không muốn".

Tự Đức rất phẫn nộ trước điều ước này, khiển trách nặng nề Phan Thanh Giản, bắt ông phải vào Vĩnh Long làm tổng trấn để lo việc chuộc lại 3 tỉnh đã mất.

Nhưng có thể vì sợ quân Pháp tiếp tục viện cớ bảo vệ Thiên chúa giáo, để chiếm nốt 3 tỉnh Miền Tây, Tự Đức đã có một số động thái tỏ ra rất hòa hoãn với dân Thiên chúa giáo và tôn trọng khoản 2 của điều ước nói trên.

Nhân ngày sinh nhật của mình, Tự Đức đã ra một dụ như sau: (Dụ đề ngày 13-7-1862).

"Đã từ lâu, một lớp ngu dân theo tà đạo, mặc dù Trẫm đã ban lời khuyên dạy nhưng bọn côn đồ vẫn chưa ra khỏi giấc mơ. Lúc chúng quá khóa ngoài miệng, chúng chỉ làm một việc dối trá, Trẫm đã ra lệnh cho các trấn thủ các tỉnh bắt giam các chức dịch cứng đầu, Trẫm cũng đã truyền phân tháp ngay cái bọn Thiên chúa giáo trong các làng lương dân để chúng có dịp cải

https://tieulun.hopto.org

tà qui chính."

"Vì chúng đã cải quá một phần nào nên Trẫm thương đến bọn chúng. Do đó, và cũng nhân ngày lễ sinh nhật của Trẫm, Trẫm truyền lệnh dù ở Kinh đô hay ở các tỉnh, phải phóng thích cho các ông già, các phụ nữ và trẻ em, mặc dầu những người này đã bước hay chưa bước qua cây thập tự giá. Cũng phải phóng thích tất cả các chức dịch Thiên chúa giáo đã thành thực xuất giáo, nhưng nếu chúng thuộc về những làng toàn giáo, mặc dù chúng đã bỏ đạo, chúng phải ở nơi hiện chúng phải giam giữ.

Phải trả lại cho người giáo hữu nhà cửa, ruộng nương. Chúng được miễn thuế thân.

Những chức dịch chưa xuất giáo và những thanh niên không chịu bỏ đạo còn phải giam giữ cho đến lúc chúng chịu quá khóa."[92].

Tháng 7 năm 1863, Tự Đức gửi phái đoàn ngoại giao do Phan Thanh Giản cầm đầu sang Pháp điều đình xin chuộc 3 tỉnh Miền Đông. Được chính phủ Pháp tiếp đón, hứa sẽ cử người sang thương lượng ngay tại Huế, và đại tá hải quân Aubaret được cử cầm đầu phái đoàn của Pháp. Ngày 15 tháng 7 năm 1864, hai bên đã tạm thời nhất trí một điều ước mới thay thế cho điều ước 1862, bằng lòng cho chuộc 3 tỉnh Miền Đông với giá 2 triệu Franc, kèm theo một số điều kiện khác như: Pháp đóng quân đồn trú ở một số địa điểm quan trọng và Pháp là nước bảo hộ cho cả lục tỉnh Nam Kỳ v.v...

92. Trích Phan Phát Huồn. Sđd, Tập 1, Tr. 314.

https://tieulun.hopto.org

Trong khi điều ước mới đang được chờ chính phủ Pháp kí duyệt, ở kinh thành Huế, nhân kì thi năm đó, đã nổ ra cuộc phản đối kịch liệt của các Văn thân, sĩ tử chống lại sự nhượng bộ của triều đình với Pháp và với Thiên chúa giáo, chuẩn bị tàn sát giáo sĩ và giáo dân.

Sợ rằng hành động của Văn thân sĩ tử sẽ làm đổ vỡ cuộc triều đình, Tự Đức đã ra lệnh đàn áp họ, và ngay sau đó ra một chỉ dụ, kêu gọi sự bình tĩnh của Văn thân và sự hòa hợp lương giáo:

"Lúc Trẫm còn niên thiếu, Trẫm đã được hân hạnh kế vị các Tiên đế, để làm phụ mẫu của dân, vì vậy đối với Trẫm mỗi người dân trong nước đều là con cái của Trẫm. Nhiều khi con cái ăn ở tốt lành, nhưng cũng lắm lúc ăn ở ngang tàng, xấu xa, việc bổn phận của kẻ làm cha mẹ là phải biết dạy dỗ và sửa phạt chúng, nhưng sau khi đã sửa phạt, cha mẹ phải thương mến con cái như trước. Nếu cha mẹ đánh nó là vì muốn cho nó nhận lỗi và hối cải ăn năn.

Cách đây vài năm Pháp và Tây Ban Nha đã đến chiếm đất đai của chúng ta, để kháng cự lại, chúng ta tất cả đã phải chịu bao nỗi khó khăn; các quan tâu với Trẫm rằng: "Chính bọn Thiên chúa giáo vì không được tự do giữ đạo đã cầu cứu hai nước ấy", do đó, các ông bảo phải phân tháp, phải giam tù tất cả những người Thiên chúa giáo để tránh một tai họa lớn lao. Vì báo cáo sai lầm và đầy mâu thuẫn, tình thế lại bấp bênh, Trẫm không biết đâu là sự thật, không biết phải nghe ai nên Trẫm và các quan đại thần đã dùng những biện pháp nghiêm ngặt... là Phụ mẫu của dân, Trẫm nỡ nào sát hại người dân, người con trong nước...; có những quan

https://tieulun.hopto.org

yêu cầu giết sạch dân Thiên chúa giáo, nhưng Trẫm không thể chấp thuận một biện pháp như vậy, Trẫm đã dùng một biện pháp nghiêm ngặt nhưng vừa phải, là biện pháp Phân tháp dân Thiên chúa giáo. Như thế, dân chúng biết lòng Trẫm độ lượng đến mực nào ?

Những người có phận sự phải thi hành sắc dụ của Trẫm đã làm quá những điều Trẫm dạy, có nhiều ông quan đã dùng dịp này để làm khổ dân đến cực độ. Trẫm rất lấy làm đau lòng vì những hành động trên; lúc hòa bình trở về, Trẫm đã cấp tốc truyền cho giáo dân về quê hương xứ sở để giữ đạo của mình.

Dẫu vậy ở trong nước vẫn có bè đảng, có những đảng thấy mình được che chở thành trở nên kiêu căng tìm cách báo thù làm cho toàn dân phải than phiền, đảng khác ghét chúng và tìm mọi cách để phá hại[93].

Phần các người Thiên chúa giáo, Trẫm nhận rằng: "Thiên chúa giáo ở vào một tình thế đau đớn, nhưng dù sao sự trung thành của Thiên chúa giáo đối với đạo và luật nước làm Trẫm hết sức khâm phục... Trong cách đối xử Trẫm sẽ không phân biệt lương hay giáo, nếu Thiên chúa giáo còn giữ một mối thù, tức nhiên Thiên chúa giáo không theo lệnh vua, Thiên chúa giáo sẽ là phiến loạn, đã là phiến loạn thì làm gì còn Thiên chúa giáo nữa ?

Hãy lo tập mình đi đến chỗ toàn thiện ngõ hầu trời có thể nhận lời cầu xin của dân Thiên chúa giáo. Theo những nguyên tắc của Thiên chúa giáo, chúng ta không nên bận tâm đến danh vọng, đau khổ, khinh chê, phỉ

93. Ý nói phái Văn thân – NVK.

https://tieulun.hopto.org

báng.

Còn Văn thân, không hiểu các ông đã học ở những sách nào để vi phạm luật nước bằng cách tập trung trong các làng để giết hại người Thiên chúa giáo. Các triết gia đã lên án vũ lực, các ông không có quyền hành động như thế.

Nếu hành động vì thù hằn nhau, không những người này sẽ nuốt người kia, như cá lớn nuốt cá bé ở ngoài biển, mà có khi sẽ nổi lên chống chính quyền, như vậy sẽ gây ra không biết bao là tai họa. Ai sẽ chịu trách nhiệm về những vụ lộn xộn, phải chăng là Văn thân ?

Các ông đã báo cáo Thiên chúa giáo âm mưu nổi loạn, nhưng vô bằng cớ, cái có bằng cớ là Văn thân, người có chữ nghĩa sao lại ăn ở như thế được ?

Người Thiên chúa giáo đã bị bạc đãi, nhưng không phải vì họ không có lỗi, vì họ đã theo một thứ đạo khác hẳn với đạo chúng ta làm chúng ta nghi ngờ họ. Nay hòa bình đã trở về lại, lòng người Thiên chúa giáo hân hoan và họ đã quên hẳn tất cả những nỗi đau khổ nhục nhã của họ, vậy sao Văn thân còn sợ Thiên chúa giáo thù oán? Một người Thiên chúa giáo trước lúc hoạt động phải suy xét công việc mình được phép làm hay không hay không được phép làm. Nếu người Thiên chúa giáo không tuân theo luật, người ấy đã phạm lỗi với đạo, vả lại, chính phủ có đủ sức dẹp yên mọi cuộc âm mưu dấy loạn... "[94].

Sắc dụ nói trên của Tự Đức đánh dấu sự thay đổi

94. Trích Phan Phát Huồn. Sđd, Tập 1, Tr. 358.

https://tieulun.hopto.org

rất lớn trong thái độ của Tự Đức đối với Thiên chúa giáo, đồng thời phản ánh khá rõ sự phân hóa trong triều đình trước tình hình đất nước đang bị xâm lược cũng như trước vấn đề Thiên chúa giáo vốn là một mối lo trong tâm huyết của triều đình nhà Nguyễn.

Thấy rằng quân đội triều đình không đủ sức chống lại những cuộc tấn công quân sự trước mắt cũng như lâu dài của quân đội Pháp, Tự Đức và một số đình thần chủ trương dùng biện pháp ngoại giao, hy vọng với sự nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi, nhất là quyền được thông thương buôn bán - một yêu cầu mà Pháp bao giờ cũng đưa ra trong các cuộc tiếp xúc trước đây - và để các giáo sĩ tự do truyền đạo, giáo dân tự do theo đạo, Pháp sẽ ngưng các hoạt động quân sự và mở rộng chiếm đóng; mặt khác, Tự Đức cũng thấy rõ những biện pháp bắt đạo cứng rắn, tỉ như biện pháp *Phân tháp* năm 1861 không những không ngăn được dân Thiên chúa giáo hành đạo và giữ đạo, mà còn gây nên sự phản ứng mạnh của dân bên giáo - kể cả sự tự vệ có vũ trang - vì bên cạnh họ đang có sự hiện diện của quân đội Pháp, khiến tình hình xã hội trở nên hỗn loạn, căng thẳng, rất bất lợi cho các cuộc vận động ngoại giao mà triều đình đang tiến hành. Thêm nữa, trong thực tế, giáo dân, qua sự dạy dỗ của các thừa sai, tuy có cảm tình với nước Pháp, nước đã gửi các thừa sai đem đức tin Thiên chúa giáo đến với họ, song không phải tất cả đều thông đồng với giặc ngoại xâm, đa phần muốn sống yên ổn với niềm tin tôn giáo của mình, nhưng nhiều người đã bị nghi oan và chịu nhiều đau thương mất mát. Sự bày tỏ sự thông cảm đối với nỗi đau của người Thiên chúa giáo trong sắc dụ nói trên chí ít cũng làm yên lòng người bên

https://tieulun.hopto.org

giáo, tạo điều kiện để những người Thiên chúa giáo bình thường xích lại gần hơn với triều đình, gắn bó hơn với dân tộc, một việc làm cần thiết và tích cực trong hoàn cảnh lúc bấy giờ của đất nước.

Đã thế, đương nhiên Tự Đức không thể tán thành hành động quá khích của Văn thân sĩ tử muốn sát hại người Thiên chúa giáo và coi đó như là biện pháp tích cực để ngăn ngừa sự mở rộng chiếm đóng của thực dân Pháp. Trước vận mệnh đất nước đang bị ngoại xâm đe dọa, một số đình thần cùng với lớp Văn thân trong nước chủ trương phải chiến đấu để giữ nước, chống tư tưởng chủ hòa và thất bại chủ nghĩa là đúng, song nếu cho rằng chủ chiến là phải giết đạo và coi tất cả giáo dân là những kẻ theo giặc thì đó lại là một sai lầm lớn. Vì, trong thực tế, tuy giáo sĩ thừa sai và một số giáo dân đã cộng tác với Pháp, giúp cho quân đội Pháp có được một số thuận lợi ban đầu, nhưng kẻ cướp nước ta đích thực là thực dân Pháp chứ không phải là người Thiên chúa giáo. Sau khi đã đứng vững ở Nam Bộ, sự hỗ trợ của Thiên chúa giáo nếu còn tiếp tục thì chỉ là thứ yếu. Trong tình huống như vậy, việc Tự Đức ngăn cấm không cho Văn thân giết đạo là một ý tưởng đúng và tích cực.

Cái sai lầm lớn của Tự Đức và đình thần chủ hòa là ở chỗ họ đã không kiên trì được truyền thống "giặc đến nhà đàn bà cũng phải đánh" của dân tộc, sớm có tư tưởng thất bại, do đó không lập được phương án khả thi để giữ nước, buông xuôi theo tư tưởng chủ hòa để kẻ ngoại xâm mặc sức thao túng.

Cũng do tình hình đã trình bày ở trên, từ đó trở đi,

https://tieulun.hopto.org

chính sách của nhà Nguyễn đối với Thiên chúa giáo cũng phân làm hai ngả: phái chủ hòa đứng đầu là Tự Đức thì ngày càng khoan dung, phái chủ chiến lại vẫn kiên trì chủ trương bách hại Thiên chúa giáo, tiếp tục gây cho người bên giáo nhiều thiệt hại không đáng có, làm tăng thêm mối thù hận giữa lương và giáo, một chủ trương có thể coi là tiêu cực của Văn thân, bên cạnh chủ trương tích cực là huy động nhân dân chống Pháp trong phong trào Cần Vương sau này.

Dẫu sao, chính sách của triều đình nhà Nguyễn trong thời gian từ 1864 trở đi ngày càng được nới rộng, và việc hành đạo của giáo dân, về phương diện quan phương, là tự do và hợp pháp.

Điều này đã được chính triều đình cam kết trong điều ước 1874, trong khoản IX nói về tôn giáo.

Sau khi dự thảo điều ước giữa Anbaret và Phan Thanh Giản năm 1864 bị chính phủ Pháp bác bỏ, quân Pháp ở Nam Kỳ lại chiếm nốt 3 tỉnh miền Tây vào đầu năm 1867. Tự Đức và triều đình Huế càng tỏ ra lúng túng, cử phái đoàn do Trần Tiến Thành vào thương lượng. Cuộc thương lượng kéo dài... Trong khi triều đình Huế chỉ lo thương lượng thì thực dân Pháp tranh thủ thời gian bình định Nam Kỳ, tổ chức cai trị biến Nam Kỳ thành thuộc địa của Pháp.

Để gây sức ép buộc triều đình Huế thừa nhận việc đã rồi, thực dân Pháp ngầm giúp Jean Dupuis gây rối ở Hà Nội, rồi lấy cớ đó cử Francis Garnier ra can thiệp. Mặc dầu Francis Garnier bị quân Cờ Đen phục kích giết chết ở Cầu Giấy, song triều đình vẫn lo ngại một cuộc

https://tieulun.hopto.org

hành quân mới của Pháp qui mô hơn ra chiếm đóng Bắc Kỳ, vội cử Nguyễn Văn Tường cùng với người đại diện của Pháp là Philastre ra Bắc để ổn định tình hình. Và, một điều ước mới với những điều khoản công nhận quyền chiếm đóng hợp pháp của Pháp trên toàn cõi Nam Kỳ và một khoản riêng về Thiên chúa giáo, điều khoản IX, như đã nói ở trên:

"Nhìn nhận đạo Thiên chúa giáo dạy dân làm điều lành. Hoàng đế Việt Nam bãi bỏ những dụ cấm đạo trước và ban phép cho tất cả mọi người dân trong nước được tự do theo đạo và hành đạo.

Vì vậy các người Thiên chúa giáo Việt Nam được phép tụ tập đông đảo trong các thánh đường để làm việc phụng sự, Thiên chúa giáo sẽ không còn phải bó buộc vì một lí do nào, làm trái tôn chỉ của đạo, và cũng không phải làm giấy kiểm tra riêng. Thiên chúa giáo được tham gia vào mọi công việc công nhưng không buộc phải làm việc gì mà đạo cấm.

Hoàng đế cho lệnh hủy bỏ tất cả những giấy tờ kiểm tra người Thiên chúa giáo từ 15 năm nay. Về thuế má, Hoàng đế phải đối xử với người Thiên chúa giáo như những người dân khác trong nước. Hoàng đế phải cấm dân chúng dùng những danh từ nhạo báng đạo và hứa sẽ sửa chữa lại những khoản trong Thập Điều, vì trong sách này đã đùng những danh từ ấy.

Các giám mục và thừa sai được quyền lưu thông trong nước và trong các địa phận ...

Các linh mục Việt Nam được tự do giảng đạo như các thừa sai. Nếu một vị linh mục vi phạm luật nước và

https://tieulun.hopto.org

chiếu theo luật phải phạt đòn hay phải roi, hình phạt ấy sẽ đổi ra một hình phạt khác tương đương.

Các giám mục, linh mục có quyền thuê và mua đất, nhà, có quyền xây cất nhà thờ, nhà thương, trường học, nhà dục anh và các nhà khác thuộc về việc thờ phượng.

Những của cải của người Thiên chúa giáo bị tịch thu và đang còn giữ, phải trả lại cho người Thiên chúa giáo.

Những khoản nói về các thừa sai, phải hiểu là thừa sai Pháp hay là Tây Ban Nha.

Sau khi ký hòa ước, Hoàng đế sẽ ra một sắc dụ để các làng các tổng biết sự tự do hành đạo do Hoàng đế đã ban cho người Thiên chúa giáo khắp toàn quốc".

Điều ước này đã gây phản ứng rất lớn trong phe chủ chiến và Văn thân. Một cuộc khởi nghĩa phản đối triều đình với khẩu hiệu "Bình Tây sát Tả" do Trần Tấn và Đặng Như Mai lãnh đạo đã nổ ra ở Nghệ An, song đã bị triều đình đàn áp. Tiếp đó ở các địa phương vẫn liên tiếp xảy ra những vụ xung đột lương giáo phần lớn do Văn thân phát động, và còn kéo dài cho đến hết thời kì Cần Vương, ngoài sự kiểm soát của triều đình.

Ngoài điều khoản IX về Thiên chúa giáo trong điều ước 1874, triều đình còn tiếp tục ban những sắc lệnh tạo cho giáo dân được hưởng những quyền lợi công dân như mọi người bên lương, ví dụ, năm 1875, có lệnh cho phép giáo dân được đi thi và ra làm quan.

Tóm lại, với những điều qui định trong khoản IX

https://tieulun.hopto.org

của điều ước 1874 và một số sắc lệnh tiếp theo của triều đình, chính sách bắt đạo của nhà nước phong kiến Nguyễn về cơ bản đã chấm dứt.

Từ nay, trên bình diện pháp lí nhà nước, việc theo đạo và hành đạo của người theo Thiên chúa giáo là hoàn toàn tự do.

Những vụ xung đột lương giáo sau đó hoặc do Văn thân phát động, hoặc do những thù hận riêng rẽ từng địa phương, không thể được xếp vào chính sách của triều đình đối với Thiên chúa giáo mà là thuộc một chủ điểm khác của lịch sử dân tộc mà chúng tôi không đề cập tới ở đây.

Nhìn một cách tổng quát, chúng ta có thể thấy:

1- Chính sách đối với đạo Thiên chúa dưới thời Tự Đức, cho đến năm 1862 tỏ ra quyết liệt. Đó là do có sự tiếp tay của các giáo sĩ thừa sai Pháp và một bộ phận giáo dân Việt Nam lầm lạc đã hỗ trợ cho cuộc xâm lược nước ta của thực dân Pháp. Vì thế sự quyết liệt ấy của triều đình Huế là khó tránh khỏi.

2- Song, từ sau khi 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ bị Pháp chiếm, Tự Đức và một số đình thần đã nhận thấy rằng triều đình không có đủ khả năng quân sự để đối phó hữu hiệu với cuộc xâm lược của thực dân Pháp, nên đã chọn con đường thương lượng và hy vọng rằng với một số nhượng bộ nào đó, triều đình có thể lấy lại được đất đai đã mất cũng như ngăn chặn được những cuộc tấn công quân sự mới của thực dân Pháp. Do đó, Tự Đức đã tỏ ra khoan dung đối với đạo Thiên chúa, một sự nhượng bộ không phải dễ dàng so với nhận thức và định

https://tieulun.hopto.org

kiến của Tự Đức đối với sự hiện diện của tôn giáo này. Nhưng sự nhượng bộ của Tự Đức đối với thực dân Pháp, trong đó có sự nhượng bộ về tôn giáo, có ý nghĩa như một sự nhượng bộ về ý thức hệ và chính trị như chúng ta thấy, đã không đem lại kết quả như Tự Đức và một số đình thần mong muốn. Thực dân Pháp đã nắm được điểm yếu này của triều đình nên vẫn tiếp tục lấn tới và cuối cùng xâm lược toàn bộ đất nước ta. Sai lầm này của Tự Đức và một số đình thần là không thể tha thứ được.

3- Tuy nhiên, chúng ta có thể tìm thấy trong lời lẽ của Tự Đức trong đạo dụ tháng 7 năm 1864, một số nhận thức đúng đắn của nhà vua về đạo Thiên chúa, đặc biệt là sự cảm thông sâu sắc của Tự Đức về nỗi oan khuất của những người giáo dân vô tội cũng như sự phản đối của nhà vua đối với sự quá khích của một số văn thân đã gắn việc chống Pháp với việc tàn sát đồng loạt giáo dân lúc bấy giờ.

III. NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1- Căn cứ vào những hậu quả mà sự xâm nhập và truyền bá đạo Thiên chúa ra phạm vi toàn thế giới, đặc biệt ở Trung và Nam Mỹ, căn cứ vào những hậu quả mà sự xâm nhập và truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam từ đầu thế kỉ XVII, nhất là ở nửa đầu thế kỉ XIX ở Việt Nam, chúng ta thấy đương nhiên nhà nước phong kiến Nguyễn phải có những biện pháp đối phó để hạn chế và nếu có thể đi đến triệt tiêu những hậu quả đó. Xin nhắc lại, đó là hậu quả làm đảo lộn trật tự xã hội, đời sống văn hóa của xã hội Việt Nam, do bản chất kiêu hãnh và mầu sắc thực dân mà tôn giáo này đã tiêm

https://tieulun.hopto.org

nhiễm, đó là nguy cơ một cuộc xâm lược của thực dân Phương Tây do tôn giáo này dắt dẫn.

Chỉ riêng trong lĩnh vực tôn giáo, cũng đồng thời là lĩnh vực văn hóa, Thiên chúa giáo khi vào Việt Nam, thay vì phải có sự thích nghi để hòa hợp, đã giữ nguyên bộ mặt của một tôn giáo ngoại lai, khiến cho mỗi người dân Việt sau khi đã cải giáo, đã sống một cuộc sống hoàn toàn xa lạ với đời sống tinh thần và văn hóa của cộng đồng. Nhận xét sau đây của E. Võ Đức Hạnh trong luận văn tiến sĩ của ông đã diễn tả rất đầy đủ tích chất bảo thủ, kiêu hãnh và xa lạ đó của Thiên chúa giáo Việt Nam: "Cần phải có các giáo sĩ thừa sai (người ngoại quốc - NVK). Đó là bình thường, có ích và cần thiết; nhưng họ cần phải hòa nhập với tâm hồn người Việt, giống như xưa kia, một thừa sai phải La Mã như người La Mã, phải Do Thái như người Do Thái... ; để không phải là một tôn giáo xa lạ, Thiên chúa giáo phải thích nghi với những thiết chế xã hội, với tập tục, với cách sống, với ngôn ngữ, với tập quán, với não trạng, nghĩa là phải thích nghi và hòa nhập vào với người Việt Nam, không phải là sửa đổi sự truyền giảng Phúc âm mà phải làm sao để cho những người chịu lễ có thể sống bình thường, những người Thiên chúa giáo Việt Nam, về phía mình không phải sống như những người ngoại quốc giữa những người anh em không thiên chúa giáo của họ, sống bên ngoài những thiết chế gia đình, làng xã và quốc gia"[95].

Sự truyền bá đạo Thiên chúa vào Việt Nam đã

95. E. Võ Đức Hạnh. Sđd , Tập 1, Tr. 398.

https://tieulun.hopto.org

không làm được như thế, và vì thế, trước con mắt của người Việt Nam, đạo Thiên chúa, trải qua mấy thế kỉ truyền bá, vẫn nguyên vẹn là một tôn giáo xa lạ với tâm hồn người Việt, với văn hóa truyền thống của người Việt. Không những thế, các giáo sĩ thừa sai, ở đâu và lúc nào cũng miệt thị các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống, nhạo báng thánh thần, xúc phạm tôn giáo bản địa, cũng có nghĩa là xúc phạm nền văn hóa lâu đời của Việt Nam.

Một nhà nước có trách nhiệm đối với danh dự và sự an toàn của quốc gia không thể làm ngơ trước sự xúc phạm đó.

Một nhà tôn giáo học, cộng tác viên của cơ quan UNESCO trong một bài nghiên cứu về mối quan hệ giữa tôn giáo với văn hóa đã viết: "... bất cứ tác nhân nào tấn công vào tôn giáo truyền thống đều làm băng hoại nền tảng của cộng đồng ... Do đó, nhà nước và xã hội đương nhiên phải lãnh trách nhiệm gìn giữ truyền thống của quốc gia, của xã hội, của tôn giáo cùng với các lễ hội, các tuần chay, các giáo luật, các điều kiêng cữ, những sự thờ cúng mà nếu thiếu chúng xã hội sẽ không có tương lai và sự ổn định"[96].

Thực tế lịch sử cũng lại chỉ rõ, Thiên chúa giáo khi xâm nhập và truyền bá ở Việt Nam đã dính líu chặt chẽ với âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân, chủ yếu là thực dân Pháp.

Ngăn chặn sự dính líu này của Thiên chúa giáo cũng là trách nhiệm không nhỏ của nhà nước phong

96. Douze cas d'intéraction culturelle... UNESCO, 1984, Tr. 153-154.

https://tieulun.hopto.org

kiến Nguyễn, khi nguy cơ bị xâm lược thông qua sự dẫn dắt của các giáo sĩ thừa sai Pháp đang tới gần, và trong thực tế đã xảy ra vào giữa thế kỉ XIX.

Vì vậy, chính sách của nhà nước phong kiến Nguyễn phải được coi là một chủ điểm quan trọng và phải được nghiên cứu nghiêm túc trong phần lịch sử dân tộc thời cận đại. Và bất cứ những biện pháp đối phó của nhà Nguyễn sai đúng thế nào, kết quả ra sao thì xuất phát điểm của nó phải được coi là hoàn toàn chính đáng, nằm trong phạm trù của hành động tự vệ để gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc của một nhà nước đang nắm chính quyền.

2- Về các biện pháp đối phó của nhà nước phong kiến Nguyễn, thấy cần phải xem xét và đánh giá ở hai phương diện:

2.1. Đối với các giáo sĩ thừa sai ngoại quốc, Pháp và Tây Ban Nha, nhưng chủ yếu là các thừa sai Pháp, biện pháp đối phó của triều đình Nguyễn, nói chung là hợp lí, minh bạch và nhất quán: giáo sĩ thừa sai ngoại quốc nhất thiết không được nhập cảnh lén lút và trái phép; những giáo sĩ nào đã có mặt ở Việt Nam không được tự do đi truyền đạo nếu không được phép của các nhà chức trách. Những qui định trên đây đã được ghi thành luật và những thừa sai vi phạm sẽ bị xử theo một khung hình phạt cụ thể mà mức cao nhất là tử hình. Tuy nhiên, đối với những thừa sai phạm luật, không phải tất cả đều bị xử tử. Dưới thời Minh Mạng, nhiều thừa sai đã được gọi về kinh dịch sách, cô lập họ với giáo dân, được đối xử tốt, thậm chí còn được phép về nhiệm sở với điều kiện phải ở yên tại chỗ và chịu sự kiểm soát

https://tieulun.hopte.org

của quan chức địa phương. Những giáo sĩ bị giết hoặc bị chết rũ tù trong thời Minh Mạng đều là những người phạm pháp tới mức không thể tha thứ. Còn dưới thời Thiệu Trị, nhiều thừa sai bị bắt, chỉ bị xử trảm giam hậu, sau đó được trao trả cho các sĩ quan Pháp đem tầu đến xin tha. Dưới thời Tự Đức, trước tình hình cuộc xâm lược tới gần, thừa sai bị săn bắt ráo riết và nếu bị bắt thường bị xử nặng. Và, phải coi đây là lỗi ở các thừa sai cố tình phạm pháp, còn vì sao họ cố tình phạm pháp, thì có tài liệu cho biết rằng các thừa sai ngoại quốc không tin tưởng các linh mục bản xứ có thể điều hành tốt việc đạo và đánh giá rất thấp trình độ của họ. Nhận xét sau đây của giới thừa sai Châu Âu đối với giới tăng lữ bản xứ thể hiện rõ điều này: "Trình độ trí tuệ hay sức khỏe, đó chỉ là những vấn đề thứ yếu. Cái trở ngại lớn lại chính là tính tự phụ của con người Phương Đông, sự tự tin quá đáng của họ... Sự kiêu hãnh về chủng tộc ở tất cả những người Phương Đông này, vốn được ru ngủ hàng 20 thế kỉ trong sự ngu dốt và những định kiến, chỉ đơn giản mang tính ấu trĩ. Những ai trong họ có đôi chút hiểu biết về khoa học và nghệ thuật Phương Tây, thì lại trở nên rất nguy hiểm. Linh mục người Annam, Trung Hoa, Nhật Bản cũng không là ngoại lệ, và chúng tôi đã biết chắc điều này. Người ta trách chúng tôi đã cản đường những linh mục này trên con đường trở thành giám mục thay vì phải cảm ơn chúng tôi đã giữ họ ở hàng thứ yếu. Các ngài không hề biết thế nào là cái ánh mắt mầu tím trên đôi mắt một mí của người Châu Á. Còn chúng tôi thì đã trải nghiệm, nên đối với chúng tôi không có vấn đề đưa họ lên hàng giám mục, mà chỉ là ở hàng giám chức bình thường... Các giáo xứ sẽ còn ra

https://tieulun.hopto.org

sao khi được giao cho những người như thế cai quản, hay giao cho họ toàn quyền điều hành, mà không có sự kiểm tra hay chỉnh đốn ? Đó sẽ là sự mở rộng cửa cho mọi thứ bè phái và mọi thứ tà giáo ?[97]. Chi tiết dẫn ra trên đây giúp chúng ta hiểu rõ hơn não trạng của các thừa sai ngoại quốc. Đó là một não trạng thấm nhuần tư tưởng "đế quốc chủ nghĩa" về tôn giáo như nhận xét của nhiều nhà nghiên cứu về lịch sử truyền giáo thời cận đại. Chính họ là những người xúc phạm nhiều nhất tinh thần dân tộc của các quốc gia mà họ tới truyền giáo và đáng phải bị trừng phạt theo pháp luật hiện hành của quốc gia đó.

2.2. Những biện pháp đối phó của nhà nước phong kiến Nguyễn đối với giáo dân cùng với diễn biến của tình hình là rất đa dạng và ngày càng nghiêm khắc. Thời Gia Long, chỉ là một chỉ dụ nhằm cảnh giác và phòng ngừa. Với sự phát triển của Thiên chúa giáo sau gần 20 năm tha cấm thời Gia Long, biện pháp đối phó thời Minh Mạng trở nên hệ thống hơn, chặt chẽ hơn. Đó là biện pháp trước hãy giáo huấn và coi đó là biện pháp chủ yếu, kết hợp với biện pháp cưỡng chế nếu cần thiết. Minh Mạng đích thân biên soạn Thập Điều giáo huấn và chỉ đạo các quan lại thừa hành phải tích cực hoàn thành nhiệm vụ. Tới thời Thiệu Trị và đầu thời Tự Đức do có nhiều sự cố xảy ra trong khu vực, chính sách đối với Thiên chúa giáo của triều đình có phần hòa dịu. Song trong 4 năm kể từ sau cuộc bắn phá của thực dân Pháp ở Đà Nẵng và việc đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông

97. Joly. Le Christianisme et l'Etrême Orient. Pari, 1907, Tập 1, Tr. 359-360.

https://tieulun.hopte.org

Nam Kỳ của chúng, cùng với thái độ thân Pháp lộ liễu của giáo dân, sự đối phó của nhà Nguyễn trở nên quyết liệt hơn bao giờ hết mà điển hình là sắc dụ Phân tháp năm 1861. Đây là thời điểm Thiên chúa giáo ở Việt Nam chịu nhiều tổn thất hơn bao giờ hết và là một trang sử gây sự đau lòng cho bất cứ ai có lòng nhân hậu và ý tưởng công bằng khi đọc lại nó. Sự khoan dung của Tự Đức đối với Thiên chúa giáo từ sau điều ước 1862, có thể chỉ là một sách lược chính trị nhằm hỗ trợ cho đường lối chủ hòa với Pháp của Tự Đức và một số đình thần, đồng thời cũng là do nhận thấy sự bất lợi của chính sách bắt đạo quyết liệt trong khi đất nước đang bị ngoại xâm, khách quan đã chấm dứt một sự xung đột kéo dài giữa nhà nước và Thiên chúa giáo, tránh cho đa số giáo dân vô tội phải gánh chịu sự đau khổ không đáng phải có. Đó là việc làm sáng suốt và hợp lí. Chủ trương tiếp tục chống Pháp của phái Văn thân là đúng, song cho rằng cùng lúc với chủ trương kháng chiến phải diệt trừ Thiên chúa giáo lại là một sự sai lầm. Có thể đây đó, một số giáo dân quá khích, cậy thế người Tây trả thù người bên lương, thì hành động đó đáng phải lên án, song không phải vì thế mà cho rằng tất cả người Thiên chúa giáo là phản động, để lại gây nên một cuộc xung đột lương giáo không đáng có và bất lợi cho việc đoàn kết dân tộc để chống ngoại xâm.

3- Chính sách đối với Thiên chúa giáo của nhà nước phong kiến Nguyễn đem lại kết quả gì?

3.1. Trước hết, chính sách đó chứng minh rằng nhà nước phong kiến Nguyễn đã tỏ ra rất có ý thức trách nhiệm trước những đe dọa có thể có đối với quốc gia

https://tieulun.hopto.org

trước sự xâm nhập và truyền bá đạo Thiên chúa. Và, những chính sách mà nhà nước phong kiến Nguyễn đã thi hành cho đến trước 1862, đặc biệt là chính sách đối với các giáo sĩ thừa sai, chí ít cũng hạn chế được sự thao túng của họ, bảo vệ được trong chừng mực nào đó an ninh của đất nước, và hạn chế được sự cải giáo ồ ạt mà họ hằng mong muốn.

3.2. Song, nhìn toàn cục, chính sách của nhà Nguyễn đã không đạt được kết quả mong muốn. Giáo hội Thiên chúa giáo vẫn đứng vững, số giáo dân có lúc giảm, lúc tăng, nhưng cứ tăng dần dần; trật tự xã hội - ở đây được hiểu là sự ổn định trong ý thức hệ xã hội và nếp sống văn hóa - đã không còn ổn định như xưa, bởi một số không nhỏ dân chúng đã buột khỏi sự kiểm soát và chi phối của triều đình, sống tách ra như một xã hội xa lạ trong một xã hội truyền thống. Và, điều mà triều đình không kém phần lo lắng là sự xâm lược của nước ngoài, cũng đã theo chân sự xâm nhập của Thiên chúa giáo vào Việt Nam.

Có thể qui sự không thành công của nhà Nguyễn đối với Thiên chúa giáo về mấy nguyên nhân sau đây:

- Sự đối phó của nhà Nguyễn tuy khá mạch lạc, sách lược cũng rõ ràng, song việc thực hiện lại không triệt để. Như đã có đề cập tới ở trên, bộ máy quan lại thời nhà Nguyễn, do nhiều nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan đã trở thành một bộ máy quan liêu, tham nhũng vô độ. Giáo sĩ thừa sai cũng như giáo dân đã khai thác chỗ yếu đó bằng biện pháp mua chuộc, hủ hóa bộ máy này khiến nó trở nên vô hiệu trong việc thực hiện các sắc dụ cấm đạo của triều đình. Nếu đây đó có

https://tieulun.hoptoc.com

xảy ra những vụ bắt đạo thì hoặc do tình thế bắt buộc hoặc chỉ làm chiếu lệ. Đó là chưa kể tới nhiều trường hợp các quan địa phương có lòng nhân hậu không nỡ nặng tay đối vơí những người dân chất phác vô tội chỉ vì họ đã quá tin theo một tôn giáo mới. Chỉ riêng trong năm 1861, sắc dụ Phân tháp xem ra có vẻ được thực hiện triệt để hơn, vì cuộc tấn công và chiếm đóng 3 tỉnh miền Đông của Pháp đã gây sự phẫn nộ chung trong toàn quốc. Nhưng chỉ ngay sau đó, thái độ của triều đình chao đảo, nghiêng về xu thế chủ hòa và lệnh bắt đạo dần dần bãi bỏ. Sự không thành công của chính sách đối với Thiên chúa giáo của nhà Nguyễn nằm ngay trong những nhược điểm cơ bản của triều đại này.

- Lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng trong lĩnh vực tâm linh và tôn giáo, biện pháp hành chính để ngăn cản một tôn giáo nhất là một tôn giáo nghiêm chỉnh đã đi sâu vào quần chúng, thường là thất bại. Kinh nghiệm 3 thế kỉ bách hại Kitô giáo nguyên thủy trong đế quốc La Mã (thế kỉ I, II, III), cũng như chủ trương phi Thiên chúa giáo hóa trong cách mạng tư sản Pháp năm 1789 đã chứng minh điều này. Biện pháp hành chính chỉ có thể dùng và phải dùng để ngăn chặn sự lợi dụng của tôn giáo gây tổn hại đến đời sống chính trị và xã hội của quốc gia, song không thể dùng để tiêu diệt những niềm tin tôn giáo đã được dân chúng hưởng ứng và tin cậy, vì sự hưởng ứng và tin cậy đó đều có gốc rễ lịch sử, xã hội, tâm lí sâu xa, không phải là vấn đề của một sớm một chiều. Chính sách của nhà nước phong kiến Nguyễn đã tỏ ra không chính xác khi càng ngày càng nghiêng về những biện pháp hành chính để đối phó với một niềm tin tôn giáo đã hình thành từ gần 2 ngàn năm, và đã

https://tieulun.hopto.org

được truyền vào nước ta đã 3 thế kỉ, với những giáo lí chặt chẽ, tổ chức nghiêm minh, kinh nghiệm dồi dào. Một Thập điều giáo huấn của Minh Mạng chủ yếu đề cập đến những vấn đề đạo đức, và cũng rất sơ sài không thể sánh với thần học và Thánh kinh Kitô giáo có khả năng thỏa mãn những khát vọng hiểu biết cái sâu xa, cái huyền bí của thế giới này cũng như số phận của con người. Đó cũng là lí do vì sao trước búa rìu của những biện pháp mang tính hành chính đôi khi rất ác liệt của triều đình, Thiên chúa giáo vẫn đứng vững và bám rễ sâu trong một bộ phận đáng kể dân chúng (khoảng 5% dân chúng vào cuối thế kỷ XIX).

- Về vai trò của Thiên chúa giáo trong việc phục vụ cho chủ nghĩa thực dân Pháp, đương nhiên triều đình Nguyễn phải dùng biện pháp hành chính, và trong chừng mực nào đó cũng có chút ít hiệu quả. Song để triệt tiêu được mặt lạm dụng này, chỉ với những biện pháp mà nhà nước phong kiến Nguyễn đã làm là không đủ và không thể thành công. Phải có một tầm nhìn xa trông rộng, phải có những cải tổ cơ bản và cập nhật, để Việt Nam hòa nhập được với thế giới, có sức mạnh kinh tế và cùng với thế lực kinh tế là thế lực chính trị, ngoại giao mới có thể hóa giải được những sự lạm dụng của Thiên chúa giáo đối với an ninh của quốc gia. Chính sách bế quan tỏa cảng của nhà Nguyễn, do không đủ sáng suốt, đã làm đất nước suy yếu, thiếu tự tin, dị ứng với sự có mặt của Thiên chúa giáo và bó tay trước sự lũng đoạn của các giáo sĩ thừa sai trong việc giải quyết tốt lợi ích của quốc gia trong mối quan hệ với quốc tế.

Với tất cả sự cố gắng của mình, nhà Nguyễn đã

https://tieulun.hopto.org

không ngăn chặn được sự xâm nhập và truyền bá ngày càng rộng của đạo Thiên chúa cũng như sự dọn đường và sự hỗ trợ của sự xâm nhập của đạo này cho cuộc xâm lược của thực dân Pháp, để rồi cuối cùng phải chấp nhận cho đạo Thiên chúa được tự do hành đạo trong toàn quốc.

Chính sự dọn đường và sự hỗ trợ của Thiên chúa giáo cho sự xâm lược đã khiến cho tôn giáo này cũng như giáo dân, dưới con mắt của người dân Việt Nam lúc đó, bị coi là tôn giáo thân Pháp, giáo dân những là "người Pháp ở trong lòng" - Ngay một thời gian khá lâu sau khi Tự Đức ban lệnh tha cấm, các Văn thân và quan lại chủ chiến vẫn còn nhìn Thiên chúa giáo bằng con mắt như thế, và sự xung đột giáo lương vẫn tiếp diễn. Số giáo dân bị giết bởi các cuộc đụng độ với Văn thân từ 1873 đến 1885 đã lên tới con số 43.585 người[98]. Ấn tượng này về Thiên chúa giáo và người Thiên chúa giáo vẫn còn khá sâu đậm khi trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954) và trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) một bộ phận không nhỏ người Thiên chúa giáo Việt Nam đã quay lưng về phía cách mạng, khiến một sử gia người Việt trong lời kết của luận văn tiến sĩ của mình, xuất bản năm 1965, vẫn còn viết những lời sau đây:

"Vị thế của Kitô giáo trong thế kỉ vừa qua trong mối liên hệ giữa Phương Tây và Châu Á nói chung, và giữa nước Pháp với nước Việt Nam nói riêng, đã để lại

98. *Sách truyện giảng đạo Thánh trong nước Annam.* Hồng Kông, 1917, Tr. 102.

https://tieulun.hopto.org

cho chúng ta một di sản nặng nề: ngày nay vẫn còn tồn tại một nỗi khó chịu giữa cộng đồng Thiên chúa giáo và các cộng đồng khác, cũng như giữa các thừa sai Châu Âu và giáo dân bản xứ. Sẽ không là cường điệu, nếu áp dụng cho nhiều nước Châu Á câu trả lời sau đây của một người Trung Hoa mà tôi vừa mới hỏi ông xem tình cảm của những người Trung Hoa hiện nay đối với Thiên chúa như thế nào: "Chúng tôi đã tha thứ, nhưng quên thì không !"[99].

ĐÔI LỜI KẾT LẠI

Ở mỗi chương đề cập đến một vấn đề cơ bản của đề tài, đều đã có phần kết luận riêng. Để khép lại cuốn sách, xin có mấy lời nhấn mạnh thêm.

1. Trên phạm vi thế giới, từ Phát kiến địa lý, sự gắn bó khăng khít giữa sự truyền bá đạo ra vùng đất ngoại với sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân Phương Tây là một sự thực lịch sử không thể phủ định. Sự gắn bó ấy được thể hiện ở chỗ, từ Phát kiến địa lý (thế kỷ XV) cho đến các thế kỷ tiếp theo (thế kỷ XVI cho đến thế kỷ XIX), Giáo hội La Mã cũng như Giáo hội Thiên chúa giáo ở các quốc gia sớm phát triển (Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pháp) đã vừa biện hộ cho chủ nghĩa thực dân vừa trực tiếp tham gia vào cuộc thực dân đó. Những gì đã diễn ra trong mối quan hệ giữa truyền giáo và thực dân ở Trung và Nam Mỹ, ở Viễn Đông trong các thế kỷ nói trên là những minh chứng. Ở Việt Nam, trong các thế kỷ nói trên, sự gắn bó đó cũng thật rõ

99. E. Võ Đức Hạnh. Sđ , Tập 1, Tr. 398.

https://tieulun.hopto.org

ràng.

2. Sự du nhập của đạo Thiên chúa vào Việt Nam tuy gặp nhiều trở ngại, song không thiếu những cơ hội thuận lợi; đó là sự đau khổ, tuyệt vọng của người dân Việt Nam trong cảnh chiến tranh liên miên tàn khốc, sự mất lòng tin của họ vào các nhà nước đương quyền, sự khát khao tìm ra một lối thoát; đó là tham vọng muốn khai thác sức mạnh vật chất của các quốc gia Phương Tây của các nhà nước Trịnh, Nguyễn nhằm tăng cường lực lượng để áp đảo đối phương, nên nhiều lúc đã tạo điều kiện thuận lợi cho các giáo sĩ thừa sai hoạt động. Tiếp đó là sự hỗ trợ của các chính quốc, đặc biệt là chính quyền Pháp, về vật chất và quân sự đã tiếp thêm sức mạnh cho hoạt động truyền giáo ở đây. Nhờ đó, nhiều lúc gặp trắc trở, khó khăn, cuộc truyền giáo vào Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng kể cho đến cuối thế kỷ XIX. Tuy nhiên sự bất khoan dung của Thiên chúa giáo đối với các tín ngưỡng và tập tục bản địa, nhất là đối với sự thờ cúng tổ tiên, đã khiến cho Thiên chúa giáo cho đến hết thế kỷ XIX chỉ xâm nhập vào dân chúng bản địa chừng 5% dân số, và hầu như không bao giờ vượt quá tỷ lệ 10% ngay cả khi cuộc truyền giáo không còn trở ngại nào đáng kể sau khi thực dân Pháp đã đặt ách thống trị lên toàn cõi Việt Nam.

3. Sự du nhập của đạo Thiên chúa giáo vào Việt Nam cũng tạo nên những sự đụng độ lớn. Đó là sự đụng độ về mặt tín ngưỡng và văn hóa, chủ yếu là do sự bất khoan dung của Thiên chúa giáo với tín ngưỡng và văn hóa bản địa, là ý đồ muốn xóa sạch mọi tín ngưỡng truyền thống và nếp sống văn hóa bản địa, để thay thế

https://tieulun.hopto.org

bằng một tín ngưỡng mới, Thiên chúa giáo, và cùng với nó là một nếp sống văn hóa Phương Tây. Đó là sự đụng độ chính trị, giữa Việt Nam, một quốc gia độc lập, đã đạt tới trình độ phát triển khá cao về mặt văn hóa, chính trị và kinh tế so với các nước vùng Đông Nam Á lúc bấy giờ, với âm mưu xâm lược các nước Phương Tây, chủ yếu là thực dân Pháp muốn biến Việt Nam thành thuộc địa, nhân dân Việt Nam thành những kẻ nô lệ. Hậu quả là: 1) Giữa nhân dân Việt Nam ở bên đời với cộng đồng giáo dân có một hố ngăn cách khá xa về mặt tín ngưỡng trong khi tôn giáo ngoại nhập (Phật, Lão, Khổng) với tín ngưỡng bản địa lại có sự hòa nhập và bổ túc lẫn nhau, khiến Thiên chúa giáo, trước con mắt của người bên đời, hoàn toàn là một tôn giáo ngoại nhập xa lạ. Tình huống ấy là rất bất lợi cho cộng đồng Thiên chúa giáo khi xuất hiện những tác nhân chính trị, đặc biệt là từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, khiến cái hố ngăn cách ấy có nơi có lúc do tình hình phức tạp của đất nước, đã biến thành mâu thuẫn chính trị và đã để lại những hậu quả đáng tiếc. 2) Nhà nước đang nắm chính quyền ở Việt Nam, chủ yếu là nhà nước phong kiến Nguyễn, không thể không áp dụng những biện pháp nhằm ngăn chặn những mối đe dọa như thế đối với nền văn hóa và chủ quyền độc lập của quốc gia. Đó là mặt chính đáng của chính sách đối với Thiên chúa giáo của các nhà nước phong kiến ở Việt Nam nói chung, là của nhà nước phong kiến Nguyễn nói riêng.

4. Chính sách đối với Thiên chúa giáo của nhà Nguyễn tuy có gây khó khăn cho cuộc truyền giáo và thiệt hại cho cộng đồng giáo dân, song nếu so sánh với

https://tieulun.hopto.org

chính sách sát đạo của Nhật Bản hồi đầu thế kỷ XVII, thì không phải là quá quyết liệt. Chính sách đối với Thiên chúa giáo của nhà Nguyễn đã được thực hiện có mức độ tùy theo tình huống và theo một trình tự không phải là không có lý: tha cấm hoàn toàn thời Gia Long, có hệ thống và có sự kết hợp giữa giáo dục và cưỡng bức thời Minh Mạng, chủ yếu là hòa hoãn dưới thời Thiệu Trị, khá quyết liệt khi thực dân Pháp xâm lược nước ta dưới thời Tự Đức, rất nghiêm khắc đối với sự lén lút nhập cảnh, thái độ kiêu hãnh và coi thường pháp luật của các thừa sai, nhưng có mức độ đối với giáo dân và chỉ thực sự nghiêm khắc đối với họ khi họ đã được các giáo sĩ thừa sai kích động, công khai đối đầu và khiêu khích chính quyền, hòa hoãn từ sau điều ước 1862; nhờ thế, Thiên chúa giáo mới có điều kiện vẫn đứng vững và phát triển ở Việt Nam. Mọi sự phê phán gay gắt chính sách đối với Thiên chúa giáo của nhà nước phong kiến Nguyễn, nếu đem đối chiếu với những gì đã xảy ra trong thực tế, là thiếu khách quan và vô tư. Những thiệt hại mà cộng đồng giáo dân đã phải chịu đựng dưới thời nhà Nguyễn là rất đáng tiếc, song đó là kết quả logic của sự việc, khi mà một bên, nhà nước phong kiến Nguyễn, phải có sự tự vệ chính đáng, còn bên kia là thái độ kiêu hãnh, là tham vọng muốn thực hiện một sự áp đặt về tôn giáo và văn hóa, cùng lúc là thái độ và những hành động tạo điều kiện cho cuộc xâm lược của quốc gia đã gửi họ đến Việt Nam, là hành động lôi kéo giáo dân xa rời lợi ích dân tộc, của các giáo sĩ thừa sai Pháp.

5. Cho đến cuối thế kỷ XIX, cùng với sự thiết lập nền thống trị của thực dân Pháp lên toàn cõi Việt Nam và bước vào thời kỳ củng cố và phát triển. Qua 3 thế kỷ

https://tieulun.hopto.org

du nhập, Thiên chúa giáo với tư cách còn là một nền văn hóa cũng đã chuyển tải đến Việt Nam không ít những thành tựu của nền văn hóa và văn minh Phương Tây như đã trình bày sơ lược ở cuối Chương II. Đó là kết quả tất yếu của một quá trình phát triển của lịch sử nhân loại, khi mà cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, các vùng khác nhau trên thế giới có điều kiện giao lưu với nhau, trong đó cái tích cực và cái tiêu cực xen kẽ nhau trong một chiều hướng chung là thế giới cứ ngày càng tiến lên, vượt qua những tiêu cực đã xuất hiện trong sự giao lưu đó.

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC I$_1$

A. DE RHODES - LỊCH SỬ VƯƠNG QUỐC ĐÀNG NGOÀI

(Bản tiếng Pháp, in năm 1651 - In lại trong Revue Indochinoise năm 1908)

Trích một số đoạn nói về tôn giáo, tín ngưỡng, tập tục của người xứ Đàng Ngoài.

Trong phần I của cuốn sách này, ngoài phần lớn số trang dành cho việc miêu tả địa lý, lịch sử, tài nguyên, tổ chức chính trị, quân đội, pháp luật, v.v... A. de Rhodes còn dành một số trang đáng kể để miêu tả, bình luận về các tôn giáo, tín ngưỡng, tập tục của dân xứ Đàng Ngoài.

Chúng tôi cho rằng đây là phần đặc biệt thú vị của cuốn sách, bởi:

1. Về chủ điểm nói trên, tác giả đã có sự quan sát tỉ mỉ (nhất là phần tập tục) và sự miêu tả sinh động, tinh tế, khiến mỗi người Việt Nam ngày nay khi đọc lại những dòng này có thể hình dung được diện mạo đời sống tâm linh của người Việt cách đây 4 thế kỷ.

2. Tác giả tỏ ra có một cái nhìn khá khái quát về đời sống tâm linh của người xứ Đàng Ngoài; tuy nhiên do có những hạn chế nhất định (mặc cảm tự cao, thiếu những thông tin đầy đủ v.v...) nên phần miêu tả về 3 tôn giáo du nhập từ Trung Quốc là Nho, Phật, Lão, tác giả tỏ ra còn hời hợt, đôi khi thiếu chính xác.

https://tieulun.hopto.org

3. Do có một mặc cảm tự cao và niềm kiêu hãnh về tôn giáo của mình (Thiên chúa giáo La Mã) những lời bình luận của tác giả thể hiện một sự miệt thị, riễu cợt, thậm chí tỏ ra thương hại sự ngu dốt của người bản xứ trong lĩnh vực tâm linh, một thái độ mang nặng tính tự cao, tự đại của các chủng tộc Phương Tây, tự cho mình đã đạt đến đỉnh cao của văn minh nhân loại, một thái độ đồng tình với tư tưởng thực dân và phân biệt chủng tộc thời cận đại. Do chịu ảnh hưởng của thái độ kiêu hãnh, tự cao này, những giáo dân người Việt cũng đã có thái độ miệt thị người bên lương, sống tách rời cộng đồng dân tộc và xa lạ đối với bản sắc văn hóa truyền thống, một trong những nguyên nhân khiến Thiên chúa giáo không thể phát triển sâu rộng trong dân chúng bản địa.

4. Một điều rất đáng nực cười là trong khi riễu cợt sự mê tín của người Đàng Ngoài trong chuyện đồng cốt, tác giả lại phô trương sự mầu nhiệm, huyền bí của cây Thánh giá hoặc các bài Kinh của dân bên giáo đã có tác dụng làm thất bại những cuộc gọi hồn lớn ở chỗ công cộng, một sự đề cao lộ liễu cái mê tín của bên giáo để hạ thấp cái mà tác giả cho là một sự mê tín của dân chúng bản địa.

Sau đây xin chọn trích dịch một số đoạn của tác giả viết về chủ điểm đã nêu:

"Những sự mê tín của người Đàng Ngoài và tôn giáo thứ nhất của họ"

Giống như người Trung Hoa, người Đàng Ngoài nói chung là đi theo 3 tôn giáo mà họ gọi là Tam i au (Tam

https://tieulun.hopto.org

giáo) mà dân chúng ở đây mặc dù chất phác, giàu lương tri đã thực hành một cách rất mù quáng trước khi được soi tỏ bởi ánh sáng của Phúc âm thánh thiện. Nhưng kể từ khi Đức tin Thiên chúa giáo được truyền giảng và khi nhiều người trong số họ đã đến với niềm tịn Chúa Jésus, thì họ đã được thoát ra khỏi sự hồ đồ, sự tăm tối mà họ bị bao phủ cũng như sự lệ thuộc của họ vào những ma quỷ đã chi phối họ.

Tôn giáo thứ nhất, và là tôn giáo nổi tiếng nhất được họ gọi là Dau Nhu (Đạo Nho) mà theo họ người sáng lập là một ông Khổng Tử nào đó sống ở Trung Hoa, theo sử sách của họ là cùng thời với Aristote ở Hy Lạp, tức là khoảng 300 năm trước khi Chúa Cứu thế ra đời. Và cái ông Khổng Tử đó được những người Đàng Ngoài cung kính tôn vinh là Đức thánh một cách vô căn cứ và vô lý như tôi đã có một lần thuyết phục họ. Tôi nói với họ rằng không rõ cái Người mà các người gọi là Thánh ấy có biết hay không Đức Chúa cao cả, người sáng tạo ra Trời Đất; nếu y không biết, y không thể là Thánh, vì, đã không biết đến cái nguồn gốc và cái nguyên lý của mọi sự thánh thiện mà y chỉ có thể truyền giảng cho chúng sinh có lý trí bằng sự hiểu biết và tình yêu thương Đấng Tối linh, Tối thượng. Còn nếu y biết sự đó, thì để trở thành người đại trí, người thầy của kẻ khác, y phải truyền giảng cho mọi người sự hiểu biết đó, một sự hiểu biết rất cần thiết cho sự cứu rỗi. Và một khi y không làm được điều đó như đã được thể hiện trong các cuốn sách của mình, trong đó y không hề có chỗ nào nhắc tới Chúa Trời, nguyên lý tối cao của toàn thể, y không đáng được gọi là Thánh.

https://tieulun.hopto.org

Khi tôi phát biểu những lời này trong nhà thờ của chúng tôi trước mặt khoảng bốn chục tín đồ và môn đệ của cái ông Khổng Tử này, dạy bảo các tân tòng Thiên chúa giáo rằng họ không thể gọi ông ta bằng cái tên ấy, mà không hề xúc phạm đến ông ấy cũng như không làm tổn thương lương tri của họ, tôi đã được họ lắng nghe với vẻ hài lòng; đa phần tín đồ Khổng giáo lúc ấy có mặt ở nhà thờ ra về với vẻ buồn rầu và bối rối nhưng vẫn kiên trì sự nhầm lẫn cũ, trừ có một người đã lôi cuốn người khác đến nghe, ở lại với chúng tôi, không theo họ đi, đã nhận thức được khá rõ những chân lý Thiên chúa giáo, và sau đó được nhận lễ rửa tội, được đặt tên Thánh là Jean, muốn là tín đồ của Chúa Jésus hơn là của Khổng Tử mà y đã từng gắn bó cho đến lúc bấy giờ.

Thật ra thì nhà triết học Khổng Tử này, trong các trước tác của ông, đã dạy bảo nhiều điều hữu ích để hình thành nên được những tập quán tốt. Thí dụ, ông ta dạy rằng tất cả mọi người trong cuộc sống thường nhật phải tự tu tỉnh bản thân, và để thực hiện điều đó cần mỗi ngày tự vấn 3 lần để sửa đổi lỗi lầm; tiếp đó người ấy áp dụng những suy nghĩ và sự chăm sóc của mình để điều hành tốt việc gia đình, và chỉ sau khi đã làm tốt được nhiệm vụ ban đầu ấy, người ấy mới có đủ tư cách để điều hành việc cai trị quốc gia - Ông ta cũng còn bàn tới nhiều chuyện thuộc lãnh vực dân luật, xử án, pháp luật, do đó mà các nho sĩ Đàng Ngoài thường xuyên phải tra cứu, học hỏi trong cái trước tác của ông ta, giống như các luật sư của chúng ta tra cứu trong 2 bộ sách về luật La Mã (Code, Digeste). Ông ta cũng còn cung cấp và giải thích một số phương châm chính trị và luật của tự nhiên; ở lãnh vực này ông ta không phát biểu điều gì trái với các nguyên lý của đạo

https://tieulun.hopto.org

Thiên chúa khiến những người theo đạo này phải phủ định hoặc lên án.

Nhưng khi, trong một cuốn sách của mình, có bàn tới cái nguyên lý tối thượng, thì ông ta lại rơi vào một sự hỗn độn, mù mờ về tư duy và ngôn ngữ không thể hiểu nổi. Đó là vì ông ta cho rằng cái nguyên lý ban đầu chỉ là vật chất, vô cảm, vô thức, vô tri, vô hồn, không thể và không xứng đáng được thờ phụng, tôn vinh; vậy mà ông ta lại muốn người ta phải tôn vinh và bày tỏ sự kính trọng đối với Trời mà ông ta cho là xuất phát từ cái nguyên lý mà ông ta đã coi thường. Và ngay đến cả những sự tôn vinh ấy ông ta không cho rằng mọi người đều có quyền bày tỏ mà chỉ dành cho các nhà Vua đang cai quản dân chúng, như thể là những nghĩa vụ về Tôn giáo ấy không phải là chung cho cả dân và vua chúa. Và điều đáng phải lên án nhiều nhất trong chủ thuyết và trong các trước tác của nhà Triết học này là ông ta không hề bao giờ đề cập đến cuộc sống vĩnh hằng; cả đến con người, theo ông ta cũng chỉ là con người thể xác, và nếu ông ta có nói tới một linh hồn thì nó cũng chỉ là vật chất chìm trong cơ thể, tan trong nội tạng, giống như ở các con thú vật; và khi con người chết là tất cả đều tan biến, chẳng còn lại gì, những nhân tố thượng đẳng mang hình hài tinh tế, còn những nhân tố hạ đẳng thì mang hình hài thô kệch. Điều đó đương nhiên dẫn đến chủ nghĩa vô thần và mở cửa cho mọi thứ tội lỗi, chỉ để lại một hình ảnh trống rỗng, một cái bóng hay cái vỏ ngoài của đạo đức.

Ấy thế mà những người Đàng Ngoài, già cũng như trẻ rất sùng bái ông Khổng Tử này và tôn vinh ông ta

https://tieulun.hopto.org

như là một vị thần (Dieu) và khắc sâu sự sùng bái này trong tâm trí con cái họ ngay từ tuổi ấu thơ; ngay ngày đầu tiên đứa trẻ nhỏ tới trường để học chữ Hán, ông thầy dạy học trước khi nhận đứa trẻ làm môn đệ, cùng với đứa trẻ quỳ gối và dạy cho bài học đầu tiên là cầu xin Đức Khổng ban ơn để cho nó có được đầu óc sáng suốt, dễ dàng tiếp nhận những gì phải học, cái mà họ gọi là sáng dạ, có nghĩa là bụng dạ sáng sủa. Về phương diện này, sự tưởng tượng của họ còn dễ dãi tới mức cho rằng các kiến thức khoa học cũng giống như thịt cá được tiếp nhận và được chứa đựng ở trong bụng. Ngay cả các ông Tiến sỹ, các nhà nho cũng rơi vào tình trạng điên rồ này khi trước lúc đi thi để lấy bằng cấp cũng cầu xin với Đức Khổng để đạt kết quả; và khi họ thành công, họ quỳ lạy trước một ban thờ Đức Thánh Khổng để tạ ơn. Đó là sự mê tín điên rồ rất phổ biến trong những người dân ngoại đạo này. Còn những người tân tòng thừa nhận Chúa Jésus như là đỉnh cao của trí tuệ, là mặt trời của mọi ánh sáng, từ đó phát sinh ánh sáng của mọi sự hiểu biết, thường cung kính quỳ lạy 3 lần trước hình ảnh của Người, cầu xin Người ban ơn cứu giúp cho được may mắn từ tuổi ấu thơ, cho sự thành đạt trong việc học hành và rồi cũng bày tỏ lòng tri ân về những hạnh vận mà họ nhận được nhờ ơn Chúa.

Về tôn giáo mê tín thứ hai của người Đàng Ngoài

Tôn giáo thứ hai rất mê tín của người Đàng Ngoài (họ gọi là Dau thic - Đạo Thích), theo như sách vở và sự truyền tụng của họ thì người sáng lập là con một ông

https://tieulun.hopto.org

vua ở Ấn Độ mà người Nhật gọi là Xaca, người Trung Hoa gọi là Xechia và người Đàng Ngoài gọi là Thicca (Thích Ca); theo họ thì ông này đã sống khoảng một nghìn năm trước khi chúa Jésus ra đời. Cha của ông ta tên là Timphan (Tịnh Phạn), cai trị xứ Ấn Độ vào thời của Vua Salomon. Ông Thích ca này khi mới có 17 tuổi đã lấy một công chúa trẻ tên Adudada, con gái của một ông vua khác ở Ấn Độ, chung sống với nhau hai năm và có một người con gái tên Haula. Nhưng bản tính của ông này rất cuồng bạo và ranh mãnh. Ngay khi còn ít tuổi ông ta đã say mê phương thuật và có hai Ma thần thân cận (Démons familiers?), đã hình thành nên tư cách và học vấn cho ông ta và khuyên ông ta nên đi ẩn cư vào một nơi xa xôi hẻo lánh bất chấp sự không hài lòng của người cha và sự ca thán của người vợ. Sau 5 năm, ông ta trở về lâu đài của cha, mang theo một chủ nghĩa vô thần đã tiếp thu được từ các ông thầy xấu, đã ra sức truyền bá nó vào đầu óc của quần thần. Nhưng do bản chất của các nguyên lý nguyên thủy đã chống lại sự sai lầm này, và nó rất khó làm lay chuyển một niềm tin nội tại rằng có một đấng linh thiêng, tức là một thực thể nguyên sơ, một nguyên nhân thượng đẳng của tất cả những gì đang tồn tại, nên ông ta không lôi cuốn được ai tin theo mình. Giận dữ vì công cuộc của mình bị từ chối, Thích Ca nghe theo lời của các Ma thần thân cận, đưa ra một mưu toan độc hại là dựng lên một lịch sử và một phả hệ các Thần và dưới tấm áo ngụy trang của những câu chuyện hoang đường đó, reo rắc những niềm tin cực kỳ nguy hại và cổ vũ cho uy tín của rất nhiều các vị Thần linh. Công cuộc truyền bá ấy thành

https://tieulun.hopto.org

công tới mức là trong vòng 40 năm ở ngôi và thực hiện mưu toan vô luân ấy nhờ vào quyền lực cũng như pháp thuật, y đã lập thành và phổ cập rộng rãi trong toàn Ấn Độ sự thờ cúng mê tín cái Ngẫu tượng trước nay chưa từng được biết đến ở đây. Và, để tăng thêm uy tín chủ thuyết của mình và sự thờ cúng công khai Ngẫu tượng mà y đã dựng lên, y đã làm cho dân chúng tin rằng sẽ có sự ban thưởng ở trên trời cho những người hiền đức và có những hình phạt ở Địa ngục dành cho những kẻ độc ác. Chính bằng cách đó mà sự thờ cúng Ngẫu tượng đã lan tràn ở Ấn Độ. Nhưng những ma quỷ đang chi phối tinh thần của vị hoàng tử khốn khổ này, đã khiến y không hiểu rằng chủ nghĩa vô thần lại còn tệ hại, xấu xa hơn là sự thờ cúng Ngẫu tượng, là thứ bắc cầu cho mọi thói xấu, đã thuyết phục cái đầu óc tội lỗi này tự phủ định mình vào lúc cuối đời. Y không nói với chúng sinh mà chỉ nói với những môn đệ có hiểu biết và linh lợi rằng cái chủ thuyết về Ngẫu tượng mà y đã truyền bá trong vòng 40 năm, chỉ là để làm vui lòng dân chúng ngây thơ. Còn thực ra những gì y truyền dạy chỉ là một tấm màn bao phủ những điều bí ẩn của cơ thể học mà y đưa ra một lời giải thích sơ sài. Y nói rằng chẳng hề biết gì về hình ảnh các Ngẫu tượng mà y đã trình bày, rằng đó chỉ là biểu tượng của ngũ quan và các nội tạng chính của con người. Sau khi tuyên bố như vậy, y qua đời trong sự vô nhân và linh hồn khốn khổ của y sẽ phải nhận sự trừng phạt về 2 điều ác mà y là thủ phạm : Một là Đạo thờ Ngẫu tượng mà dân chúng đã bị nhầm, lại còn hân hoan về những điều bịa đặt của y, đã đi theo và vẫn còn tiếp tục; hai là chủ nghĩa vô thần mà những kẻ đầu óc phóng túng đang tin theo, buông thả mình không

https://tieulun.hopto.org

sợ hãi vào đủ mọi thói xấu, trong khi đó dân chúng chất phác bị lạm dụng lại sầm sì một cách sợ sệt về sự thờ cúng các Ngẫu tượng. Vậy mà không rõ thế nào mà cái nọc độc của thuyết Thích ca cùng các điều mê tín của y đã lây truyền từ Ấn Độ qua Trung Hoa rồi từ đó qua xứ Đàng Ngoài vốn chỉ là một tỉnh của Trung Hoa như tôi đã có dịp nói; rất khó hiểu được sự việc một cách tường tận vì nó xảy ra đã quá xa xưa. Theo sử sách của Trung Hoa, thì là do có một Sứ giả Trung Hoa được một nhà vua nước này tên là Hau min ti (?) được cử sang Phương Tây để thỉnh chân kinh theo lời dạy của Thượng Đế đã báo cho ông trong mộng; thay vì phải sang tận phương trời Tây theo lệnh của vua, chuyến đi phải dừng lại ở Ấn Độ. Do đường quá dài và nhiều khó khăn. Ở đấy, họ đã gặp các tu sĩ BaLaMôn, được nhận kinh và tiếp thu chủ thuyết của Đức Phật (Budda, có nghĩa là bực hiền nhân) của họ, cũng là tên mà họ đặt cho nhân vật Thích ca mà ta đang nói đến; vị sứ giả đem kinh Phật về cho vua Trung Hoa và là người đầu tiên truyền vào xứ này sự thờ cúng các Ngẫu tượng và do sự lừa mị của y và theo gương của nhà vua, sự mê tín đã được dân chúng tuân theo; trong khi đó thì những người có học thức và có tư duy minh mẫn, sau khi xem xét kỹ lưỡng tính hư không và sự lỏng lẻo của chủ thuyết mới này, đã không chịu đi theo.

Về cái tôn giáo thứ ba của người Đàng Ngoài và các pháp thuật họ ứng dụng cho những người ốm đau

Cái tôn giáo mà tôi sắp nói tới đây là thứ tệ hại nhất trong tất cả những thứ đang hiện diện ở Vương

https://tieulun.hopto.org

quốc Đàng Ngoài, là thứ rất gần gũi và gắn bó với sự lộng hành của Ma Quỷ, bởi vì tất cả những người theo đạo này đều thực hành ma thuật khiến họ càng gắn bó với vị thần ma mãnh này. Người ta gọi kẻ sáng lập ra đạo này là Lautu (Lão Tử), một nhà phương thuật lão làng và nổi tiếng, vẫn đang còn có một số rất đông môn đệ rất có uy tín đối với nhà vua và đối với tất cả những người có địa vị, giàu sang trong vương quốc. Điều rất không hay là ngay cả nhà vua và các quan đại thần cũng đều chịu ảnh hưởng nặng nề của cái thứ lây nhiễm đáng nguyền rủa này. Và cái làm cho đạo này được có uy tín, là những cách chữa những bệnh mà người ta tin là đạo này có thể chữa khỏi. Mặc dù trong xứ cũng có nhiều thầy thuốc khá giỏi, song những người có máu mặt lại có thói quen sẵn lòng dùng các pháp sư mà họ rất tín nhiệm, tự nguyện tin tưởng sự chữa bệnh bằng bùa chú của họ hơn là các bài thuốc của các thầy thuốc.

Vì thế, khi một người nào đó bị ốm, liền cử ngay một người đầy tớ đến nơi công cộng (chợ?) - nếu người ốm không tự đi được, để hỏi một trong số những phù thủy (Sorciers - đúng ra là các thầy bói - NVK chú thích) thuộc giáo phái này (Và những người làm nghề này không thiếu nhất là những người nghèo khổ và mù lòa sinh sống bằng nghề này) để hỏi xem do đâu và vì lẽ gì mà người này bị ốm.

Bởi vì những người dân tin một cách mù quáng rằng họ bị ốm là bởi một người nào đó như cha mẹ, ông bà đã mất đã không được họ làm tròn đạo hiếu. Thế là người thầy bói bèn tung vài đồng tiền (đúng hơn là 2 đồng - NVK chú thích) lên không làm lễ để bói quẻ, rồi

https://tieulun.hopto.org

sau đó tuyên bố chắc chắn rằng do vị nhân thân đã quá cố nào đó của người ốm đã gieo bệnh, do đâu mà có bệnh. Lời đoán của thầy bói được coi như một lời tiên tri không thể được nghi ngờ; người ốm bèn mời đến nhà một pháp sư khác để y dùng lễ vật cúng khấn làm nguôi cơn giận của vị thân nhân quá cố mà thầy bói đã gọi ra. Thế là vị pháp sư lệnh cho gia chủ phải sửa soạn thịt thà để cúng khấn vị thân nhân quá cố; y lại cho dựng một ban thờ nhỏ rồi gieo quẻ để biết người bệnh có bị chết hay không. Để có câu trả lời, y giết một con gà, cắt đôi chân rồi ném vào nồi nước sôi, quan sát một cách chăm chú hình dạng cái móng gà rồi căn cứ vào đó để đoán trước xem người bệnh sẽ chết hay sẽ qua khỏi. Và sau khi đã thông báo sự nguy hiểm, y chuẩn bị để làm dịu cơn thịnh nộ của vong linh người quá cố, rồi thỉnh một cái chuông con đặt trên một cái bàn để triệu vong linh ấy về, tiếp đó cầu xin vị thần mà y gọi là Đức Vua đến cứu giúp bằng những lời khấn rất hỗn xược đối với kẻ mà y cho là thủ phạm gây bệnh cho người ốm. Còn nếu y thấy bệnh của người ốm có chiều hướng nặng thêm, y hối hả tuôn ra những lời nguyền rủa thân nhân đã quá cố của gia chủ, và, đôi khi thỉnh chuông suốt cả đêm gây khó chịu cho người ốm khiến người ốm không được nghỉ ngơi. Và rồi, y cho rằng các vong linh của những người đã khuất đã hưởng thụ đầy đủ khói hương, cỗ bàn, y cho người đem về nhà để vợ con y hưởng phần còn lại. Sáng ra, y cho làm một chiếc thuyền nhỏ bằng nứa và giấy (thuyền mã) đem ra bờ một con sông lân cận có một số đày tớ gia chủ đi theo và một vài anh lính mang theo súng hỏa mai; ở đó, theo lệnh của pháp sư, những người đày tớ đánh chìm thuyền xuống đáy sông

https://tieulun.hopto.org

như thể là để dìm chết các vong linh của người quá cố, còn mấy người lính thì bắn 3 hoặc 4 phát súng như là để dọa không cho các vong linh dám quay lại - Và, nếu sau đó (điều này đôi khi cũng xảy ra) người ốm khỏi bệnh, thì pháp sư rất hãnh diện vì quyền phép của mình và đòi hỏi được thưởng công; còn nếu tình hình xảy ra ngược lại, người ốm chết, y rút lui ngượng ngùng và không nhận được một phần thưởng nào.

Tôi thấy cần phải nói thêm rằng cái cách bói chân gà để biết kết quả của căn bệnh, được áp dụng phổ biến trong mọi công việc của người Đàng Ngoài để xem điềm báo trước và đoán trước kết quả của công việc. Do đó, nếu họ phải đi xa bằng đường bộ, đường biển, tiến hành chiến tranh, cưới xin hoặc làm một công việc gì quan trọng, mà thấy tư thế của các móng gà báo điềm lành, họ sẽ thực hiện chúng một cách quả quyết, không hề lo ngại. Còn nếu móng gà báo điềm xấu, họ không dám làm liều, đình chỉ ngay mọi công việc. Điều này đã gây trở ngại lớn cho công việc của họ ...

Những nghi lễ của pháp sư Đàng Ngoài áp dụng cho những người chết.

Chúng ta đã quá ngạc nhiên về sự lẫn lộn của người Đàng Ngoài khi họ lạm dụng các pháp sư để chữa bệnh cho bố mẹ và con cái họ; họ cũng lại còn dùng cách thức đó sau khi thân nhân họ đã chết, vẫn cứ áp dụng sự mê tín điên rồ của họ. Chỉ thời gian ngắn sau khi người ốm chết, pháp sư cùng với gia đình đau khổ của người quá cố cùng nhau đến nhà của một bà đồng đang đợi sẵn sự sùng tín của họ; ở đây bà đồng này, bằng một vài lời khấn ma thuật đã gọi được hồn của người chết về

https://tieulun.hopto.org

để nhận biết và an ủi gia đình đang để tang; hồn ma bỗng nhập vào xác của bà đồng (...) và lắc mạnh thân thể bà ta, làm cho mặt mày bà ta khi thì hồng như thanh sắt nung đỏ, khi thì trắng bệch như màu sáp và rồi chuyển thành màu đen đáng sợ, để chứng tỏ hồn đã nhập thân bà đồng. Sau đó, hồn ma bắt chước tiếng nói của người đã chết, gọi đúng tên của một người trong gia đình, nói với người này về một việc gì đó mà khi còn sống đã cùng làm với nhau và qua đó bày tỏ tình cảm với người này... Điều đó làm cho cả gia đình bật khóc và cung kính lễ phục xuống đất tỏ lòng tôn kính linh hồn của người mà họ đã từng nghe tiếng nói và tỏ mặt mày và họ tưởng đang hiện diện ở đây. Tiếp đó những người trong gia đình đặt cho hồn ma nhiều câu hỏi mà hồn ma trả lời một cách mập mờ, tối nghĩa làm cho họ lo lắng. Hồn ma không quên bày tỏ cảm tình với pháp sư và bà đồng, coi họ như những người bạn tốt, đòi hỏi thịt thà mà y làm ra vẻ thèm thuồng, lập tức thịt thà được mang đến như là để làm vừa lòng người quá cố. Còn nếu đôi khi hồn ma không nói ra lời từ mồm của bà đồng thì bà này giãy giụa một cách giận giữ, mặt mày nhăn nhó, ậm ọe nhiều câu của người quá cố theo sự gợi ý ngầm của pháp sư, đòi hỏi những điều mình muốn, được nghe và tuân thủ như thể người quá cố đang có mặt ở đó.

Lại còn có một cách khác mà những người phù thủy, đội danh ma quỷ để lợi dụng dân chúng bằng cách làm cho người quá cố hiện hình trong một cái gương thần bí, rồi làm cho hồn ma nói và yêu cầu điều y muốn. Có một lần bà đồng đã thất bại và lúng túng khi thực thi phép thuật này; đó là vì có hai người lính theo đạo Thiên chúa đã ngăn cản vụ này bằng những bài kinh

https://tieulun.hopto.org

cầu nguyện, và bằng những cây thập giá mà họ dấu trong ống tay áo. Và trong khi bà đồng vất vả suốt đêm để triệu thần ma về giúp đỡ thì hai người bên giáo không ngừng cầu chúa suốt đêm, đã ngăn cản không cho thần ma hành động, khiến trò lừa bịp mê tín đã thất bại và bà đồng rơi vào cảnh lúng túng; những người giáo dân đã được chúa đáp ứng điều họ cầu xin, và sức mạnh của lời cầu nguyện đã chiến thắng phương thuật.

Một kết quả tương tự cũng đã xảy ra một lần khác ở một nơi công cộng; ở đó tập hợp rất đông dân chúng để chứng kiến một cuộc biểu diễn ma thuật của một pháp sư nổi tiếng thường quen biểu diễn trước mặt mọi người bằng cách điều khiển một hình nhân mã đi được, di chuyển được hòn đá lớn mà nhiều người lay không nổi. Đó là lúc một người bên giáo tên Mathieu đi ngang qua đó, động lòng khi thấy sự nhầm lẫn và u mê của đồng bào mình, đã khấn cầu quyền phép của chúa Jésus, và nhờ vào tính năng của cây thánh giá y đeo trên mình, bí mật tiến hành cuộc tiễu trừ ma quỷ mà pháp sư đang định sai khiến, rồi nhân danh Chúa Cứu thế đã thắng thần ma ấy từ cây thập giá, ra lệnh cho nó phải rút về Địa Ngục và không được lừa dối dân chúng bằng những trò lừa bịp của nó nữa. Y bắt buộc thần ma phải vâng lời, trong khi tên pháp sư cầu khấn trước ban thờ mà không hề cảm thấy sự có mặt cũng như oai lực của thần ma, chạy quanh một cách cuồng nhiệt, làm nhiều động tác, khi thì đứng, khi thì quỳ gối, khi thì phủ phục dưới đất, bằng mọi cách ép vị thần đã bỏ y phải trở về.

Sau khi thấy làm đủ trò trong ba, bốn tiếng đồng hồ cho đến khi trời tối mà vẫn không có kết quả, y trở nên

https://tieulun.hopto.org

giận dữ gần phát điên vì bị dân chúng chế riễu, y tức tối lật đổ ban thờ, nguyền rủa pháp thuật và thần ma đã bỏ y khi cần thiết rồi bỏi rối trở về nhà. Điều này được Mathieu đem kể một cách hào hứng và khoái trá với các cha, và các cha đã khuyên y phải tự chế và giữ bí mật ân sủng mà chúa Trời đã ban cho y, đừng có rêu rao những gì y đã làm, sợ rằng dân ngoại đạo lấy đó làm cớ để đối xử xấu với người bên giáo.

Những bữa cỗ mà những người dân thường, và kể cả nhà vua, sửa soạn để tưởng nhớ những người đã chết.

Một trong số những mê tín phổ biến nhất và gắn bó nhất đối với người dân xứ này với danh nghĩa là báo hiếu, đó là bữa cỗ mà họ sửa soạn để tưởng nhớ đến cha mẹ đã quá cố mà họ gọi là Gio (Giỗ), là xuất phát từ ba sai lầm lớn. Sai lầm thứ nhất là họ cho rằng linh hồn cha mẹ họ có thể tự do trở về nhà con cháu mình nếu muốn hoặc khi được khấn mời, do không biết những sự ngăn cách vĩnh viễn giữa các linh hồn tội lỗi ấy với chúng ta. Sai lầm thứ hai là họ tin một cách mù quáng (điều mà Thánh Augustin đã nêu lên và lên án vào thời của người) rằng những người quá cố có thể hưởng thụ thịt thà và cỗ bàn của chúng ta. Do đó mà có tập tục sửa soạn cho họ một bữa cơm cúng thịnh soạn nhất trong khả năng cho phép. Và rồi khi cỗ đã làm xong người con trưởng và cũng là người thừa kế trong nhà, kính cẩn khấn vái người cha như thể ông ta đang có mặt, bằng những lời sau: *Thưa cha kính mến, con vô cùng sung sướng được thấy cha trở về nhà, nơi mà cha đã xa vắng lâu ngày, xa các con cháu chịu ơn nuôi nấng dưỡng dục của cha, được cha đã khó nhọc bù chi. Chúng con vô*

https://tieulun.hopto.org

cùng mong mỏi được thấy cha luôn ở bên chúng con để chúng con đền đáp công ơn của cha. Xin cha hãy vui lòng thụ hưởng bữa cơm thanh đạm mà chúng con thành tâm dâng cúng, với lòng biết ơn vô tận công đức của cha và cũng được nhẹ bớt sự thương nhớ mà sự ra đi của cha đã để lại nơi chúng con. Sau khi khấn xong thì anh ta cùng cả gia đình lạy phục xuống đất xuýt xoa bày tỏ lòng tôn kính với người quá cố như thể ông ta đang có mặt, và mời ông ngồi dùng bữa cơm cùng với họ.

Điều mà họ tưởng tượng và tin chắc như trong cái sai lầm thứ ba còn vô lý hơn cả 2 sai lầm khác và là sự báng bổ thánh thần, là họ cho rằng toàn bộ đời sống, sức khỏe, sự bình an của gia đình và tất cả sự thịnh vượng về của cải, vật chất đều tùy thuộc vào các bực tiền nhân đã quá cố; cuối bữa giỗ người thừa kế thay mặt các em và mọi người trong gia đình cầu xin người cha không bao giờ quên con cháu, luôn săn sóc họ và ban cho mọi người sức khỏe, tuổi thọ và của cải dồi dào. Sau đó, cả gia đình quỳ gối, cúi đầu sát đất như thể để tiếp nhận sự ban phước của người quá cố.

Lễ Giỗ này được lập lại nhiều lần trong thời gian có tang, nhưng chủ yếu là vào ngày mất của người quá cố ...

Ngay ông vua đang trị vì đất nước cũng rất coi trọng sự mê tín này đối với người cha quá cố của mình một cách thái quá khó mà tưởng tượng nổi. Ông ta cho dựng trong cung của mình một căn phòng lộng lẫy hình dáng một cái miếu to hơn hẳn bất cứ một cái miếu nào trong xứ, dành để tôn vinh vong hồn của cha mình: ở đây ông ta cho đốt trầm, hương trong tất cả mọi ngày, và bày biện thịt thà ê

https://tieulun.hopto.org

hề trên bàn với tất cả sự trân trọng như khi người cha đang sống; để phục vụ cho công việc này nhà vua đã chỉ định một viên sĩ quan chuyên trách chủ trì mọi nghi lễ, dành ra một món tiền khá lớn chi phí hàng năm cho việc thờ phụng ở đây. Một vài viên quan cao cấp cũng bắt chước nhà vua, cũng có những phòng riêng ở trong nhà để thờ cúng vong linh cha mẹ theo cách như vậy tuy có ít tốn kém và ít linh đình hơn. Và người ta cũng thấy ngay cả những người dân thường bao giờ cũng dành một chỗ trong nhà để đặt bàn thờ tổ tiên mà họ luôn chăm sóc vì nghĩ rằng vong linh tiên tổ vẫn ngự ở đó.

* * *

Người ta cũng còn làm những cái giỗ khác ít long trọng hơn tùy theo điều kiện của từng người, để cúng ông bà, các cụ và tất cả các thân nhân trước nữa của cả hai bên nội ngoại ngược lên cho đến thế hệ thứ 8 mà ngày giỗ đã được ghi nhớ. Đối với người dân thường do không thể ghi nhớ hết các ngày giỗ ấy, nên tháng bẩy và tháng chạp (âm lịch) trong năm là dành cho việc cúng các vong linh tổ tiên mà không một ai bỏ qua...

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC I_2

SỰ THÀNH LẬP HỘI THỪA SAI

Trích. Ch. Maybon. Histoire moderne du pays d'Annam. Paris. 1919. trang 41 - 50.

Đã xuất hiện vấn đề về các cuộc vận động do A. de Rhodes tiến hành để cung cấp các giám mục cho cuộc thương lượng đã diễn ra như thế nào ở Rome đã dẫn tới sự thành lập Hội Thừa sai. Phần lớn các tác giả đã viết về xứ Annam không quan tâm đề cập tới chuyện này hoặc chỉ nói đến một cách qua loa; vậy mà sự thành lập cái hội mới này lại gắn bó khăng khít với lịch sử sự bành trướng thế lực của Pháp ở Đông Dương; một trong số những người sáng lập ra hội này, ông Pallu, đã kết nối những mối giây liên hệ đầu tiên giữa triều đình xứ Annam và triều đình nước Pháp; người nổi tiếng nhất trong số các thừa sai của hội, giám mục Adran, đã chính thức thắt chặt thêm các mối liên hệ đó; hoạt động của các thành viên Hội này đã tạo cớ cho các cuộc can thiệp vũ trang đầu tiên. Đó là những lý do đầy đủ để cung cấp một vài thông tin về các tình huống dẫn tới sự thành lập hội này.

Kể từ cuộc viếng thăm Paris của A. de Rhodes vào năm 1652, 1653, thì vụ việc cung cấp các giám mục đã trở thành một công cuộc của nước Pháp. Giáo hoàng, khi được báo là các linh mục người Pháp đã sẵn sàng đi truyền giáo ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, đã truyền cho

https://tieulun.hopto.org

Khâm sai Tòa thánh ở Paris chọn 3 người trong số họ để bầu làm giám mục. Những nhà hằng tâm hằng sản, đứng đầu là nữ công tước Aiguillon, cháu gái của Tể tướng Richilieu, đã tập hợp tiền của cần thiết cho việc lập 3 giáo hạt (évèchés). Nhưng ngày khi bắt đầu các cuộc thương lượng, đã xuất hiện ngay những sự chống đối, và đương nhiên gay gắt nhất là từ phía người Bồ Đào Nha. Nhà vua của nước này sợ rằng nước Pháp sẽ theo chân các giáo sĩ, thừa sai của họ để thâm nhập vào Viễn Đông. Đại sứ Bồ Đào Nha ở bên cạnh Tòa thánh đã dám dọa sẽ bắt bỏ tù những giáo sĩ Thừa sai sẽ được gửi sang Ấn Độ. Tin tức đó đã gây xúc động trong giới tăng lữ ở Paris, và một người nổi tiếng nhất trong số họ là Vincent de Paul đã thay mặt họ giữ một thỉnh nguyện thư lên giáo hoàng Innocent X; và lấy cớ là để tránh gây "chia rẽ giữa các nhà vua công giáo", họ kiến nghị không phong giám mục đích thực với "quyền lực và danh hiệu thông thường" mà là các giám mục trực thuộc giáo hoàng. Cuộc can thiệp này cũng không đem lại một kết quả đáng kể nào đối với tiến trình cuộc vận động. Và rồi, sau khi Innocent X qua đời (7.1.1655), Đại hội đồng Tăng lữ Pháp đã quyết định (13.4.1655) viết thư trình vụ việc cho giáo hoàng kế vị Alexandre VII, nhưng cũng không đạt được kết quả nào hơn. Về phần nữ công tước Aiquillon, bà đã không tiếc sử dụng tài sản, kiên trì cung cấp cho các tổ chức giáo hội ở Công quốc Avignon một món tiền nhằm đáp ứng những nhu cầu cần thiết cho việc nuôi dưỡng các giám mục, nhưng không gì lay chuyển được sự chống đối của những người phản kháng công cuộc này. Cuộc vận động tưởng chừng như hoàn toàn thất bại.

https://tieulun.hopto.org

Tuy nhiên, vào năm 1657, một vài giáo chức Pháp, trong đó có F. Pallu, kinh sĩ ở Tours, một trong số các linh mục mà Khâm sai Tòa thánh đã giới thiệu với Innocent X bốn năm trước đây vào chức giám mục, đã đến Rome. Pallu đã tự mình thuật lại việc ông ta được lôi cuốn vào việc tiếp tục cuộc vận động đã bị bỏ lửng như thế nào. Lúc ấy Alexandre VII nhớ ra rằng :"Đức cha De Rhodes đã để lại một bản ghi chép về vụ việc này" và nhận tiếp các linh mục Pháp. Trong lời tâu bày với giáo hoàng, các giáo sĩ Pháp đã trình bày nhằm làm triệt tiêu mọi trở ngại: Họ báo cáo rằng những món tiền nuôi dưỡng các giám mục đã được đặt sẵn, rằng họ hứa sẽ đi sang Viễn Đông mà không theo đường Lisbonne và cuối cùng xin cử đi Đàng Trong và Đàng Ngoài những giám mục in partibus infidelium, tức những đại diện trực tiếp của giáo hoàng, thay vì các giám mục đích danh mà việc phong chức sẽ được hiểu như là một sự vi phạm quyền tài thẩm của Tổng giám mục ở Goa, của các giám mục ở Macao và Malacca.

Alexandre VII nói với họ rằng, Ngài muốn quan tâm tới vụ việc này và muốn giao việc này cho một ủy ban gồm 4 Hồng y giáo chủ xem xét; Ngài đã làm việc này mau mắn tới mức, như lời một người đương thời nói, mà ai đã từng quen với cách thức làm việc của Rome đã phải ngạc nhiên.

Tuy nhiên, mọi khó khăn chưa phải đã được giải quyết và người Bồ Đào Nha không ngừng phản kháng mạnh mẽ quyết định của giáo hoàng. Nhưng rồi, Tổng Hội truyền giáo, trong cuộc họp toàn thể ngày 13.5.1658, đã kiến nghị chỉ định hai ông François Pallu

https://tieulun.hopto.org

và Pierre de la Motte Lambert, lúc ấy đang là giám đốc bệnh viện Rouen. Ngày 17 tháng 8, một sắc chỉ Tòa thánh ban phong vị giám mục thứ nhất chức danh giám mục Héliopolis và vị thứ hai chức danh giám mục Béryte, cả hai đều là giám mục In partibus infidélium.

Vậy là vụ việc được mở đầu vào năm 1650 bằng lời thỉnh cầu của A. de Rhodes đã đạt kết quả sau 8 năm. Đã xuất hiện bóng dáng của Hội Thừa sai; nó thật sự được hình thành khi một chủng viện được thành lập và việc tuyển chọn các cộng tác viên cho các đại diện Tông tòa được hoàn tất.

Một đại diện tông tòa thứ 3 cũng được chỉ định theo lệnh của giáo hoàng; đó là ông Ignace Cotolendi, cha xứ ở Aix - en - Provence, được phong giám mục Métellopolis năm 1660. Giám mục Béryte rời nước Pháp năm 1667, ngày 27 tháng 11 cùng với hai thừa sai là các ông Bourges và Deydier; Giám mục Métellopolis rời cảng Marseille ngày 3 tháng 9 năm 1661, cũng có 2 thừa sai đi theo; cuối cùng, ngài Pallu, sau khi đã giải quyết xong mọi công việc ở Paris cũng lên đường ngày 2 tháng 1 năm 1862 cùng với 7 bạn đồng hành.

Hãy bỏ qua việc thuật lại cuộc hành trình gian khổ của họ; trước khi tới đích, 6 người trong số họ đã chết, trong đó có Cotolendi. Ông Lambert đến Xiêm trước tiên vào ngày 22.8.1662, liền vấp phải ngay sự thù nghịch của người Bồ Đào Nha; danh vị Giám mục của ông bị hoài nghi và phủ nhận. Thậm chí họ còn định bắt ông; và, thấy rằng một sự hằn thù như thế sẽ vẫn còn tiếp tục gây trở ngại cho sứ mạng của mình, ông cử 1 trong số những linh mục đi theo ông, ông Bourges đi tường

https://tieulun.hopto.org

trình tình hình với giáo hoàng và xin ngài cho ông được nắm quyền tài thẩm ở các Vương quốc Pégou, Xiêm, Caomên và Chàm.

Ông Pallu đến với Giám mục Béryte ngày 27 tháng 1 năm 1664; chỉ ít lâu sau khi ông tới Xiêm, tin tức cho biết các cuộc bắt đạo nghiêm trọng đang diễn ra ở xứ Annam; Các vị giám mục lo ngại rằng sự có mặt của họ trong các xứ sở hỗn loại này sẽ làm cho cuộc bắt đạo thêm gay gắt và đã quyết định ở lại Xiêm để lập ở đó một chủng viện - Tuy nhiên, họ cũng cử sang Đàng Trong một trong số người đồng hành của Cotolendi, ông Chevreuil với danh nghĩa là phó giám mục.

Đó là giáo sĩ thừa sai đầu tiên của Hội thâm nhập vương quốc của chúa Nguyễn. Ông cập bến Faifo ngày 24 tháng 7; Các giáo sĩ dòng Tên đang ở Đàng Trong lúc ấy đón tiếp ông khá niềm nở, nhưng những người Bồ Đào Nha, và trong số họ có một người tên Jean de la Croix, thợ đúc súng đang phục vụ nhà chúa đã ra sức hạ uy tín của ông trước các quan lại. Thế rồi cuộc bắt đạo lại tăng cường, giáo dân bị đem xử tử, và ngày 9.2.1655, 3 giáo sĩ dòng Tên bị buộc phải lên một con tàu đi Xiêm. Về phần ông Chevreuil, lúc đầu đã tránh được cuộc trục xuất, nhưng ngay tháng sau cũng phải ra đi vì những người Bồ Đào Nha đã thành công trong việc trục xuất ông bằng "những mưu mô và những lời vu khống".

Ở Đàng Ngoài, Francois Deydier gặp may mắn hơn; năm 1666, khi lệnh cấm đạo của Trịnh Tạc đang còn tiếp diễn, Deydier đã vào được đất liền dưới y phục thủy thủ. Phải ẩn náu gần Hưng Yên trong nhà một người thông ngôn cho một đại lý một hãng buôn Hà

https://tieulun.hopto.org

Lan, ông ta đã bắt liên lạc được với các giáo dân bản xứ, các thầy giảng và các tân tòng của các giáo sĩ dòng Tên và nhanh chóng hoàn thành nghĩa vụ của mình. Trong thời gian đó, Chevreuil đã quay trở lại Đàng Trong với một thừa sai khác là Antoine Hainques. Nhưng thay vì phải đi thẳng ra Faifo, ông đã đổ bộ lên bờ biển không xa Bà Rịa. Bị ốm nặng, ông đã để người bạn đồng hành một mình đi ra các tỉnh phía Bắc, khi đã khỏi bệnh ông đi Cao Miên. Bị một linh mục Bồ Đào Nha tố giác, ông bị bắt và bị dẫn độ đi MaCao, ông bị cầm tù ở đó 5 tháng. Sau đó người ta đưa ông sang Goa, ở đó ông được giao cho tòa án tra xét và bị cầm tù trong hơn 1 năm. Hainques cũng bị những người Bồ Đào Nha ở Đàng Trong dày vò, ông bị tố cáo với giáo dân là kẻ lừa bịp, với chúa Nguyễn là kẻ gây rối và là điệp viên của người ngoại quốc; tuy nhiên ông cũng được sống tạm ổn bởi chúa Hiền Vương lại tỏ ra khoan dung.

Năm 1671, Hainques chết vì bị đầu độc giống như một thừa sai khác tên là Brindeau, người vừa đến với ông; những người Bồ Đào Nha đã được coi là chịu trách nhiệm về cái chết của họ - Pallu trở lại Âu Châu năm 1665 để lo liệu nhiều công việc liên quan đến lợi ích sự nghiệp truyền giáo và cũng là để giải quyết dứt khoát vấn đề quyền độc lập của các thế diện Tông tòa đối với người Bồ Đào Nha. Trong khi vắng mặt người đồng sự của mình, giám mục Béryte, có 2 thừa sai đi theo, đã làm một cuộc viếng thăm Đàng Ngoài (8 - 1669). Sau khi trở về Xiêm, được biết xứ Đàng Trong không còn linh mục của Hội, Hainques và Brindeau đã chết, ông quyết định tới đó, ông đem theo 2 thừa sai mới, còn người Bồ Đào Nha thì ra sức đầu độc bầu không khí

https://tieulun.hopto.org

chia rẽ. Ông đã làm tất cả để ổn định tình hình và ra đi vào đầu năm 1672. Sau khi trở về Xiêm, ông gửi thư cho chúa Hiền Vương cùng với nhiều tặng vật đẹp - nhà chúa tỏ ra hài lòng và cho phép các linh mục của Hội Thừa sai ở lại trong xứ và cho phép lập các nhà thờ.

Pallu lại rời Châu Âu vào năm 1670 và đã nhận được từ Rome những ân sủng mà ông cầu xin cho các thế diện Tông tòa. Ngoài ra, vua Louis XIV còn ủy nhiệm ông sứ mạng mang 1 bức thư và lễ vật trao cho vua Xiêm.

Sự ưu ái đó đã gây tiếng vang sang các nước lân cận và Pallu nghĩ rằng nên lợi dụng cơ hội này để đến Đàng Ngoài. Ông được biết Deydier và Bourges đang được đối xử tốt ở triều đình vua Lê Gia Tôn và họ bảo đảm rằng ông sẽ được đón tiếp trọng thị. Ông bèn khởi hành theo một con tầu của một người Pháp tên Hautmesnil mang theo lễ vật cho nhà vua. Nhưng tàu bị bão đánh dạt vào bờ biển Philippines và sau đó 3 tháng, kể từ khi rời khỏi Xiêm, ông đổ bộ lên Cavite. Quan cai trị ở đó lên Manuel de Leon y Saravia ra lệnh bắt ông, không chỉ bởi chiến tranh có thể sắp nổ ra giữa Tây Ban Nha và Pháp, mà còn vì ông "có mang theo những dự thảo về một số kế hoạch thành lập" công ty thương mại của nhà vua Pháp ở Ấn Độ ở Đàng Ngoài. Sau khi bị giam giữ chừng 7 tháng, ông được gửi về Hội đồng Hoàng gia Ấn Vụ đặt ở Tây Ban Nha. Ông được đưa lên một con tầu ghé qua Mexique và về đến Cadix vào cuối năm 1676. Ông bị dẫn độ đi Séville, rồi từ đó đi Madrid; vào tháng 1 năm 1677, ông được Hội đồng Ấn

https://tieulun.hopto.org

Vụ xử vô tội, nhưng hành động độc đoán của toàn quyền Philippines không hề bị khiển trách.

Trong thời gian đó, La Motte Lambert đến Đàng Trong, và sau ít ngày ở Huế, đã đi thăm các tỉnh phía Bắc, vào lúc khởi hành ông được tiếp kiến chúa Hiền Vương và chúa hứa sẽ cho dân chúng trong vương quốc tự do theo đạo.

Lợi dụng chuyến quay trở lại Âu châu ngoài ý muốn, Pallu đã thành công trong việc xin Rome thông qua một kế hoạch tổng thể về tổ chức các giáo phận giám mục. Bằng một loạt các sắc chỉ, Tổng Hội truyền giáo chia các giáo miền ở Viễn Đông làm 6 giáo phận giám mục : 1^0 - Bắc Trung Quốc (6 tỉnh); 2^0 - Nam Trung Quốc (9 tỉnh); 3^0 và 4^0 - Xứ Đàng Ngoài và Lào; 5^0 - Xứ Đàng Trong (gồm cả Champa và Siam - hay Cao Miên); 6^0 - Nhật Bản. Một thế diện Tông tòa được giao trách nhiệm cai quản mỗi giáo phận; hai đại diện tổng quản (trực thuộc Tổng Hội truyền giáo, được chỉ định bởi sắc lệnh 17.7.1678; Đức Thầy Pallu cai quản các giáo phận ở Trung Quốc, Đức Thầy La Motle Lambert cai quản tất các giáo phận khác.

Xứ Đàng Ngoài có hai giáo phận : giáo phận Đông Bắc Kỳ do ông Deydier, giám mục Ascalon giữ chức Thế diện Tông tòa đầu tiên; giáo phận Tây Bắc Kỳ giao cho ông Bourges, giám mục Auren. Năm 1693, khi Đức Thầy Deydier qua đời, giáo phận Đông Đàng Ngoài được chuyển giao cho các linh mục dòng Dominicains Tây Ban Nha ở Manille mà Pallu đã kêu gọi sự giúp đỡ từ năm 1673; và họ đã yên vị ở đó từ bấy giờ.

https://tieulun.hopto.org

Năm 1679, La Motle - Lambert mất; 5 năm sau, Pallu cũng qua đời ở Phúc Kiến, Trung Quốc. Sự nghiệp mà vì nó ông đã hiến dâng mọi ý tưởng và sức lực trong 25 năm qua đang ở vào thời kỳ cực thịnh. Ông có thể ra đi.

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC I_3

VÀI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP THÊM VÀO SỰ ĐÁNH GIÁ ALEXANDRE DE RHODES

(Đã được dịch sang tiếng Anh với tiêu đề: "Some more views about the appraisal of Alexandre de Rhodes" đăng trên tạp chí VietNam Social Sciences - National centre for Social scien ces and humanities số 3 (65)) - 1998.

1- Theo các nhà tôn giáo học và văn hóa học đương đại, tôn giáo là một phương diện của văn hóa và mọi sự tiếp xúc tôn giáo đều có thể được coi là tiếp xúc văn hóa. Và sự truyền bá các tôn giáo lớn sang các vùng đất mới, như trường hợp của Thiên chúa giáo thời cận đại, ngoài những chức năng nào khác, còn được coi là có chức năng chuyển tải văn hóa (transculturel), đương nhiên là văn hóa Phương Tây. Một nhà tôn giáo học, cộng tác viên của UNESCO đã viết: "Các giáo sĩ thừa sai Cơ đốc giáo không chỉ chuyển tải niềm tin của họ, Thánh kinh và lối suy nghĩ Phương Tây, mà còn mang theo cả xà phòng và bàn chải đánh răng, phép vệ sinh, các kiểu bệnh viện và các yếu tố khác của "nền văn hóa Phương Tây". Song sự chuyển tải văn hóa đó và cùng với nó là sự tiếp xúc văn hóa mà nó tạo ra giữa hai nền văn hóa khác nhau, đã diễn ra rất phức tạp trong từng tình huống cụ thể khác nhau, ở những cấp độ và hậu quả rất khác nhau mà chúng ta không có điều kiện bàn tới ở đây. Có một điều có thể tương đối dễ thống nhất là, trong sự chuyển tải văn hóa đó, có những yếu tố, sự kiện, có lợi cho sự

https://tieulun.hopto.org

phát triển văn hóa bản địa thì sẽ và phải được chấp nhận như là một sự đóng góp tích cực. Đó là trường hợp các giáo sĩ thừa sai của dòng Jésuites đã dùng các mẫu tự la tinh để dựng thành dạng chữ quốc ngữ mà Alexandre de Rhodes là người có công tập hợp, tu chỉnh và hoàn thiện. Chúng ta không thể và không nên dựa vào những lý do gì khác để phủ nhận công lao đó của ông; ngược lại phải thừa nhận thành tựu đó của ông như là một đóng góp lớn về mặt ngôn ngữ học trên bình diện quốc tế cũng như riêng đối với Việt Nam. Và, việc xác nhận lại công lao đó của Alexandre de Rhodes như chúng ta đã và sắp làm là hoàn toàn hợp lý.

2- Song ngoài công lao trên của Alexandre de Rhodes, những thành tựu truyền giáo của ông cùng với các đồng sự ở Việt Nam trong mấy thập kỷ đầu thế kỷ XVII đã tạo ra những hậu quả tiêu cực trước mắt cũng như đối với lịch sử dân tộc, khiến chúng ta không thể vì đã thừa nhận công lao trên mà bỏ qua việc xác định cho rõ trách nhiệm đó của ông.

a. Cũng vẫn đứng từ góc độ văn hóa mà xét, thì cuộc truyền giáo khá thành công của các giáo sĩ thừa sai dòng Jésuites ở Việt Nam trong những thập kỷ đầu thế kỷ XVII trong đó vai trò của Alexandre de Rhodes nổi trội nhất, đã gây nên một "cú sốc" lớn đối với đời sống tâm linh và văn hóa của dân tộc ta. Một nhà tôn giáo học (đã dẫn ở trang 1) đã nói rất đúng khi cho rằng tôn giáo của mỗi dân tộc được định hình, "là để đáp ứng những nhu cầu của cộng đồng", và, "bất cứ tác nhân nào tấn công vào tôn giáo truyền thống đều làm băng hoại nền tảng của cộng đồng"... "Do đó, nhà nước hoặc xã hội

https://tieulun.hopto.org

đương nhiên phải lãnh trách nhiệm gìn giữ truyền thống của quốc gia, của xã hội, của tôn giáo..., mà nếu thiếu chúng xã hội sẽ không có tương lai và sự ổn định". A. de. Rhodes cùng với các giáo sĩ thừa sai của dòng Jésuites đã là những người đầu tiên tiến hành cuộc tấn công đó vào tôn giáo truyền thống của Việt Nam. Mang nặng mặc cảm tự cao cho rằng Cơ đốc giáo là tôn giáo có tính hoàn vũ, cao siêu hơn bất kỳ tôn giáo nào khác trên thế gian này, họ coi các tôn giáo truyền thống bản địa là thấp kém, man muội cần phải xóa sạch để thay thế bằng thứ tôn giáo cao cấp hơn - Cơ Đốc Giáo. Phải chăng đó là biến thái của tư tưởng thực dân nước lớn tự cao và ngạo mạn, khiến có nhà tôn giáo học Phương Tây đã gọi đó là một thứ "chủ nghĩa đế quốc về tôn giáo". Một thái độ như thế phải được coi là một sự xúc phạm đến nền văn hóa dân tộc. Sự cấm đạo của Nhà nước cầm quyền ở Việt Nam cũng như sự bất hòa giữa lương và giáo trong dân chúng lúc đó và còn kéo dài mãi rất lâu sau này, chính là sự phản ứng lại sự xúc phạm đó và đồng thời là một hành động tự vệ chính đáng của một dân tộc đã có một nền văn hóa đã được định hình và một ý thức tự tôn dân tộc cao. Liệu có thể nói hành động truyền giáo của A. des Rhodes với những hậu quả như đã nói ở trên là hoàn toàn trong sáng và không can dự gì đến vấn đề chính trị? Dù A. des Rhodes có ứng xử khôn ngoan, mềm mỏng và không có những hành động can thiệp trực tiếp vào chính trị nội bộ của nước ta, bản chất của vấn đề vẫn không hề thay đổi!

b. A. des Rhodes đến Việt Nam với tư cách là một giáo sĩ thừa sai của giáo đoàn Jésuites, một giáo đoàn nổi tiếng thời cận đại. Cần tìm hiểu xem cái gọi là giáo

https://tieulun.hopto.org

đoàn (mission) thời cận đại là cái gì và thành viên của các giáo đoàn ấy (missionnaires) là ai và có nhiệm vụ gì? Và A. des Rhodes, với tư cách là một missionnaire có sứ mệnh gì và phải phục tùng ai.

Trước hết, các missions thời cận đại, do những điều kiện lịch sử mới quy định, đã hòa nhập với chủ nghĩa thực dân nhằm thực hiện ý đồ thống trị phần còn lại của thế giới, nên đã mất hết tính chất tôn giáo thiêng liêng - Nói về bản chất của mission thời cận đại, Encyclopedia universalis (Bách Khoa thư hoàn vũ) của Pháp, xuất bản năm 1990 viết: "Giáo đoàn, bản thân nó cũng tiến hành công cuộc thực dân; tệ hơn nữa, nó cũng đi chinh phục và tiêu diệt, nó cũng chiếm đoạt, cướp bóc và chiếm đóng; hay nói một cách nhẹ nhàng hơn để được thật khách quan, nó cũng đã tham gia vào các cuộc chinh phạt để thể hiện quyền uy, các cuộc tìm kiếm vinh quang và lợi tức... Điều nghiêm trọng nhất là sự chiếm đoạt điển hình của nó nhằm khẳng định nhân cách của kẻ ngoại bang, là ý đồ đồng hóa văn hóa kể cả sự đồng hóa xã hội - tôn giáo. So với sự mất mát này (ý nói sự mất mát của các cộng đồng người bị chinh phục - NVK chú thích) thì những sự cướp đoạt khác chỉ là thứ yếu".

Cụ thể hơn, từ thế kỷ XVI, XVII, khi các vương quyền Âu châu, chủ yếu là Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha được củng cố và tăng cường tính tập trung, nhiều giáo đoàn Phương Tây đã được thành lập và được hai nước này cùng với giáo hội La Mã bảo trợ và được phái đi các miền đất mới để thực hiện sứ mạng chinh phục. Giáo đoàn do nước nào bảo trợ phải chịu sự chi phối của nước

https://tieulun.hopto.org

đó, hay, nói cách khác hơn là phải nhận nhiệm vụ mà nước đó giao phó. Và, nhân viên của các giáo đoàn đó thực chất không phải là các nhà truyền giáo (évangélisateur) theo đúng nghĩa của từ này mà là một phái viên (missionnaire) mà chúng ta nay gọi là thừa sai, tức là người "đi làm công việc người trên sai phái" (Hán Việt từ điển - Đào Duy Anh), và, người trên ở đây là quốc gia đã tổ chức ra họ, tài trợ cho họ. Còn công việc mà quốc gia đó giao phó cho họ là công việc chinh phục thế giới bao gồm cả việc chinh phục phần hồn và đồng hóa văn hóa.

Nổi bật nhất trong số những giáo đoàn cận đại nhận sứ mạng đi chinh phục thế giới là giáo đoàn Jésuites hay còn gọi là tập đoàn Jésus (Compaquie de Jésus) do Ignace de Loyola thành lập vào năm 1534 và được giáo hoàng công nhận nhằm chống lại phong trào cải cách tôn giáo, đồng thời cũng bị hai quốc gia Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha chi phối và sử dụng cho mục đích chinh phục thế giới của họ. Đây là một tổ chức tôn giáo có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm khắc, đặt dưới sự điều khiển của một người chỉ huy có danh hiệu Đại tướng. Chương trình đào tạo các thừa sai rất phong phú, được trang bị khá toàn diện để có thể thi hành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Đó cũng là một tập đoàn tôn giáo rất sùng tín, hành động táo bạo và nếu cần, có thể dùng đến bạo lực hoặc trực tiếp can thiệp vào chính trị để đạt mục đích. Phương châm truyền giáo của tập đoàn này là hướng về việc cải giáo các vua chúa, các tầng lớp trên để qua đó có thể cải giáo hàng loạt cho cả một cộng đồng, một quốc gia.

https://tieulun.hopto.org

Tập đoàn này đã từng có thời kỳ làm mưa làm gió ở Trung và Nam Mỹ - Sử sách còn ghi lại khá nhiều "thành tích" của họ, mà điển hình là việc họ lập ra nước Paraguay Thiên chúa giáo và sát nhập nước này vào lãnh thổ Tây Ban Nha.

Ở Viễn Đông, tập đoàn Jésus hoạt động dưới sự đỡ đầu của Bồ Đào Nha - do hoàn cảnh lịch sử ở đây không giống như ở Trung và Nam Mỹ, phương thức hành động của họ chủ yếu là theo phương châm cải giáo cho các vua chúa và tầng lớp thượng lưu. Đó là trường hợp của các giáo sĩ dòng này thời Matteo de Ricci - để có thể đạt được mục đích chinh phục phần hồn của Trung Quốc, ông này đã cả gan chủ trương tha cấm thờ cúng tổ tiên cho những tín đồ công giáo, song đã bị Tòa thánh La Mã ngăn cấm.

Ở Việt Nam, A. des Rhodes cũng đi theo phương châm đó song có phần dè dặt hơn. Ngay khi gặp Trịnh Tráng ở Cửa Bạng, A. de Rhodes đã tìm mọi cách tranh thủ tình cảm của vị chúa này (lễ vật hiếm và kết nghĩa đồng tuế) và được Trịnh Tráng rất quý trọng, mời về Hà Nội, cho phép lập nhà thờ, truyền đạo và thỉnh thoảng vào phủ chúa dự tiệc và được ngồi cùng mâm với chúa. Nhờ đó trong thời gian ngắn, A. des Rhodes đã cải giáo cho nhiều người kể cả một số bà con của chúa và gây dựng được một nền tảng đầu tiên cho Giáo hội Thiên chúa giáo ở đây. Và, nếu vào thời điểm đó Bồ Đào Nha không suy yếu tới mức không còn đủ sức tiến hành những cuộc chinh phạt ở xa và tốn kém, thì họ đã có thể dựa vào "thành tích" nói trên của A. des Rhodes để thâm nhập và có chỗ đứng ở Việt Nam. Phải chăng

https://tieulun.hopto.org

"thành tích" truyền giáo nói trên của A. des Rhodes là không mang một ý nghĩa chính trị nào có lợi cho chủ nghĩa thực dân Phương Tây, cụ thể hơn là cho Bồ Đào Nha? Nói gọn hơn, A. des Rhodes đến Việt Nam do sự sai khiến của Tập đoàn Jésus do Bồ Đào Nha đỡ đầu, để thực hiện sứ mệnh chinh phục mà tập đoàn này phải thực hiện. Và dù hình thức chinh phục chủ yếu là con đường tôn giáo thôi, thì bản chất của vấn đề cũng không hề thay đổi!

c. Cũng cần thiết phải nhắc thêm đôi lời về vai trò của A. des Rhodes đối với sự ra đời của Hội Thừa sai Paris. Từ sau khi rời Viễn Đông về Châu Âu, A. des Rhodes đã bỏ nhiều công sức để vận động Tòa thánh La Mã gửi sang Viễn Đông những thế diện Tông tòa phụ trách việc truyền đạo ở đây mà không phụ thuộc vào quyền Padroado, tức độc quyền truyền giáo, của Bồ Đào Nha. Cuộc vận động này của A. des Rhodes đã bị Bồ Đào Nha phản đối gay gắt và ra sức cản trở vì nó vi phạm đến lợi ích của nước này. Tuy nhiên, nhờ sự kiên trì của A. des Rhodes và nhiệt tình ủng hộ của Giáo hội và các nhà quyền quý Pháp, Tòa thánh La Mã đã ưng thuận. Năm 1658, 2 thế diện tông người Pháp là Lambert và Pallu được cử sang Viễn Đông, trong đó có Việt Nam, để điều hành việc truyền giáo. Và, vài năm sau, cũng với sự đồng ý của Tòa thánh La Mã, Hội thừa sai Paris ra đời ở Pháp nhằm đào tạo những giáo sĩ thừa sai người Pháp để cử sang Viễn Đông. Hoạt động của Hội này ở Việt Nam từ đó trở đi, trong sự phối hợp với thực dân Pháp như thế nào để dẫn tới cuộc nổ súng xâm lược Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX đã được sử sách ghi lại khá rõ ràng, không cần thiết phải nhắc lại ở đây. Chỉ

https://tieulun.hopto.org

xin đặt một câu hỏi là chẳng lẽ người khởi xướng cho những sự kiện lịch sử có nội dung chính trị rõ ràng như đã dẫn ở trên là không có ý đồ chính trị gì, không can dự gì đến việc chính trị ở Viễn Đông cũng như ở Việt Nam vào thời điểm đó?

3- Để kết luận, xin nêu mấy ý vắn tắt sau đây :

a/ Việc phục hồi lại công lao của A. des Rhodes trong việc hoàn chỉnh dạng chữ quốc ngữ, cho dù công việc đó của ông có thể có những động cơ chính trị hay phục vụ cho việc truyền giáo, cũng vẫn là cần thiết và hợp lý, vì đó còn là một thành tựu khoa học, một yếu tố văn hóa tích cực được chuyển tải đến Việt Nam qua con đường truyền giáo, cũng đồng thời là qua con đường chuyên tải văn hóa vốn là một chức năng tự thân của việc truyền giáo.

b/ Song việc đến Việt Nam để truyền giáo của A. des Rhodes, tự trong bản chất là để thực hiện một sứ mạng được giao, sứ mạng chinh phục các miền đất mới của chủ nghĩa thực dân Phương Tây, lúc đầu là Bồ Đào Nha và sau đó là Pháp; vì vậy không thể coi hoạt động của A. des Rhodes trong những năm tháng ở Việt Nam không can dự gì đến chính trị; với những dẫn chứng như đã trình bày ở trên, cũng không thể coi trường hợp của A. des Rhodes như là một ngoại lệ.

c/ Hai nhận xét trên không hề đối lập hoặc triệt tiêu lẫn nhau, bởi tôn giáo hay hoạt động truyền giáo, cùng một lúc là một sự kiện lịch sử (tức mang nội dung chính trị), sự kiện văn hóa, xã hội, tâm lý, nên khi

https://tieulun.hopto.org

nghiên cứu nó nếu chỉ nhìn từ một góc độ riêng biệt nào đó, sẽ có thể phạm sai lầm về phương pháp luận.

Nguyễn Văn Kiệm

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC II_1

LUẬT LỆ CỦA DÒNG CHỊ EM MẾN CÂU RÚT NĂM 1670

(Do Thế diện Tông tòa Lamotte Lambert soạn năm 1670) (Trích Costet - ghi chép về lịch sử Thiên chúa giáo ở Thái Lan, Hội thừa sai Paris - Bangkok)

Luận văn cao học của Arnaud Leveau. Université de Paris X - trang 195 - 198.

"Les amantes de la Croix et l'évangélisaton du VietNam dans la seconde moitié du XIX siècle"

1- Nhiệm vụ đầu tiên của những ai gia nhập dòng này là phải thường xuyên liên kết lòng thương xót, lời cầu nguyện và sự sám hối của họ hướng về những công đức của Đấng Cứu rỗi thế giới, để cầu xin Đức Chúa trời sự cải giáo những kẻ ngoại đạo đang sống trong miền đất của 3 địa phận giám mục, nhất là trong các địa phận ở Đàng Ngoài.

2- Hai là, phải có nhiệm vụ dạy dỗ cho các thiếu nữ bên đạo cũng như bên đời những điều mà những người trong giới họ cần biết; nếu vì lý do công việc quá bận rộn của bên giáo mà điều này không thực hiện được ngay thì họ vẫn phải ghi nhớ trong lòng rằng khi điều kiện cho phép có thể tiến hành được, thì đó phải là một trong những mối quan tâm chính của họ.

3- Ba là, họ phải chăm sóc những người phụ nữ và thiếu nữ đau ốm dù họ là ở bên đạo hay bên đời, nhằm

https://tieulun.hopto.org

bằng cách thức đó để giảng giải cho họ những điều có liên quan tới hạnh phúc của họ và về sự cải giáo của họ.

4- Bốn là, trong những trường hợp cần thiết, họ phải hết sức quan tâm tới việc rửa tội cho những trẻ nhỏ đang có nguy cơ tử vong trước khi chúng có thể được nhận lễ rửa tội.

5- Năm là, họ phải bằng mọi cách cứu vớt những phụ nữ và thiếu nữ hư hỏng ra khỏi cuộc sống xấu xa của họ.

Những luật lệ đầu tiên (Tháng 2 - 1670)

Điều 1: Những người được thu nhận vào dòng này phải khấn hứa ba điều thường nhật là sự nghèo khó, sự trong trắng và sự vâng lời và chỉ được chấp nhận sau hai năm dự bị.

Điều 2: Trong mỗi nhà mụ, vào thời điểm hiện nay, không được vượt con số mười người kể cả Mẹ Nhất.

Điều 3: Mẹ Nhất và những chức sắc khác sẽ do chúng tôi chọn hoặc do vị tổng giám mục chọn sau khi đã được sự đồng tình của quan cai trị nơi tỉnh họ cư trú.

Điều 4: Họ phải phục tùng quyền lực của quan cai trị của tỉnh họ cư trú và hàng năm phải báo cáo sở hữu vật chất của mình với vị quan đó.

Điều 5: Vì mục tiêu đặc biệt của dòng tu mà họ phải thực thi vì lợi ích của đồng loại, họ được phép đi ra ngoài nhà tu nhưng phải được phép của

https://tieulun.hopto.org

Mẹ Nhất, và Mẹ Nhất bao giờ cũng phải cử một nữ tu làm bạn đường đến nơi mà họ được gửi đến.

Điều 6: Tất cả các nữ tu phải lao động chân tay vào thời gian mà họ không phải làm công việc phục vụ người đồng loại, ngoại trừ những ngày chủ nhật và những ngày lễ trọng; trong những ngày này họ phải đọc kinh Đức Mẹ và dành nửa tiếng đồng hồ để đọc sách thiêng, hoặc về cuộc đời của các Thánh, hoặc một quyển sách thiêng khác.

Điều 7: Họ được trở về phòng vào lúc 9h 30 tối và dành 15 phút để kiểm điểm mọi hoạt động trong ngày và 15 phút để xướng kinh; sau đó họ đi ngủ.

Điều 8: Họ phải thức dậy lúc 4 giờ sáng để nguyện ngẫm bắt đầu bằng những bài kinh mà họ thường đọc trong tất cả các ngày chủ nhật trong cuộc hội họp của các tín đồ, tiếp theo đó, họ phải dành một giờ để suy ngẫm về một trong những hồi cố đã được dựng lên về chủ điểm này nói về sự thụ nạn và về cái chết của chúa Jésus của chúng ta, sẽ được đọc bởi Mẹ Nhất hoặc người thay thế, rồi tiếp đó họ phải đọc các bài kinh cầu các thánh, kinh "Confiteor", kinh "misereatur"; sau đó họ phải đọc bài Thánh ca "Christus fatus est provobis obediens usque ad mortem, mortem autem crucis" và rồi sau đó họ nhắc lại kinh "miserere" trong khi hát thánh ca đó và kinh

https://tieulun.hopto.org

cầu nguyện "respice", họ phải khắc sâu trong trí nhớ những sự đau khổ dữ dội mà Đức Chúa con đã phải chịu đựng, gắn kết sự hy sinh đó với tầm nhìn và động cơ mà Người đã trải, đã đau khổ với chúng mà người muốn chúng ta cũng cảm nhận. Và nếu có một lý do nào đó ngăn trở sự sám hối chung hay đại loại như thế, họ có thể thay thế bằng cách quàng một cái giây xích nào đó hoặc thực hành một hình thức sám hối nào đó theo ý của người giải tội nhằm cân bằng sự bắt buộc của kỷ luật này.

Điều 9: Ngày chủ nhật cuối tuần chay (dimanche des Rameaux) và 4 ngày tiếp theo, họ phải tăng gấp đôi thời lượng sám hối, và vào ngày thứ sáu Thánh phải tăng gấp ba để tôn vinh thời gian linh thiêng của sự thụ nạn và nhất là vào ngày mất của Đức Chúa con.

Điều 10: Những ngày Circoncision, Invention và Exaltation của Sainte Croix đối với họ là những dịp sám hối đặc biệt.

Điều 11: Mỗi ngày họ chỉ được ăn 2 bữa: một vào bữa sáng, một vào bữa tối và tuyệt đối kiêng ăn thịt suốt đời, ngoại trừ các ngày lễ, Noël, Pâques và Pentecôte.

Điều 12: Họ phải ăn chay tất cả các ngày thứ 6 để tưởng nhớ tới những khổ đau và tới cái chết của Đức Chúa Jésus - Christ, vào những ngày ấy cũng như vào các ngày ăn chay họ chỉ được phép ăn vào lúc trước 10 giờ sáng.

https://tieulun.hopto.org

Điều 13: Những đàn bà và con gái phạm tội nếu muốn vào dòng này phải tuân thủ tất cả những mục tiêu, công việc, kỷ luật và các luật lệ đã nói ở trên, nhưng họ phải ở một nhà riêng, sống thành một tập đoàn riêng và Mẹ Nhất của họ luôn luôn coi sóc không để ai sa ngã.

Điều 14: Thánh quan thầy của dòng này luôn luôn là Thánh Joseph mà qua sự bảo trợ của Người, chúng ta xin với Chúa Trời sự hình thành, sự tiến bộ và sự hoàn hảo của dòng này.

Những quy chế này được đặt ra bởi giám mục Bérythe, đại diện Tông tòa cho những người đàn bà và con gái mộ đạo, sám hối, đã từ lâu khấn nguyện sự trong trắng và sau đó sẽ thực thi trong vương quốc Đàng Ngoài và ở mọi nơi trong 3 địa phận giám mục của Trung Quốc; những quy chế này sẽ được trình Tòa thánh để xét duyệt, cơ quan duy nhất có quyền công nhận hoặc phủ nhận những tổ chức tương tự.

(Làm ở Đàng Ngoài, tháng 2 năm 1670)

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC II$_2$

BẢN CHUYỂN QUA TIẾNG VIỆT DỄ ĐỌC MỘT SỐ ĐOẠN TRONG "SÁCH PHÉP" CỦA DÒNG "CHỊ EM MẾN CÂU RÚT Đ.C.J"

Được viết bằng chữ quốc ngữ chỉ ít lâu hay ngay sau khi dòng này được thành lập - Người soạn sách này ký tên là Cavolus Cao ở dưới trang cuối*.

Ighera (?) làm Bêri Vitvồ Berita vicario apostolico thay mặt Tòa thánh coi sóc về phần hồn bổn đạo Annam, Đại Minh cùng nhiều nước khác, gửi lời thăm chị em, cùng làm dấu cầu cùng Đ. C. B (Đức chúa Blời - NVK. Chú thích) cho chị em mọi sự lành. Từ ngày thầy sang nước Annam này thì thầy một hỏi các sự về J.G.Ga. nây (?), và lấy việc ấy làm nhất, thấy thầy cả Vicario géralê (?), đã thưa ta là sự chị em đã khấn có lời riêng vì Đ.C.B giữ mình sạch sẽ trọn đời thì thầy mừng rỡ bội phần, vì khấn lời trọng làm vậy, là dấu thật Đ.C.B có thương yêu các chị em, hơn bổn đạo nước khác, ắt là chị em phải tạ ơn trả nghĩa Đ.C.B, hơn những người chưa được ơn trọng ấy, nhân vì sự trọng ấy, thầy phải liệu mở cho chị em một đàng nào, cùng dạy phải giữ phép nào để cho danh cha cả sáng, và chị em được nhiều ích nữa mà thầy dạy chị em giữ phép

---

*. Trích phụ lục luận văn Cao học của A.Leveau - đã dẫn - "Sách Phép dòng Chị em mến Câu Rút Đ.C.J (Đức Chúa Jésus - N.V.K chú thích).

https://tieulun.hopto.org

này, thì thầy vui lòng lắm, vì khi trước chưa có nghe thấy ai nói đến chị em cũng chửa biết chị em là ai, mà Đ.C.B đã giục lòng thầy mở đàng cho kẻ Đ.C.B yêu dấu lắm, vậy chị em hãy chịu lấy cùng giữ phép nầy như phép Đ.C.B dạy thầy truyền cho chị em vậy, chớ xem chớ kể phép này như phép riêng thầy làm chi, nếu chị em giữ phép này nên(?) một được sáng láng kính mến Đ.C.B lắm, là không (?) sự gồm hết mọi sự lành, và đời này, và đời sau chớ hồ nghi điều ấy làm chi.

Đoạn 1. Đã phải lập dòng này vì ý nào

Đ.C.J chuộc tội chịu nạn chịu chết cho loài người ta, phá(?) ý riêng mình gọi là chết cho mình, mà sống cho Đ.C.J liên(?) như lời ông Thánh Bảo Lộc trong thư thứ 2 người gửi cho bổn đạo ở Thành Corinthia rằng: đoạn thứ 5 rằng: Đ.C.B đã chịu chết cho cả và loài người ta, để cho kẻ sống chớ sống cho mình nữa, một sống cho kẻ chết cùng, kẻ đã sống vì mình, là Đ.C.J đấng làm thầy cả Vít vô chăn bổn đạo là Thánh J.G.Ja mới lập thì cũng phải dạy dỗ bổn đạo cho biết lẽ ấy, xưa nay chưa có ai biết mấy, nhân vì sự ấy lâu năm trước này, ta đã ước ao cùng tìm lẽ nào cho bổn đạo được chết cho mình, và chết và sống lại cho Đ.C.J, vậy chẳng biết bởi đâu, âu là bởi Đ.C.B thấy trong lòng thầy ước ao cho được lập thành dòng nào ở khắp mọi nơi, Đức Thánh Papa dạy ta giữ, gọi là dòng Kẻ mến câu rút Đ.C.J là kẻ mọi ngày ngắm sự thương khó Đ.C.B, cùng mọi ngày mọi chịu lấy phần nào trong sự thương khó ấy, là làm việc lành về nhân đức hãm mình, như bổn đạo nữ đã lâu ở nước Annam, dòng này đặt tên là dòng Chị em Mến câu rút Đ.C.J.

https://tieulun.hopto.org

Đoạn 2 - Ý dòng này là ý nào

Ý trong dòng này là ý cho kẻ vào dòng này mọi ngày mọi biết là quý mến Đ.C.B mọi ngày mọi ngắm sự thương khó Đ.C.J cùng mọi ngày mọi hãm mình là chịu sự gì khốn khó đến mình, chẳng khác gì như chịu phần sự thương khó Đ.C.J vậy.

Đoạn 3. Ai nên, ai chẳng nên vào dòng này

Hễ ai muốn vào dòng chị em, dù trẻ dù già giàu có khó khăn, chẳng nề, đừng một kẻ còn mắc sự vợ chồng, chưa xong việc ấy, càng kẻ có thai nghén hay là nuôi con mọn, cùng kẻ có nợ người ta mà chưa trả cho rồi, người ta còn đòi chưa tha, và kẻ có tật lây, ấy vậy ai muốn vào dòng thì phải xin dăm ba tháng (nguyên văn: 5,3 tháng) trước đã, cho mụ cùng chị em được xét nết ra người ấy, hoặc có mắc nợ gì trong những sự đã kể trước này, thì chẳng nên vào, mụ có muốn cho ai vào dòng chị em thì phải liệu cho bằng lòng chị em, cùng phải chiềng đến thầy cả coi sóc đấy, cho người được thưa đến bề trên sự họ hàng, tuổi sức, tài năng, nết na và mọi sự về người xin vào dòng cho được liệu, mụ cũng phải bảo người ấy các phép trong nhà chị em, phải cứ thói ăn, thói ở cùng mọi sự về người xin vào dòng cho được liệu, mụ cũng phải bảo người ấy các phép trong nhà chị em, phải cứ thói ăn, thói ở cùng mọi sự khó khác, và mọi sự lẽ hãm mình, kẻ vào dòng này phải chịu, cùng dạy kẻ ấy phải tập tành các việc lành ấy đã như thư(?) mình vậy, xem có chịu được hay là chăng, thì mới nên cho vào, cùng khi đã cho ai vào thì mụ càng phải ra sức dạy dỗ cho biết mọi phép trong nhà, hoặc còn vững hay là trễ

https://tieulun.hopto.org

nải, thì phải sửa dạy, phải năng bảo cho biết ở khiêm nhường, đừng theo ý mình một theo mọi phép trong dòng, chịu lụy bề trên cùng các chị em, hoặc có nói lời gì cùng làm việc gì mất lòng chị em nào thì phải dạy quỳ gối xuống trước mặt chị em ấy mà xin tha, hoặc chẳng có mất lòng ai, song le đã làm gương mà gì thì cũng phải xin chị em tha như làm vậy nữa, lại phải bảo người ấy chớ ngờ sự gì trái cho ai, chớ giệu giạo ai, chớ kể chuyện thế gian, chớ hỏi cho biết tin kia, tức nọ, chẳng làm ích cho linh hồn mình, chớ năng cười, chớ nói cả tiếng quá, chớ chê lời cùng việc kẻ khác đã làm chẳng nên, lại bảo cho biết xét mình xưng tội, chịu lễ, cùng các việc lành phải làm, hoặc chưa biết nghề nghiệp gì mà làm ăn, thì mụ phải dạy nghề nghiệp nào mặc mụ xét sức người ấy bao giờ đã thử người ấy, cùng xét tính nết người đủ một năm *dồi* (?) thì mụ cùng các chị em sẽ bắt thăm trước mặt Thầy cả bổn xứ, ví bằng hơn nữa phần chị em chịu nó ở, chốc ấy mới kể nó là người nhà chị em, hoặc có nửa phần hay là kém nửa phần chị em chịu nó ở mà thôi, thì phải bảo nó về chẳng nên cho nó ở nhà mụ nữa; mà bao giờ đã bắt thăm làm vậy, cùng đã chịu nó là người nhà chị em, thì mụ cùng cả và chị em chẳng được đuổi nó ra nữa, phải có lời đấng bề trên xem xét đã, mới được dạy nó ra khỏi nhà chị em.

Đoạn 4: Dạy những việc lành kẻ ở trong dòng này phải làm

1- Mọi việc lành phải làm như ăn chay, đánh tội, hãm mình, nguyện ngẫm, thì phải hợp một ý cùng Đ.C.J mà xin Đ.C.L vì công nghiệp Đ.C.J mở lòng cho bao nhiêu người vô đạo ở trong bao nhiêu nước, Đức

https://tieulun.hopto.org

Thánh Phapha dạy các thầy cả mới sang coi sóc, nhất là những kẻ ở trong nước Annam được trở lại giữ đạo Đ.C.B cho nên, 2 - các chị em vào dòng này thì phải dạy dỗ những con gái khôn ngoan phải biết, hoặc vì rày vua chúa Annam cấm đạo chẳng được liệu việc ấy, song le ngày sau có phép bề trên mở rộng hơn, thì chẳng nên quên việc ấy là phần các chị em vào dòng này phải giữ. 3 - Phải coi sóc các người nữ già trẻ khi liệt *Tào* (?), dù chẳng có đạo thì cũng nên thăm viếng, gìn giữ để cho được khuyến sự lành, cho được rỗi linh hồn. 4 - Bao giờ có sự gì vội cần mà chẳng đến được cùng các thầy giữ việc nhà Đ.C.B thì phải liệu rửa tội cho những trẻ rình (?) sinh thì (tức những trẻ sắp chết: in articulomortis - NVK chú thích), dù con cái kẻ vô đạo thì cũng nên rửa. 5 - Phải khuyên hết lòng hết sức những con chới cùng những kẻ làm sự dơ dáy làm vậy, trở lại ăn năn tội, cùng chừa những tội ấy, mà hoặc ngày sau có kẻ trở lại cùng bỏ nghề nghiệp ấy đi, mà dốc lòng vào dòng này, thì cũng nên cho vào, cùng giữ các phép sau này, *chửa* (?) phải làm nhà riêng nơi khác cho những người thể ấy ở, mà chọn lấy trong các chị em khác một người nào chẳng có tích lỗi gì cho được làm chị ả (cả) coi sóc những người ấy.

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC III$_1$

GHI CHÉP VẮN TẮT VỀ CHA PIGNEAU DE BÉCHAINE, GIÁM MỤC ADRAN, THẾ DIỆN TÔNG TÒA Ở ĐÀNG TRONG.

(Đăng trong Annales de la Propagation de la Foi. T4 - 1833 - 1843 trang 616 - 623)

Pierre Joseph Pigneau de Béhaine sinh vào tháng 12 năm 1741 ở Arigny en Thiérache (thuộc tỉnh Aisme). Ông bắt đầu việc học tại trường trung học Laon. Vốn có ý định trở thành giáo sĩ, ông đi Paris học môn Thần học ở Chủng viện Sainte Famille hay còn gọi là chủng viện Trente - Trois. Sau khi được phong linh mục, ông bèn đi Cadix để đến đầu năm 1776 thì lên tàu đi phục vụ các giáo đoàn ở Phương Đông mà không cho gia đình biết vì sợ bị ngăn trở. Ông có ý định đến Đàng Trong; nhưng khi đến Pondichiry, nơi ông cập bến đầu tiên, thì được biết rằng xứ sở này đang bị tàn phá bởi một cuộc nội chiến rất ác liệt; ông bèn đi Ma Cao, chờ cơ hội thuận lợi để tìm đường vào giáo phận của mình. Năm 1767 ông cũng đến được Hòn Đất trên bờ biển xứ Đàng Trong. Đức cha Miguel, giám mục Canathe, thế diện tông tòa giáo phận Đàng Trong chuyển nhà tràng của giáo phận về đây và giao cho ông phụ trách. Cha Pigneau bắt đầu học tiếng địa phương và đã nhanh chóng sử dụng thành thạo. Nhưng năm 1768, quan đầu tỉnh Cần Cao, mà Hòn Đất thuộc địa phận của tỉnh này, ra lệnh bắt ông vì một cớ nào đó và ông bị phạt đeo gông cùng lúc với một giáo sĩ Pháp và một linh mục người Hoa. Ba nhà xưng

https://tieulun.hopto.org

đạo này đã can đảm chịu đựng hình phạt này. Nhưng vì những chiếc gông quá nặng đã khiến họ ngã bệnh; Viên quan đầu tỉnh quá mệt mỏi vì sự kiên trì của họ, đã trả lại tự do cho họ sau gần 3 tháng giam cầm. Sau đó, cha Pigneau trở lại điều hành nhà tràng của mình mà ông đã chuyển qua Pondichéry. Năm 1770 cha được phong Giám mục Adran và phó giám mục cho giám mục địa phận Đàng Trong, rồi sau đó ít lâu là giám mục, vì ông này qua đời ngay năm sau. Năm 1774, giám mục Pigneau về Đàng Trong theo ngả Campuchia; vào thời gian này toàn bộ xứ Đàng Trong nằm trong tay quân nổi dậy được gọi là quân Tây Sơn; họ đã giết chết nhà vua chính thức và cháu của ông ấy. Người em của người cháu này tên Nguyễn Ánh cũng đã bị bắt nhưng trốn được và vào ẩn náu nơi nhà của Giám mục Adran và ở đó một tháng. Sau đó ông ta tập hợp được một số binh lính và chiếm đóng vùng Hạ Đường Trong (Basse. Cochinchine) ...

Năm 1783, Nguyễn Ánh bị thủ lĩnh quân nổi dậy đánh bại, và một lần nữa phải chạy trốn. Giám mục Pigneau cũng phải ra đi: ông đến Campuchia và sau đó sang Xiêm, đem theo tất cả học trò của nhà tràng mà ông vẫn điều hành. Sau đó ông đi Pondichéry bằng đường biển và trong khi tầu của ông đang men theo bờ biển Campuchia thì được tin nhà vua Nguyễn Ánh đang ở cách ông không xa trên bờ biển. Ông bèn lên bờ và tới thăm. Ông thấy nhà vua đang ở vào tình cảnh bi đát, với chừng 600 lính đi theo đang sắp chết đói và phải ăn cả rễ cây. Cảm động trước tình cảnh đó, giám mục đã chia hết phần thực phẩm mà ông mang theo với số

https://tieulun.hopto.org

lượng khá dồi dào để đảm bảo lương ăn cho các học trò và những người đi theo. Nghĩa cử ấy khiến nhà vua rất xúc động và càng thắt chặt tình thân hữu đã từ lâu gắn bó hai người.

Giám mục Pigneau ở lại với Nguyễn Ánh nửa tháng, rồi sau đó đi Pulo.Way, một hòn đảo hoang cách đất liền 60 dặm; ông ở đó 9 tháng và trong thời gian đó đã cùng với một linh mục Đàng Trong biên soạn những chỉ thị cho những ngày chủ nhật và các ngày lễ; ông cũng hiệu đính lại nhiều cuốn sách dịch từ tiếng Pháp, ví dụ như cuốn: "Luận bàn về bốn cứu cánh của con người" và cuốn "Những suy ngẫm" của tác giả Dupont. Vào tháng 12 năm 1784, giám mục rời Pulo.Way và quay trở lại gặp vua Đàng Trong. Ông này quá chán nản vì gặp quá nhiều rủi ro, và đang có ý định đi lánh nạn ở Batavia hay ở Goa: Giám mục đã can ngăn ý định đó của nhà vua và khuyên ông nên cầu cứu sự giúp đỡ của nhà vua Pháp. Nhà vua chấp nhận lời khuyên đó và ủy quyền cho giám mục đích thân thay mặt mình đi cầu cứu sự trợ giúp của vua Louis XVI và giao con trai của mình lúc đó mới 6 tuổi cho giám mục mang theo trong chuyến đi công cán này. Khi nhận sứ mạng này, giám mục Adran hy vọng đem lại lợi ích không những cho nhà vua Đàng Trong mà còn cho cả giáo hội và tổ quốc của mình; giám mục nghĩ rằng bằng sự can thiệp của mình, nước Pháp có thể thu được những lợi nhuận thương mãi lớn; Ngoài ra, Nguyễn Ánh cũng như con trai ông có thể ghi nhớ mãi công lao này của giám mục và do đó có thể sẽ che chở các giáo sĩ thừa sai bằng tất cả quyền lực của mình.

https://tieulun.hopto.org

Lên đường đi Châu Âu, giám mục Adran cập bến ở Lorient vào tháng 2 năm 1787; sau đó ông đến Paris cùng với cậu hoàng tử đỡ đầu. Ông không gặp khó khăn gì trong việc làm cho chính phủ Pháp hiểu được lợi ích của việc viện trợ cho nhà vua Đàng Trong. Do đó một điều ước liên minh đã được nhanh chóng ký kết; theo điều ước này nước Pháp cam kết sẽ gửi đi Đàng Trong 4 chiến hạm, 12000 thủy quân lục chiến, 200 cỗ pháo với một số đại bác có chất lượng cao cùng với 250 lính châu Phi người Cafre. Để đổi lại, nước Pháp được quyền sở hữu hải cảng chính của Đàng Trong có tên là Touron và được hưởng một số quyền lợi khác. Vua Louis XVI phong cho cha Pigneau là đại sứ đặc mệnh toàn quyền để thương lượng với Nguyễn Ánh và ủy nhiệm cho cha gửi tặng Nguyễn Ánh bức chân dung của mình. Ngài giám mục cũng được nhiều tặng vật quý , sau đó cùng với vị hoàng tử nhỏ lên một chiến hạm trở về Pondichéry để truyền đạt cho bá tước Conway, toàn quyền các thương điểm của Pháp ở Ấn Độ, lệnh phải chuẩn bị và trực tiếp chỉ huy cuộc chinh phạt đã được dự kiến; nhưng có bao nhiêu là trở ngại,... và nhất là sự bùng nổ cuộc cách mạng, khiến cuộc chinh phạt không thực hiện được. Giám mục Adran đành phải dùng 2 tầu nhỏ chở theo đạn dược, súng ống v.v... Ngài Conway cũng cấp cho ông một chiến hạm để chở ông về Đàng Trong và ông tới nơi vào cuối năm 1789. Nhiều sĩ quan Pháp cũng đi theo ông và trở thành những người rất có ích cho Nguyễn Ánh bởi năng lực và sự hiểu biết của họ; ông vua này từ đó có ưu thế ngày càng tăng đối với quân nổi dậy.

https://tieulun.hopto.org

Nhà vua hết sức vui mừng khi gặp lại con mình do giám mục Adran đưa về. Vào tháng 1 năm 1790, ông viết thư cho Louis XVI để cảm ơn về sự giúp đỡ tốt đẹp của nhà vua Pháp. Thư có đoạn viết: "Để cho tôi được đoàn tụ với con, ngài đã cho cả về với nước; dù đường xa vạn dặm cũng không bao giờ làm tôi quên được những nghĩa cử cao quý nhường ấy". Sự tiếp viện của giám mục Adran, sự trở về của hoàng tử kế nghiệp, sự khéo léo của các sĩ quan Pháp đã xây dựng một lực lượng hải quân đáng sợ và tổ chức lại một đội quân 6000 người theo phương thức Âu châu, tất cả đã góp phần nâng cao uy tín của nhà vua. Quân nổi dậy nhiều lần bị bại trận, tầu thuyền của họ bị cháy rụi.

Từ khi trở về, giám mục Adran nhiệt tình chăm lo việc đạo và ít khi đến gặp nhà vua để tránh tỵ hiềm; song nhà vua luôn tới thăm ông và đã thực thi lời khuyên của ông trong tất cả các công việc quan trọng. Vị giám mục này rất muốn cải giáo cho vị hoàng tử trẻ, học trò của ông, vốn đã tỏ ra rất sẵn sàng; nhưng các vị đại quan khi thấy uy tín và ảnh hưởng của một người nước ngoài ngày càng gia tăng, đã gây cho ông những trở ngại không thể vượt qua và đã làm thất bại mọi cố gắng của ông. Tuy nhiên, dù không chiếm được cảm tình của tất cả, không một ai phủ nhận uy tín của ông, họ mong được ông khuyên bảo và tin cậy nghe theo.

Năm 1795, khi đi theo nhà vua ra trận, giám mục Adran cùng nhà vua đóng tại Nha Trang, nơi mà quân nổi dậy đang muốn vây chiếm. Ông đã đề xuất những biện pháp tốt và thể hiện tất cả đức tính kiên trì và lòng hăng hái và đã đánh lui quân địch - Quân nổi dậy lang

https://tieulun.hopto.org

còn chiếm đóng một phần rất lớn lãnh thổ Đàng Trong, giám mục Adran thấy rằng nhà vua không cần dùng sức mạnh để dồn ép họ; ông kiến nghị với nhà vua có thể chấm dứt cuộc chiến bằng cách vây hãm thành Qui Nhơn, là cứ điểm mạnh nhất và cũng là chỉ huy sở của các trận đánh của họ. Thành bị vây hãm cả trên đất liền và dưới biển. Vào tháng 4 năm 1799; cuối cùng, sau 2 tháng bị bao vây, thành đã phải hàng.

Thành này bị chiếm đã khiến lực lượng quân nổi dậy bị hoàn toàn tan rã. Và cả xứ Đàng Trong lúc ấy do họ cai trị đã nhanh chóng rơi vào tay Nguyễn Ánh. Giám mục Adran đang hết sức mãn nguyện, hy vọng uy tín của ông sẽ có lợi cho giáo hội thì ông qua đời vì bệnh lỵ vào ngày 9 tháng 10 năm 1799. Đó là một cái tang chung cho cả xứ. Nhà vua cũng như hoàng tử tỏ ra vô cùng đau đớn. Theo lệnh vua, thi hài của giám mục được liệm và ướp thơm, rồi chuyển về Sài Gòn, nơi ở của triều đình, và được quản trong 2 tháng trong một cỗ hậu sự rất đẹp. Tang lễ được cử hành cực kỳ trang trọng ngày 16 tháng 12. Vua cùng các đại quan thảy đều dự. Đức giám mục trước đó đã xin được yên nghỉ trong khu vườn nhỏ do tự tay người chăm chút, cách thành phố chừng non một dặm đường. Đám tang khởi hành vào lúc hai giờ đêm, đông tới 50.000 người, không kể đám người đi xem cũng rất đông. Một trăm hai mươi con voi được trang trí cầu kỳ đi kèm hai bên linh cữu. Mười hai ngàn lính ngự vệ cầm vũ khí, lập thành một hàng rào kép dọc theo đường đi. Mãi đến chín giờ sáng mọi người mới tới khu vườn. Lễ an táng của Nhà thờ được cử hành trang trọng tới mức tối đa khả năng cho phép, do một giáo sĩ

https://tieulun.hopto.org

thừa sai, cha Liot, điều khiển. Khi quan tài đã được hạ xuống huyệt và linh mục chủ lễ, theo tục lệ, ném xuống một ít đất, nhà vua cũng lại gần làm theo, nước mắt chan hòa. Sự đau đớn của nhà vua không dễ chóng nguôi; sau đó, mỗi khi có dịp, nhà vua không bao giờ quên nhắc lại công lao của giám mục Adran đối với mình và nỗi buồn của ông về sự ra đi của đức cha. Nhà vua muốn có một tấm chân dung của giám mục để đeo trên ngực, nhưng cái người ta đem đến kích thước quá to, nên nhà vua đã đem nó đặt trong hoàng cung, bên cạnh chân dung của Louis XVI. Nhà vua cho dựng trên mộ của giám mục một tòa nhà và cắt 50 lính ngày đêm canh gác. Tưởng nhớ công ơn của giám mục Adran, nhà vua đã bày tỏ cảm tình tốt đối với các giáo sĩ thừa sai. Nhưng người nối ngôi ông ta đã không làm như thế. Vị hoàng tử trước đây là học trò của giám mục Pigneau, đã chết ít lâu sau khi ông tạ thế, vào năm 1801. Do đó, vào năm 1820 khi Gia Long - vương hiệu của Nguyễn Ánh sau khi đánh thắng quân nổi dậy, băng hà, một người con khác nối ngôi, vương hiệu là Minh Mạng. Dưới triều vua mới này, giáo sĩ Đàng Trong đã phải chịu những cuộc bắt đạo mà chúng tôi đã nhiều lần nói tới trong các Annales. Nguyễn Ánh đối xử với Đức Cha Pigneau giống như Pharaon đối xử với Joseph, còn vua Minh Mạng đối xử với dân Thiên chúa giáo như Pharaon đối xử với dân Hébreux tới mức họ phải vượt qua Hồng Hải.

Nguyễn Ánh muốn bày tỏ với gia đình của giám mục Adran sự trân trọng và quí mến của mình đối với Đức cha, đã nhờ một giáo sĩ thừa sai đem đến cho gia

https://tieulun.hopto.org

đình Đức cha tấm văn bằng mà nhà vua đã phong tặng cho vị giám mục mà sau đây là một đoạn trích:

"Tôi có một bậc hiền tài, một người bạn tâm huyết, mặc dù muôn dặm xa xôi, đã đến nước tôi, không bao giờ rời xa tôi ngay cả lúc tôi gặp khốn nguy, hoạn nạn. Tại sao, lúc này tôi đã công thành, danh toại, lúc mà chúng tôi có thể cùng nhau đoàn tụ khăng khít, thì một cái chết yểu đã đột ngột phân rẽ chúng tôi? Tôi muốn nói về Pierre Pigneau chức vị giám mục và đại sứ đặc mệnh đáng kính của nhà vua Pháp. Những kỷ niệm về đức độ của người không bao giờ phai mờ trong tâm trí tôi, và tôi muốn một lần nữa bày tỏ với Người. Tôi phải làm thế vì công lao hiếm có của Người.

Khi gần gũi Người, lòng quý trọng và tình thân ái nơi tôi cứ ngày một gia tăng. Vào những thời điểm khốn khó, Người đã giúp đỡ chúng tôi những phương tiện mà chỉ có người mới tìm kiếm được. Sự khôn ngoan trong những lời khuyên của người, và đức độ sáng chói của người thể hiện ngay cả trong lúc chuyện trò vui vẻ, đã ngày càng gắn bó chúng tôi với nhau. Chúng tôi thân thiết với nhau tới mức mỗi khi tôi có việc ra khỏi hoàng cung, chúng tôi cùng đi ngựa sóng đôi. Chúng tôi lúc nào cũng tâm đầu ý hợp. Kể từ ngày do sự ngẫu nhiên thật may mắn mà chúng tôi gặp nhau, không có cái gì làm lạnh nhạt tình thân hữu của chúng tôi, hoặc gây cho chúng tôi sự phiền lòng. Những mong sao người được an khang để tôi được thụ hưởng những trái ngọt của một tình thân hữu khăng khít: nhưng cái cây tươi đẹp và trân quý ấy đã bị vùi lấp dưới ba thước đất. Tôi thật vô cùng nuối tiếc!

https://tieulun.hopto.org

Để chứng tỏ cho mọi người thấy hết công lao to lớn của người nước ngoài đáng kính này, và để cho những đức tính cao quý mà Người hằng dấu kín được tỏa hương rộng khắp, ta phong tặng cho người chức vị Thái phó cùng với tước nhất phẩm và hiệu là Hoàn Hảo.

Than ôi, khi thân xác đã ngã xuống và hồn đã về trời, ai mà giữ được? Ta tạm ngưng lời ca ngợi này, song nỗi thương tiếc của triều đình chẳng lúc nào nguôi ...

Hỡi tâm hồn cao đẹp của Đức Thầy, hãy tiếp nhận lòng sủng ái này! ".

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC III_2

TRÍCH MỘT BỨC THƯ CỦA GIÁM MỤC ADRAN, THẾ DIỆN TÔNG TÒA Ở ĐÀNG TRONG, GỬI CÁC VỊ BỀ TRÊN CỦA HỘI THỪA SAI

Viết từ Pondichéry, ngày 20 - 3 - 1785 (Lettres édifiantes et curieuses - T.4 - Pháp 1838 - 1843)

Đã từ bốn năm nay, tôi không có điều kiện gửi cho các ngài những tin tức của Giáo hội Đàng Trong và Campuchia. Sự hỗn loạn của chiến tranh vẫn còn kéo dài đến tận bây giờ, những tai họa, hậu quả tất nhiên của chiến tranh đã khiến tôi không còn có phút nào thư thả. Tôi tranh thủ thời gian được rãnh rỗi đầu tiên để gửi tới các ngài bản tường trình vắn tắt về những cuộc phiêu lưu của tôi.

Vào tháng 3 năm 1782, để tránh những cuộc tảo thanh của quân nổi dậy (ý nói quân Tây Sơn- NVK chú thích) tôi đã phải rút sang Campuchía cùng với trường học và hai cha dòng Phansinh (Franciscains) Tây Ban Nha. Ở đây tôi gặp các cha Liot và Langenois cũng phải chạy trốn cuộc tiến công của quân Xiêm, sau khi đã rời khỏi nhà thờ, đang cùng với giáo dân của họ ẩn náu trên con sông sang Đường Trong ở địa điểm cách thủ đô Campuchia chừng một ngày đường. Nạn đói đang xảy ra trầm trọng ở Campuchia và nếu tôi không dự phòng gửi đến đây từ trước các tầu chở lương thực trước khi quân nổi dậy kéo đến, thì chắc chắn chúng tôi không thể tồn tại được ở đây. Chúng tôi đã phải ở trên tầu

https://tieulun.hopto.org

trong 6 tuần lễ, cho đến khi quân Xiêm rút khỏi Campuchia trở về nơi ở cũ của họ; chúng tôi chỉ còn thấy những đống tro tàn và chúng tôi phải lo tìm cách tránh nắng và tránh mùa mưa đang sắp tới. Chúng tôi vừa thu xếp xong nơi trú ẩn thì lại có những tin báo động khẩn cấp. Thủ lĩnh quân nổi dậy ở Đàng Trong (quân Tây Sơn - NVK chú thích) sau khi đã đánh đuổi nhà vua chính thống (tức Nguyễn Ánh - NVK chú thích) phải chạy trốn ra biển đã chiếm đóng tất cả các tỉnh và gửi ngay quân sang Campuchia để bắt vua quan của xứ này phải thần phục. Ông ta ra lệnh bắt tất cả những người Việt Đàng Trong và đưa về nước. Lệnh này được thi hành rất nghiêm ngặt, và, các ngài hãy tưởng tượng xem chúng tôi lo lắng biết nhường nào. Lúc ấy có hơn 80 người Đàng Trong đang ở với chúng tôi, và các quan lại Campuchia cũng biết rõ như vậy; Tuy nhiên, trời đã phù hộ chúng tôi, và sau đây là sự việc đã xảy ra. Có một kẻ xấu bụng, muốn lấy lòng quân nổi dậy đã đến báo rằng có một giám mục và hai cha cố vừa ở Đàng Trong sang cùng với hơn một trăm người Việt ăn mặc giả như người Bồ Đào Nha; rằng hắn biết nơi họ trốn và hắn có thể dẫn đường đến đó. May thay viên chỉ huy quân nổi dậy lại là người công giáo. Ông ta giận dữ bác bỏ lời tố cáo và nhắn tôi đem dấu những người Đàng Trong trong một thời gian. Ông ta cho biết thêm rằng tuy ông vua đứng đầu cuộc nổi dậy đang làm ngơ đối với người công giáo, nhưng không nên tin vào những lời đồn đại; rằng ông này chẳng có niềm tin tôn giáo nào và thù ghét cả người theo đạo Thiên chúa lẫn người theo đạo Thờ cúng thần linh. Do đó, tôi chia một phần người Đàng Trong vào tất cả các gia đình có đạo, và, để dấu sự

https://tieulun.hopto.org

có mặt của tôi và số người còn lại, chúng tôi đi tìm chỗ ẩn náu ở những nơi thật hoang vu; các con tầu của tôi cũng đi theo tôi vào những khúc quanh ít ai biết tới của con sông. Tôi đã ở đó gần 2 tháng... Sau đó, được tin là dân chúng ở Đàng Trong nổi dậy khắp nơi và quân Tây Sơn không sang Campuchia nữa, tôi trở về gặp lại mọi người trong một nơi ở mới. Nạn đói ngày càng trầm trọng, gạo hiếm tới mức có tiền cũng không mua được; lương thực và thực phẩm tôi mang theo từ Đàng Trong cũng đã sắp hết. Một cuộc nội chiến đẫm máu nhất lại bùng nổ ở Campuchia, mở đầu bằng cuộc chém giết các đại quan, đã đưa chúng tôi vào tình thế chỉ còn biết trông cậy ở chúa lòng lành ... Vua xứ Đàng Trong lại quay trở lại các tỉnh mà ông ta vừa mới bỏ chạy; Chúng tôi lập tức quay trở về, quyết định tranh thủ thời gian yên tĩnh này để củng cố tinh thần các con chiên và cũng là để chuẩn bị cho một cuộc chạy trốn khác mà chúng tôi cho rằng không sao tránh khỏi. Chúng tôi về đến nơi vào cuối tháng 10 năm đó, năm 1782.

(.....)

Tôi để lại cha Liot cùng với nhà tràng trong một giáo xứ đông đúc cách cửa biển một nửa ngày đường. Sau khi đã giao nhiệm vụ cho mỗi thừa sai phần mình phải thăm nom trong tỉnh trong vòng bốn tháng, tôi hẹn gặp lại họ vào đầu tháng 3 năm 1783 ở cũng ngay địa điểm đặt nhà tràng. Về phần mình, tôi đi đến địa điểm nhà vua ẩn náu để thăm ông ta và cũng là để chăm sóc các con chiên đang theo hầu nhà vua, đồng thời chuẩn bị tầu thuyền cùng lương thực, thực phẩm cần thiết cho cuộc chạy trốn sắp tới. Nhà vua Campuchia vừa mới bị

https://tieulun.hopto.org

người Xiêm bắt. Xứ sở này bị chiến tranh và nạn đói tàn phá khiến chúng tôi trắng tay và chúng tôi chỉ còn cách là tìm nơi ẩn náu ở các hòn đảo trong vịnh Xiêm La. Vậy là phải cần có thủy thủ, hoa tiêu và lương thực, thực phẩm dùng trong một năm. Tôi chuẩn bị mọi thứ cần thiết và vào đầu tháng 3, chúng tôi gặp lại nhau ở địa điểm đã hẹn. (...). Vào lúc ấy chúng tôi có cả thảy bảy người : 3 linh mục bản xứ, 2 cha dòng Phan Sinh, cha Liot và tôi. Chúng tôi quyết định linh mục Jean, một trong 3 linh mục bản xứ, rút lên phía thượng nguồn của dòng sông, về nơi mà các giáo dân đã chuẩn bị sẵn cho ông. Cha André sẽ ẩn náu ở phía hạ lưu giáp giới với Campuchia và cha Paul, vì mới qua một cơn ốm nặng sẽ chạy trốn cùng tôi.

Vào ngày thánh Joseph, thánh Quan thầy của giáo đoàn, sau buổi lễ trang trọng và lễ thêm sức ban cho hơn 400 người, chúng tôi nhận được tin đầu tiên báo là quân nổi dậy đang đến gần. Vì đã dự liệu từ trước nên chúng tôi đã chuẩn bị tinh thần cho các tín đồ. Ngày hôm sau chúng tôi cử hành một lễ trọng cầu chúa che chở cho cuộc chạy trốn của chúng tôi, và sau khi đã khích lệ các giáo dân đang có mặt ở đó, chúng tôi khuyên họ nên trở về nhà và dấu không cho họ biết thời điểm ra đi của chúng tôi... Chúng tôi ra đi qua cửa sông Bassac và ngày hôm sau thì đến một giáo xứ có tới 400 tín đồ đã không được chăm sóc từ bảy năm nay. Chúng tôi ở lại đây 8 ngày để nâng đỡ, củng cố niềm tin cho những người đáng thương này. Nhưng những người chạy trốn đã đem theo tới đây khoảng năm chục chiếc thuyền lớn, chúng tôi đành phải ra đi để tìm một địa điểm kín đáo hơn. Chúng tôi dừng lại trên một hòn đảo

https://tieulun.hopto.org

lớn ở vịnh Xiêm La để mừng Lễ Phục Sinh. Kể từ khi tới Ấn Độ đến giờ, chưa lúc nào tôi được hưởng một sự bằng an như những ngày tôi sống ở hòn đảo này.

Tiếp đó chúng tôi đến được một nơi có người ở để sửa chữa tàu thuyền cùng với 69 người còn lại gồm học sinh, thầy giảng và những người giúp việc, nhưng tất cả đều ốm yếu, chỉ duy nhất còn một người khỏe mạnh. (...) Lại có tin nhà vua hiện đang ở cách chúng tôi khoảng 1 ngày đường và đang bị kẻ thù truy kích; người ta còn cho biết thêm là nhà vua đang muốn cử một chiếc thuyền Trung Hoa sang Manille để cầu cứu người Tây Ban Nha và để mua lương thực thực phẩm hiện đang sắp cạn.

Được tin này, hai cha Tây Ban Nha đã nài nỉ xin tôi dẫn họ đến chỗ nhà vua, nhằm tranh thủ thời cơ để trở về tu viện của họ. Tôi đã hết lời nói cho họ biết là chuyến đi rất nguy hiểm và rất khó khăn vì đã gần hết mùa gió thuận... Cực chẳng đã, tôi phải bằng lòng, và dù trong lòng chẳng muốn, tôi cũng cho họ một con thuyền và một số người đưa họ đi. Và họ cũng đã tới được chỗ nhà vua; song nhận thấy tình hình ở đó quá hỗn loạn và luôn luôn có tin báo quân nổi dậy đang tới gần, họ lại lập tức quay trở lại chỗ tôi. Họ vừa đi được vài dặm thì liền bị quân nổi dậy bắt và tôi hoàn toàn không biết họ bị đối xử thế nào. Tôi chỉ được nghe nói họ bị dẫn độ vào Đàng Trong rồi được các giáo dân bỏ một món tiền lớn để chuộc và sau đó họ buộc phải rút sang Campuchia. Bốn hay năm ngày sau khi các cha nói trên bị bắt, nhà vua Đàng Trong đã đụng độ với quân nổi dậy và bị mất hầu hết các chiến thuyền còn lại. Thấy

https://tieulun.hopto.org

không còn hy vọng quay trở lại Đàng Trong, tôi bèn cho đoàn thuyền chạy sang Xiêm và đến Chatobon ngày 21 tháng 8 năm 1783, năm tháng sau khi rời khỏi Đàng Trong.(...) Khi đến Bancok, tôi tự nhận thấy không thể nào đặt nhà tràng của tôi ở đấy được. Tôi thầm có ý định... là phải quay trở lại mạn Bắc Đàng Trong mà từ lâu tôi đã muốn về đó để hoạt động trong khi chờ đợi diễn biến của cuộc chiến tranh khốn khổ này.

Tôi thổ lộ dự định của mình với một viên chỉ huy quân đội theo Thiên chúa giáo và yêu cầu ông trình với nhà vua chuẩn y cho tôi hai việc: 1- Được phép để nhà tràng của tôi ở lại Chantobon, 2- Được phép quay trở về xứ đạo của tôi ở Đàng Trong. Vị chỉ huy quân đội này, sau khi thảo luận với các sĩ quan khác trong đơn vị, cho tôi biết rằng vào lúc này nhà vua Xiêm đang gửi một đội quân sang Đàng Trong, nên tốt hơn là không nên đề xuất ý kiến xin trở lại Đàng Trong. Còn nếu tôi muốn ra đi thì tốt hơn là hãy xin đi Ma Cao hay Pondichéry để rồi từ đó quay trở lại phía Bắc Đàng Trong. Ý kiến của ông xem ra có lý; quả vậy, trong lần đầu gặp viên quan tể tướng, ông ta nhân danh nhà vua hỏi xem có phải tôi đến để xin ở lại Xiêm, thì tôi đã trả lời rằng hiện tôi đã bị mất hết đồ đạc và nhất là sách vở trong cuộc chiến tranh ở Đàng Trong và tôi hy vọng nhà vua ban ơn cho tôi được trở về Ma Cao hay bờ biển Coromandel để tôi mua sắm lại và mong ông nhận lời che chở cho nhà tràng của tôi ở Chantobon. Vị này không gây khó dễ gì với tôi mà chỉ hỏi xem liệu tôi có thể kiếm cho nhà vua một vài tấm lụa vải loại tốt, vải hoa và đồ trang sức bằng vàng giả mà ông đưa xem

https://tieulun.hopto.org

một chiếc đồng hồ làm mẫu. Tôi nói rằng tôi sẽ bằng mọi cách thỏa mãn nhà vua, chỉ xin Người quan tâm tới nhà tràng của tôi và cấp cho tôi một giấy thông hành khi tôi đã chuẩn bị xong cho chuyến đi. Con người tham lam này hứa sẽ làm mọi việc mà tôi yêu cầu, và một tháng sau, khi tôi muốn ra đi, ông đã giữ đúng lời hứa mà không đòi hỏi tôi phải đến gặp ông lần nữa. Mọi người đều lấy làm lạ là vì sao ở nơi mà mọi người đến từ Đàng Trong đều bị canh chừng mà tôi lại có thể đạt được tất cả những điều tôi muốn. Vậy là vào ngày 12 tháng 12 năm 1783 chúng tôi ra đi để về Chantobon; và, để có thời gian nghỉ ngơi đôi chút, sau khi sắp xếp lại công việc của nhà tràng, tôi quay trở lại bờ biển Coromandel một lần nữa. Tôi lấy làm mừng là đã thoát khỏi tay người Xiêm. Song số phận chưa buông tha tôi. Vừa đến Chantobon tôi đã gặp ngay quân nổi dậy ở Đàng Trong và họ đang định chiếm con thuyền của tôi. Khi có người cho tôi biết tin thì con thuyền đã ở trong tay họ và họ chỉ trả lại khi tôi trình cho họ tấm giấy thông hành mà tôi đang có. Viên tướng này lệnh cho tôi không được rời cảng trước khi đoàn chiến thuyền của họ rút đi và tôi buộc phải ở lại chờ cho đến giữa tháng 1 năm 1784 ở một địa điểm cách Chantobon chừng một dặm rưỡi. Trong khi chúng tôi đang đi giữa các hòn đảo ở phía tây Compongthom, một tỉnh của Campuchia giáp giới với Vương quốc Xiêm thì bỗng nhiên thấy xuất hiện khoảng 12 con thuyền đang chạy ngược về phía chúng tôi, lúc đầu ai nấy đều hết sức sợ hãi; nhưng khi những con thuyền này càng tới gần, tôi nhận được một số vị quan mà tôi quen biết. Họ cho biết nhà vua Đàng Trong chỉ cách

https://tieulun.hopto.org

chỗ chúng tôi chừng một tầm đại bác. Tôi lập tức đến đó và được chứng kiến cảnh nhà vua đang ở trong một tình cảnh rất đáng thương: ông ta chỉ còn lại số quan quân chừng sáu đến bảy trăm người, một con tầu và mươi chiếc thuyền; và, như thế là đã quá nhiều vì lương thực đã cạn và quân lính đã phải ăn cả rễ cây. Tôi buộc lòng phải chia sớt cho ông một phần lương thực của mình. Thật khó mà hình dung được sự cảm động và lòng biết ơn của mọi người khi nhận phần lương thực nhỏ bé mà tôi tặng họ. Nhà vua lập tức sắp xếp cho tôi nghỉ ngơi lại sức và giữ tôi ở lại với ông gần nửa tháng. Tiếp đó, tôi lại ra đi và sau đó đến đảo Pulopunjan ngày 6 tháng 2 năm 1784. Trong suốt một tuần lễ liền trời hoàn toàn lặng gió khiến chúng tôi không thể rời đảo. Đến ngày thứ tám, bắt đầu có chút gió đông nam nhẹ, chúng tôi cố gắng thử vượt qua vịnh Xiêm La bằng cách lợi dụng tối đa sức gió; song chúng tôi vẫn không thực hiện được ý định: sau 10 ngày chạy thuyền, lúc men theo bờ này khi men theo bờ khác, chúng tôi đã buộc phải ghé vào đảo Puloubi để lấy nước. Chính ở hòn đảo này tôi đã có dịp nhìn thấy rất gần quân nổi dậy của Đàng Trong. Đúng vào lúc người của chúng tôi đang ở đảo với cùng một chiếc xà - lúp thì đột nhiên một đội quân khoảng 70 đến 80 chiến thuyền cùng ghé vào đúng chỗ chúng tôi để lấy nước. Nhờ trời che chở nên họ đã không nhận ra chúng tôi trước; nhưng chúng tôi vừa nhổ neo để ra khơi, thì họ liền đuổi theo và xuýt nữa đã bắt được chúng tôi nếu trời không cứu vớt chúng tôi bằng một đợt gió mạnh giúp chúng tôi chỉ trong chốc lát đã ra tới biển khơi. Họ vẫn còn tiếp tục đuổi theo chúng tôi một tiếng đồng hồ

https://tieulun.hopto.org

nữa. Song thấy có đuổi theo nữa cũng vô ích, vả chăng trời sắp tối nên họ đã quay trở về Pulo-ubi, còn chúng tôi thì quay trở về đảo Pulo-pujan. Tới nơi, chúng tôi cùng nhau bàn bạc cách thực hiện chuyến đi. (...) Sau khi cân nhắc kỹ càng, chúng tôi quyết định sẽ ở lại trên các hòn đảo ở xa đất liền chờ thêm khoảng 8 tháng nữa để chờ mùa gió. Song khó khăn lớn là làm sao kiếm được lương thực mà sinh sống. Chúa trời lòng lành lại một lần nữa giúp chúng tôi: may mắn vượt cả sự mong đợi, chúng tôi gặp một con thuyền của những người quen, và nhờ sự dàn xếp của họ, chúng tôi đã mua được mọi thứ cần dùng ở nơi mà năm ngoái chúng tôi đã làm lễ thêm sức cho 400 giáo dân. Lòng đầy tin tưởng chúng tôi quay trở về đảo Pulo - way và sau khi dựng lán để ở chúng tôi đưa thuyền lên cạn để sửa chữa. Chính ở đảo này, tranh thủ lúc rảnh rỗi hoàn toàn, chúng tôi đã biên soạn cho giáo đoàn những tài liệu mà trước đây do không có thời gian chúng tôi đã không làm được. (...) Chúng tôi ở lại trên hòn đảo hoang này cách đất liền hơn 60 dặm, từ đầu tháng 3 năm 1784 đến đầu tháng 12 cùng năm. (...) Sau khi đã sửa chữa xong thuyền, chúng tôi rời đảo, lòng đầy lưu luyến. Chúng tôi giong buồm về đảo Pulo.Pujnan, để từ đó vượt qua vịnh Xiêm La. Ở đây, một lần nữa chúng tôi gặp lại nhà vua Đàng Trong; ông kể cho tôi nghe lý do vì sao ông sang Xiêm, đặc biệt giãi bày về thái độ hai mặt của người Xiêm, họ mượn cớ giúp ông trở lại ngôi vua và lợi dụng danh nghĩa ông để cướp bóc dân chúng. Chính vào thời điểm này nhà vua đã giao cho tôi chăm sóc người con trai mới lên 6 tuổi mà tôi hiện đem theo tới đây.

https://tieulun.hopto.org

Sau đó chúng tôi vượt vịnh Xiêm La và đến Malaque ngày 19 tháng 12.

...Chúng tôi đến đây - Pondichéry, vào cuối tháng 2 năm 1785. (...) Cùng với tôi còn có hơn 30 người Đàng Trong, họ đã bỏ lại tất cả để theo giúp chúng tôi vượt qua những hiểm nguy của cuộc chiến tranh ở Đàng Trong đang đe dọa tính mệnh của tất cả mọi người, giáo sĩ thừa sai và học sinh nhà tràng. Những con chiên đáng thương này theo giúp chúng tôi không hề vụ lợi mà duy nhất là do lòng mến chúa . (...) Tôi đang chờ thời điểm thuận lợi để đi Ma Cao và từ đó quay trở về Bắc Đàng Trong.

Còn một điều khác nữa mà tôi rất cần tới sự giúp đỡ của các ngài; đó là việc tạo điều kiện cho sự giáo dục vị thái tử nhỏ mà tôi đang phải trông nom. Tôi muốn rằng, dù tình thế xoay chuyển ra sao, cũng phải giáo dục y trong tinh thần Thiên chúa giáo và bù đắp cho cái vương miện trần thế mà y vừa mất bằng một hy vọng có một cái vương miện khác quý giá hơn và bền vững hơn. Chỉ có các ngài mới có thể giúp tôi được việc này để chăm sóc và nhất là tránh cho y khỏi sự lây nhiễm mà lúc này đang hầu như có tính chất toàn cầu. Nếu như sau đây cha y nhờ cậy người Anh hoặc người Hà Lan lúc nào cũng sẵn sàng giúp ông ta trở lại lên ngôi vua, thì các ngài sẽ thấy không phải là vô ích vì chí ít đã làm được gì đó giúp con của ông ta. Vị hoàng tử này mới có 6 tuổi và đã biết cầu kinh. Y khá thông minh và rất hào hứng đối với những điều có liên quan đến tôn giáo. Có một điều rất khó giải thích, đó là việc y đặc biệt gắn bó tình cảm với tôi, không tỏ ra lưu luyến cha, mẹ, bà, các

https://tieulun.hopto.org

nhũ mẫu và hơn 500 người khóc nức nở khi y chia tay với họ. Các giáo dân thì cho rằng đó là do ân thiêng của chúa trời và do đó càng thêm vững lòng tin vào đạo. Còn những người ngoại đạo, do không biết gì nhiều về sự màu nhiệm của tôn giáo, đã cho rằng y đã bị tôi phù phép".

(Từ trang 617 đến 623)

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC III_3

CÁC VĂN KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN VỤ P. DE BÉHAINE THAY MẶT NGUYỄN ÁNH CẦU VIỆN PHÁP

1. Điều ước ký kết giữa Pigneau de Béhaine, đại diện của Nguyễn Ánh với vua Pháp Louis XVI ngày 28 tháng 11 năm 1787.

(Trích Ch. Maybon. Histoire moderne du pays d' Annam. Paris. 1919)

Điều ước liên minh phòng thủ và tấn công ký kết ở Versailles ngày 28 tháng 11 năm 1787 giữa Louis XVI và nhà vua Đàng Trong Nguyễn Ánh.

" Nguyễn Ánh, vua xứ Đàng Trong, bị mất ngôi và sống lưu vong. Thấy rằng cần thiết phải dùng lực lượng quân sự để lấy lại đất nước, đã gửi sang Pháp quý ngài P.J.G Pigneau de Béhaine, giám mục Adran, nhằm yêu cầu sự trợ giúp của Đức Hoàng đế - Nhà vua rất sùng đạo. Đức Hoàng Đế thừa nhận sự chính đáng của quyền lợi của vị Thái tử này, và muốn bày tỏ cho vị Hoàng tử thấy một hành động thể hiện tình hữu nghị và tình yêu chuộng công lý, đã quyết định tiếp nhận vui vẻ lời thỉnh cầu của ông ta.

Do đó, người đã cho phép quý ông Bá tước De Montnorin, thống chế quân lực, hiệp sĩ đệ nhất đẳng, cố vấn tối cao, Thượng thư kiêm Bộ trưởng điều hành tài

https://tieulun.hopto.org

chính có phân hộ ngoại giao, được thảo luận cùng với quý ngài Giám mục Adran để ấn định nội dung, phạm vi và những điều kiện của sự trợ giúp.

Hai vị đặc mệnh toàn quyền sau khi đã tự xác định tư cách pháp nhân, nghĩa là: Bá tước De Montmorin thông báo cương vị toàn quyền của mình, *và giám mục Adran trưng ra quốc ấn của Vương quốc Đàng Trong cùng với một quyết nghị của Đại Hội đồng Hoàng gia của xứ này*, đã đi đến thỏa thuận những điểm và điều khoản sau đây:

Khoản 1: Nhà vua rất sùng đạo hứa và cam kết giúp đỡ một cách hữu hiệu nhất đối với những cố gắng mà nhà vua xứ Đàng Trong đã quyết định tiến hành để trở lại với chủ quyền đất nước.

Khoản 2: Để thực hiện điều đó, Đức Hoàng đế rất sùng đạo sẽ liên tục gửi tới các bờ biển xứ Đàng Trong bằng kinh phí của mình, bốn hạm tàu với 1.200 quân lính, 200 pháo thủ và 250 lính Nam Phi châu (Cafres); những đội quân này sẽ được trang bị đầy đủ chiến cụ và cụ thể là một pháo đội dã chiến hoàn chỉnh.

Khoản 3: Nhà vua xứ Đàng Trong, đang khi chờ đợi sự trợ giúp quan trọng mà nhà vua rất sùng đạo giành cho ông ta, phải nhượng tức thời cho nhà vua và nước Pháp quyền sở hữu tuyệt đối và chủ quyền của hòn đảo, nơi có hải cảng chính của Đàng Trong có tên gọi là Hoinan mà người Âu châu thường gọi là Touron;

https://tieulun.hopto.org

quyền sở hữu và chủ quyền này có hiệu lực ngay khi quân đội đã chiếm đóng hòn đảo nói trên.

Khoản 4: Ngoài ra cũng thỏa thuận rằng nhà vua rất sùng đạo cùng với nhà vua xứ Đàng Trong đồng sở hữu hải cảng nói trên, và rằng người Pháp có thể được xây dựng trên đất liền tất cả mọi loại nhà cửa, dinh thự nếu họ thấy cần, vừa là để phục vụ cho sự đi lại trên biển và việc buôn bán cũng như để bảo vệ và sửa chữa tầu thuyền. Còn về sự bảo vệ an ninh cho hải cảng, sẽ được giải quyết tại chỗ bằng một thỏa ước riêng.

Khoản 5: Nhà vua rất sùng đạo cũng sẽ có quyền sở hữu và chủ quyền đối với đảo Pulo.Condore.

Khoản 6: Các thần dân của nhà vua rất sùng đạo sẽ được hưởng quyền tự do thương mại trọn vẹn trong toàn lãnh thổ của nhà vua xứ Đàng Trong mà không một quốc gia Âu châu nào được hưởng. Do vậy, họ có thể đi lại, cư trú tự do không trở ngại và không phải trả bất kì một thứ thuế nào cho bản thân họ; tuy nhiên, với điều kiện là họ được cấp một giấy thông hành của viên chỉ huy Đảo Hoinan. Họ có thể nhập tất cả các mặt hàng của châu Âu và của các miền khác trên thế giới, loại trừ các mặt hàng mà luật pháp của xứ này cấm nhập. Họ cũng có thể mua và xuất tất cả các sản vật và hàng hóa của xứ này và các xứ lân cận mà không có một sự ngoại trừ nào; Họ cũng

https://tieulun.hopto.org

không phải trả bất kì một thứ thuế xuất nhập nào, ngoại trừ những thuế mà người bản xứ phải trả, và những thuế này không được nâng giá trong bất kì tình huống nào, với bất kì danh nghĩa nào. Hai bên cũng thỏa thuận thêm rằng tầu thuyền ngoại quốc, dù là thương thuyền hay chiến thuyền chỉ được phép vào lãnh thổ của nhà vua xứ Đàng Trong dưới màu cờ của Pháp quốc với một giấy xuất nhập cảnh của nước Pháp.

Khoản 7: Chính quyền xứ Đàng Trong sẽ phải bảo đảm cho thần dân của nhà vua rất sùng đạo sự bảo hộ hiệu quả nhất về tự do và an toàn cho cá nhân và tài sản của họ, và trong trường hợp họ gặp khó khăn hay xảy ra tranh chấp, họ phải được xử lý đúng đắn nhất và nhanh chóng nhất.

Khoản 8: Trong trường hợp nhà vua rất sùng đạo bị bất kì lực lượng nào tấn công có liên quan tới chủ quyền của các đảo Hoinan và Poulocondore, và trong trường hợp đức vua rất sùng đạo có chiến tranh với một quốc gia nào đó dù là ở châu Á hoặc châu Âu, nhà vua xứ Đàng Trong cam kết phải tiếp viện bằng lính bộ, lính thủy, lương thực, tầu, thuyền. Những sự tiếp viện đó phải được cung cấp ba tháng sau khi có lời yêu cầu, nhưng chúng sẽ không được đem ra sử dụng bên cạnh các đảo Moluques đảo La Sonde và biển Malacca, còn việc bảo

https://tieulun.hopto.org

trì các phương tiện ấy sẽ do nhà vua cung cấp chúng chịu trách nhiệm.

Khoản 9: Để đổi lại lời cam kết đã nêu trong điều khoản trên, nhà vua rất sùng đạo nhận trách nhiệm trợ giúp nhà vua xứ Đàng Trong nếu chủ quyền đất nước của ông ta bị đe dọa. Những sự trợ giúp này tương ứng với sự cần thiết của các tình huống; tuy nhiên, bất kể thế nào, những sự trợ giúp đó sẽ không vượt quá những điều đã nêu ra trong bản hiệp ước này.

Khoản 10: Hiệp ước sẽ do hai nguyên thủ quốc gia liên đới phê duyệt và văn bản đã phê chuẩn sẽ được trao đổi trong thời hạn một năm hoặc sớm hơn nếu có thể được.

Để làm bằng, chúng tôi những đại diện toàn quyền, đã ký tên sau đây và đóng dấu của quân lực.

Làm tại Versailles ngày 28 tháng 11 năm 1787.

Đã ký: Bá tước De Montmorin

P. J. G, Giám mục Adran

Điều khoản riêng rẽ - Nhằm phòng ngừa mọi khó khăn và sự hiểu nhầm có liên can đến các cơ sở mà nhà vua rất sùng đạo được phép xây dựng trên đất liền để phục vụ cho thương mại và hàng hải, đã thỏa thuận với nhà vua xứ Đàng Trong rằng chính những cơ sở ấy sẽ thuộc quyền sở hữu toàn vẹn của đức vua rất sùng đạo, và rằng quyền xét xử, sự an ninh và bảo vệ cùng là mọi

https://tieulun.hopto.org

quyền hoạt động khác không có ngoại trừ, sẽ được thực hiện với danh nghĩa của đức vua. Để phòng ngừa những sự lạm dụng có thể xảy ra ở các cơ sở nói trên, đã thỏa thuận rõ ràng rằng nơi đây không được tiếp nhận bất cứ một người xứ Đàng Trong nào đang bị truy bắt vì phạm tội, và nếu kẻ nào trốn vào trong đó sẽ bị dẫn độ cho chính quyền Sở tại ngay từ lời yêu cầu đầu tiên của vị chỉ huy Hoi nan và Poulo Condore.

Điều khoản riêng rẽ này cũng có hiệu lực và giá trị như nó đã được ghi xen vào điều ước này từng câu, từng chữ. Để làm bằng, chúng tôi, những đại diện toàn quyền đã ký tên vào điều khoản riêng rẽ và đã đánh dấu của quân lực.

Làm tại Versailles ngày 28 tháng 11 năm 1787.

Đã ký: Bá tước De Montmorin

P. J. G, Giám mục Adran.

2. Văn bản quyết định của hội đồng hoàng gia xứ Đàng Trong.

Hội đồng đã thảo luận về tình trạng hiện nay của nội tình đất nước, đã đi đến quyết định:

1/ Rằng, sự viện trợ của một cường quốc Âu châu đã trở nên cần thiết để đưa nhà vua trở lại ngôi báu, xin nhà vua hãy giao phó lợi ích của mình nơi nhà vua Pháp mà sức mạnh, sự hoàn mỹ và sự công bằng của nhà nước này, theo như nhà vua đã được biết, là hơn hẳn các quốc gia Âu châu khác.

2/ Rằng, để mở đầu và kết thúc một cuộc thương lượng có tầm quan trọng nhường ấy, xin nhà vua hãy ủy

https://tieulun.hopto.org

thác cho giám mục Adran, quốc tịch Pháp mà đã từ lâu cả nước đều biết rõ sự thận trọng và từ tâm của Người.

3/ Rằng nhà vua sẽ trao cho ông ta những quyền không hạn chế để ông thay mặt nhà vua xin với triều đình Pháp quốc sự cứu viện cần thiết và cùng với nhà vua nước ấy đạt được những thỏa hiệp thích hợp nhất và phù hợp nhất để đem lại lợi ích cho hai quốc gia liên đới.

4/ Rằng, để đảm bảo cho triều đình Pháp quốc tính chính đáng của những ý định của họ, xin nhà vua hãy bằng lòng giao cho vị giám mục Pháp, vị Hoàng tử, người con duy nhất và là người thế vị của nước mình, để vị giám mục này săn sóc, dạy dỗ vị Hoàng tử thân thiết đối với nhà vua và quý giá đối với cả nước.

5/ Rằng, để tránh những khó khăn trong việc đảm bảo nội dung những văn bản trên được thảo bằng tiếng nước ngoài, và ở trong một nước mà chỉ có những người phiên dịch là những nhân vật có liên quan tới vụ việc, xin Nhà vua hãy giao cho vị giám mục nói trên chiếc quốc ấn của Người, được cả nước coi như ngôi vị của Người, để cho triều đình Pháp quốc trong mọi trường hợp được bảo đảm về quyền lực của ngài giám mục và có thể tin tưởng ở hiệu quả của công việc mà họ tiến hành.

6/ Rằng, vị giám mục nói trên sẽ nhân danh nhà vua xứ Đàng Trong xin với triều đình Pháp quốc sự viện trợ gồm 15000 người lính, số lượng tầu thuyền đủ để chuyên chở họ, pháo đội dã chiến, chiến cụ và tất cả

https://tieulun.hopto.org

những gì mà ông ta thấy cần thiết hay có ích cho cuộc viễn chinh.

7/ Rằng, để chăm nom Hoàng tử kế vị và theo hầu ngài giám mục Adran, sẽ cử hai trong số các sĩ quan chính của triều đình cùng với một đoàn tùy tùng cần thiết mà hai sĩ quan sẽ được coi là những người bảo chứng cho ý muốn thành thực của nhà vua trong việc điều đình với Triều đình Pháp quốc.

8/ Rằng, ngài giám mục Adran được ủy quyền thay mặt nhà vua và Hội đồng hoàng gia, nhượng quyền sở hữu và giao chủ quyền toàn vẹn cho nhà vua Pháp quốc, hòn đảo nơi có hải cảng chính của Đàng Trong được Âu châu gọi là Cảng Touron và người bản xứ gọi là Hoinan, để xây dựng ở đó những cơ sở theo cách thức và hình dáng mà họ thấy là thích hợp nhất.

9/ Rằng, cũng thỏa thuận nước Pháp và xứ Đàng Trong, đồng sở hữu hải cảng nói trên để có thể bảo quản, sửa chữa và đóng mới tất cả các loại tầu thuyền mà triều đình Pháp thấy cần thiết.

10/ Rằng, vị giám mục nói trên sẽ hiến cho triều đình Pháp quốc quyền sở hữu của hòn đảo có tên là Poulo Condore.

11/ Rằng, nhà vua cũng cam kết cho nước Pháp được độc quyền thương mãi trên toàn lãnh thổ của mình.

12/ Rằng, nhà vua cũng cam kết nếu nước Pháp đưa nhà vua trở lại ngôi và hỗ trợ cho mình, sẽ cung cấp cho vua nước Pháp những sự viện trợ tương tự như lính

https://tieulun.hopto.org

hải quân, lương thực, tầu thuyền v.v ... Khi được, yêu cầu vào bất cứ lúc nào và ở đâu.

13/ Nhà vua cũng nên báo cho vị giám mục Adran biết rằng nếu triều đình Pháp quốc đòi hỏi những điều mà nhà vua không dự tính, vị giám mục nói trên chỉ được chấp nhận những điều khoản không làm tổn hại đến lợi ích của thần dân mà nhà vua là người cha và người bảo vệ. Rằng, vị giám mục nói trên vốn có sự hiểu biết đầy đủ về phong tục, tập quán của người Đàng Trong, chỉ được ký kết điều ước mà là vua mong muốn nếu điều ước đó bảo đảm chắc chắn các điều kiện sẽ công bằng và có lợi cho cả hai quốc gia liên đới.

14/ Rằng, nhà vua sẽ làm cho vị giám mục Adran hiểu rằng, khi trao vào tay ông ta số phận của mình và các thần dân, nhà vua mong rằng với mối thân tình đối với nhà vua, ông ta sẽ tiến hành cuộc thương thuyết với tất cả sự khẩn trương được cân nhắc bởi nhiều tình huống, với sự thận trọng và sự già dặn đã được nhà vua thừa nhận. Rằng kết quả của chuyến công cán này tùy thuộc vào chức trách mà ông ta đã hoàn thành một cách nhiệt tình mà vì nó, ông đã phải trải qua những hy sinh rất lớn; rằng, cuối cùng, bằng vào sự thành công, lòng nhân hậu của Đấng tối cao mà ông ta là người đại diện, và thiện tâm của nhà vua cao cả mà ông là thần dân, ông mãi mãi nhận được sự ngợi khen và lòng biết ơn của nhà vua và cả xứ Đàng Trong.

Quyết nghị tại Hội đồng Hoàng gia ngày 10 tháng 7 năm 43 đời Cảnh Hưng. (tức 18 - 8 - 1782).

3. Văn bản của một dự thảo điều ước.

https://tieulun.hopto.org

(Theo J.Silvestre - nguyên giám đốc sở các sự vụ bản xứ ở Bắc Kỳ; trong các bài giảng ở Học viện các khóa học chính trị, J.Silvestre đã công bố văn bản này kèm theo những dòng sau đây: "Những người Annam đã không biết đến văn bản ấy (văn bản điều ước 1787) hoặc không muốn biết đến. Theo một tác giả người bản xứ có đạo, là một sử gia đã biên soạn sử biên niên về các trận nội chiến từ 1765 đến 1812 thì theo Nguyễn Ánh, điều ước 1787 khác xa với văn bản đã được công bố. Và theo sử gia này, người tỏ ra nắm vững các sự kiện, dưới đây là những điều cam kết giữa 2 bên: (Ch.Maybon. Sđd/ phần phụ lục).

I. Về phía nước Pháp:

Khoản I- Nhà vua Pháp kết mối giao hữu với nhà vua Annam để cùng chi viện lẫn nhau; vì vậy nhà vua Pháp cam kết từ nay và một cách nghiêm chỉnh sẽ cứu trợ nhà vua Annam trong mọi trường hợp có những bất hạnh đến với nhà vua hoặc khi nhà vua bị bất kỳ kẻ nào tấn công. Cũng có sự cam kết như vậy về phía nhà vua Annam đối với nhà vua Pháp.

Khoản II- Nhà vua Pháp cam kết gửi cho nhà vua Annam 20 chiến hạm (frégates) có vũ khí, đạn dược và quân lính để chi viện cho ông ta. Những chiến hạm này sẽ được đóng theo kích cỡ mà nhà vua Annam thấy cần thiết.

Khoản III- Nhà vua Pháp hứa sẽ gửi cho nhà vua Annam một đội quân cứu trợ gồm 7 liên đội (Régiments).

Khoản IV- Nhà vua Pháp cam kết gửi cho nhà vua

https://tieulun.hopto.org

Annam, 4 tháng sau khi các chiến thuyền và binh lính đã tới Annam, một món tiền 1.000.000 đồng bạc (piastres), mà một nửa là tiền mặt, nửa còn lại là thuốc súng, súng lục, kiếm và các vũ khí khác cùng loại.

Khoản V- Những chiến thuyền và lính Pháp, một khi đã tới Annam sẽ thuộc quyền điều động của nhà vua xứ này, tùy theo sự cần thiết của ông.

II. Về phía nhà vua Annam.

Khoản I- Nhà vua Annam cam kết rằng sau khi đã làm chủ đất nước, lập lại hòa bình trong xứ, sẽ cung cấp gỗ lim (bois de fer) và mọi thứ cần thiết khác để đóng 14 chiến thuyền biếu cho nhà vua Pháp; nhà vua Pháp sẽ gửi một trung đội lính (đúng như trong nguyên văn), đến đóng tại xứ Annam để tiến hành công việc đóng các tầu chiến ấy.

Khoản II- Mọi sĩ quan được nhà vua Pháp gửi đến để trông coi các tầu đến buôn bán ở Annam, sẽ được hưởng những quyền tự do như đã được áp dụng các xứ ở Âu châu. Họ được tự do thuê mướn người Annam (để phục vụ họ và đồng bào họ), để đóng các chiến thuyền, mua gỗ lim; nhà vua Annam không được ngăn cản.

Khoản III- Về phần những người sĩ quan Pháp, họ có thể mua bao nhiêu gỗ tùy thích ở bất cứ đâu họ muốn.

Khoản IV- Nhà vua Annam và các vị quan trong triều sẵn sàng nhượng cho nhà vua Pháp và những vua kế vị hải cảng Hàn và các vùng phụ thuộc, những ngọn đồi ở phía Đông hải cảng này và Ai Vân, ở gần kề cửa

https://tieulun.hopto.org

Hàn. Vì thế, kể từ ngày hôm nay, những đất đai ấy hoàn toàn thuộc về nước Pháp.

Khoản V- Nhà vua Annam cam kết cung cấp cho nhà vua Pháp mỗi khi cần thiết, thợ, vật liệu để xây dựng cầu, công sự và đường xá để tránh bị kẻ thù gây rối, cũng còn là để đào giếng và các công trình thuộc loại ấy, với điều kiện duy nhất là những người thợ và vật liệu ấy do nhà vua Pháp trả tiền.

Khoản VI- Mọi người dân bản xứ cư trú trong vùng đất nhà vua Annam đã nhượng cho nhà vua Pháp, nếu muốn chuyển nhà đi vùng đất không thuộc nhà vua Pháp, đều được hoàn toàn tự do. Trong trường hợp ấy, nhà vua Pháp sẽ bồi thường giá trị ruộng đất cây cối mà người ấy để lại.

Những ai muốn ở lại phải tuân thủ các luật lệ và tập tục như trước đây, bởi nhà vua Pháp sẽ không thay đổi luật lệ và tập tục của dân chúng. Do đó, nếu dân chúng hoặc các điền chủ có khiếu nại gì thì nhà chức trách Pháp sẽ xét xử vụ việc và tuyên xử theo luật pháp xứ Annam.

Cũng phải nói rõ là mỗi người dân được tự do đi theo tôn giáo mà họ yêu thích.

Khoản VII- Các quan chức cai trị ở vùng đất đã nhượng sẽ thu các thứ thuế ruộng và thuế khác, theo luật lệ xứ Annam sẽ phải thỏa thuận với nhà vua để chỉ định những người thu thuế trong các vùng đất này. Phải có một ủy ban do nhà vua Pháp cử và một ủy ban do nhà vua Annam cử, và chỉ với danh nghĩa của hai nhà vua đó họ mới được thu thuế - Nhà vua Annam

https://tieulun.hopto.org

không được nhận phần những thuế đó; ông ta sẽ để lại toàn bộ cho nhà vua Pháp để cung ứng những nhu cầu cho binh lính và cho những phí tổn xây dựng các công sự ở xứ Annam hay những phí tổn khác thuộc loại này.

Khoản VIII- Mỗi khi Nhà vua Pháp tuyên chiến với một quốc gia Phương Đông nào đó, nhà vua Annam phải cung cấp cho nhà vua Pháp 14.000 lính và họ phải được có kiến thức như những lính Pháp - Vì thế, các sĩ quan phải dạy họ những bài tập như của lính Pháp.

Nhà vua Pháp sẽ cung ứng cho họ thức ăn, quần áo và mọi sự chi tiêu khác.

Khoản IX- Trong trường hợp các căn cứ hoặc doanh nghiệp Pháp bị kẻ thù tấn công, nhà vua Annam sẽ cung cấp một đội quân cứu trợ là 60.000 lính.

Tác giả ghi thêm: Còn một vài khoản nữa không được nhắc tới ở đây bởi chúng ít quan trọng và chỉ để làm sáng tỏ thêm những khoản đã ghi ở trên nhằm tránh để xẩy ra một sự tranh chấp trong tương lai.

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC III_4

TỔNG QUÁT VỀ TÌNH HÌNH GIÁO HỘI Ở VƯƠNG QUỐC AN NAM GIỮA THẾ KỶ XIX

Bài viết của Niên Giám Hội Truyền giáo.
Số 31. Lyon. 1858.

"Số mới đây của tập niên giám cho biết tin quân lính của đội quân liên minh Pháp và Tây Ban Nha vừa mới đổ bộ lên Đường Trong, nhằm chấm dứt cuộc bắt đạo, và bước khởi đầu của họ trên đất Annam đã là một sự thắng lợi. Trong lúc các độc giả sùng đạo của chúng ta đang đón chờ những sự thành công mới, chúng tôi thấy cần thiết đưa ra một vài nhận xét soi sáng cho khung cảnh còn ít được biết tới của các sự kiện, bằng những con số minh bạch và những tin tức chính xác. Những ghi chép giản lược chỉ duy nhất nhằm mục đích so sánh số dân bên đời với số dân bên đạo, trình bày tổ chức phẩm trật trong giáo phận, chỉ ra ảnh hưởng của chủ nghĩa anh hùng của các nhà truyền giáo tới lòng can đảm của các tín đồ, và cũng là để nhắc lại những lý do nghiêm trọng dẫn tới sự can thiệp của nước ta, một sự can thiệp không chỉ là hợp pháp mà còn là cần thiết.

Chúng ta đều biết rằng vương quốc An Nam bao gồm xứ Đàng Trong và xứ Đàng Ngoài, đã được hợp nhất từ năm 1802. Chính là những người Pháp đã giúp đỡ Gia Long chiếm lại Đàng Trong và chinh phục Đàng Ngoài. Vị vua của hai vương quốc này còn chi phối một

https://tieulun.hopto.org

vài vương hầu phụ thuộc, nhưng chính ông ta lại thần phục nước Trung Hoa mà y chịu ảnh hưởng về chính trị sau khi đã nhận sự thụ phong vương hiệu từ nước này. Hai miền của nước này có số dân đông hơn là diện tích eo hẹp của chúng. Người ta ước lượng số dân ở Đàng Trong là 10 triệu và ở Đàng Ngoài là 17 triệu. Trong số 27 triệu dân đó, giáo dân chỉ có 530.000, tức là một giáo dân trên 50 người bên đời. Bốn trăm bốn mươi nghìn (440.000) giáo dân thuộc giáo hội Đàng Ngoài và 90.000 thuộc giáo hội Đàng Trong. Năm 1820, khi vua Minh Mạng lên ngôi, Đàng Ngoài chỉ có 300.000 tín đồ và Đàng Trong có 60.000. Như vậy là đã có sự gia tăng tổng cộng là 140.000 giáo dân, một sự tăng tiến thật đáng kể trải qua một cuộc bách hại khốc liệt và gần như liên tục trong 38 năm. Chỉ riêng năm 1854 đã có 5.317 người cải giáo không kể 49.000 trẻ em hấp hối được nhận phép rửa tội và nhiều nghìn trẻ mồ côi lang thang được thu nhận vào các gia đình có đạo.

Toàn thể các họ đạo người Annam hiện được phân thành 7 giáo phận, 3 ở Đàng Trong và 4 ở Đàng Ngoài. Có 7 giám mục, mỗi người có một phó giám mục giúp việc, chủ trì sự trông nom cần mẫn này - Trong số 14 vị chức sắc này, 10 người thuộc quốc tịch Pháp và 4 người quốc tịch Tây Ban Nha. Họ được sự cộng tác trực tiếp của 60 thừa sai Âu châu, thường được giao cho việc điều hành những địa phận lớn với vương vị như một thủ chỉ, trong khi các linh mục bản xứ, với số lượng nhiều gấp 4 lần là những cánh tay của họ, có thể với tới những vùng hẻo lánh nhất: Số linh mục này đông tới 240 người. Một vườn ươm giáo chức với 900 chủng sinh luôn bổ sung cho tập đoàn tăng lữ bản xứ này khi có những người

https://tieulun.hopto.org

bệnh tật hoặc hy sinh. Ở dưới các linh mục là các thầy giảng, những người trung gian đáng kính giữa vị chủ chăn và các con chiên; họ là những giám thủ nhiệt thành cho lợi ích của giáo phận (...);

Số thầy giảng đã lên tới ước 650 người. Có ước chừng 1600 nữ tu, cũng nhiệt thành như thế đối với công việc mở mang học vấn và làm việc thiện cho phụ nữ và trẻ em. Sau đây là tổng hợp nhân sự đang phục vụ cho giáo hội xứ An Nam: họ gồm 3.464 người, tham gia với lòng nhiệt thành, sự hy sinh vô hạn độ, kể cả mạng sống của mình, vào việc giữ gìn sự sốt sắng của 530. 000 giáo dân và sự truyền bá đức tin trong số 27 triệu người ngoại đạo.

... "Do đâu mà có được lòng can đảm và sự kiên trì nhường ấy ở những con người bản chất nhút nhát và có thói quen dễ dàng khuất phục bất cứ ý muốn nào của chính quyền độc đoán... Vinh quang làm nên sự nhiệt thành trên cả sức người ấy là thuộc về các vị chủ chăn, những người đã nêu gương cho các con chiên. 5 vị giám mục đã lần lượt chỉ ra cho mọi người thấy các vị đã hy sinh như thế nào cho giáo hội. 5 vị giám mục ấy là:

Đức thầy Ignace Delgado, quốc tịch Tây Ban Nha, bị án tử hình và chết rũ tù năm 1838.

Đức thầy Hénarez, quốc tịch Tây Ban Nha, bị chém năm 1838.

Đức thầy Dumoulin Borie, quốc tịch Tây Ban Nha, bị xử tùng xẻo chết năm 1838.

https://tieulun.hopto.org

Đức thầy Diaz, quốc tịch Tây Ban Nha, bị chém năm 1857.

Đức thầy Melchior, quốc tịch Tây Ban Nha, bị chém năm 1858.

Và, để cho máu của các vị được nhiều người chứng kiến, 10 thừa sai Âu châu đã kế tiếp nhau để lại dấu ấn trên con đường tử đạo những khoảng cách khác nhau bằng tính mạng của mình. Sau đây là tên của các vị đó :

Cha Gagelin, người Pháp, bị xử dảo năm 1833.

Cha Odorico, người Ý, chết ở trong tù đúng vào lúc các lý hình đến để xử dảo, năm 1834.

Cha Marchand, người Pháp, bị xử tùng xẻo năm 1835.

Cha Cornay, người Pháp, bị chém năm 1837.

Cha Fernandez, người Tây Ban Nha, bị chém năm 1838.

Cha Jaccard, người Pháp, bị xử dảo năm 1838.

Cha Delamotte, người Pháp, bị xử kẹp kìm cho đến chết năm 1840.

Cha Duclos, người Pháp, đã bị xử tử hình và bị bắt lại, chết trong ngục năm 1846.

Cha Schoeffler, người Pháp, bị chém năm 1851.

Cha Bonnard, người Pháp, bị chém năm 1852.)

(Annales de la Propapation de la foi. Tập 31. Lyon. 1858. Các trang 81 đến 85).

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC IV

GIÁM MỤC PUGINIER VỚI VIỆC ĐÁNH CHIẾM VÀ BÌNH ĐỊNH BẮC KỲ CỦA THỰC DÂN PHÁP

(Trích tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 3 và 4 năm 1998)

Nguyễn Văn Kiệm

Paul François Puginier sinh ngày 4 tháng 7 năm 1835 ở làng Saix thuộc hạt Albi Torn, vào học ở Chủng viện Alby năm mới hơn 9 tuổi. Sau khi tốt nghiệp, Puginier được nhận vào Chủng viện của Hội Thừa sai Paris năm 1854 và đến năm 1858 ông được cử sang Việt Nam, địa phận Giám mục Tây Bắc Kỳ. Sau 28 tháng dừng chân ở Sài Gòn làm tạm một số công việc ngoài đời như dạy tiếng Pháp, chăm sóc y tế..., khi Hòa ước năm 1862 được ký kết giữa Pháp và Triều đình Huế, Puginier lên đường ra Bắc Kỳ và đến Kẻ Sở nhiệm sở của Tòa Giám mục địa phận Tây Bắc Kỳ tháng 12 - 1862. Sau một số năm làm phó cho Giám mục Jeantet, Puginier chính thức nhận chức Giám mục địa phận này vào năm 1868, chức danh De Mauricastre và ở chức vụ đó cho đến khi mất ở Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 1892, được an táng tại Kẻ Sở ngày 30 tháng 4 năm 1892.

Trong hơn hai thập kỷ làm Giám mục, Puginier hoạt động rất hăng hái, tích cực, đưa số giáo dân ở địa phận Tây Bắc Kỳ lên gần gấp đôi, củng cố vững chắc Giáo hội ở đây về tất cả mọi phương diện, khiến cho địa

https://tieulun.hopto.org

phận này trở thành một giáo phận mẫu mực ở nước ta với 220.000 giáo dân cùng với một số công trình văn hóa, xã hội đáng kể như Trại cô nhi, Nhà thương hủi, trường học tiếng Pháp, xưởng in và hai công trình kiến trúc lớn là Nhà thờ Kẻ Sở và Nhà thờ lớn Hà Nội.

Ngoài công việc chính của một Giám mục, Puginier còn tích cực tham gia các hoạt động kinh tế, chính trị khiến cho ông trở thành một Giám mục có uy tín nhất ở Bắc Kỳ lúc bấy giờ bởi sự hiểu biết sâu rộng về tình hình mọi mặt của xứ này.

Sau khi Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai năm 1882 và Henri Rivière bị phục kích và bị giết ở Cầu Giấy, tháng 5 năm 1883; nội bộ nước Pháp đã gặp một số khó khăn: khủng hoảng nội các, quan hệ ngoại giao của Pháp với một số nước ở Âu châu trở nên căng thẳng, tài chính thiếu hụt, khiến cho việc xâm lược Việt Nam, nhất là việc đánh chiếm Bắc Kỳ của Pháp bị chậm lại. Nhiều chính khách trong Chính phủ Pháp chủ trương Pháp hãy tạm ngừng các cuộc hành quân chiếm đóng ở Bắc Kỳ, rút bớt quân về Sài Gòn, chỉ để một số quân đồn trú ở một vài địa điểm có tính chất chiến lược. Họ còn nêu lên những khó khăn do sự can thiệp của Trung Quốc và của một nước Âu châu nào đó, nếu Pháp cứ tiếp tục mở rộng việc chiếm đóng Bắc Kỳ.

Tình hình ấy cũng đã khiến cho một số quan chức quân sự, quan chức dân sự của Pháp ở Sài Gòn cũng như ở Bắc Kỳ hoang mang, do dự, lúng túng trong vấn đề Bắc Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Trước tình thế đó, Puginier, người luôn luôn tự tuyên bố mình không chỉ là một Giám mục mà còn là một công dân Pháp yêu nước chân thành, hằng mong muốn nước Pháp có một vị thế quan trọng ở Viễn Đông, đã hăng hái và tích cực dự thảo những tài liệu, những nhận xét, những kiến nghị, những thông tin quan trọng gửi cho các quan chức Pháp, nhằm tham mưu cho họ một phương hướng hành động đúng đắn để có thể làm cho Bắc Kỳ thực sự trở thành một thuộc địa quan trọng của nước Pháp.

Chúng tôi hiện có trong tay những tài liệu nói trên do Puginier thảo ra và in thạch ở xưởng in Kẻ Sở, hiện còn lưu giữ tại Thư viện Viện thông tin Khoa học xã hội Việt Nam.

Tập tài liệu này gồm có 23 bài viết trên giấy khổ rộng với tổng số 256 trang. Bài viết sớm nhất của Puginier là vào tháng 3 năm 1884 và bài cuối cùng của ông được viết vào ngày 25 tháng 1 năm 1892, đúng 3 tháng trước khi Puginier chết.

Từ những tài liệu nói trên, chúng tôi xin nêu ra một số ý mà chúng tôi cho là có liên quan tới đề tài để trình bày trong bài viết này. Và do khuôn khổ của một bài tạp chí, chúng tôi cũng chỉ có thể trình bày trong một giới hạn nhất định mà không thể khai thác hết mọi khía cạnh của tài liệu nói trên. Chúng tôi hy vọng sẽ có dịp giới thiệu tiếp nội dung của các tài liệu trên ở những khía cạnh khác cũng trên tạp chí này.

Dưới đây là những ý kiến của Puginier mà chúng tôi cho là quan trọng đã đóng góp cho các quan chức

https://tieulun.hopto.org

thực dân Pháp nhằm tham mưu cho chúng trong việc đánh chiếm và bình định Bắc Kỳ.

1. Về lợi ích của nước Pháp trong việc đánh chiếm Bắc Kỳ

Về vấn đề này, Puginier đã khẳng định rõ những lợi ích, đặc biệt là những lợi ích về kinh tế của nước Pháp trong việc đánh chiếm Bắc Kỳ, bởi lẽ Bắc Kỳ có nhiều tài nguyên dồi dào; nhân công nhiều, rẻ mạt, khéo léo, dễ đào tạo; có một mạng lưới giao thông đường thủy rất thuận lợi; người Pháp có thể mở rộng việc thương mại với các nước láng giềng, trước hết là với Trung Quốc và sau đó là với các nước ở vùng Đông Nam Á, Puginier viết: "Bắc Kỳ là một xứ giàu có, đất đai thích hợp cho việc trồng rất nhiều loại cây khác nhau, vùng đồng bằng lại thích hợp cho việc trồng lúa, ngô, mía v.v ...; còn các vùng đồi cao lại có rất nhiều sản vật quý: các chủng loại gỗ, sơn,... cánh kiến, long não, các loại vỏ cây để làm giấy bản, nhiều loại dầu thảo mộc có đặc tính giống như dầu gai (lin) v.v... Đó là chưa kể đến các mỏ than, các mỏ vàng, các mỏ ăngtimoan, mà nhà bác học Fults đã khẳng định là có ở Bắc Kỳ. Sau xứ Syrie, xứ này (chỉ Bắc Kỳ - NVK) có mật độ dân cư vào loại cao nhất trên thế giới, có thể cung cấp một cách dồi dào nhân công đủ loại. Người Bắc Kỳ nói chung hiền hòa, chăm làm và dễ đào tạo cho mọi ngành nghề, kể cả mỹ nghệ.

Ngoài ra, xứ Bắc Kỳ với hệ thống sông ngòi của nó sẽ mở ra cho nước Pháp những con đường rất thuận lợi để đưa hàng hóa của mình vào Lào và vào miền Tây –

https://tieulun.hopto.org

Nam Trung Quốc như Hải Nam, Quảng Tây, Quảng Châu, Quý Châu, một nửa tỉnh Tứ Xuyên, để rồi từ các miền đất bao la ấy khai thác và đưa ra các tài nguyên làm thành một tuyến thương mại có rất nhiều lãi; trong số các tài nguyên có thể khai thác được ở đây và đưa ra phải kể tới đồng, kẽm, thiếc, thủy ngân và nhiều chủng loại chè được tiêu thụ ở đây mà thị trường Âu châu chưa biết tới" (2)

2. *Cần phải có thái độ như thế nào đối với nước láng giềng khổng lồ Trung Quốc?*

Theo Puginier, nếu Pháp chỉ ỷ lại vào lực lượng quân đội hiện đang có mặt tại Bắc Kỳ để giữ vững xứ này mà không có biện pháp gì khác hơn để đối phó thì Trung Quốc là một nước láng giềng thật đáng sợ, vì từ các tỉnh ở phía Nam Trung Quốc họ thường xuyên đưa sang các tỉnh biên giới của Bắc Kỳ những toán vũ trang để quấy rối và kích động dân chúng của xứ này nổi loạn. Nếu tình hình diễn ra đúng như vậy, người Pháp khó có thể ở yên tại Bắc Kỳ, đó là chưa nói tới khả năng có sự can thiệp của một nước Âu châu khác vào Bắc Kỳ thì tình hình lại còn đáng lo ngại hơn nhiều. Song nếu biết hành động một cách khôn khéo, tỉnh táo, người Pháp không những có thể đứng vững ở Bắc Kỳ mà họ còn có thể làm cho Trung Quốc phải lo ngại bởi sự có mặt của một quốc gia hùng mạnh ở châu Âu ở ngay sát cạnh biên giới phía Nam của họ. Puginier viết: "Việc chúng ta phải tiếp cận với nước láng giềng Trung Quốc có đáng phải lo ngại như nhiều người thường nói và nhắc đi nhắc lại hay không?"

https://tieulun.hopto.org

"Vấn đề này cần được chúng ta xem xét ở hai phương diện khác nhau:

1- Trong tình huống bình thường.

2- Trong trường hợp có một cuộc chiến tranh với một quốc gia Âu châu khác.

1. Trong trường hợp thứ nhất, câu trả lời của tôi là có và không, tùy theo biện pháp mà người ta quyết định lựa chọn để thực thi. Nếu người ta chỉ trông cậy vào sức mạnh bề ngoài của vũ khí để chiếm đóng và duy trì trật tự ở xứ này (chỉ xứ Bắc Kỳ – NVK), không quan tâm đến sự tranh thủ tình cảm của dân chúng, điều hành họ một cách thiếu thông minh và không tìm cách tránh cho họ những điều bất hạnh thì tôi nói rằng sự ở gần Trung Quốc là rất đáng lo ngại. Trong tình huống giả thiết đặt ra ở trên: chúng ta sẽ phải luôn luôn chống lại những toán vũ trang do các quan chức của các tỉnh ở Trung Quốc như Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông thường xuyên cho tràn sang Bắc Kỳ; song họ lại coi như là không có trách nhiệm gì. Các toán vũ trang này sẽ tìm thấy ngay ở đây những phần tử bất mãn sẵn sàng phát động dân chúng nổi dậy để từ đó nảy sinh các cuộc chạm súng liên miên.

Nhưng nếu Chính phủ Pháp thấy rõ được những nguồn tài nguyên phong phú và vô tận đủ loại vốn đã có sẵn ở xứ này (chỉ Bắc Kỳ - NVK); biết tiến hành lựa chọn những quan chức có đầu óc thực tế, nhiệt tình, thận trọng, đã từng ở đây trong một thời gian dài, không có đầu óc bè đảng, cơ hội; sau nữa nếu người ta nhận thức được rằng ở xứ này (chỉ Bắc Kỳ - NVK) có

https://tieulun.hopto.org

một chỗ dựa tinh thần to lớn và biết sử dụng nó thì tôi dám cam đoan rằng việc ở gần nước láng giềng Trung Quốc lại không có gì đáng phải lo ngại.

Tôi hoàn toàn tin chắc rằng vấn đề này có thể đảo ngược lại và thay vì phải sợ hãi Trung Quốc, chúng ta có thể làm cho Trung Quốc phải lo ngại. Và trong những năm gần đây, nếu như Trung Quốc đã từng phải có những sự hy sinh to lớn để giúp đỡ cho Vương quốc Annam thì đó không phải là do họ có hảo ý với nước chư hầu này mà chính là vì họ lo sợ sự hiện diện của một kẻ láng giềng đáng gờm (chỉ quân đội Pháp - NVK) vừa mới đứng vững ở biên giới của họ.

Mặc dù hiện nay đã có Hòa ước ký kết giữa nước Pháp với Trung Quốc, song chúng ta không thể tin cậy họ được, và tôi biết chắc chắn rằng Trung Quốc quyết tâm gây mọi khó khăn, mọi sự phiền toái cho sự thiết lập ảnh hưởng của người Pháp ở Bắc Kỳ. Các vị Phó vương ở Quảng Đông và Vân Nam đã xin với Triều đình Bắc Kinh cho phép họ đánh bật người Pháp ở Bắc Kỳ mà không đòi hỏi một sự viện trợ nào từ phía chính quyền Trung ương. Những tin tức chính xác do các nhân vật rất đáng tin cậy và hiểu biết rất chắc chắn sự việc này cung cấp đã khiến cho tôi không còn một chút hồ nghi nào về những mưu toan của người Trung Quốc. Họ muốn đưa sang Bắc Kỳ những toán vũ trang mà họ ngầm giúp đỡ... Họ hy vọng rằng bằng cách ấy sẽ làm cho nước Pháp mệt mỏi, chán nản phải rút khỏi miền đất mà sự có mặt của nước này là mối bận tâm lớn của họ.

https://tieulun.hopto.org

Nhưng chúng ta cũng không nên hoảng hốt trước sự đe doạ đó của phía Trung Quốc. Mặc dù là một quốc gia rộng lớn, nhưng thật ra Trung Quốc không đáng sợ, vì họ thiếu một sự thống nhất về tinh thần vốn dĩ là yếu tố làm nên sức mạnh của một Nhà nước. Nước này (chỉ Trung Quốc - NVK) thường xuyên bị đe dọa bởi các cuộc nội chiến khiến cho tương lai của họ sẽ bị tổn hại, lại thêm vào đó là nền tài chính quốc gia của họ không được dồi dào. Với những biện pháp đề phòng tốt, chúng ta hoàn toàn có thể kiềm chế được các toán vũ trang được đưa sang Bắc Kỳ lúc đó và còn có thể chống lại chúng một cách có hiệu quả.

Người Pháp không thiếu sự can đảm, song họ cũng cần phải có sự kiên trì và táo bạo! Từ đó chúng ta sẽ tranh thủ được cảm tình của dân chúng, tiến hành một cuộc đề kháng nghiêm túc khiến cho người Trung Quốc sẽ thấy rằng nước Pháp không dễ dàng gì để cho ai dọa nạt được và tự họ cuối cùng sẽ phải nhượng bộ.

2. Trong trường hợp nổ ra một cuộc chiến tranh giữa nước Pháp và một quốc gia mạnh ở Âu châu thì mối nguy cơ ở Bắc Kỳ sẽ thực sự trở thành to lớn. Nhưng với một vài tầu chiến để canh giữ bờ biển, với những đồn quân vững chắc để bảo vệ vùng biên giới, song song với việc bảo đảm việc tiếp tế, với việc biết sử dụng có hiệu quả những nhân tố có sẵn trong xứ này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK) để hỗ trợ cho quân đội Pháp, tôi dám tin tưởng rằng chắc chắn chúng ta đủ sức đương đầu với những khó khăn và cứu vãn được tình thế.

Chiến tranh ở Âu châu không thể kéo dài quá lâu, nhưng sự khủng hoảng ở Bắc Kỳ cũng không thể tồn tại

https://tieulun.hopto.org

lâu và một nhân vật tài năng có thể duy trì được tình thế trong khi chờ đợi một sự kết thúc cuộc đấu tranh ở Pháp. Tương lai của xứ Bắc Kỳ sẽ tùy thuộc vào sự kết thúc đó.

Nhưng ngay cả trong trường hợp nổ ra chiến tranh ở Âu châu mà nước Pháp lại phải chờ cho cuộc chiến này kết thúc mới có thể có quyết định dứt khoát về vấn đề Bắc Kỳ thì chúng ta cũng không nên quên rằng lòng kiên trì và sự táo bạo vẫn có thể đem đến những điều kỳ diệu. (3)

3. *Đường lối và những biện pháp cụ thể nên thực hiện để củng cố vững chắc địa vị của nước Pháp ở Bắc Kỳ.*

Xung quanh vấn đề này, Puginier đã đưa ra rất nhiều lập luận để gợi ý cho các quan chức Pháp. Puginier cho rằng nước Pháp không nên áp dụng ở Bắc Kỳ phương thức trực trị. Phương thức ấy sẽ làm cho dân chúng Bắc Kỳ công phẫn, vì họ đã quen sống trong một truyền trống độc lập lâu đời, sẽ làm cho lòng tự hào dân tộc của họ bị tổn thương. Các nhà Nho ở đây sẽ nhân đó phát động cuộc kháng chiến khiến cho nước Pháp phải hao phí tiền bạc, sinh lực và chán nản. Vì thế tốt hơn hết là người Pháp hãy áp dụng hình thức bảo hộ, tức là vẫn giữ lại cơ cấu tổ chức cai trị cũ được đặt dưới sự chỉ huy của những quan chức cao cấp Pháp. Hình thức này không làm cho dân chúng Bắc Kỳ phẫn nộ, hạn chế được những cuộc nổi dậy chống đối của họ, song vẫn đem lại những hiệu quả không khác gì so với hình thức trực trị.

https://tieulun.hopto.org

Puginier viết : "Vấn đề này hiện nay hầu như đã được quyết định trong Hòa ước ký kết với Triều đình Huế. Song tôi nghĩ là sẽ không thừa khi tôi đề cập đến vấn đề này, bởi vì tôi biết có một bộ phận người Pháp vẫn chưa nhất trí với dự kiến của Hòa ước. Tôi muốn nói về phương thức mà nước Pháp phải áp dụng để củng cố và ngày càng phát huy ảnh hưởng của mình ở Bắc Kỳ. Nói tóm lại, nước Pháp có nên thôn tính hẳn xứ này (chỉ Bắc Kỳ - NVK) để làm thuộc địa hay tốt hơn hết là chỉ nên thiết lập ở đây một nền bảo hộ nghiêm túc và có hiệu quả? Tôi có thể nói rằng vào thời điểm này thiết lập một nền bảo hộ là thích hợp hơn cả như tôi đã nhiều lần nói với các Ngài đại diện của nước Pháp khi họ từng hỏi ý kiến của tôi. Chế độ bảo hộ là phù hợp với cả nước Pháp lẫn xứ Bắc Kỳ. Và sau đây là những lý do làm cơ sở cho cách nhìn nhận của tôi. Nước Pháp sẽ gặp ít trở ngại, ít khó khăn, đỡ phải chiến đấu vũ trang; và do đó ít phải huy động nhiều quân đội, ít phải phí tổn về mặt tài chính. Còn dân chúng Bắc Kỳ thì hiển nhiên là họ muốn bảo hộ ngôi vua và nền tự trị của họ hơn là bị "Pháp hóa". Nền bảo hộ sẽ ít làm tổn thương tới tình cảm dân tộc của họ so với chế độ trực trị. Khi thấy nguyện vọng của mình được tôn trọng, họ sẽ bớt nổi dậy chống đối. Chúng ta còn có thể dựa vào họ để chống lại các toán vũ trang Trung Quốc và hạn chế ảnh hưởng của chúng trong một xứ có cảm tình với nước Pháp. Sứ mạng của nước Pháp ở đây sẽ bớt nặng nề, ít tốn kém và không bị kéo dài.

https://tieulun.hopto.org

Trái lại, chế độ trực trị sẽ gây tổn thương đến tình cảm của dân chúng. Các phần tử chống đối có ít nhiều uy tín sẽ nhân đó phát động các cuộc nổi dậy liên miên... Các toán vũ trang người Trung Quốc được dân chúng Bắc Kỳ cộng tác sẽ trở nên đông đảo hơn, đáng sợ hơn. Tóm lại, nước Pháp sẽ phải sống trong một xứ sở thù địch, lúc nào cũng phải nơm nớp đề phòng và phải chiến đấu liên miên. Và thay vì chỉ cần 4 năm hoặc 5 năm chiến đấu để thiết lập nền bảo hộ và lập lại trật tự, chúng ta sẽ phải mất từ 10 năm đến 15 năm để áp đặt chế độ trực trị ở xứ này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK). Trong trường hợp đó, sau khi đã phải đổ nhiều máu, đã phải hao phí nhiều tiền bạc, chúng tạ sẽ chỉ còn cai trị một xứ sở bị tàn phá và luôn luôn thù địch. Người ta không thể làm biến đổi cả một dân tộc chỉ trong một sớm một chiều và chúng ta cũng không thể hy vọng rằng người dân Bắc Kỳ vốn đã có luật pháp, phong tục, tập quán và nhất là đã có một tôn giáo khác xa với Phương Tây sẽ có thể nhanh chóng trở thành những công dân Pháp chỉ trong vài tháng.

Chế độ bảo hộ có ưu điểm rất lớn là không làm mất lòng dân chúng, giúp cho họ làm quen dần dần trong mối quan hệ với người Âu châu và bằng một sự chuyển tiếp từ từ, êm dịu sẽ có tác dụng làm cho họ "Pháp hóa" một cách tự nhiên. Như tôi vẫn thường nói có hai điều có tác dụng như một động lực rất mạnh để biến cải một dân tộc, đó là tôn giáo và ngôn ngữ. Nếu Chính phủ Pháp thấy được hết những lợi ích đích thực của mình và quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền giáo

https://tieulun.hopto.org

và việc dạy tiếng Pháp thì tôi đoán chắc rằng chỉ trong vòng 20 năm tới đây xứ Bắc Kỳ sẽ được "Thiên chúa giáo hóa" và "Pháp hóa". Và sau khi đã được biến cải, xứ này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK) sẽ ngày càng trở nên thân thiện, và thế là sự thôn tính của chúng ta sẽ được thực hiện một cách nhẹ nhàng, êm ái, với một khoản chu cấp thường niên tương xứng cho ông vua của họ".

Tiếp theo đó, Puginier đã phân tích thêm, những sự bất lợi của chế độ trực trị, đặc biệt là sự tốn kém về kinh phí cho bộ máy cai trị gồm có những người của chính quốc, trong khi đó nếu chế độ bảo hộ được thực thi một cách thông minh, khôn khéo, người ta vẫn đạt được tất cả những điều mà họ mong muốn ở một chế độ trực trị mà lại không gặp phải những khó khăn, những trở ngại quá lớn. Vả chăng theo Puginier:

"Bảo hộ hay trực trị chẳng qua chỉ là cách gọi khác nhau của cùng một sự việc, còn về thực chất nó chỉ là một sự việc mà thôi ...

Nếu tiến hành mọi việc một cách thông minh, thực tế; chúng ta có thể thiết lập được một chế độ bảo hộ mà thực chất chỉ là một chế độ trực trị thuộc địa có mặt hiền dịu bề ngoài và được che phủ dưới "tấm áo choàng" của Vương quốc Annam. Chúng ta vẫn giữ lại nền pháp chế của họ với một ông vua để tránh làm tổn thương đến tình cảm yêu nước chính đáng của dân chúng, nhờ đó chúng ta có thể dễ dàng lôi kéo được dân chúng về phía mình.

Chế độ bảo hộ có thể đem lại tất cả những lợi ích của một chế độ thuộc địa, nếu chúng ta muốn làm và

https://tieulun.hopto.org

biết làm mà không phải đương đầu với những khó khăn, những trở ngại. Trong thực tế đây chỉ là vấn đề từ ngữ, là sự vận động khéo léo, là sự tháo vát với một trí thông minh và một đầu óc thực tế".(4)

a. "Thiên chúa giáo hóa" xứ Bắc Kỳ.

Theo Puginier, sự thống nhất về tín ngưỡng là nhân tố đặc biệt quan trọng để gắn bó con người với nhau, mặc dù họ thuộc các chủng tộc khác nhau. Nếu nước Pháp chủ động tạo điều kiện thuận lợi và tích cực giúp đỡ cho việc truyền bá đạo Thiên chúa thì việc bình định Bắc Kỳ và củng cố địa vị của người Pháp ở đây sẽ hết sức thuận lợi và nhanh chóng.

Puginier viết: "Không có một sợi dây nào lại có sức mạnh gắn bó, đoàn kết chặt chẽ con người và các chủng tộc với nhau bằng sự thống nhất về tôn giáo. Và khi một quốc gia Thiên chúa giáo nào đó đã thành công trong việc đưa tôn giáo của mình vào các thuộc địa, quốc gia ấy có thể hoàn toàn yên tâm. Mặc dù ở đó có thể vẫn còn có những phần tử bất mãn và những sự lộng hành, song sẽ không phải lo đối phó với sự phản bội và những cuộc nổi loạn. Sẽ không bao giờ xảy ra tình trạng một thuộc địa đã "Thiên chúa giáo hóa" lại phản bội "Nước Mẹ" để liên minh với một xứ vô đạo khác chống lại chính quốc. Nếu như trước đây chúng ta có thể "Thiên chúa giáo hóa" được Algérie thì việc chiếm đóng và bình định của chúng ta ở đất nước này chắc chắn sẽ ít tốn kém và chúng ta đã không phải trả giá đắt cho việc đối phó với biết bao cuộc nổi dậy (...)

https://tieulun.hopto.org

Tại sao giáo dân ở các xứ đã được truyền giáo cho đến nay họ vẫn luôn luôn tỏ ra trung thành và thân thiện với nước Pháp? Đó là do có sự thống nhất về tôn giáo. Họ luôn luôn nhớ rằng chính nhờ có các Giáo sĩ Thừa sai do nước Pháp gửi đến mà họ mới có được niềm tin tôn giáo và mặc dầu không phải là người Pháp chính gốc, nhưng họ đã tự coi họ như là người Pháp từ trong trái tim mình.

Chính phủ Annam hiểu rất rõ điều đó và nếu như lâu nay họ thường xuyên cấm đạo Thiên chúa và cố gắng hết sức để tiêu diệt tôn giáo này, đó là vì họ vừa ghét đạo Thiên chúa vừa sợ nước Pháp sẽ xâm chiếm nước họ nhờ sự can thiệp của tôn giáo.

Tôi khẳng định rằng khi Bắc Kỳ đã được "Thiên chúa giáo hóa" cũng là lúc xứ này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK) trở thành một "Tiểu Pháp quốc" ở Viễn Đông hoàn toàn giống như quần đảo Phi Luật Tân đã trở thành một "Tiểu Tây Ban Nha" vậy.

Khi nói tới Phi Luật Tân, tôi lại nhớ đến một câu nói của vị Toàn quyền của thuộc địa này. Đó là một vị tướng trẻ tuổi thuộc phái cấp tiến do Prein cử đến với ý định trục xuất các Dòng tu Thiên chúa giáo đang có mặt ở đây. Về nguyên tắc, viên tướng này rất ghét tôn giáo, nhưng ông lại có đầu óc rất thực tế và hết sức quan tâm tới lợi ích của quốc gia. Khi nhận được lệnh phải trục xuất các Giáo sĩ Thừa sai, ông đã trả lời: "Tôi rất muốn làm việc đó, nhưng hãy xin gửi bổ sung ngay cho tôi 40.000 quân để thay thế cho sự ra đi của họ". Đó là một bài học mà chúng ta không thể bỏ qua để khỏi phải ân hận.

https://tieulun.hopto.org

Các giáo sĩ Thừa sai chắc chắn là một sức mạnh tinh thần trong một xứ thuộc địa. Chính họ đã làm cho giáo dân hiểu biết và yêu "Nước Mẹ". ảnh hưởng của họ càng lớn bao nhiêu thì sự an toàn xã hội càng được đảm bảo bấy nhiêu ...

Điều mà tôi vừa nói có vẻ như là một sự phóng đại và có thể có người cho rằng tôi muốn đề cao và bênh vực cho lợi ích của tôn giáo. Nếu ai suy nghĩ như vậy thật là sai lầm. Tôi không hề có ý định tuyên truyền (cho tôn giáo) và thật ra cũng chưa phải là lúc cần thiết. Mục đích duy nhất của tôi chỉ là muốn đưa ra một đường lối chính trị hữu hiệu, thực tế và thực sự vì lợi ích của Tổ quốc chúng ta để có thể đem lại những kết quả mỹ mãn nhất cho nước Pháp" (5).

"Tôi đặc biệt khẳng định rằng nước Pháp không thể có những người bạn nào tốt hơn là các Giáo sĩ Thừa sai và các giáo dân, cũng như nước Pháp không thể có những người phụng sự nào tận tâm và vô tư hơn họ. Trong khi làm công việc truyền bá Đức Tin và sự Cứu Rỗi các linh hồn, tôi muốn nhấn mạnh thêm rằng các Giáo sĩ Thừa sai đã tự đề ra cho họ nhiệm vụ phải làm cho Tổ quốc mình được biết tới và được yêu mến. Trong khi dạy dỗ các giáo dân phải trung thành và kính trọng Chính phủ của họ, các Giáo sĩ cũng đã dạy họ như thế đối với nước Pháp. (6)

b. *Xóa bỏ chữ Nho, thay thế bằng chữ Quốc ngữ và sau cùng là thay thế bằng chữ Pháp.*

Về việc làm này, theo Puginier, nó đem lại lợi ích lớn cho nước Pháp là sẽ xóa bỏ được ảnh hưởng của

https://tieulun.hopto.org

Trung Quốc đối với nước ta lúc đó và làm lu mờ đi vai trò của các văn thân, sĩ phu Việt Nam yêu nước vốn ghét Pháp và rất gắn bó với Trung Quốc.

Puginier viết: "Việc thứ hai mà chúng ta cần làm là phải xóa bỏ việc dùng chữ Nho, tiếp đó cần thay thế bằng chữ Quốc ngữ và sau cùng là thay thế bằng chữ Pháp. Nhưng việc này phải được tiến hành từ từ, không ồn ào để tránh làm mếch lòng dân chúng vốn đã quen dùng chữ Nho và cũng vì một lý do chính trị khác nữa là tránh làm phật ý Trung Quốc.

Từ lâu tôi đã cổ vũ cho việc dạy tiếng Pháp và dùng mẫu tự châu Âu để viết tiếng Việt, nhưng khốn thay những Chương trình mà tôi dự thảo và đệ trình đã tới 6 lần rồi mà vẫn không được ủng hộ. Tuy nhiên tôi lấy làm mừng là trong vòng 2 năm trở lại đây, người ta đã tích cực thực hiện công cuộc này. Ngoài trường học tiếng Pháp do Giáo hội thành lập đầu tiên vào ngày 8 tháng 12 năm 1884, Chính phủ cũng đã cho mở nhiều trường học từ ngày 5 tháng 4 năm 1885.

Cần phải dạy cho người Việt biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ càng nhanh càng tốt. Công việc này tiến hành dễ dàng và thiết thực hơn là học và đọc chữ Nho rất nhiều. Trong khoảng vài năm, chúng ta phải làm sao cho các thứ văn bản, các thứ giấy tờ trước đây viết bằng chữ Nho nay phải viết bằng chữ Quốc ngữ. Trong khi đó việc dạy chữ Pháp cũng phải được tiến hành khẩn trương để chuẩn bị cho một thế hệ mới có thể cung cấp các viên chức bước đầu dùng được tiếng Pháp. Như vậy trong khoảng từ 20 năm đến 25 năm chúng ta mới có thể đòi hỏi tất cả mọi thứ văn bản, mọi thứ giấy tờ phải

https://tieulun.hopto.org

được viết bằng chữ Pháp và bằng cách đó chữ Nho sẽ bị rơi vào quên lãng mà không cần phải cấm đoán.

Khi đạt được những kết quả nói trên, chúng ta mới có thể triệt tiêu được phần lớn ảnh hưởng của Trung Quốc đối với xứ Annam và đảng Văn thân vốn thù nghịch với sự có mặt của người Pháp cũng dần dần sẽ bị thủ tiêu.

Vấn đề này có tầm quan trọng rất lớn và tôi cho rằng sau vấn đề "Thiên chúa giáo hóa" xứ này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK), việc xóa bỏ chữ Nho để thay thế bằng chữ Quốc ngữ, rồi tiếp đó là bằng chữ Pháp là một biện pháp rất chính trị, rất thực tế và rất có hiệu quả để thiết lập nên một "Tiểu Pháp quốc" ở Viễn Đông.(7)

c. *Nắm lấy các nhóm sắc tộc du canh du cư ở vùng biên giới, các sắc tộc ít người tiếp giáp với Trung Quốc, tranh thủ cảm tình của họ khiến họ gắn bó với Chính phủ Bảo hộ.*

Theo Puginier, nếu người Pháp thực hiện thành công việc tranh thủ được các nhóm sắc tộc du canh du cư ở hai vùng biên giới Việt - Trung, các sắc tộc ít người tiếp giáp với Trung Quốc thì việc củng cố địa vị của Pháp ở Bắc Kỳ sẽ giảm đi được rất nhiều phiền toái. Puginier viết: "Phải hình thành cho được trong vùng giáp ranh giữa Bắc Kỳ và Trung Quốc một khối cư dân có cảm tình và trung thành với lợi ích nước Pháp.

Ở các hòn đảo giáp với Bắc Kỳ có nhiều làng người Hoa nửa giáo nửa lương, mà cuộc sống vật chất của họ tại chỗ lại rất bấp bênh. Hãy chiêu tập họ về vùng biên

https://tieulun.hopto.org

giới Bắc Kỳ và tạo ra cho họ mọi thuận lợi để họ định cư và sinh sống. Chắc chắn rằng họ không có đủ sức mạnh để ngăn chặn các toán vũ trang từ Trung Quốc tràn sang, song khi họ đã tin cậy vào người Pháp và muốn sống yên ổn, họ có thể cung cấp cho chúng ta biết những tin tức cần thiết về hoạt động của kẻ thù và khi cần thiết họ còn có thể là một điểm tựa rất có ích cho các cuộc hành quân của chúng ta. Vấn đề này có liên quan tới hai giáo phận Quảng Đông và Quảng Yên, do đó cần phải có sự bàn bạc, sự thỏa thuận trước với hai giáo phận nói trên.

Ngoài ra, còn có một việc khác nữa cũng rất có ích và rất thiết thực, đó là việc lôi kéo cho được về phía chúng ta các sắc tộc của các châu, huyện ở miền núi thường gọi là Châu và Mường. Nếu tranh thủ được họ, chúng ta sẽ bớt đi được một lực lượng đối đầu, đồng thời họ sẽ không chứa chấp các toán vũ trang Trung Quốc muốn tràn sang Bắc Kỳ. Về biện pháp thực hiện, các quan chức cao cấp Pháp sẽ lựa chọn. Riêng tôi, tôi lấy làm tiếc và cho rằng sẽ rất tai hại nếu chúng ta hứa cho họ hưởng quyền tự trị. Sau này Chính phủ Bảo hộ chắc chắn sẽ phải trả giá đắt cho những lời hứa thiếu trận trọng đó. Quá lắm, chúng ta cũng chỉ nên ban cho họ một số danh hiệu nào đó mà nếu cần có thể kèm theo một món tiền tưởng lệ."(8)

d. *Giảm bớt sự đóng góp của nhân dân.*

Puginier cho rằng vào thời điểm lúc đó, tức là năm 1887 người Pháp cần phải hết sức tránh bắt dân chúng Bắc Kỳ phải đóng góp quá nặng nề, trong khi họ vừa mới trải qua những cuộc chiến tranh, những cuộc giặc

https://tieulun.hopto.org

cướp tàn phá, các vụ thiên tai, các vụ đói kém. Việc làm thiếu thận trọng này sẽ gây căm phẫn trong dân chúng Bắc Kỳ và làm bùng nổ những cuộc nổi dậy chống lại người Pháp mà Pháp khó lòng có thể đối phó được kịp.

Puginier viết: "Cần phải nhớ rằng có một trong số những biện pháp lớn và chính yếu mà một quốc gia phải thực hiện để đứng vững được ở một miền đất mới, đó là sự tranh thủ được niềm tin và cảm tình của dân chúng. Trong thời gian đầu, phải hết sức tránh sử dụng những biện pháp gây phẫn nộ và áp đặt thuế má nặng nề làm cho dân chúng bực bội ...

Từ bốn năm nay, xứ này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK) đã từng phải chịu đựng những nỗi khổ đau mà hiếm xứ nào sánh kịp. Đa số dân chúng đã bị tổn hại nặng nề bởi chiến tranh, giặc cướp, lụt lội, mất mùa và những khó khăn trong buôn bán. Không thể và sẽ thiếu thận trọng nếu chúng ta đòi hỏi ở dân chúng những sự hy sinh quá to lớn hoặc áp đặt những thứ thuế má mới và nặng nề đối với họ. Tôi nói không thể, bởi vì dân chúng sẽ không có cách gì để nộp thuế cho chúng ta. Tôi nói việc làm đó là thiếu thận trọng, vì làm như vậy sẽ mất lòng dân chúng và cũng tạo ra cái cớ làm cho những cuộc nổi dậy bùng nổ trở lại mà chúng ta vừa mới tạm dẹp yên.

Đúng là chúng ta đang cần phải có tiền bạc và không thể đòi hỏi chính quốc phải chu cấp hoàn toàn. Song nếu như dân chúng không đủ sức đóng góp, hoặc giả thiết nếu chúng ta ép buộc họ phải đóng góp thì chính chúng ta đã tạo ra cái cớ gây nên những cuộc nổi dậy mà những cuộc nổi dậy này sẽ lại khiến cho chúng

https://tieulun.hopto.org

ta phải chi phí cao hơn hẳn số tiền thuế mà chúng ta thu được. Thử hỏi đó có phải là một sự tính toán lầm lẫn chăng? Vả lại thay vì được lợi nhiều bề, chúng ta còn làm chậm trễ công cuộc bình định và chồng chất thêm khó khăn trong tương lai.

Hãy giảm bớt những chi phí nếu thấy có thể được, hãy tạm dừng lại hoặc làm từ từ những công trình quá nặng nề mà chưa thật cấp bách và hãy để cho dân chúng Bắc Kỳ có thời gian hồi sức trong việc làm ăn buôn bán. Và khi trật tự đã được lập lại, khi đời sống dân chúng đã trở lại khá giả, lúc đó chúng ta sẽ thận trọng, khôn khéo ban hành các Sắc luật về thuế, và lúc đó dân chúng sẽ ít phản ứng vì họ không gặp nhiều khó khăn để nộp thuế. Vả lại chẳng bao lâu nữa nước Pháp sẽ đứng vững ở xứ này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK) và sẽ có đủ sức để phòng ngừa các cuộc nổi dậy hoặc có thể dập tắt được ngay khi chúng vừa mới manh nha". (9)

Trong tài liệu này, Puginier còn gợi ý với các quan chức Pháp là nên mở một Công ty thương mại giống như Công ty Ấn Độ để thâu tóm những lợi ích thương mại ở Bắc Kỳ, mở một nông trang thí điểm ở vùng trung du Bắc Kỳ để tận dụng khả năng sinh lợi của đất đai, khuyên các quan chức Pháp phải cảnh giác với những phần tử thù nghịch, hạn chế việc mua quan bán tước, sự lộng hành của các quan lại Nam triều, quan tâm che chở, bảo vệ những người phục vụ trung thành với nước Pháp v.v... Ông kết luận: "Chúng ta không nên để cho dân chúng Bắc Kỳ có lý khi họ nói rằng dưới chế độ mới, thay vì số phận của họ được cải thiện, họ đã phải sống khốn khổ không khác gì dưới chế độ cũ, rằng họ bị áp

https://tieulun.hopto.org

đặt những thứ thuế má và những nghĩa vụ mới. Cũng sẽ rất đáng tiếc, nếu chúng ta tạo ra cho họ một cái cớ, dù là rất mơ hồ để họ nghi ngờ rằng nước Pháp đến đây chỉ là vì lợi ích riêng tư của mình, chỉ nhằm tìm những lợi ích vật chất mà không quan tâm gì đến lợi ích của người bản xứ.

Xuất phát từ lòng tận tụy đối với Tổ quốc, tôi dám khẳng định rằng nếu chẳng may mà người dân Bắc Kỳ có sự hoài nghi đó thì thật là tai hại cho nước Pháp và nước Pháp sẽ phải trả giá đắt cho sự thiếu thận trọng của những người đã gây nên cơ sự ấy. Tôi xin nhắc lại rằng người Annam có thể rất dễ dàng trở nên thân thiện với chúng ta, nếu chúng ta biết đào tạo và ứng xử đúng đắn đối với họ; song họ lại rất ngoan cường trong chiến đấu, và nếu người ta làm cho họ mất lòng thì người ta sẽ rất khó thuyết phục được họ. Cũng không nên quên rằng chúng ta đang phải đối diện với một khối lượng dân chúng ít nhất cũng đông tới 11 triệu người chỉ riêng ở Bắc Kỳ và đó là một xứ có những thuận lợi rất lớn để tiến hành một cuộc kháng chiến đáng kính nể, sợ hãi. Ở lại đây có rất nhiều cứ điểm rất khó tiến công. Những công trình phòng ngự được những người kháng chiến ở Thanh Hóa xây dựng vừa qua ở Ba Đình chỉ trong vòng mấy ngày khiến chúng ta phải tiến hành một cuộc hành quân bao vây một cách chính quy là một bài học tốt để chúng ta suy ngẫm.

Chớ nên nhẹ dạ nghe theo những người không hiểu biết gì về xứ Bắc Kỳ cũng như những kẻ chỉ biết có lợi ích riêng tư. Hãy suy nghĩ chín chắn trước khi quyết định một biện pháp, hãy nắm vững mọi thông tin, hãy

https://tieulun.hopto.org

cân nhắc cái thuận và cái nghịch trong mọi vấn đề và đừng có bao giờ vội vã áp đặt những nghĩa vụ quá nặng nề, những thứ thuế má quá mức đối với dân chúng. Hãy thường xuyên chứng tỏ bằng hành động để dân chúng thấy rằng chúng ta đang lo toan cho lợi ích của họ, đang ra sức sửa chữa những sự lộng hành, loại trừ những mối hại do những phần tử xấu gây nên và khi cần thiết chúng ta cũng sẵn sàng hy sinh vì họ.

Tóm lại, chúng ta hay ra sức chiếm lĩnh lòng tin và sự yêu mến của dân chúng. Ngoài ra, hãy quan tâm đến những điều mà tôi đã nêu lên ở trên, những điều xuất phát từ lòng tận tụy của tôi đối với Tổ quốc và với dân chúng Bắc Kỳ. Được như vậy, tôi mới yên tâm và tin chắc rằng ảnh hưởng của nước Pháp sẽ được xác lập nhanh chóng ở xứ này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK) và nước Pháp sẽ nhận từ đây một sức mạnh vô biên. Xứ Bắc Kỳ sẽ trở thành một "Tiểu Pháp quốc" mạnh và giàu, xứ thuộc địa mới được hình thành này dưới chế độ bảo hộ sẽ đóng góp sức lực vào sự phồn vinh của "Nước Mẹ", gia tăng ảnh hưởng của nó đối với tất cả các quốc gia ở Viễn Đông. Nó sẽ làm cho nước Trung Hoa phải suy tư và nếu cần nó sẽ làm cho nước này phải run sợ". (10)

4. Những yếu kém của bộ máy cai trị Pháp, hậu quả, phương hướng sửa chữa.

Về vấn đề này cũng đã được Puginier đề cập tới trong nhiều tài liệu khác nhau, đưa ra những dẫn chứng rất đầy đủ, cụ thể; lời lẽ tha thiết thể hiện một nhiệt tình rất cao của ông nhằm thuyết phục các quan chức Pháp phải nhanh chóng sửa chữa những sai lầm,

https://tieulun.hopto.org

khắc phục những yếu kém của họ thì mới hy vọng có thể tồn tại được ở Bắc Kỳ.

Theo Puginier, các quan chức trong bộ máy cai trị của Pháp ở Bắc Kỳ rất ít hiểu biết về xứ Bắc Kỳ, về con người của xứ này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK), về tình hình chính trị, xã hội rất phức tạp ở đây. Do đó việc điều hành và xử lý công việc của họ ở đây vi phạm những sai lầm nghiêm trọng: họ bắt người nông dân phải tự túc đi đào sông, đắp đường không công và thậm chí phải tự túc lương thực tới hàng tháng, bởi vì những người nông dân này ở cách rất xa làng của họ, trong khi đó họ đang phải thu hoạch mùa màng hoặc ngay trong lúc đó đang có thiên tai. Các quan chức trong bộ máy cai trị của Pháp ở Bắc Kỳ còn ban hành cùng một lúc hàng loạt thứ thuế: thuế sòng bạc, thuế chợ, thuế đò, thuế thân, thuế sưu, v.v... khiến cho dân chúng nghẹt thở; họ bắt dân chúng phải cung cấp bò kéo, vai bò, đào giếng, làm lại sổ đinh, khai báo ruộng đất, v.v...và khoán trắng mọi việc cho các chức dịch địa phương, tạo điều kiện cho bọn này có cơ hội tha hồ bóp nặn dân chúng, khiến cho nông thôn Bắc Kỳ rơi vào tình trạng rối loạn, hoang mang; và dân chúng thì trút sự căm hờn của họ lên đầu Chính phủ Bảo hộ Pháp. Các quan chức trong bộ máy cai trị của Pháp ở Bắc Kỳ đã tuyển dụng và sử dụng các nhân viên người bản sứ một cách thiếu thận trọng khiến cho bọn này càng ra sức lộng hành, làm hại đến uy tín, thậm chí còn làm tổn hại đến cả lợi ích của Chính phủ Bảo hộ Pháp nữa, trong khi đó họ lại không quan tâm bảo vệ những người trung thành hoặc có công với Chính phủ.

https://tieulun.hopto.org

Để khắc phục tình trạng yếu kém nói trên của bộ máy cai trị của Pháp ở Bắc Kỳ, Puginier đã đề nghị Chính phủ Pháp nên đưa vào bộ máy cai trị ở đây những người đã từng sống và chiến đấu trong thời gian tương đối dài ở Bắc Kỳ, đồng thời họ còn phải là những người có lòng yêu nước nhiệt thành, công tâm, biết đặt lợi ích của quốc gia lên trên những tính toán cho lợi ích của cá nhân. Và để hỗ trợ cho bộ máy cai trị này cần phải có một đội ngũ những viên chức bản xứ tận tụy, có năng lực, đồng thời họ phải rất sáng suốt và thực tế khi thi hành một chủ trương hoặc một chính sách nào đó đối với người bản xứ. Puginier đã gợi ý với Chính phủ Pháp là nên thành lập một "Cơ quan các sự vụ của người bản xứ" (Bureau des affaires indigènes). Cơ quan này có nhiệm vụ chuyên nghiên cứu về mọi phương diện của người bản xứ và từ những hiểu biết sát với thực tế đó sẽ tham mưu cho chính quyền Bảo hộ tổ chức và điều hành việc cai trị ở Bắc Kỳ một cách hợp lý.

Về sáng kiến này, Puginier viết: "Tôi không có ý định đi quá sâu vào chi tiết của các biện pháp có ích cho việc sửa chữa sự yếu kém. Tôi chỉ muốn đề cập đến một tổ chức cai trị mà theo tôi đang còn thiếu. Đó là một "Cơ quan các sự vụ của người bản xứ". Vẫn biết rằng hiện nay chúng ta đang có một Phòng hoặc một Ban để theo dõi một vài vấn đề của người bản xứ, song quyền hạn của các phòng, ban này rất hạn chế không đáp ứng được mục tiêu mà tôi muốn đề nghị. Việc thành lập một "Cơ quan các sự vụ của người bản xứ" là rất cần thiết cho xứ Bắc Kỳ. Nó rất đáng được coi như là có vai trò đặc biệt

https://tieulun.hopto.org

quan trọng và phải trao cho nó một quyền hạn hoạt động thật rộng lớn và bổ nhiệm cho nó một người có tài cán đứng đầu cùng với một cơ cấu nhân sự giúp việc đầy đủ và có chọn lọc.

Và sau đây là quan niệm của tôi về cơ cấu tổ chức của cơ quan này:

1. Ban Pháp lý : Ban này có thể coi như là Tòa án Thượng thẩm cho người bản xứ để xét xử lại những vụ án đã được xét xử chưa đúng cách. Bằng cách này, chúng ta có thể sửa chữa được ít nhất một phần những bất công nhan nhản mà người ta thường phàn nàn.

2. Ban Quan chức: Ban này có trách nhiệm sơ tuyển các viên chức để tiến cử lên cơ quan chính quyền tối cao, theo dõi các quan lại đang tại chức. Nó có trách nhiệm phải phát hiện ra những sự lộng hành của các viên chức người Annam ở tất cả các cấp, từ cấp cao nhất cho tới các Chánh tổng, Lý trưởng ở các làng xã; thí dụ như cưỡng đoạt tiền bạc, phù thu lạm bổ, áp đặt sưu dịch, thuế má.

Bằng cách ấy, người ta có thể có được sự lựa chọn những viên chức có tài, có đức. Cũng nhờ đó người ta có thể hiểu biết được họ rõ hơn, truyền đạt cho họ một phương hướng hành động có ích. Người ta cũng sẽ nhận được những tin tức đầy đủ hơn về những sự lộng hành quá bất lợi cho dân chúng mà chúng ta lại không thể bỏ qua quá lâu, vì nó sẽ làm tổn hại tới lợi ích của Nhà nước Bảo hộ.

https://tieulun.hopto.org

3. Ban Tình báo (Section des renseignements): Ban này không những phải quan tâm theo dõi các hoạt động bề ngoài của những toán giặc cướp và phiến loạn, mà nó còn phải theo dõi những hoạt động âm thầm, bí mật của phe kháng chiến nữa.

Trong một thời gian khá lâu, nhiều người không tin rằng có sự tồn tại của đảng nghịch này; một số người khác tuy có biết đến sự việc đó, song lại tỏ ra coi thường nó.

Không nên quên rằng đảng nghịch này thực sự đang tồn tại, rất đông đảo và mạnh hơn là chúng ta tưởng. Đảng nghịch này hành động liên tục, rất táo bạo, khi công khai, khi bí mật. Ở một thời điểm thích hợp, một số phần tử mà chúng ta không hề nghi ngờ là họ có chân trong đảng nghịch ấy, lúc đó họ sẽ công khai lộ mặt ...

Chúng ta nhất thiết cần phải theo dõi cẩn thận những hoạt động ngấm ngầm của phái kháng chiến. Sự khinh xuất của chúng ta trong công việc này sẽ rất nguy hại. Do công việc mà nó phải đảm nhận, Ban này sẽ có tầm quan trọng rất lớn.

Viên Chủ sự của "Cơ quan các sự vụ của người bản xứ" này phải là người thật sự có năng lực chỉ đạo Ban này một cách có hiệu quả.

Còn có một việc mà đương nhiên "Cơ quan các sự vụ của người bản xứ" phải làm, đó là việc nghiên cứu những sự cải tổ phải tiến hành, những biện pháp mới cần phải áp dụng. Song công việc này phải được tiến hành có cân nhắc và có chừng mực...

https://tieulun.hopto.org

"Cơ quan các sự vụ của người bản xứ" sau khi đã nắm được tình hình của xứ sở này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK) sẽ là cơ quan đặc biệt thích hợp cho công việc nghiên cứu những gì cần phải cải tổ hay cần thiết phải thành lập để đề đạt lên cơ quan cai trị tối cao.

Nếu công việc này không đáng phải thành lập một Ban riêng thì có thể chỉ thành lập một bộ phận phụ do một số nhân viên được lựa chọn từ các ban khác đến để điều hành ...

Rất cần thiết phải lựa chọn cho cơ quan đó một người chủ sự xuất sắc, hiểu biết rõ các quan lại Nam triều và các sự việc của người Annam; một người có khí chất, biết tự kiềm chế, một người càng hoàn hảo bao nhiêu thì công việc mà ông ta chỉ đạo càng có hiệu quả bấy nhiêu" (12)

5. Phải hết sức cảnh giác đối với Đảng Văn Thân, đối thủ nguy hiểm nhất đối với sự tồn vong của người Pháp ở Bắc Kỳ.

Vấn đề này cũng đã được Puginier đề cập tới trong hầu hết các tài liệu của ông.

Theo Puginier, lúc đó công việc củng cố địa vị của người Pháp ở Bắc Kỳ cũng như ở Trung Kỳ đang đứng trước một tình hình khá phức tạp. Triều đình Huế sau thất bại trong vụ biến Kinh thành năm 1885 đã đưa Đồng Khánh lên ngôi vua và đã tỏ ra chịu khuất phục người Pháp. Song họ vẫn hy vọng với sự can thiệp của Trung Quốc, với những khó khăn ở chính quốc, nước Pháp sẽ đuối sức, chán nản, phải rời bỏ Bắc Kỳ, phải tôn trọng quyền tự trị của họ ở Trung Kỳ. Theo sự phân

https://tieulun.hopto.org

tích của Puginier trong những bài viết của ông vào các năm 1884, 1887, 1889, thì những điều nói trên không đáng phải lo ngại. Điều lo ngại nhất của Pháp lúc đó vẫn là Đảng Văn Thân. Ngay cả sau khi vua Hàm Nghi đã bị bắt, Đảng này vẫn hoạt động tích cực ở khắp Bắc Kỳ, Trung Kỳ và đã phát động được một số cuộc khởi nghĩa lớn và nguy cơ của một cuộc nổi dậy toàn diện ở hai xứ này là hoàn toàn hiện thực. Puginier đã nhắc nhở các quan chức Pháp tuyệt đối không được lơ là, chủ quan mà trái lại họ cần phải nhận thức đầy đủ nguy cơ này và tập trung mọi khả năng để triệt tiêu nó; nếu không nước Pháp sẽ lâm vào tình trạng cực kỳ khó khăn, cuộc bình định sẽ bị kéo dài, hao tổn nhiều sinh mạng, tiền của mà chưa chắc đã đạt được những điều hằng mong muốn.

Puginier viết: "Đảng này tuy bao gồm nhiều thành phần khác nhau, nhưng đều hành động cho một mục đích chung; những thành phần đó là: Chính phủ Nam triều, các quan lại nói chung, tất cả các sĩ phu, văn thân, các hào lý bên lương đang cảm thấy họ bị mất quyền hành đối với dân chúng.

Trong đảng này, có kẻ hành động công khai, đó là những kẻ không ưa thích gì người Pháp cũng như Chính phủ Nam triều do người Pháp dựng nên. Họ nhất quyết không cộng tác với người Pháp, mà họ hành động duy nhất chỉ vì lợi ích của người Annam nhằm khôi phục lại tình hình trước khi có cuộc xâm lược Bắc Kỳ của người Pháp, và chính họ là những thủ lãnh của các cuộc khởi nghĩa.

https://tieulun.hopto.org

Một số kẻ khác kém dũng khí hơn, song họ lại ranh mãnh hơn. Thấy rằng không thể dùng sức mạnh để đánh đuổi người Pháp được, họ làm ra vẻ chấp nhận sự bảo hộ của người Pháp cũng như Chính phủ Nam triều vừa mới được người Pháp dựng nên. Nhưng trong thâm tâm, họ vẫn thù ghét nước Pháp, và trong khi bề ngoài họ vẫn làm tròn chức trách của mình, thì họ lại vẫn thường xuyên ngầm hành động chống lại nước Pháp. Hành động bí mật của họ càng trở nên nguy hại vì được che giấu bởi địa vị công khai của họ và vì người ta đã không coi họ là những kẻ thù.

Sĩ phu và hào mục luôn luôn sẵn sàng phục vụ cho Đảng kháng chiến (chỉ Đảng Văn Thân - NVK), hoặc họ công khai có mặt trong các cuộc khởi nghĩa khi có thời cơ, hoặc họ bí mật tác động vào tinh thần dân chúng khiến họ chống lại nước Pháp.

Đảng kháng chiến này dù là hoạt động công khai hay hoạt động bí mật, nó đang và sẽ luôn luôn là kẻ thù của nước Pháp, nó luôn luôn hoạt động rất táo bạo để thực thi kế hoạch. Khi bị đánh bại và tan rã bởi các cuộc hành quân của chúng ta, họ bắt buộc phải phân tán, ẩn náu trong một thời gian để tránh sự chú ý của mọi người. Thế là người ta đã vội lầm tưởng rằng trật tự đã được lập lại; đó là một sự sai lầm, vì đây chỉ là một sự yên tĩnh nhất thời. Kẻ thù của chúng ta lại bí mật tổ chức lại, chuẩn bị lực lượng trong những vùng hẻo lánh hoặc trong tận vùng rừng núi. Trong khoảng vài tháng, thậm chí trong vài năm là tùy theo tình thế, kẻ thù của chúng ta lại xuất hiện và bước vào một cuộc chiến đấu mới để đạt được mục đích của họ". (13)

https://tieulun.hopto.org

Trong một bài khác viết vào ngày 4 tháng 12 năm 1889, một lần nữa Puginier lại nhấn mạnh thêm: "Cần phải thực sự thừa nhận những điều sau đây: Đảng kháng chiến (chỉ Đảng Văn Thân- NVK) sẽ còn chiến đấu lâu dài; những người tham gia Đảng này thay vì giảm đi như có một số người lầm tưởng, nó vẫn không ngừng được tăng lên trong thời gian gần đây; Đảng này luôn luôn hành động bí mật, liên tục, gia tăng lực lượng, xúc giục dân chúng chống lại Chính phủ Bảo hộ và làm hại đến uy tín của nước Pháp.

... Những cuộc tập hợp để khởi loạn đã được tiến hành ở nhiều nơi trong thời gian gần đây và vẫn đang tiếp tục, những người tham gia tăng lên hàng ngày...

Người ta biết chắc chắn rằng ở nhiều nơi trong các tỉnh khác nhau chỉ mới gần đây thôi kẻ địch đã rèn vũ khí ngay giữa ban ngày.

Chúng tôi cũng biết chắc chắn rằng, những cuộc tụ họp gần đây, những kẻ địch này đều tuân theo một mệnh lệnh nhất định và các quan lại Nam triều cũng biết rõ những hành động chống Pháp này của họ. Nhưng nhờ những món tiền hối lộ lớn của những người mưu phản, người ta đã cố tình lờ đi.

Do Đảng Văn Thân luôn luôn hành động một cách bí mật và rất khéo léo nên họ đã đánh lừa được những người không có sự hiểu biết đầy đủ những gì đang diễn ra trong nội bộ của các làng xã.

Nhiều nhân vật trong chính quyền Bảo hộ đã không thừa nhận tầm quan trọng của Đảng Văn thân, sự căm thù của họ đối với người Pháp, sự không thể

https://tieulun.hopto.org

sống hòa hợp với họ và mối nguy cơ nhỡn tiền và thường trực do họ gây nên. Những người này đã lầm to... Trong khi không thừa nhận có những hoạt động của đảng này và không có những biện pháp cần thiết để ngăn chặn những hành động đó, họ đã gây phương hại lớn cho sự bình định xứ Bắc Kỳ và đã gây ra mối đe dọa lớn cho lợi ích của Chính phủ Bảo hộ". (14)

Trong bài viết đề ngày 15 tháng 6 năm 1890 ở Hà Nội, một lần nữa Puginier lại khẩn thiết kêu gọi các nhà chức trách Pháp phải hết sức quan tâm tới Đảng Cần Vương và tìm cách ngăn chặn ngay hoạt động của đảng này, nếu không hậu quả sẽ khó lường.

Puginier viết: "Thật sự đã rõ ràng là ở cả Trung Kỳ lẫn Bắc Kỳ đang tồn tại một Đảng chính trị, Đảng này đang chống lại lợi ích của nước Pháp và quyết tâm chống lại người Pháp tới cùng. Đảng này, bao gồm phần lớn các quan lại Nam triều đang tại chức, tất cả các sĩ phu, văn thân và một số không nhỏ các vị hào lý ở các làng bên lương. Đây là một đảng không thể nào có thể hòa giải được... Đó là một đảng mạnh, khôn khéo và chúng ta phải hết sức coi chừng. Tôi đã nhiều lần thông báo về đảng này, sự hiện diện của nó được thể hiện trong các hoạt động thường xuyên, trong rất nhiều cuộc khởi nghĩa mà họ đã phát động ở Bắc Kỳ cũng như ở Trung Kỳ.

Tôi không thể hiểu được rằng một người thông thạo về tình hình chính trị, các sự việc của người Annam và có sự hiểu biết nhất định về xứ sở này (chỉ xứ Bắc Kỳ - NVK) lại không biết tới sự tồn tại của đảng này, lại coi thường tầm quan trọng của nó cũng như mối

https://tieulun.hopto.org

nguy cơ mà nó đang gây ra cho lợi ích của nước Pháp. Các phần tử của đảng này hành động rất bền bỉ. Trong số các thủ lãnh của họ, chúng ta thấy có Tôn Thất Hàm - em trai của Tôn Thất Thuyết; Đề đốc Trần Xuân Soạn, Tiến sĩ Tống Duy Tân, Tán tương Nguyễn Thiện Thuật, Đề đốc Tạ Hiện, Phan Đình Phùng, Phan Trọng Mưu, v.v... cùng tất cả các quan lại cũ; họ đều nổi tiếng là thù ghét nước Pháp. Căn cứ hoạt động chính của họ là ở tỉnh Thanh Hóa, nơi có nhiều toán nghĩa quân, một vài người trong số họ đã bí mật ra hoạt động ở Bắc Kỳ. Họ vẫn giữ liên lạc với nguyên Phụ chính Tôn Thất Thuyết đang bị giam giữ ở Trung Quốc trong một thành phố có thành lũy bao bọc.

Tôi xin mạnh dạn nói rằng nếu Chính phủ Bảo hộ không nhanh chóng tìm cách hạn chế hoạt động của Đảng này tới mức vô hại, hoặc không tìm ra được những biện pháp hữu hiệu cho việc đó, nước Pháp sẽ phải chống trả với những trận chiến đấu liên miên hao người, tốn của và sẽ không thể thật sự xác lập được ảnh hưởng của mình ở Bắc Kỳ". (15)

Chú thích :

(2) Puginier - "Notes sur la question du Tong King". Kẻ Sở. Mars 1884. tr. 4.

(3) Puginier - "Notes sur le Tonking" - Kẻ Sở. Mars 1887. tr.5, 6, 7, 8.

(4) Puginier - Tư liệu đã dẫn. Kẻ Sở. Mars 1884, tr.7.

https://tieulun.hopto.org

(5) Puginier - Tài liệu đã dẫn. Kẻ Sở. Mars 1887, tr. 8, 9, 10.

(6) Puginier - Tài liệu đã dẫn. Kẻ Sở. Mars 1887, tr. 12

(7) Puginier - Tài liệu đã dẫn. Kẻ Sở. Mars 1887, tr. 13, 14.

(8) Puginier - Tài liệu đã dẫn. Kẻ Sở. Mars 1887, tr. 14.

(9) Puginier - Tài liệu đã dẫn. Kẻ Sở. Mars 1887, tr. 17, 18.

(10) Puginier - Tài liệu đã dẫn. Kẻ Sở. Mars 1887, tr. 19, 20.

(11) Puginier - "Notes et Impressions sur la situation en Octobre 1889 et sur celle dont nous sommes menacés". Kẻ Sở. 1889, tr. 28 - 29.

(12) Puginier - "Notes sur certains abus ... et sur ce qu'il paraît nécessaire d'établir pour les corriger et les prévenir dans la suite. Hà Nội, 19 Août 1891", tr. 14, 15, 16, 17.

(13) Puginier - "Notes et Impressions sur la situation en Octobre 1889 et sur celle dont nous sommes menacés" . Kẻ Sở, 10 - 1889.

(14) Puginier - "Notes et appréciations sur la situation du Tonkin au Décemere 1889", tr. 5 - 6.

(15) Puginier - Tài liệu đã dẫn, tr. 2, 3.

https://tieulun.hopto.org

NHỮNG TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

*Beaupin (Mgr). *Les missions*. Paris, 1929.

Encyclopoedia of Religions and Ethics. New York, 1915, T VIII.

Faut Fau-ilautoriser les congrégations...? Paris, 1924.

*Goyau:

Clergé colonial et spiritualité missionnaire. Paris, 1937.

Mission et missionnaires. Paris, 1931.

*Jacques Arnault. *Procès du colonianisme.* Editions sociales, 1958.

*Joseph Folliet. *Le droit de colonisation.* Lyon, 1930.

*Joly (Léon). *Le problème des missions.* Paris, 1928.

Le Christianisme en Extrême - Orient. Paris, 1907.

*Lannessan. *Les missions et leur protectorat*. Paris, 1907.

*Marc Bonet. *La papauté contemporaine (1878-1945)*. Paris, 1946.

*Olichon. *Histoire de l'expansion du catholicisme dans le monde.* Paris, 1936.

* Rousseau (F). *L'idée missionnaire au XVI^e et XVII^e siecles. Les doctrines, les méthodes, les conceptions, l'organination*. Paris, 1930.

https://tieulun.hoptoy.vn

II. CUỘC TRUYỀN GIÁO VÀO VIỆT NAM

*Arnaud Leveau – *Les amantes de la Croix et l'évangélisation du Việt Nam dans la seconde moitié du XIX siècle.* U.de Paris X-1995.

**Annales de la propagation de la Foi. 1842-1897.* 69 tập.

*Bernard (Henry). *Le conflit de la religion Annamite avec la religion d'Ocident à la cour de Gia Long.* Hanoi, 1941.

*Bonifacy. *Les débuts du Christianisme en Annam.* Hanoi, 1930.

*Baudiment. *F. Pallu.* Paris, 1932.

**Bulletin de la société des missions étrangères.* Hong Kong, 1936-1940.

*Bùi Đức Sinh. *Lịch sử giáo hội Thiên chúa giáo.* Tập 2, Sài Gòn, 1972.

*Cao Huy Thuần. *Christianisme et colonialisme au Vietnam (1857-1914) thèse pour doctorat de sciences politiques.* Paris, 1969.

*Caratini:

Les statuts des missions en Indochine. Hanoi, 1942.

Le statut actuel des biens des missions catholiques d'Indochine. Hanoi, 1941.

*Chanel. *Les missions catholiques fran/aises dans la Cochinchine orientale.* 1896.

https://tieulun.hopto.org

*Charles B. Maybon. *Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1820).* Paris, 1919.

*Choix des lettres édifiantes... Paris, 1837, 3 tập.

*Chapoulie. *Rome et les missions d'Indochine au XVII ^e siècle.* Tập 1, Paris, 1943.

*Đại Nam Thực lục, Chính biên. Nxb Sử học. Tập 2 đến tập 33.

*Depierre (Mgr). *Situation du Christianisme en Cochinchine à la Fin du XIX siècle.* Saigon, 1898.

*Dourisboure (R.P.Pierre). *Les saurages Ba-hnars.* Paris, 1894.

*Desfosses. *Les relations de la France avec le Tonkin et la Cochichine.* Paris, 1883.

*Delorme-*Mgr. Puginier.*

*Emile Marie. *J. Kemlin provicaire de la mission des Bahnars.* Quy Nhơn.

*Faure. *Mgr. Pigneau de Béhaine.* Paris, 1891.

*Gobillot (René). *Les soeurs de Saint Paul de chartres.* Paris, 1938.

*Guebriant (Mgr de). *Nos missionnaires d'E.O.* Paris, 1933.

*Grandjean (Georges). *L'épopée jaune. Missionnaires et marins en Indochine.* Paris, 1929.

*Guerlach. "*Oeuvre néfaste*", ... Saigon, 1906.

https://tieulun.hoptc.org

*Girod (L). *Dix ans de Haut - Tonkin*. Tours, 1899.

*Jardinier. Mgr. P. *Joseph George Pigneau de Béhaine.* 1886.

*Huân (LM). *Sử ký Hội Thánh.* Bùi Chu, 1940.

*Lê (Dominique). *Les missions ètrangères et la penétration Fran/aise au Vietnam.* Mouton. 1974.

*Le Jarriel. *Comment la mission catholique a servi la France en pays Moi*. Hanoi, 1942.

*Lesserteur. *Paul Bert au Tonkin et les missionnaires.* Paris, 1886.

**Lettres des missionaires de la Cochinchine et du Tonkin au commencenent du XVIII*[e] *sciècle.* Hanoi, 1944.

*Laurent Burel. *Le contact protocolonial franco – Vietnamien en centre et Nord – Vietnam.* (1856-1883). U. Denis Diderot – Paris. VII.UFR 1997.

**Lettres édifiantes et curienses ... 1717-1776.*

*Launay:

https://tieulun.hopto.org

Histoire générale de la société des missions étrangères. 3 tập. Paris, 1894.

Histoire de la mission du Tonkin. Documents historiques. Tập 1, 1658-1717.

Mémorial de la société des missions étrangères... Paris, 1912.

Mgr Retord et le Tonkin catholique. Lyon, 1919.

*Louvet:

La cochinchine religieuse. Paris,1885, 2 tập.

Mgr. d' Adran, missionnaire et patriote. Paris, 1990.

Vie de mgr. Puginier. Hanoi, 1894.

**Mission de Saigon.* Saigon, 1942.

*Miche. My. *De la cabane des lepreux au palais épiscopal.* Saigon, 1942.

**Missions de la cochinchine et du Tonkin.* Paris, 1858.

**Missions catholiques en Indochine.* Hong Kong, 1939.

**Những thư chọn... Kẻ Sặt,* Tập 1 và tập 2.

*Nguyễn Khắc Xuyên. *Giáo sĩ Đắc Lộ.*

*Nguyễn Vĩnh. *Khu nhà Phát Diệm, một công trình kiến trúc độc đáo.* Nguyệt san Giáo dục và Thời đại, 12-1994.

*Olichon. *Le baron de Phat Diem.*

*Phan Phát Huồn. *Việt Nam giáo sử.* Quyển 1. *Cứu thế*

https://tieulun.hopto.org

tùng sư. Saigon, 1952.

**Précis des nouvelles contenues dans les lettres des missionnaires ... reçues à Paris en 1820 et 1821.* Paris, 1821.

*Piolet. *Les missions catholiques Françaises au XIX^e siècles. 1900-1902.* Tập 2, Abyssine Lie – Indochine.

*Puginier. *Notes et Impressions sur le Tonkin.* Kẻ Sở, 1884-1892.

*Romanet du Caillaud. *Essai sur les origines du Christianisme au Tonkin et dans les autres pays Annamites.* Paris, 1915.

*Régine. *Soeur Antoine de Thai Ha Ấp.* Hanoi, 1942.

*Rhodes (A. de). *Relation de la mission du Tonkin (1630-1648).* Paris, 1858.

**Histoire du Royanme du Tonkin.* Revue Indochinoise, 1908.

**Sách truyện sự giảng đạo Thành trong nước Annam.* Hong Kong, 1917.

*Saumont. (B). *Les missions resistent et cherchent à soulever la population.* Hanoi, 1908.

*Sogny. *Témoin d'un autre âge.* Hanoi, 1941.

*Sylvestre. *Pigneau de Béhaine. Bullentin de la société académique de Chausey.* 1901.

**Travaux des péres de la Cie de Jésus dans les missions*

https://tieulun.hopto.org

du Tonkin et de la Cochinchine. Principaux évènements (1664-1857). Paris, 1858.

*Taboulet. (Georges). *La geste Fran/aise en Indochine... Maisonneuve.* 1956, 2 tập.

*Tissanier. *Relation de la P. J. Tissanier... 1658, 1659, 1660.*

*Trần Tam Tỉnh. *Thập giá và lưỡi gươm.* Nxb Tre. Tp. HCM, 1988.

*Veuillot (Engène). *Le Tonkin et la cochinchine. Le pays, l'histoire et les missions.* Paris, 1883.

**Vie de mgr Retord...* Lyon, 1859.

*Võ Đức Hạnh (E). *La place du catholicisme dans les relations entre la France et les Vietnam de 1851 à 1870, 1969* (Thèse Strasbourg, 1965), 2 tập.

https://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

Lời giới thiệu ---------- 5

Lời nói đầu ---------- 9

CHƯƠNG I

SỰ TRUYỀN BÁ ĐẠO THIÊN CHÚA RA VÙNG BẤT NGOẠI TỪ PHÁT KIẾN ĐỊA LÝ ĐẾN HẾT THẾ KỶ XIX

I. Phát kiến địa lý tạo điều kiện cho việc truyền bá đạo Thiên chúa ---------- 11

II. Động cơ ---------- 19

III. Vai trò ---------- 27

CHƯƠNG II

CUỘC TRUYỀN BÁ ĐẠO THIÊN CHÚA VÀO VIỆT NAM

I. Những trở ngại và cơ hội ---------- 39

II. Quá trình xâm nhập và phát triển ---------- 49

III. Nhận định ---------- 109

CHƯƠNG III

TRUYỀN GIÁO VÀ THỰC DÂN Ở VIỆT NAM

I. A. de Rhodes: những thành tựu truyền giáo và cuộc vận động cho sự ra đời của Hội Thừa Paris ---------- 115

II. Các Thế diện Tông tòa Pháp và giáo sĩ của Hội thừa sai chăm lo cho việc bành trướng thế lực của Pháp ở Việt Nam ---------- 123

https://tieulun.hopto.org

III. Pigneau de Béhaine, một mưu toan chính trị lớn ------- 134

IV. Các giáo sĩ thừa sai Pháp tạo cớ cho cuộc xâm lược vũ trang của Pháp vào Việt Nam ---------- 149

V. Các giáo sĩ thừa sai Pháp với cuộc xâm lược và bình định Việt Nam của thực dân Pháp ---------- 157

CHƯƠNG IV

CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN NGUYỄN ĐỐI VỚI ĐẠO THIÊN CHÚA (*CHO ĐẾN HẾT THẾ KỶ XIX*)

I. Các vua đầu triều Nguyễn trước nguy cơ của sự xâm nhập và truyền bá đạo Thiên chúa ---------- 181

II. Những biện pháp đối phó ---------- 192

1. Cho đến trước cuộc xâm lược vũ trang của Pháp ---------- *193*

2. Từ khi Pháp xâm lược Việt Nam năm 1858 cho đến năm 1874 ---------- *231*

III. Nhận định và đánh giá ---------- 254

ĐÔI LỜI KẾT LẠI

PHỤ LỤC

NHỮNG TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.

https://tieulun.hopto.org